

2

NGUYỄN MINH THUYẾT (Chủ biên)  
NGUYỄN VĂN HIỆP

# TIẾNG VIỆT Thực hành

Học  
& NV



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

NGUYỄN MINH THUYẾT (Chủ biên)  
NGUYỄN VĂN HIỆP

# TIẾNG VIỆT Thực hành



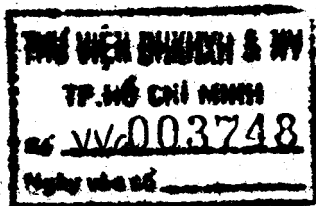
NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

NGUYỄN MINH THUYẾT (Chủ biên)

NGUYỄN VĂN HIỆP

# TIẾNG VIỆT THỰC HÀNH

(in lần thứ hai)



## LỜI NÓI ĐẦU

**Tiếng Việt thực hành** (hay **Thực hành tiếng Việt**) là môn học được đưa vào dạy ở đại học đã lâu, nhưng cho tới gần đây vẫn chưa có chương trình và cách dạy thống nhất. Có người dạy theo hướng chấm chữa các bài cụ thể kiểu tập làm văn cho sinh viên và không phải không gặt hái được những thành công nhất định. Tuy nhiên, hướng này không tạo ra được chương trình cũng như chuẩn kiến thức - kỹ năng thống nhất trong cả nước, và thành công của nó phụ thuộc chủ yếu vào tài năng của từng ông thầy. Ngược lại với hướng trên, nhiều người thiên về dạy những kiến thức sơ giản về tiếng Việt, tức là theo mô hình của một giáo trình lý thuyết. Cách làm này không có tác dụng phát triển kỹ năng thực hành tiếng cho sinh viên, đồng thời cũng gây lãng phí thì giờ và tiền bạc, vì hai lẽ: Lẽ thứ nhất là sinh viên đã được học kiến thức lý thuyết về tiếng Việt khá kỹ ở bậc phổ thông, không cần học lại nữa (Tính riêng số tiết Tiếng Việt ở trường trung học đã là 264 tiết, lớn hơn tổng số tiết lý thuyết cơ bản về tiếng Việt dành cho sinh viên khoa Ngôn ngữ học Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội hiện nay). Lẽ thứ hai là: mỗi khoá học, trong hàng triệu sinh viên cả nước, chắc chỉ có vài nghìn sinh viên sẽ chọn ngành ngữ văn và cần đến kiến thức lý thuyết ngôn ngữ học; đối với số còn lại, cái sẽ đi theo họ suốt đời không phải kiến thức lý thuyết, mà là kỹ năng sử dụng tiếng Việt. Tóm lại, cả hai hướng dạy Thực hành tiếng Việt trước đây đều có những hạn chế cần được khắc phục.

Giáo trình ra mắt bạn đọc hôm nay dành cho sinh viên các ngành khoa học tự nhiên và công nghệ, được viết theo chương trình môn học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành năm 1995,

với một số điều chỉnh về chi tiết nhờ những kinh nghiệm mà chúng tôi rút ra được qua một năm đưa chương trình vào giảng dạy tại Đại học Quốc gia Hà Nội và một số cơ sở đào tạo khác.

Mục tiêu của giáo trình là giúp sinh viên phát triển các kỹ năng sử dụng tiếng Việt, chủ yếu là *đọc* và *viết* tài liệu khoa học - hai *kỹ năng* *lời nói* cần thiết nhất để sinh viên chiếm lĩnh các tri thức chuyên môn trong nhà trường. Thông qua việc rèn luyện kỹ năng lời nói cho sinh viên, giáo trình còn nhằm mục tiêu góp phần cùng các môn học khác phát triển ở người học một tư duy khoa học vững vàng.

Thế theo mục tiêu nói trên, giáo trình **Thực hành tiếng Việt** chọn dạy những vấn đề thiết thực nhất đối với việc tiếp nhận và tạo lập văn bản viết trong nhà trường. Nội dung này được phân bố thành hai chương, theo hướng đi từ đơn vị giao tiếp tự nhiên và hoàn chỉnh nhất là văn bản đến những đơn vị bộ phận của nó, từ những kỹ thuật chung nhất đến những thao tác cụ thể, từ yêu cầu tối thiểu đến yêu cầu nâng cao. Có thể hình dung hướng phát triển của nội dung ấy trên những nét lớn như sau:

Chương I. Tạo lập và tiếp nhận văn bản (30 tiết). Chương này dẫn dắt người học đi từ những kỹ năng chung nhất về tạo lập và tiếp nhận văn bản đến kỹ thuật viết luận văn và tiểu luận khoa học trong nhà trường.

Chương II. Rèn luyện kỹ năng đặt câu và dùng từ (15 tiết). Chương này dạy chữa các lỗi thường gặp về đặt câu và dùng từ trong văn bản, nhằm giúp người học có ý thức và kiến thức để viết đúng.

Cuối sách có một phần phụ lục để sinh viên tham khảo thêm, bao gồm: các biện pháp chữa lỗi chính tả, quy tắc viết hoa, quy tắc phiên âm tiếng nước ngoài.

Ở mỗi chương, mỗi phần, chúng tôi đều trình bày tóm tắt những tri thức cần nhất cho sự rèn luyện kỹ năng và đưa ra các

bài tập thực hành. Tri thức trình bày ở đây không phải là những định nghĩa, phân loại, trích dẫn người này người kia mang tính kinh viện, mà là những cảm nang để giải bài tập thực hành. Phần tri thức, sinh viên có thể nghe giảng hay tự đọc. Nhưng phần bài tập thì nhất thiết mỗi người phải tự làm lấy. Cũng giống như muốn có cơ thể khoẻ mạnh, phải tự mình rèn luyện, tập tành, muốn có kỹ năng tốt, không thể trông cậy vào điều gì khác ngoài sự rèn luyện nghiêm túc, thường xuyên.

Chúng tôi hy vọng tập giáo trình này giúp ích được các thầy, các cô giảng dạy tiếng Việt và các bạn trẻ đang có nguyện vọng làm chủ lời ăn tiếng nói của mình đang làm chủ khoa học, làm chủ xã hội. Xin chân thành cảm ơn trước về mọi sự góp ý để những lần xuất bản sau, tập sách được hoàn chỉnh hơn.

Chủ biên

**GS. Nguyễn Minh Thuyết**

# TẠO LẬP VÀ TIẾP NHẬN VĂN BẢN

## 1.1. TẠO LẬP VĂN BẢN.

Trong đời sống hàng ngày, chúng ta bắt gặp nhiều loại văn bản: một thông tư của chính phủ, một báo cáo tổng kết, một biên bản cuộc họp, một bản luận văn, một bài phê bình hay giới thiệu văn học v.v... Mỗi văn bản có thể xem là một tập hợp các câu được tổ chức xoay quanh một **chủ đề** nào đó, nhằm vào một định hướng giao tiếp nhất định. Văn bản có thể đơn giản hay phức tạp ở những mức độ khác nhau. Văn bản phức tạp thường bao gồm nhiều **đoạn văn**, mỗi đoạn văn như vậy mang một **chủ đề bộ phận** nằm trong **chủ đề chung** của văn bản.

Các loại văn bản có thể có kết cấu khác nhau, chẳng hạn một bản hợp đồng kinh tế khác với một bản cáo phó, một bản tóm tắt luận văn khoa học khác với một bài phê bình văn học... Nhưng nếu không kể một vài loại văn bản đặc thù thì về đại thể một văn bản thường có ba phần chính:

- phần mở đầu
- phần khai triển
- phần kết thúc.

**Phần mở đầu** thường gồm một số nhận định khái quát về những vấn đề sẽ được trình bày, nêu lên chủ đề chung và các chủ đề bộ phận. Đồng thời trong phần này cũng có thể nêu vấn đề, phương hướng hay những nguyên tắc được chọn làm cơ sở để giải quyết vấn đề. Phần này cần viết sao cho gọn và hấp dẫn, kêu gọi được sự chú ý và hứng thú ở người đọc.

Đây là phần mở đầu của một bài viết về stress và những vấn đề có liên quan:

*Nhịp sống hiện nay không rời tay với ai. Tiếng ồn, nạn kẹt xe, sự chạy đua với thời gian, những lo lắng cho ngày mai, những sự gò ép gia tăng... Không nhiều thì ít, chúng ta đều bị stress. Trong trí chúng ta, điều này có nghĩa là bị căng thẳng, làm việc quá sức, bị đặt dưới áp lực. Thật ra, còn có nhiều điều mà mỗi người trong chúng ta, tuy có liên hệ, nhưng đôi khi vô tình không nhận thấy.*

(Theo Trịnh Đình Khôi - Những hiểu biết về stress)

**Phân khai triển** có thể gồm một hay nhiều đoạn văn, dài hay ngắn khác nhau tùy thuộc vào số lượng các chủ đề bộ phận, mức độ phức tạp của vấn đề định trình bày. Các đoạn văn này được sắp xếp theo một trật tự lô gích nào đó và được liên kết với nhau về mặt hình thức. Phần này cần viết mạch lạc, các ý phát triển hợp lý, sao cho người đọc có thể tiếp thu chúng dễ dàng nhất.

Đây là phần khai triển của bài báo trên:

*Stress ở mức thấp có thể là chất kích thích tự nhiên, nhưng ở mức độ cao sẽ trở thành độc hại. Stress là phản ứng của cơ thể trước một tình huống khác thường, hoặc khó khăn, trước sự gò ép từ môi trường chung quanh, vì vậy, đó là phản ứng đương đầu, đối phó.*

Vấn đề là ở chỗ có loại stress "tốt, có lợi", và loại stress "xấu, có hại".

*Một tin vui, một sự sung sướng đưa đến đột ngột, làm phát sinh loại stress tốt, giúp chúng ta tỉnh táo chuẩn bị mọi việc trong cuộc sống. Cũng còn thêm một dạng stress tốt, giúp chúng ta giữ được bình tĩnh, gan dạ, phản ứng sáng suốt trước một thử thách, mặc dù trong lúc ấy lòng chúng ta thật sự có một cơn giông bão. Các hormon, nhất là adrenaline được phóng ra, kích*



thích cơ thể ngay lập tức. Máu chạy nhanh trong cơ bắp và trong não, tăng thêm sức mạnh cơ thể, động viên tối đa sức chú ý.

Khi một em bé chạy băng ngang trong khi bạn lái xe, nhờ adrenaline bạn có thể hãm xe lại với phản ứng "siêu nhanh". Hormone phóng ra nhanh như vậy cũng có lợi trong hoạt động trí não.

Sự cần thiết phải hoàn tất một công việc vào ngày mai tạo nên loại stress hưng phấn. Máu chảy nhiều hơn trong não, nhờ thế, hoạt động của não được thúc đẩy và hiệu năng đạt đến đỉnh cao.

Loại stress tốt như vậy giúp chúng ta tăng thêm năng lực trong kỳ thi, hoặc trong cuộc phỏng vấn tuyển dụng nhân viên.

Tuy nhiên, những loại kích thích như vậy, nếu lên quá cao có thể trở thành độc hại, gặm mòn nội lực. Hiện tượng này có thể so sánh với việc tiêu hoá. Để có thể tiêu hoá được thực phẩm, dạ dày tiết ra axit, nhưng nếu quá nhiều axit, dạ dày sẽ bị loét.

Vì sao lại đi đến chỗ quá "liều lượng" stress, trở thành tai hại?

Theo bác sĩ Patrick Légeron, chuyên gia tâm thần, thuộc bệnh viện Sainte Anna, Paris, khi nói đến stress quá độ, chúng ta nghĩ đến những biến cố quan trọng trong đời như: cái chết của một người thân, bị cho nghỉ việc, đau ốm nặng, hoặc những phiền muộn dai dẳng lo nghĩ về tiền bạc, những cuộc xung đột vợ chồng, gánh nặng công việc chồng chất. Thực ra, những dấu ấn nhỏ nhỏ hàng ngày như: nhận được một cú điện thoại làm bực mình, cãi nhau với con cái, người khác sai hẹn với mình... thường là loại stress ngấm ngấm, nếu tích lũy sẽ có tác động làm hỏng sức đề kháng của chúng ta.

Thông thường, chúng ta trải qua 3 đoạn đường phản ứng đối với stress.

1. Giai đoạn báo động, trong đó chúng ta phản ứng bằng cách tập trung để đối phó.

2. *Giai đoạn kháng cự, trong đó chúng ta tìm cách thích nghi và duy trì sự cố gắng.*

3. *Giai đoạn kiệt sức, trong đó chúng ta thấy nản lòng, cần nghỉ ngơi, cần sự giúp đỡ.*

Trong phân khai triển, tác giả đã lần lượt: a) giải thích thế nào là stress; b) phân biệt stress có lợi và stress có hại; c) nêu phác đồ phản ứng chung của cơ thể đối với stress.

**Phân kết thúc** thường tóm lược, tổng kết lại những luận điểm chính đã được trình bày trong phân khai triển. Đối với các văn bản nghiên cứu, phân kết luận có thể có những gợi ý mở ra hướng nghiên cứu tiếp theo. Xét theo ý nghĩa này, nó có thể vừa "đóng" vừa "mở".

Chẳng hạn, bài viết về stress trên đây kết thúc như sau:

*Trong sinh hoạt nghề nghiệp, một chút stress giúp chúng ta có hiệu lực hơn trong trí não và thể lực. Quá nhiều stress sẽ đưa đến sự giảm sút hiệu năng, gây trầm lẩn, thiếu tập trung, khó giải quyết vấn đề. Stress là người bạn đồng hành mà chúng ta không thể nào lẩn tránh, nhất là trong một thế giới xô bồ, vội vã như ngày nay. Vấn đề là chúng ta phải tạo cho mình một cuộc sống lành mạnh, vị tha, giàu lòng nhân ái, say mê với công việc. Có như vậy chúng ta mới thường xuyên có được những stress tích cực, hạn chế ở mức tối đa những stress tiêu cực.*

(Theo Trịnh Đình Khôi - *Những hiểu biết về stress*)

Hay ở bài viết đặt lại vấn đề liệu Marco Polo có thực sự đến Trung Hoa hay không, ta thấy phân kết thúc sau đây:

*Bảy thế kỷ sau, người ta vẫn khó mà phân biệt được sự thật với giả tưởng. Văn phong lạ lùng trong quyển sách khiến người ta dễ ngờ vực. Nó không giống với một nhật ký du hành, mà đúng hơn là một quyển sách giáo khoa về sử địa. Nó ít ghi lại những lộ trình. Dù sao đi nữa, quyển "Mô tả thế giới" vẫn là một*

chứng vật- trực tiếp hoặc gián tiếp- quý giá về phương Đông thời  
ấy.

(Theo Minh Luận- Marco Polo chưa hề đến Trung Hoa?)

Việc tạo lập văn bản có thể được tiến hành qua các bước sau  
đây:

### 1.1.1. Xác định chủ đề chung và chủ đề bộ phận của văn bản.

Việc xác định chủ đề chung và các chủ đề bộ phận là bước  
đầu tiên cần tiến hành để văn bản có được tính **nhất thể**  
(unity). Đặc trưng này thể hiện ở chỗ tất cả những điều được  
trình bày ở các đoạn văn (với các chủ đề bộ phận khác nhau) đều  
phải nằm trong định hướng phục vụ cho chủ đề chung của văn  
bản. Hay nói một cách khác, chủ đề chung phải được thể hiện  
xuyên suốt qua toàn bộ văn bản, thông qua các chủ đề bộ phận.  
Nếu không như vậy, văn bản sẽ rời rạc, tản mạn, "dây cà dây  
muống" hay bị lạc đề.

Hãy thử phân tích chủ đề chung và chủ đề bộ phận trong  
văn bản sau đây:

#### *Điều trị chứng lo sợ*

*Các nhà nghiên cứu liệt kê được không dưới 6.500 chứng lo  
sợ. Từ chứng lo sợ khá phổ biến: sợ chỗ hoang vắng, đến sợ chỗ  
chật hẹp đóng kín, sợ chỗ cao quá, sợ máy bay, thang máy...*

*Có người sợ môi trường: nước, gió, giông, bão, đêm tối... Cũng  
có người sợ động vật, như nhện, rắn... Lại có người sợ một vài  
dạng sinh hoạt xã hội, biểu hiện qua sự rụt rè nơi công cộng, e  
thẹn đổ mặt, sợ bắt tay người khác phái, sợ ăn trong nhà hàng,  
sợ người khác nhìn soi mói, sợ nói trước công chúng...*

*Đối với một số người, sự lo sợ như vậy làm họ căng thẳng,  
cảm thấy mất thể diện, xấu hổ, có thể kinh hoàng, khiến họ bị  
thiệt thòi trong đời sống xã hội, gia đình hoặc nghề nghiệp. Lâu  
dần, những người hay lo sợ như vậy, không để ý tìm người khác*

giúp sức giải quyết, đã để mọi việc diễn tiến theo chiều hướng tiêu cực, vì họ không nghĩ rằng chứng sợ hãi đó thật ra cũng là một dạng bệnh.

Theo bác sĩ Gérard Apperfolder, chuyên gia trong vấn đề này, hầu hết những chứng rối loạn lo sợ như vậy, bắt đầu trong khoảng từ 10 đến 35 tuổi, xảy đến với những người hay lo lắng, thụ động, đã từng gặp điều gì sợ hãi trong lúc tuổi thơ.

Nhờ máy quét hình (scanner) các nhà nghiên cứu đã phát hiện một sự bất thường nơi vùng xám ở giữa não. Ở những người bị xáo động ám ảnh liên tục không tìm hãm được, một vài vùng não, đặc biệt nhất là những nhân xám ở giữa, có chiều hướng rung động quá mức.

Hiện nay có 4 phương pháp điều trị chứng lo sợ này:

### 1. Dùng thuốc chống trầm cảm.

Trong những năm 1960, một số bệnh nhân trầm cảm được cho dùng thuốc này, và tình trạng cải thiện sau vài tuần điều trị. Từ đó đưa đến ý nghĩ dùng loại thuốc này để điều trị chứng thần kinh gây ám ảnh.

Tại Pháp, 3 dược liệu: clomipramine, fluoxétine và fluvoxamine đã được công nhận. Ba dược liệu khác sẽ được cho phép: paroxétine, citalopram, và sertraline (một dược liệu mới) đang được áp dụng tại Mỹ. Cứ hai bệnh nhân, có một người khỏi hẳn hoặc bớt nhiều.

### 2. Trị liệu bằng tâm lý.

Phương pháp này cũng dùng đến thuốc trầm cảm, nhưng có kèm theo sự khuyến khích, động viên của chuyên gia tâm lý, tập cho bệnh nhân quen dần với điều mà họ sợ. Kết quả đạt được từ 70 đến 90%. Tuy nhiên không phải dạng sợ hãi nào cũng có thể điều trị bằng cách tập cho quen (như sợ rắn...)

### 3. Trị liệu bằng phân tâm học.

*Phương pháp này dùng điều trị chứng sợ hãi trong các môi giao tiếp, sinh hoạt xã hội. Bệnh nhân không dùng thuốc chống trầm cảm, nhưng được cho dùng các loại thuốc ngăn ngừa tim đập loạn hoặc run tay. Trong việc điều trị có sự giúp đỡ của nhà phân tâm học để giải quyết phần vô thức đã đưa bệnh nhân đến chỗ lo sợ. Phải bắt đầu áp dụng thử trong 1-2 tháng xem tiến triển thế nào, rồi mới theo đuổi phương pháp này từ 6 tháng đến vài năm.*

#### 4. Trị liệu bằng cách đương đầu với thực tế.

*Phương pháp này áp dụng cho các chứng lo sợ ở mức độ nhẹ, thông thường. Kết hợp với việc dùng thuốc chống trầm cảm, bệnh nhân tập nhìn vào khía cạnh thực tế của sự việc, lập lại trong trí những câu trấn an, hoặc nghĩ đến những hình ảnh êm dịu, rồi trực tiếp đương đầu với sự việc làm mình lo sợ.*

*Việc sớm điều trị chứng lo sợ là hết sức cần thiết. Cho đến nay, việc kết hợp các phương pháp kể trên có thể đem lại kết quả từ 70 đến 90%. Rất ít trường hợp tái phát, chỉ khi nào bệnh nhân gặp tình trạng căng thẳng quá độ.*

(Đình Trục - Điều trị chứng lo sợ)

Chủ đề **chung** được nêu ở phần mở đầu: chứng lo sợ như là một dạng bệnh lý. Chủ đề này được phát triển bởi các chủ đề **bộ phận**: 1) Các biểu hiện của chứng lo sợ; 2) Những tác động tiêu cực của chứng lo sợ; 3) Căn nguyên của chứng lo sợ; 4) Những liệu pháp điều trị chứng lo sợ.

Phần kết thúc, ngoài việc tóm tắt những ý chính, còn có chức năng cố kết chủ đề chung và các chủ đề bộ phận (đoạn " *Việc sớm .... căng thẳng quá độ*").

• Việc xác lập chủ đề chung và các chủ đề bộ phận có thể phụ thuộc vào nhiều nhân tố, chẳng hạn phụ thuộc vào **định hướng giao tiếp** (văn bản được viết cho đối tượng nào, nhằm mục đích gì...), phụ thuộc vào **tính phức tạp** của vấn đề được trình bày, mức độ chuyên môn v.v... Nhưng tựu trung lại, việc xác lập này

có thể dựa trên những quan hệ lô gích mang tính chủ quan hay khách quan sau đây:

### 1. Các quan hệ mang tính khách quan:

- Quan hệ có tính chất **nội tại** giữa đối tượng và các thành tố cấu thành đối tượng, chẳng hạn chủ đề chung là dân ca Việt Nam, các chủ đề bộ phận là dân ca Bắc bộ, dân ca Trung bộ, dân ca Nam bộ.

- Các quan hệ **lô gích khách quan**, tồn tại thực tế, chẳng hạn nguyên nhân - kết quả, điều kiện - tồn tại, quan hệ theo trình tự thời gian...

2. Các quan hệ mang tính chủ quan (thực chất là sự nhận thức, đánh giá, phân loại của người viết đối với các nội dung trình bày về đối tượng)

Chẳng hạn, các quan hệ có tính phân loại, đánh giá của người viết về đối tượng: các chủ đề bộ phận có đặc điểm, tính chất chung nào đó xét trong quan hệ với chủ đề chung, và được sắp xếp hoặc theo mức độ quan trọng, hoặc mức độ chuyên biệt v.v... Chẳng hạn, chủ đề chung là dân ca Việt Nam, chủ đề bộ phận là đặc trưng của dân ca được xác định qua các giai đoạn phát triển trong lịch sử; hay nếu chủ đề chung là những ảnh hưởng của người Indians bản địa đối với văn hoá Mỹ thì các chủ đề bộ phận có thể là: 1) sự vay mượn trong cách gọi tên một số địa danh, chủng loại sự vật; 2) sự kế thừa phương thức sản xuất một số hàng thủ công, mỹ nghệ bản địa; 3) sự kế thừa trong nghệ thuật trồng trọt và chăn nuôi v.v...

Cũng có thể xếp vào đây các quan hệ có tính **liên tưởng** giữa đối tượng với các đối tượng khác (đồng dạng, tương phản, liên đới) trong một môi trường tồn tại nào đó, cũng như các quan hệ đặc biệt về cảm xúc, tâm lý. Chẳng hạn, chủ đề chung là dân ca Việt Nam, các chủ đề bộ phận có thể là dân ca trong so sánh với âm nhạc cung đình ngày xưa và với âm nhạc hiện đại ngày

nay, hay chủ đề chung là dân ca Việt Nam, các chủ đề bộ phận là dân ca với cuộc sống lao động, dân ca với các phong tục hội hè, đình đám v.v...

Chủ đề chung và chủ đề bộ phận thường được trình bày ngay trong *phần mở đầu*, bởi những câu được gọi là **câu luận đề**. Câu luận đề thường nằm ở cuối phần mở đầu và có những nhiệm vụ sau đây:

- nêu chủ đề chung
- liệt kê các chủ đề bộ phận
- trong trường hợp cần thiết, có thể giới thiệu một cách tổng quát cách thức tổ chức văn bản.

Có thể nhận biết câu luận đề nhờ các đặc điểm sau đây:

**Về vị trí**, câu luận đề thường đứng cuối phần mở đầu.

**Về mặt nội dung**, nếu văn bản được mở đầu theo phương pháp quy nạp (đi từ các hiện tượng riêng lẻ, cá biệt đến những vấn đề chung, trừu tượng) thì câu luận đề là câu có nội dung rộng nhất, khái quát nhất trong phần mở đầu; còn nếu văn bản được mở đầu theo phương pháp diễn dịch (đi từ những vấn đề chung, khái quát đến những vấn đề riêng, cụ thể) thì câu luận đề lại là câu có nội dung cụ thể nhất, hẹp nhất.

Hãy chú ý đến cách nêu chủ đề chung và chủ đề bộ phận trong đoạn văn sau đây:

**Làng-Họ** : những vấn đề của quá khứ và hiện tại.

Một trong những tổ chức chính trị-xã hội mang đặc sắc Việt Nam là tổ chức Làng-Họ. Trong lịch sử lâu dài, Làng-Họ đã là một chỗ dựa vững chắc cho người Việt Nam thích ứng với nền sản xuất lúa nước ở đồng bằng và đương đầu với những thử thách gay go của miền đất nhiều bão lụt, thiên tai, của nạn ngoại xâm thường đe dọa áp tới. Việc lựa chọn làm cho làng định

*hình, ít khác nhau, ít thay đổi qua thời gian và không gian. Do đó, tổ chức Làng- Họ tạo ra trong cuộc sống những mẫu người, những cung cách làm ăn, ứng xử, sống thành nếp. Ngày nay, khi tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội trên quy mô rộng lớn chúng ta phải xét duyệt lại các tổ chức cũ, những giá trị cũ, thẩm định lại những khả năng thích ứng, hiện đại hoá để phù hợp thực tế ngày nay và tương lai.*

(Trần Đình Hượu - Đến hiện đại từ truyền thống)

Chủ đề chung là vấn đề làng họ Việt Nam. Các chủ đề bộ phận được nêu trong câu luận đề ở cuối đoạn văn, đó là các vấn đề:

- 1) Xét duyệt lại các tổ chức cũ;
- 2) Xét duyệt lại các giá trị cũ;
- 3) Thẩm định lại những khả năng thích ứng, hiện đại hoá để phù hợp với thực tế ngày nay và tương lai.

### **Bài tập 1:**

Hãy đọc văn bản được cho sau đây

1. Xác định chủ đề chung và các chủ đề bộ phận.
2. Có thể phân đoạn lại văn bản này được không? Hãy thử trình bày một cách phân đoạn của anh (chị).

### ***Bảo vệ môi sinh.***

*Môi sinh đang ở trong tình trạng báo động, nói một cách khẩn thiết: thiên nhiên đang kêu cứu. Thảm hoạ huỷ diệt đang đe dọa loài người. Nếu lương tri loài người đã thức tỉnh thì quả là đúng lúc.*

*Chẳng thế mà tháng 10 năm 1992, một hội nghị cỡ nguyên thủ quốc gia đã họp ở Riô Đê Gianêrô với chương trình nghị sự chỉ bàn về bảo vệ môi sinh. Và chúng ta gần như hàng tháng được nghe, đọc, nhìn từ các phương tiện thông tin đại chúng, nào*



là tầng ôzôn bị thủng, nào là thiên tai, lụt lội, núi lở, bão lốc...  
Tựa như thiên nhiên đang nổi giận và hậu quả khốc liệt của việc  
đổi xử tàn tệ với thiên nhiên đang diễn ra.

Từ những thập kỷ cuối của thế kỷ XX, sự gia tăng dân số,  
việc khai thác tài nguyên một cách vô tổ chức, việc tăng nhanh  
quá trình đô thị hoá, công nghiệp hoá, hoá học hoá nông nghiệp,  
tác động to lớn của con người vào thiên nhiên từ nhiều mặt mang  
tính toàn cầu, trong đó có vấn đề chất thải, đã ảnh hưởng sâu  
sắc đến sinh quyển, đụng chạm đến mọi quốc gia và quả đất là  
"ngôi nhà" chung của loài người.

Riêng năm 1970, con người đã sản ra 40 tỉ chất thải trong  
quá trình sản xuất và sinh hoạt. Tính đến cuối thế kỷ XX này,  
khối lượng chất thải sẽ lên đến 100 tỉ tấn / năm.

Sinh quyển, khí quyển, nguồn nước, tóm lại toàn bộ môi sinh  
bị nhiễm bẩn do kim loại và các hợp chất bị thải loại, phân bón,  
chất độc hoá học, các chất thải phóng xạ, nước thải công nghiệp,  
nông nghiệp và sinh hoạt. Những chất thải ở thể rắn, thể lỏng và  
thể khí không ngừng tăng lên.

Riêng chất thải ở thể rắn mỗi năm có tới 10-12 tỉ tấn. Chỉ  
một công dân Mỹ sống ở thành phố mỗi năm thải 1 tấn rác.

Mỗi năm lượng nước thải trên thế giới khoảng 1000 km<sup>3</sup>. Để  
xử lý khối lượng nước bẩn này cần một lượng nước sạch gấp 20  
lần. Như vậy là con người đã sử dụng một lượng đáng kể nguồn  
nước ngọt dự trữ của thiên nhiên có trong các ao hồ (40.000  
km<sup>3</sup>).

Hàng năm gần 10 triệu tấn dầu và các sản phẩm dầu mỏ đổ  
thải ra đại dương.

Do kết quả sử dụng nhiệt năng, mỗi năm khí quyển tiếp  
nhận 20 tỉ tấn khí cacbonic và các khí độc khác (đó là nguyên  
nhân chủ yếu gây nên các trận mưa bụi cacbonic).

Hậu quả là nửa cuối thế kỷ XX, sinh quyển đã trở nên tồi tệ  
rõ rệt. Ở một số nước và một số vùng rộng lớn, tình trạng ô nhiễm

**đã, thực sự là môi hiểm hoạ.** Trách nhiệm này thuộc về các nước công nghiệp phát triển; các nước này đã gây ra 2/3 sự nhiễm bẩn (trong số đó Hoa Kỳ gây ra 30%, các nước Tây Âu 20%).

Vấn đề bảo vệ sinh thái bao gồm nhiều mặt: bảo vệ sức khoẻ, kinh tế, giáo dục và nhiều vấn đề khác.

Hướng giải quyết có thể như sau:

-**Hướng thứ nhất:** Phát minh những thiết bị lọc, hạn chế sử dụng các nguyên liệu có chứa lưu huỳnh, tái sử dụng rác các loại

-**Hướng thứ hai:** Thay thế công nghệ sản xuất cổ truyền, bằng các "công nghệ sạch", không có chất thải độc hại

-**Hướng thứ ba:** Kiểm soát và phân bổ hợp lý các ngành công nghiệp gây nhiễm bẩn nhất (luyện kim đen và màu, công nghiệp dầu và hoá dầu, công nghiệp giấy) đối với môi sinh. Vấn đề môi sinh cần được giải quyết ở những quy mô khác nhau, trên quy mô thế giới, quy mô từng nước, từng ngành. Vấn đề này mang tính toàn cầu. Các nhà bác học cho rằng nhiệt độ không khí đã tăng 3 đến 4 độ C khiến cho khí hậu toàn cầu thay đổi đáng kể. Tầng ozôn đã bị rách, thủng hàng nghìn km<sup>2</sup>. Các nhà du hành vũ trụ có dịp được quan sát Trái đất từ vũ trụ đã ví Trái Đất như quả cầu bé nhỏ và mỏng manh.

Bảo vệ sinh quyển tức là bảo vệ cuộc sống của mỗi chúng ta.

(Đào Xuân Cường, Vũ Đình Hoạt - Địa lý giải trí)

## Bài tập 2:

Xác định chủ đề chung và chủ đề bộ phận của văn bản sau :

### **Sức khoẻ và thể dục**

Giữ gìn dân chủ, xây dựng nước nhà, gây dựng đời sống mới, việc gì cũng cần có sức khoẻ mới thành công. Mỗi một người dân yếu ớt, tức là cả nước yếu ớt, mỗi một người dân mạnh khoẻ, tức là cả nước mạnh khoẻ.

Vậy nên luyện sức khoẻ, bồi bổ sức khoẻ là bổn phận của một người dân yêu nước. Việc đó không tốn kém, khó khăn gì. Gái

trai, già trẻ ai cũng nên làm và ai cũng làm được. Mỗi ngày lúc ngủ dậy, tập một ít thể dục. Ngày nào cũng tập thì khí huyết lưu thông, tinh thần đầy đủ, như vậy là sức khoẻ.

Bộ giáo dục có nha thể dục, mục đích để khuyên và dạy cho đồng bào tập thể dục, đừng giữ gìn và bồi đắp sức khoẻ.

Dân cường thì quốc thịnh. Tôi mong đồng bào ta ai cũng gắng tập thể dục. Tự tôi, ngày nào tôi cũng tập.

Hồ Chí Minh

### Bài tập 3:

Căn cứ vào các **câu luận đề** được cho trong các đoạn mở đầu sau đây, hãy xác định chủ đề chung và các chủ đề bộ phận của văn bản:

1) Có lẽ trên thế giới hiếm có một đất nước nào vừa thật đa dạng mà cũng vừa thật thống nhất như Indônêxia. Sự đa dạng và thống nhất ấy được biểu hiện trên nhiều yếu tố: từ địa hình, khí hậu tới thành phần dân tộc, từ đời sống con người tới lịch sử văn hoá.

(Ngô Văn Doanh - Tâm lý hướng tới sự thống nhất trong đa dạng của người Indônêxia)

2) Soạn thảo và xử lý văn bản là một công việc quan trọng diễn ra hàng ngày trong tất cả các cơ quan hành chính nhà nước thuộc các ngành các cấp ở trung ương và địa phương. Công việc này có ảnh hưởng rất lớn đến năng suất và chất lượng của lao động quản lý.

(Nguyễn Văn Thâm - Soạn thảo và xử lý văn bản)

3) Trong báo cáo khoa học này, chúng tôi muốn khảo sát ảnh hưởng của Trung Quốc đối với Việt Nam trên hai lĩnh vực văn hoá và ngôn ngữ.

4) Chúng ta sống trong một thời đại mà loài người đang xích lại gần nhau và sự giao lưu văn hoá đang diễn ra trên toàn thế

giới. Không một sức mạnh nào có thể cản trở được chiều hướng này. Không một dân tộc nào có thể tồn tại và phát triển nếu không đặt mình trong sự tiến bộ chung, nếu không tiếp thu những thành tựu trí tuệ của nhân loại. Trên lĩnh vực văn hoá, sự tiếp nối giữa quá khứ và hiện tại, giữa Đông và Tây lại trở thành một vấn đề cấp thiết. Trong bối cảnh đó, việc đánh giá lại vai trò của Nho giáo trong lịch sử tư tưởng và ảnh hưởng của nó trong xã hội ngày nay đang có một ý nghĩa đặc biệt.

(Vũ Khiêu - Mấy vấn đề nghiên cứu Nho giáo ở Việt Nam)

5) *Tim hiểu quá trình hình thành nhận thức về đối tượng của folklore học, có thể nhận thấy có hai xu hướng trái ngược nhau: xu hướng miệt thị, lên án, và xu hướng khẳng định ca ngợi văn hoá dân gian.*

(Chữ Xuân Diên - Hai xu hướng nhận thức về văn hoá dân gian)

#### Bài tập 4:

Bằng cách thêm vào các **chủ đề bộ phận** thích hợp, hãy hoàn thiện các câu luận đề sau đây:

- 1) *Vai trò của phụ nữ đang được khẳng định ...*
- 2) *Một người thầy giáo cần phải có những phẩm chất quan trọng sau đây...*
- 3) *Tình trạng đói nghèo đang gây ra những hậu quả tiêu cực cho xã hội, chẳng hạn như...*
- 4) *Tuổi thọ trung bình của phụ nữ cao hơn nam giới bởi những lý do chủ yếu sau đây:...*
- 5) *Trong xã hội hiện đại, ngày càng có nhiều nhân tố thúc đẩy sự giao lưu văn hoá...*

Ví dụ mẫu:

1) *Vai trò của người phụ nữ ngày nay đang được khẳng định trong đời sống kinh tế, chính trị xã hội cũng như trong đời sống gia đình.*

### Bài tập 5:

Dựa vào các chủ đề được cho sau đây, hãy xác lập các chủ đề bộ phận tương ứng và viết câu **luận đề** để biểu thị chúng.

a) Du lịch và đời sống.

b) Chọn nghề.

c) Thám hiểm vũ trụ.

d) Điện ảnh và tuổi trẻ.

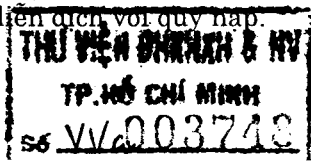
e) Giáo dục công dân.

#### 1.1.2. Xây dựng lập luận phục vụ chủ đề văn bản.

Đối với những văn bản có mục đích cuối cùng là tác động vào nhận thức người đọc, thuyết phục họ tin vào những điều được trình bày thì **lập luận** giữ một vai trò rất quan trọng.

Lập luận có thể hiểu là chiến lược trình bày vấn đề, là cách thức sắp xếp nội dung sao cho đạt được hiệu quả cao nhất. Muốn vậy, một mặt cần nêu rõ các **luận điểm** để người đọc hiểu được người viết muốn trình bày vấn đề gì, ý kiến của người viết về vấn đề ấy ra sao. Mặt khác phải biết cách **luận chứng**, tức là biết vận dụng các phép suy luận lô gích, đưa ra những **lý lẽ và dẫn chứng** cần thiết, phối hợp chúng một cách thích hợp để chứng minh cho các luận điểm được nêu, thuyết phục người đọc tin vào tính đúng đắn của các luận điểm đó. Các **lý lẽ và dẫn chứng** thuyết minh, phục vụ cho luận điểm thường được gọi là **luận cứ**. Yêu cầu của luận cứ là phải xác thực, đáng tin cậy.

Hai cách luận chứng phổ biến nhất là **diễn dịch** và **quy nạp**. Diễn dịch là xuất phát từ các chân lý chung, các phổ niệm, các lẽ phải thông thường đã được thực tế kiểm nghiệm ... mà suy ra các chân lý cụ thể, các biểu hiện cụ thể. Còn quy nạp lại là cách suy luận mà theo đó, chúng ta xuất phát từ những biểu hiện cụ thể, riêng biệt để đi đến những nhận định tổng quát. Đôi khi, cũng có thể tiến hành luận chứng theo cách tổng hợp, tức là phối hợp diễn dịch với quy nạp.



Dù tiến hành luận chứng theo cách nào thì lập luận bao giờ cũng cần phải chặt chẽ, sắc bén. Tức là: a) các luận điểm phải được trình bày một cách rõ ràng, mạch lạc, tránh tình trạng nói lan man mà không nêu được ý kiến, cách đánh giá, nhận định của mình đối với vấn đề; b) hệ thống lý lẽ phải được dẫn dắt, sắp xếp theo một trình tự hợp lý; c) các dẫn chứng cần phải chính xác, phù hợp với các luận điểm được đưa ra.

Tương ứng với các nguyên tắc trên, cần tránh các lỗi phổ biến về lập luận sau đây:

1. *Luận điểm không rõ ràng*, nói lan man mà không nêu được các ý kiến, các nhận định, đánh giá của mình về vấn đề được đặt ra trong văn bản.

2. *Hệ thống lý lẽ không được sắp xếp theo một lô gích* thích hợp, tiện đâu nói đấy, chuyện nọ xọ chuyện kia.

3. *Dẫn chứng thiếu chính xác*, không đáng tin cậy hoặc không phù hợp với luận điểm được nêu.

4. Văn bản đầy rẫy những luận điểm, những nhận định rất đại ngôn (nói theo cách nói dân gian là "đao to búa lớn") mà *thiếu các luận cứ cụ thể*.

Trong khi lập luận, cần chú ý là một mặt, các luận điểm phải được trình bày rõ ràng, tách bạch nhưng mặt khác chúng lại phải được liên kết chặt chẽ với nhau, cùng nhau tạo nên một văn bản hoàn chỉnh. Vì vậy, các *chuyển đoạn* giữ một vai trò rất quan trọng. Chuyển đoạn là dùng các từ, ngữ, kết cấu *thích hợp* để liên kết các luận điểm, các ý lại với nhau. Có thể phân loại các chuyển đoạn như sau:

Về mặt *cấu tạo*, có thể phân biệt các chuyển đoạn là từ, ngữ với các chuyển đoạn là câu hoặc vế câu:

- Các chuyển đoạn là từ, ngữ: *tuy nhiên, dù sao, may thay, ngược lại, tiếc rằng, nhưng, có điều, bởi vậy, số là, về một phương diện nào đó, hơn thế nữa, nói chung, thực ra, một mặt, mặt khác, trước hết...*

- Các chuyển đoạn là câu hoặc vế câu: *chúng tôi không khỏi tự hỏi, đó chẳng qua là một cách nói để, ở đây chúng tôi chỉ, người ta đã bàn nhiều đến, như mọi người đều biết, những điều vừa trình bày trên có thể khiến chúng ta nghĩ rằng..., nhưng chúng tôi không quên rằng, quan niệm như thế vô hình trung là, bây giờ xin chuyển sang vấn đề khác, nhưng điều đó là hoàn toàn tùy thuộc vào...*

Về mặt **nội dung**, có thể phân biệt các chuyển đoạn theo các quan hệ khác nhau mà chúng biểu thị, chẳng hạn:

- Các chuyển đoạn về trình tự: *trước tiên, thoát tiên, thoát đầu, trước hết, sau đó, tiếp theo, một là, hai là, cuối cùng, sau hết, rút cuộc, sau nữa...*

- Các chuyển đoạn về quan hệ tương đồng (lập luận đồng hướng): *ngoài ra, bên cạnh đó, vả lại, hơn nữa, thậm chí, tương tự, một mặt, mặt khác...*

- Các chuyển đoạn về quan hệ tương phản (nghịch hướng): *nhưng, tuy thế, tuy nhiên, trái lại, ngược lại, thế mà, thế nhưng, có điều...*

- Các quan hệ nhân quả: *bởi thế, vì vậy, vì thế, cho nên, đó là lý do tại sao, vì lý do trên, bởi vậy mà...*

Sau đây là những cách nêu luận cứ phổ biến nhất, thường gặp trong các loại văn bản khác nhau.

### **1. Nêu những dẫn chứng thực tế, có tính chất "người thật việc thật":**

Đây có lẽ là cách nêu luận cứ đơn giản, dễ dàng nhất. Bạn không cần phải tra cứu, trích dẫn hàn lâm, kinh điển từ tác giả này hay tác giả nọ. Bạn cũng không phải bận tâm về những con số thống kê. Một cách đơn giản, bạn chứng minh luận điểm bằng những dẫn chứng lấy ra từ vốn sống thực tế hay hiểu biết của bản thân. Ưu điểm của loại dẫn chứng này là hấp dẫn người đọc và thường để lại những ấn tượng lâu bền. Ví dụ:

Hoạt động đi lại chủ yếu của người nông nghiệp Việt Nam là đi gần- từ nhà ra đồng, từ nhà lên nương- và trong phạm vi khoảng cách đó họ dùng sức người mà vận chuyển mọi thứ phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt. Chính vì vậy mà trên thế giới không một ngôn ngữ nào có số lượng từ chỉ hoạt động vận chuyển trong khoảng cách gần đa dạng và phong phú như tiếng Việt. Trong khi tiếng Pháp chỉ có porter, tiếng Nga có Hecmu, tiếng Anh có to carry và phần nào to take, thì trong tiếng Việt, ngoài từ mang với nghĩa khái quát, còn có hàng loạt từ chỉ những cách thức vận chuyển rất riêng biệt: mang trong tay là cầm, mang gọn trong tay là nắm, mang trong tay qua trung gian (sợi dây, cái túi...) là xách, mang trong một hoặc hai bàn tay là bốc, mang bằng hai bàn tay một vật nặng là bê, mang bằng hai tay giơ lên là bưng, mang gọn trong lòng bằng hai tay là ôm, mang trong lòng bằng hai tay một cách nâng niu là bồng, bế, ẵm, mang một người trên lưng là cõng, mang một đứa bé trên lưng qua trung gian một mảnh vải là địu, mang một vật trên lưng là gùi, mang trên vai là vác, mang trên vai qua trung gian của một cái đòn với vật ở hai đầu đòn đều nhau là gánh, mang trên vai qua trung gian của một cái đòn với vật ở hai đầu đòn không đều nhau là gông, mang trên đầu là đội, hai hoặc nhiều người cùng mang một vật là khiêng, v.v. và v.v.

(Trần Ngọc Thêm - *Tìm về bản sắc văn hoá Việt nam*)

Tuy nhiên, phương pháp này có hai điểm yếu mà bạn cần lưu ý. Thứ nhất, trong so sánh với các cách nêu luận cứ khác thì tính thuyết phục của phương pháp này không cao, vì vậy không nên lạm dụng. Thứ hai, bạn phải chắc rằng dẫn chứng được nêu thật sự phù hợp và có ích cho luận điểm của bạn. Chẳng hạn, nhằm chứng minh nam giới giỏi ngoại ngữ hơn phụ nữ, bạn nêu dẫn chứng nhà nghiên cứu Phan Ngọc biết rất nhiều ngoại ngữ. Dẫn chứng này hoàn toàn chính xác nhưng lại không có sức thuyết phục vì Phan Ngọc không thể đại diện cho toàn bộ nam giới nói chung.



## 2. Sử dụng số liệu thống kê.

Số liệu thống kê là loại luận cứ hết sức thuyết phục, đặc biệt trong các văn bản khoa học, thương mại, hành chính, báo chí... Khi đưa ra các con số, cần nêu rõ xuất xứ của chúng: là số liệu điều tra trực tiếp hay lấy từ nguồn tư liệu tin cậy nào.v.v... Ví dụ, khi nêu tác hại trầm trọng của **chứng đột quy**, tác giả đã đưa ra những con số thống kê làm giật mình người đọc như sau:

*Tai biến này xảy ra nhiều ở các nước phát triển cũng như đang phát triển: ở Pháp, mỗi năm có khoảng 360.000 người mắc bệnh (là nguyên nhân gây tử vong đứng hàng thứ ba sau các bệnh ung thư và bệnh tim mạch); ở Mỹ có 500.000 người mắc bệnh vào năm 1985. Tại Khoa thần kinh của bệnh viện Chợ Rẫy, tai biến mạch máu não chiếm 1/4 tổng số bệnh nhân nội trú hàng năm, trong đó xuất huyết não chiếm 40,42%, nhóm nhũn não 59,58% (nam chiếm 60%, nữ chiếm 40%)*

(Theo BS. Bùi Minh Tạng - Người lớn tuổi và chứng đột quy)

## 3. Trích dẫn các luận điểm, ý kiến đáng tin cậy của các tác giả khác.

Trích dẫn là phương pháp rất thông dụng, thường gặp trong các văn bản thuộc thể loại nghị luận; đặc biệt đối với các văn bản khoa học như luận văn, tiểu luận, báo cáo... thì việc trích dẫn đóng vai trò hết sức quan trọng trong cách **luận chứng**.

Có hai cách trích dẫn: trích dẫn *trực tiếp* và trích dẫn *gián tiếp*.

a. *Trích dẫn trực tiếp*: Tư liệu được trích dẫn nguyên văn, đặt trong dấu ngoặc kép. Các thông tin về tác giả, nguồn xuất xứ của tư liệu cũng được nêu rõ. Ví dụ:

*"Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong*

Lời bất hủ ấy ở trong bản Tuyên ngôn độc lập năm 1776 của nước Mỹ. Suy rộng ra, câu nói ấy có ý nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do.

(Hồ Chí Minh - Tuyên ngôn độc lập)

b. Trích dẫn gián tiếp: Tư liệu trích dẫn không cần phải chính xác từng câu chữ so với nguyên gốc mà chỉ cốt truyền đạt được ý tưởng căn bản. Nhưng các thông tin về xuất xứ của tư liệu cũng cần được nêu rõ. Ví dụ:

Còn trong tác phẩm nổi tiếng Nguồn gốc các loài, E. Darwin đã khẳng định rằng tất cả các giống gà nuôi trên thế giới đều bắt nguồn từ loài gà rừng Đông Nam Á.

(Trần Ngọc Thêm - Tìm về bản sắc văn hoá Việt nam)

Khi chúng ta trích dẫn ý kiến của người khác thì yêu cầu cốt tử là phải bảo đảm tính chính xác, tuyệt đối không được tự ý thay đổi hay xuyên tạc nội dung căn bản của ý kiến trích dẫn:

1. Nếu trích dẫn trực tiếp, không được tự ý thêm bớt từ ngữ của câu trích dẫn.

2. Nếu có lý do chính đáng để lược bỏ một phần nào đó ý kiến trích dẫn (chẳng hạn, vì câu trích quá dài, đoạn lược bỏ là không cần yếu đối với luận điểm .v.v...) thì cần sử dụng dấu lược bỏ [...] ở vị trí các yếu tố bị lược bỏ. Ví dụ:

Nhà triết học Nga nổi tiếng V.V Nalimov cũng nhận xét: "Tham vọng làm chủ tự nhiên vô hạn độ đang để ra một loạt hiện tượng tiêu cực ngày càng tăng [...] môi trường bị ô nhiễm, thổ nhưỡng bị phá huỷ, khí quyển bị thay đổi; các bệnh tâm thần và tỷ lệ sinh đẻ các trẻ khuyết tật gia tăng [...] Những vấn đề xã hội kinh tế của quá khứ hàng thế kỷ nay tác động đến thế giới phương Tây, đã bắt đầu nhường chỗ cho những vấn đề sinh tồn [...] Đó là sự từ bỏ khát vọng chiếm hữu tự nhiên. Là việc đi tìm

những con đường mở ra khả năng tồn tại của con người trong sự hoà hợp với tự nhiên".

(Trần Ngọc Thêm - *Tìm về bản sắc văn hoá Việt nam*)

3. Nếu có lý do chính đáng để thêm từ ngữ nào đó vào ý kiến trích dẫn (chẳng hạn để nhấn mạnh, giải thích... ) thì từ ngữ được thêm vào đó phải được đặt trong ngoặc đơn và phải nói rõ đó là lời của ai. Ví dụ:

*Theo nhà nhân chủng học nổi tiếng người Nga N.N. Chebokrsarov, "ngay từ sơ kỳ đồ đá cũ (khoảng 50- 30 vạn năm trước Công nguyên - T.N.T), đã xuất hiện hai trung tâm hình thành chủng tộc: sớm hơn là miền Đông Bắc Phi và Tây Nam Á, ít nhiều muộn hơn là miền Đông Nam Á. Những con người muộn hơn nữa thuộc loại hiện đại Homo Sapiens dần dần phân bố rộng rãi khắp nơi trên trái đất... họ tuy còn giữ lại nhiều đặc điểm trung tính nhưng đồng thời cũng tiếp tục thích nghi với những điều kiện tự nhiên khác nhau để phân hoá thành các chủng tộc ngày nay" (1971: 146)*

(Trần Ngọc Thêm - *Tìm hiểu bản sắc văn hoá Việt Nam*)

4. Nếu trích dẫn gián tiếp thì có thể tóm lược nội dung hay diễn giải lại ý kiến được chọn trích dẫn, nhưng phải chú ý là không được làm thay đổi nội dung cơ bản của nó.

Chẳng hạn, thay vì viết : *Hồ Chủ tịch đã nói "Không có gì quý hơn độc lập, tự do"*, chúng ta có thể viết: *Hồ Chủ tịch đã từng nói rằng trên đời này độc lập, tự do là quý nhất.*

Khi sử dụng các số liệu thống kê hoặc trích dẫn ý kiến từ các nguồn tư liệu khác, cần phải có những chú thích thích hợp. (Về chú thích, xin xem mục *Phương pháp chú thích khoa học*)

### Bài tập 1:

Hãy đọc đoạn văn sau đây và cho biết:

1/ Luận điểm chính của đoạn văn.

2/ Những lý lẽ và dẫn chứng nào đã được "huy động" để phục vụ cho luận điểm trên.

3/ Những từ ngữ, kết cấu được đánh dấu có tác dụng (chức năng) gì? Hãy thay thế chúng bằng những cách diễn đạt đồng nghĩa.

*Cho đến nay, việc ứng dụng các kết quả của lý thuyết điều khiển tối ưu ngẫu nhiên vào thực tế chưa được rộng rãi và hiệu quả. Một trong các lý do là khi giải phương trình quy hoạch rộng để tìm điều khiển tối ưu, ta cần chia không gian trạng thái thành các lưới điểm đủ dày đặc và tính điều khiển tối ưu tại các lưới điểm đó. Theo các số liệu thực hành, khi không gian trạng thái có chiều từ bốn trở lên thì việc giải phương trình quy hoạch rộng vượt quá khả năng của máy tính. Hơn nữa, việc tra bảng để tìm điều khiển tối ưu tại các lưới điểm ngày càng mịn của không gian trạng thái rất bất tiện cho các nhà điều hành. Mặt khác, các bài toán điều khiển tối ưu ngẫu nhiên, trong thực tế, thường được mô hình hoá toán học bằng nhiều phương pháp xấp xỉ, dự báo... và tất nhiên chúng phải mắc những sai số. Do đó, việc giải bài toán đó bằng phương pháp xấp xỉ sẽ có ý nghĩa không kém so với việc giải chính xác nó.*

(Theo Trương Chí Tín- Về một phương pháp xấp xỉ giải bài toán điều khiển tối ưu các hệ sai phân ngẫu nhiên có ràng buộc hỗn hợp)

### Bài tập 2:

1/ Hãy đọc đoạn văn sau đây và cho biết vấn đề luận điểm chính của người viết.

2/ Gạch chân (đánh dấu) những từ ngữ, kết cấu được dùng làm công cụ lập luận, sau đó thay thế chúng bằng các cách diễn đạt đồng nghĩa.

Cũng gần thời gian Việt tách Mông thì xảy ra một sự kiện lớn về lịch sử: Việt Nam giành được độc lập tự chủ. Với sự chấm dứt của chế độ Bắc thuộc không phải mọi ảnh hưởng của tiếng Hán, nền văn hoá Hán đều chấm dứt. Trái lại, nhà nước phong kiến Việt Nam vẫn tiếp tục duy trì việc sử dụng chữ Hán, coi chữ Hán là văn tự chính thức. Bắt đầu từ triều Lý, việc tổ chức học hành thi cử bằng chữ Hán càng ngày càng có quy mô. Ngoài hai sản phẩm đã có nền móng sẵn từ giai đoạn trước là cách đọc Hán Việt và kho từ ngữ Hán, sau khi giành được độc lập tự chủ, lại còn hình thành thêm những sản phẩm mới của việc tiếp xúc với chữ Hán, nền văn hoá Hán: đó là kho tàng văn hiến của dân tộc viết bằng chữ Hán, theo truyền thống Hán, và nền văn tự dân tộc- văn tự Nôm, một công cụ phục vụ rất đắc lực cho việc nảy nở các tác phẩm Nôm sau này (thơ Nôm Đường luật, các khúc ngâm, các truyện Nôm v.v...)

Nhưng dầu sao, từ khi giành được độc lập tự chủ thì mối quan hệ với tiếng Hán cũng thay đổi tính chất: không còn là trực tiếp như trước nữa; tiếng Hán không còn là một sinh ngữ như trước nữa; những sự diễn biến ở tiếng Hán không còn kéo theo những ảnh hưởng vào ngôn ngữ bản địa nữa. Từ đây tiếng Việt diễn biến là diễn biến theo quy luật nội tại của mình. Hơn nữa, nó còn bắt cả kho từ ngữ gốc Hán phải diễn biến theo quy luật của mình.

Và tất nhiên, sau khi nền độc lập tự chủ đã giành lại được thì vai trò của tiếng Việt cũng mạnh hẳn lên. Mặc dù nó không được coi là ngôn ngữ chính thức dùng ở công văn giấy tờ, ở học hành thi cử, nhưng trong thực tế nó vẫn trở thành ngôn ngữ có uy thế nhất trong toàn bộ lãnh thổ. Dầu sao nó cũng là tiếng mẹ đẻ của những người nắm quyền lãnh đạo ở triều đình, của tầng lớp quan lại ở địa phương. Dầu sao đó cũng là cái ngôn ngữ lớn nhất, phát triển nhất của đa số dân cư.

(Nguyễn Tài Cẩn - Giáo trình lịch sử ngữ âm tiếng Việt)

### Bài tập 3:

Hãy đọc đoạn văn sau đây và cho biết:

1/ Luận điểm chính của tác giả.

2/ Tác giả đã dùng phương pháp gì để chứng minh cho luận điểm của mình?

3/ Tại sao tác giả lại nêu chuyện Hai Bà Trưng ra trước chuyện Phù Đổng Thiên Vương trong khi xét về mặt thời gian, chuyện Phù Đổng Thiên Vương phải xảy ra trước?

(...) *Lịch sử thường sẵn những trang đau thương, mà hiếm những trang vui vẻ: bậc anh hùng hay gặp bước gian nguy, kẻ trung nghĩa thường lâm cảnh khốn đốn. Những khi ấy, trí tưởng tượng dân chúng tìm cách chữa lại, sự thật để khỏi phải công nhận những tình thế đáng ưu uất.*

Ta thử lấy chuyện Hai Bà Trưng mà xét. Tuy trong lịch sử có chép rõ ràng hai bà phải tự vẫn sau khi đã thất trận, nhưng ngay ở làng Đồng Nhân nơi thờ hai bà vẫn chép rằng hai bà đều hoá đi chứ không phải tử trận. Đối với các nữ tướng của hai bà cũng vậy, ta chỉ thấy các vị anh hùng đó hoá lên trời.

Nghe truyện Phù Đổng Thiên Vương, tôi thường tưởng tượng đến một trang nam nhi, sức vóc hơn người, nhưng tâm hồn hãy còn thô sơ và giản dị, như tâm hồn tất cả mọi người thời xưa. Tráng sĩ ấy gặp lúc quốc gia lâm nguy đã xông pha ra trận, đem hết sức khoẻ mà đánh tan giặc, nhưng bị thương nặng. Tuy thế, người trai làng Phù Đổng vẫn còn ăn một bữa cơm (chỗ ấy nay lập đền thờ ở làng Xuân Tảo) rồi nhảy xuống Hồ Tây tắm, xong mới ôm vết thương lên ngựa đi tìm một rừng cây âm u nào, ngồi dựa một gốc cây to, giấu kín nỗi đau đớn của mình mà chết.

(Nguyễn Đình Thi - Sức sống của dân Việt Nam trong ca dao và cổ tích).

### Bài tập 4:

1/ Đoạn văn sau đây, từ câu thứ hai trở đi bị sắp xếp lộn xộn. Hãy sắp xếp lại thứ tự các câu cho hợp lý.

2/ Tìm và thay thế các từ ngữ, kết cấu chuyển đoạn bằng các cách diễn đạt đồng nghĩa.

1. Kể ra, ở lăng Khải Định không thiếu gì những đặc điểm của mỹ thuật Nguyễn, trước hết là trong trang trí, mà các bạn đồng hành không nề hà chỉ cho tôi xem, giảng cho tôi hiểu.

2. Có điều là phải đến Khải Định thì hình thức ấy mới bị đẩy đến mức "bệnh hoạn" trên các vách tường lăng này.

3. Thị hiếu của một ông vua đâu có xoá nổi mọi thành tựu của một thời. Nói đâu xa, kỹ thuật trang trí ngoại thất và nội thất bằng mảnh sứ nội phủ gắn lên mặt vôi vữa đã trở thành phổ biến từ Gia Long kia.

4. Và chẳng tôi tự nhủ, với tâm lý khoe của và có lẽ ít nhiều cả tâm lý học đòi "kiểu Tây", thì Khải Định, thông qua những người thiết kế lăng cho ông, còn đâu đủ tâm lực, đủ trí tưởng tượng, để cải biến hình tượng con rồng, mà mẫu mực đã sẵn có trong kiến trúc Đại Nội, của lăng tẩm các đời vua trước?

5. Vẫn theo lời các anh, rồng ở đây, chẳng hạn, vẫn là rồng Nguyễn.

### Bài tập 5:

Sau đây là đơn xin thôi học của một học sinh phổ thông trung học. Trong đơn có nhiều lỗi diễn đạt cũng như lập luận.

Anh (chị) hãy giúp em học sinh ấy viết lại đơn.

#### **Đơn xin thôi học.**

Kính gửi: Ban giám hiệu trường phổ thông trung học Bến Tre.

Đồng kính gửi: Thầy giáo chủ nhiệm lớp 12 E.

Em tên là Đinh Trường Giang, hiện là học sinh lớp 12 E Trường phổ thông trung học Bến Tre, trường đã liên tục đạt danh hiệu trường tiên tiến của tỉnh trong 3 năm qua.

Trong hai năm vừa qua em đã theo học tại trường và luôn là một học sinh mẫu mực. Em cũng đã góp phần xây dựng đội văn

nghe của trường lớn mạnh, đạt nhiều giải thưởng phong trào ở địa phương. Song hiện nay vì hoàn cảnh gia đình em được bảo lãnh để đoàn tụ gia đình, em là con lớn trong gia đình nên cũng phải theo sang Pháp, chứ em không thể sống tự lập được. Do đó em không thể tiếp tục theo học tại trường được nữa.

Một lý do quan trọng nữa khiến em phải thôi học là mẹ em sức khoẻ không được tốt từ nhiều năm nay, bởi vậy dù yêu mến quê hương, em cũng phải theo gia đình để chăm sóc mẹ.

Em viết đơn này kính gửi lên quý trường kính mong quý trường xem xét và giải quyết cho em được rút lại học bạ, đồng thời cho em được thôi học.

Được vậy, em xin chân thành cảm ơn.

Bến Tre, ngày 4 tháng 4 năm 1992.  
Học sinh: Đinh Trường Giang.

### Bài tập 6:

Hãy viết 3 đoạn văn ngắn phát triển ý tưởng chính nêu trong các *câu chủ đề* được cho sau đây. Sử dụng các cách nêu luận cứ khác nhau (nêu dẫn chứng thực tế, đưa ra các con số thống kê, trích dẫn các ý kiến khác) để chứng minh các luận điểm của bạn.

1. Động vật hoang dại quý hiếm trên thế giới đang đứng trước nguy cơ bị tiêu diệt.
2. Môi trường sống của con người ngày nay đang ngày càng bị ô nhiễm nặng nề.
3. Máy vi tính đang thâm nhập vào mọi mặt của đời sống.

### Bài tập 7:

Hãy đọc đoạn văn sau đây và cho biết việc dùng từ nổi vi vậy để chuyển đoạn lập luận có thích hợp không? Tại sao? Hãy đề nghị cách chữa thích hợp.



Sông Terera bắt nguồn từ dãy Hymalaya. Chiều dài của sông khoảng 2900 km, có 5 chi lưu chảy qua vùng Hora, phía nam Nepan. Vì vậy, theo ngôn ngữ địa phương, Hora có nghĩa là năm sông.

### Bài tập 8:

Sau đây là một danh sách các từ ngữ thường dùng trong lập luận. Hãy thử phân loại danh sách này theo tiêu chí của anh chị.

chẳng những thế/ tuy nhiên/ nếu quả thực/ có lẽ/ dù sao / điều chắc chắn là/ nói chung / thế nhưng/ mặc dù/ thực ra/ ngay cả/ may thay/ đương nhiên/ rõ ràng là/ có... chẳng / nếu thế mà quả vậy/ có lẽ chính vì.../ nếu có thể nói rằng/ về cơ bản/ như vậy/ ngược lại/ tuy... nhưng/ cũng có người cho rằng/ qua... có thể rút ra/ khác với.../ tiếc rằng/ đây không chỉ là.../ thực tiễn cho thấy/ phải chăng/ nếu thực thế/ hướng chi/ có điều là/ điều đó đảm bảo cho.../ đến đây một câu hỏi tất nhiên được đặt ra/ trong khuôn khổ của/ chính vì thế/ trên (về) cơ bản/ chắc hẳn/ và biết đâu/ nói tóm lại/ mặc dù...nhưng.../ biết đâu/ hơn nữa/ và chẳng/ đương nhiên/ nói như vậy để thấy rằng/đó là chưa nói đến/ nếu tôi không nhầm/ trong những điều kiện như thế/đó thực ra chỉ là/ như mọi người đều biết/ chính vì... mà.../ có thể mới.../ căn cứ vào/ chưa hết/ thực ra/ trước hết/ trên hết/ nếu quả thực/ nhưng như trên đã nói/ cùng lắm/ mặt khác/ một nhân tố nữa/ có lẽ cũng cần tính đến/ ngoài ra/ không chỉ ...mà còn/ xung quanh... còn có một biệt lệ đáng lưu ý/ trước những hiện tượng... chúng tôi không khỏi tự hỏi.../ nhưng chúng tôi không quên rằng/ mà quả vậy/ còn trong trường hợp/ chúng tôi tạm gọi... là.../ trong trường hợp thứ nhất/ nhưng điều đó hoàn toàn tùy thuộc vào/ nhưng dù sao/ đáng lưu ý hơn là/ chỉ có điều/ chỉ một nỗi/ về một phương diện nào đó/ A chẳng qua là một cách nói để/ trong khuôn khổ của.../ trong phạm vi bài này/ đây chỉ là những nhận xét bước đầu/ còn phải/ cái có thể còn lại là.../ kể ra, cũng có thể.../ nói

một cách khác / đây không phải là / hơn nữa / cũng đừng quên  
rằng / chẳng những thế / thông thường... / điều đáng lưu ý hơn /  
xa hơn nữa / chẳng những thế / chỉ khi nào... chúng ta mới / đã  
đến lúc / một số nhận xét trên có thể khiến S nghĩ rằng / đương  
nhiên / nói như vậy là để cùng nhau / dù muốn dù không / ở đây  
chúng tôi chỉ... / tất nhiên với... thì / về cơ bản / về ... nên nhớ  
rằng... / cũng có giả thiết rằng / đã thế / đã... lại / và nếu  
có...thì... / tuy nhiên để tránh ngộ nhận / chúng ta đã nói nhiều  
đến / người ta đã bàn nhiều đến / khó mà biết được / điều không  
thể bỏ qua / có...nào lại không... / còn có lý do... nữa / chỉ qua  
...cũng đã... / trừ trường hợp / ở đây không cần nhắc lại... / quay  
về (trở lại) với vấn đề / ai dám nói chắc rằng / một mặt... mặt  
khác... / một lần nữa... / khi mà... còn (đã) .... thì / một điều chắc  
chắn là... / có thể nói rằng / có lẽ chính vì vậy / điều lạ hơn là... /  
đáng ra / có gì đâu... / nói thế là cố tình ... / không dễ dàng gì  
mà... / có điều..., mà đã là... thì... / đã là... tất nhiên... / hãy thử /  
những điều ấy, xin nhắc lại, chỉ là / quan niệm thế... vô hình  
chung là... / ở mức hiểu biết hiện nay / tuy nhiên, đâu phải... /  
điều lý thú là... / không thể không ... / vấn đề còn lại là... / số  
là... / nghĩ cho cùng / từng ấy cũng đủ để có thể nhận ra / nói  
một cách khác / đây, tất nhiên, không phải là / trong chừng mực  
nào đó / chỉ biết rằng / một chi tiết đáng lưu ý là / tiếc rằng /  
nhưng xét cho cùng / thậm chí, như ta đã biết... / đó là chưa nói  
đến... / không lạ rằng... / dù... đâu (gì, sao) thì... / một lần nữa /  
vả chăng / hãy lấy ..., chẳng hạn, làm ... / ấy là chưa tính đến... /  
như vậy, vô hình trung... / hãy giả định rằng... / nói cho cùng /  
song song với...chắc hẳn còn có... / kể ra / một điều cần phải nói  
ngay / kể ra, không có gì phải ngạc nhiên / đành rằng...  
nhưng... / trên cơ sở / trên nguyên tắc / vấn đề là / tự bản thân  
nó / bất cứ giá nào / vô luận / không nghi ngờ gì / và ngay đến  
cả... / đâu phải vì... mà... /

### **Bài tập 9:**

Để chứng minh cho luận điểm về tính tương đối của thế giới, có thể sử dụng một trong ba cách luận chứng sau đây:

1. Ai cũng biết rằng mọi thứ trên đời này đều là tương đối.
2. Một nhà khoa học nào đó đã nói: mọi thứ trên đời này đều là tương đối.
3. Nhà bác học Anh-xtanh đã từng nói: "Mọi thứ đều là tương đối".

Hãy cho biết cách luận chứng nào mang tính thuyết phục cao nhất, vì sao?

### **Bài tập 10:**

Nhà bác học Anh-xtanh đã từng nói: "Mọi thứ đều là tương đối".

Hãy lập dàn ý cho ba văn bản khác nhau, trong đó lần lượt sử dụng luận điểm trên của Anh-xtanh với tư cách là:

- a. Chủ đề chung của văn bản.
- b. Chủ đề bộ phận của đoạn văn.
- c. Luận cứ phục vụ cho luận chứng nào đó.

#### ***1.1.3. Xây dựng kết cấu văn bản.***

##### **I. Lập dàn ý:**

**Lập dàn ý** cho văn bản cũng có tầm quan trọng như lập bản vẽ xây dựng cho một ngôi nhà. Người kiến trúc sư lập bản vẽ để tính toán, cân đối các bộ phận cấu thành của công trình. Còn người viết lập dàn ý để các ý tưởng của mình được trình bày cân đối, chặt chẽ, mạch lạc.

Việc lập dàn ý đảm bảo cho chúng ta loại trừ các ý không cần thiết, cũng như không bỏ sót những ý quan trọng, đồng thời sắp xếp các ý theo một trình tự hợp lô gích.

Với một dàn ý tốt, chúng ta có thể viết nhanh hơn, dễ dàng hơn. Chúng ta sẽ không phải quá lo lắng về những gì sắp trình

bày, bởi vì các vấn đề đã được lựa chọn và sắp xếp khi chúng ta tiến hành lập dàn ý.

Trước khi bàn đến các bước cụ thể của việc lập dàn ý, cần thấy rõ mối quan hệ có tính tương đối ở các cặp khái niệm chủ đề chung/ chủ đề bộ phận, luận điểm/ luận cứ cũng như sự thay đổi cương vị của chúng tùy theo những trường hợp cụ thể. Chủ đề có thể là đề tài, là khía cạnh của đề tài. Nhưng chủ đề cũng có thể là luận điểm, luận cứ. Có thể nói, trong cấu trúc của văn bản thì từ một chủ đề chung, người viết sẽ xây dựng một hệ thống tầng bậc các chủ đề bộ phận, phân biệt với nhau theo cấp độ, theo mức độ quan hệ với chủ đề chung.

Nếu vượt ra ngoài giới hạn của một văn bản mà xét thì sự phân biệt có tính nội bộ giữa mỗi cặp khái niệm trên đây cũng chỉ là tương đối: Chủ đề chung ở văn bản này có thể chỉ là chủ đề bộ phận ở một văn bản khác, bị bao hàm trong một chủ đề khác lớn hơn. Ngược lại, một chủ đề bộ phận ở văn bản này lại có thể trở thành chủ đề chung của một văn bản khác nếu nó là chủ đề bao quát của toàn bộ văn bản thứ hai. Tương tự, luận điểm ở văn bản này có thể trở thành luận cứ ở văn bản khác, và ngược lại.

Các bước lập dàn ý có thể được cụ thể hoá như sau:

**1) Xác lập các ý lớn:** thực chất là xác lập các chủ đề bộ phận trong tương quan với chủ đề chung của văn bản. Ví dụ, chủ đề chung là nạn ô nhiễm môi sinh thì các chủ đề bộ phận có thể là: a) Thực trạng ô nhiễm môi sinh; b) Những tác nhân gây ra nạn ô nhiễm môi sinh; c) Các biện pháp khắc phục.

(Về vấn đề này, xin xem thêm mục 1.1.1. Xác định chủ đề chung và chủ đề bộ phận của văn bản).

**2) Xác lập các ý nhỏ:** các ý lớn cần được cụ thể hoá, khai triển thành các ý nhỏ hơn. Đến lượt mình, các ý nhỏ này cũng có thể được cụ thể hoá, khai triển thành các ý nhỏ hơn nữa.

Chẳng hạn, khi xem xét thực trạng ô nhiễm môi sinh, có thể nêu các vấn đề sau:

- Ô nhiễm nguồn nước.
- Ô nhiễm không khí.
- Ô nhiễm đất đai.

Đến lượt mình vấn đề ô nhiễm nguồn nước lại được tiếp tục khai triển ở các khía cạnh sau: biển và đại dương bị ô nhiễm, sông hồ bị ô nhiễm, các mạch nước ngầm cũng bị ô nhiễm v.v...

**3) Sắp xếp các ý:** Việc sắp xếp các ý có ảnh hưởng quan trọng đến việc tiếp thu của người đọc. Có nhiều cách tổ chức, sắp xếp các ý nhưng nguyên tắc chung là làm sao để người đọc *đễ tiếp thu nhất* và việc trình bày được *tiết kiệm nhất, không bị trùng lặp*.

Khi lập dàn ý, cần tuân thủ một số nguyên tắc sau đây:

a) Nguyên tắc **thiết thực**: các ý đưa ra phải nằm trong định hướng phục vụ chủ đề chung của văn bản, phù hợp với những yêu cầu về nội dung và phương hướng giải quyết vấn đề chung. Nói cách khác, không nên sa đà vào những ý hoặc quá vụn vặt, hoặc có mối liên hệ quá xa đối với chủ đề chung của văn bản.

Vi phạm nguyên tắc này, văn bản sẽ rơi vào tình trạng tản mạn, lạc đề. Chẳng hạn, nếu chủ đề chung của văn bản là ***cuộc cách mạng thông tin trong thế giới ngày nay*** mà người viết lại nêu một ý lớn (chủ đề bộ phận) là ***tình trạng phạm pháp*** trong thanh thiếu niên Mỹ ngày nay do ảnh hưởng của phim bạo lực thì văn bản không thể được xem là đã đạt chuẩn mực.

b) Nguyên tắc **giá trị tương đương**: các ý lớn hoặc các ý nhỏ cùng cấp độ phải có mối quan hệ tương đương, một giá trị cùng loại nào đó khi đối chiếu với chủ đề chung hoặc đối với các chủ đề bộ phận. Nếu vi phạm nguyên tắc này, văn bản sẽ không có được sự cân đối tối thiểu hoặc mắc vào tình trạng lộn xộn, làm tổn hại đến tính mạch lạc của văn bản.

Chẳng hạn, nếu chủ đề chung là ***vai trò của thể thao*** đối với cuộc sống con người mà người viết lập dàn ý với các ý lớn sau đây:

- Thể thao tăng cường sức khoẻ cho con người;
- Thể thao đem lại niềm vui, tạo ra những giá trị tinh thần to lớn;
- Thể thao giúp con người sống trung thực, tự tin.

thì dàn ý này mất cân đối, trùng lặp vì ý thứ ba rõ ràng đã được bao hàm trong ý thứ hai.

Trong khi lập dàn ý, để phân biệt các ý lớn, ý nhỏ theo cấp độ, người ta thường dùng cách xuống dòng và dùng tuần tự các ký hiệu chữ số La Mã (I,II,III,IV...), chữ cái in (A,B,C,D...), các chữ số Ả Rập (1, 2,3,4...) , các chữ cái thường (a, b,c d...) v.v... Nếu cần chi tiết hơn nữa thì dùng các ký hiệu dấu gạch đầu dòng hoặc dấu hoa thị...

Cần chú ý là phải viết dàn ý một cách ngắn gọn, súc tích, tránh dùng các câu dài (câu phức, câu mở rộng nhiều thứ bậc thành phần...). Tuyệt đối không dùng các thành phần than gọi, các từ cảm thán, các từ, ngữ biểu thị tình thái không chắc chắn (như: *có lẽ, chắc là, lẽ ra, có thể, nói cho cùng, một cách đại khái...*) trong khi lập dàn ý.

### Một vài lưu ý:

Trong kết cấu văn bản, phần mở đầu với nhiệm vụ giới thiệu chủ đề chung, các chủ đề bộ phận cũng như hướng khai triển văn bản đóng vai trò rất quan trọng, cần viết một cách ngắn gọn nhưng đầy đủ, sắc sảo. Không hiếm trường hợp chúng ta bắt gặp những văn bản mở đầu một cách rối rắm, dài dòng cầu kỳ mà không gắn bó gì với nội dung của phần khai triển. Phần kết thúc, vốn đóng một vai trò không nhỏ đối với tính toàn vẹn của văn bản cũng thường bị xem nhẹ, viết thật sơ sài hoặc sai cách. Kỹ năng thực hành văn bản đòi hỏi phải hoàn thiện cả hai phần này.

Sau đây là những chỉ dẫn cần thiết giúp cho việc viết *phần mở đầu* và *phần kết thúc* của văn bản .

## Phân mở đầu

Đây là phần thường gây khó khăn, làm mất nhiều thời gian nhất. Nhiều người viết phần này là họ thường phải loay hoay, nghĩ đủ cách này cách khác mà vẫn không tìm được cách mở đầu như ý. Tuy nhiên, vấn đề sẽ trở nên đơn giản hơn, dễ dàng hơn nếu chúng ta biết rằng, về cơ bản, phần mở đầu có những nhiệm vụ sau đây:

1. Giới thiệu chủ đề chung của văn bản.
2. Cung cấp những thông tin nền, làm bối cảnh cho chủ đề chung của văn bản.
3. Ở một mức độ cần thiết, có thể giới thiệu dàn bài tổng quát hoặc phương hướng khai triển của văn bản.
4. Khêu gọi được sự chú ý của người đọc đối với các vấn đề sẽ trình bày.

### Ví dụ 1:

*Hàng năm, mỗi khi mùa mưa lạnh đến cũng là lúc các bệnh viện thường tiếp nhận các ca người lớn tuổi bị té khi đi tắm hay đi vệ sinh, ngủ đêm đến sáng kêu không dậy..., phần lớn trong số đó ra đi không kịp nhận nhủ lại gì cho con cháu. Mới hôm qua họ còn khoẻ mạnh bình thường nhưng hôm nay bạn bè hàng xóm đã phải đến chia buồn. Điều gì đã xảy ra với họ? Những người này đã bị "tai biến mạch máu não"! Đó là danh từ thường dùng để chỉ tất cả các rối loạn, thương tổn của não bộ do bệnh của hệ thống mạch máu não gây ra.*

(BS Bùi Minh Trạng - Người lớn tuổi  
và chứng đột quỵ)

### Ví dụ 2:

*Đã định không nói, nhưng không nói không chịu được. Ồ mà nếu ca tụng thịt cây mà mang tiếng là thiếu văn minh thì mình cũng đành chịu cái tiếng thiếu văn minh vậy, chớ nói miếng ngon Hà Nội mà không nói đến thịt cây, người ta quả là thấy*

thiếu thôn rất nhiều. Chỉ thiếu có một người, vũ trụ bao la hieu quanh... hướng chi lại thiếu thớt cây thì còn vui sống làm sao?

(Vũ Bằng - Miếng ngon Hà Nội)

### Phần kết thúc.

Nhiều người trong chúng ta chưa ý thức được vai trò quan trọng của phần này nên thường viết chúng một cách đại khái. Thực ra, phần kết thúc rất quan trọng đối với toàn bộ cấu trúc văn bản. Trong phần này, bằng cách *tóm lược* những luận điểm chính được trình bày ở phần phát triển hoặc *diễn giải lại* câu luận đề của văn bản, người viết thông báo cho người đọc biết là văn bản đã được kết thúc. Cũng trong phần này, người viết có thể nêu những *nhận định, bình luận cuối cùng* của mình nhằm kêu gọi những *suy nghĩ tiếp theo về đề tài*. Vì đây là dịp cuối cùng để bộc lộ, thể hiện mình nên chúng ta cần viết phần này một cách *súc tích, mạnh mẽ, gây ấn tượng* để độc giả có thể nhớ lâu dài những luận điểm chính của văn bản.

#### Ví dụ:

*Trong một tương lai không xa, chắc chắn Đại học Huế sẽ vươn lên sánh ngang với các Đại học khác của nước ta và của khu vực. Nó sẽ đóng một vai trò lớn lao trong quá trình phục hưng, trỗi mình lớn lên của nước Việt nói chung, Huế nói riêng. Đại học Huế cũng là một tiềm năng của Huế. Bởi vì Huế, hay nói rộng hơn, cả cái dải miền Trung này, nói đến tiềm năng thì còn có gì khác nếu không phải là văn hoá và học vấn, trí tuệ của con người?*

(Nguyễn Phong Nam - *Đại học Huế và tiến trình cải cách giáo dục đại học ở Việt Nam*)

### Bài tập 1:

Hãy tưởng tượng bạn là phóng viên của một tờ báo nọ và bạn được giao nhiệm vụ viết một phóng sự về tình hình an toàn giao thông trên địa bàn thành phố của bạn. Hãy lập dàn ý chi tiết cho bài phóng sự ấy.



## Bài tập 2:

Một sinh viên xã hội học cần viết một khảo luận về những thuận lợi và những khó khăn trong đời sống xã hội hiện nay. Anh ta mở đầu bài viết với **câu luận đề** như sau:

*"Con người sống trong xã hội ngày nay có được nhiều ưu thế hơn so các thế hệ trước, chẳng hạn được hưởng một mức sống cao hơn, được chăm sóc y tế tốt hơn, nhưng đồng thời anh ta cũng phải đối diện với những nguy cơ về ô nhiễm môi trường, sự xuống cấp của những giá trị xã hội cũng như sự lệ thuộc quá nhiều của con người vào máy móc".*

Căn cứ vào câu luận đề trên, bạn hãy giúp sinh viên nọ viết dàn ý chi tiết cho bài khảo luận.

## Bài tập 3:

Sau đây là một dàn ý chi tiết theo chủ đề và yêu cầu ở bài tập 2.

1. Bạn hãy cho biết các ý đã được sắp xếp hợp lý chưa, tại sao bạn cho như vậy?

2. Hãy xem xét dàn ý đoạn văn(I). Có bao nhiêu ý (luận điểm) được nêu ra? Bạn có cho rằng như vậy là quá nhiều cho một đoạn văn không? Bạn có thể tổ chức lại, chia đoạn văn này thành một số đoạn văn khác được không?

3. Hãy sắp xếp lại dàn ý và có thể bổ sung một số ý khác, nếu cần thiết.

Những thuận lợi và những khó khăn trong đời sống xã hội hiện nay.

*Câu luận đề:* Con người sống trong xã hội ngày nay có được nhiều ưu thế hơn so các thế hệ trước, chẳng hạn được hưởng một mức sống cao hơn, được chăm sóc y tế tốt hơn, nhưng đồng thời anh ta cũng phải đối diện với những nguy cơ về ô nhiễm môi

trường, sự xuống cấp của những giá trị xã hội cũng như sự lệ thuộc quá nhiều của con người vào máy móc.

I/ Ưu thế của xã hội ngày nay là mọi người được hưởng một mức sống cao hơn hẳn so với các xã hội trước.

A. Kiếm được nhiều tiền hơn cho những công việc ít nặng nhọc hơn.

1. Công việc tay chân được giảm bớt.

2. Có nhiều máy móc phục vụ công việc trong gia đình.

a. Máy rửa chén bát.

b. Máy giặt.

c. Máy hút bụi.

3. Tiền lương được nâng cao hơn.

4. Phục vụ và phúc lợi xã hội tăng lên.

a. Bảo hiểm xã hội tốt hơn.

b. Sự ra đời của các quỹ trợ cấp thất nghiệp.

B. Tuổi thọ trung bình không ngừng được nâng cao.

1. Chăm sóc y tế ngày càng tốt hơn.

a. Có bảo hiểm cho người tàn tật, người mất khả năng làm việc.

b. Số lượng bệnh viện, bác sĩ, y tá trên đầu người tăng.

c. Xuất hiện những tiến bộ trong y học điều trị.

2. Chế độ dinh dưỡng tốt hơn cho mọi người.

3. Giao thông đi lại được nhanh chóng và thuận tiện hơn.

4. Thời gian giải trí, vui chơi nhiều hơn.

C. Đời sống có nhiều tiện nghi hiện đại.

1. Thông tin liên lạc không ngừng hoàn thiện.

a. Điện thoại.

b. Ra đi ô và vô tuyến truyền hình.

II/ Một trong những hiểm họa mà con người ngày nay phải đối mặt là tình trạng ô nhiễm môi trường đã đến mức báo động.

A. Không khí bị ô nhiễm.

1. Ô nhiễm vì các loại khói công nghiệp.

2. Ô nhiễm vì bụi phóng xạ.

B. Nguồn nước bị ô nhiễm.

III/ Một vấn đề khác là những quan hệ truyền thống giữa người và người bị sa sút nghiêm trọng, con người ngày càng có xu hướng lệ thuộc và gấn bó nhiều hơn với máy móc.

IV/ Những giá trị tinh thần cũ đang bị mất đi.

A. Văn hoá vật chất và chủ nghĩa thực dụng xâm nhập vào mọi lĩnh vực đời sống.

B. Một số đức tin tôn giáo bị nghi ngờ và coi thường.

#### Bài tập 4:

Hãy đọc bài báo sau đây và viết lại dàn ý chi tiết của bài báo:

#### *Ngủ trưa - lợi hay hại?*

*Từ lâu, người ta đã nghiên cứu về tác dụng của giấc ngủ trưa đối với sức khoẻ con người. Một điều tra mới đây cho thấy, phần lớn người dân châu Âu làm việc cả vào buổi trưa và phải cố gắng chống lại cơn buồn ngủ ập đến.*

*Giấc ngủ cũng giống như tình dục và tiền bạc, được nhiều người quan tâm. Các bác sĩ đã chứng minh, giấc ngủ trưa rất có ích cho sức khoẻ. Một giấc ngủ ngắn vào ban trưa cũng làm cho tinh thần sảng khoái, nâng cao thể chất và kéo dài tuổi thọ. 50 năm về trước, phần lớn người Hy Lạp, ý, Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha thường có cảm giác mệt mỏi sau bữa ăn trưa do họ không ngủ; nay thì một phần năm dân số các nước trên ngủ trưa. Giáo sư Constantin Soltatos, chuyên viên về giấc ngủ ở trường Đại học Tổng hợp Athens (Hy Lạp) cho rằng ngủ trưa có tác*

dụng làm tăng năng suất lao động. Nhưng vấn đề là ngủ trưa trong thời gian bao lâu thì tốt nhất? Thực tế đã cho thấy, những ai ngủ trưa quá lâu thì lại ngủ ít hơn vào buổi tối. Giáo sư Ian Oswald ở trường Đại học Tổng hợp Edinburgh cho rằng thời gian ngủ trưa đối với từng người như "cỡ số đôi giày": có người cần ngủ nhiều, có người ngủ ít. Nghiên cứu cho thấy, nếu ai ngủ vào ban đêm từ 7 giờ đến 8 giờ thì cuộc sống sẽ kéo dài hơn, còn người nào ngủ dưới 6 giờ hoặc trên... 10 giờ thì dễ bị... vong! Ở những nước vùng nhiệt đới, nếu ăn trưa quá ngon, lại uống rượu, thì giấc ngủ trưa sẽ rất mệt mỏi. Nhiều người cho rằng, chính bữa ăn trưa là nguyên nhân của việc mất ngủ...nhưng cũng những món ăn đó được dùng vào buổi tối thì lại ngủ ngon lành! Có những chất trong thức ăn làm ta mau ngủ, ví dụ như tryptophan thường thấy trong thịt, bơ, sữa. Cứ 225g thịt chứa 2g tryptophan, con số tối thiểu để "điều hoà" giấc ngủ.

Các nhà tâm lý học cho rằng, giấc ngủ phụ thuộc vào việc món ăn trưa có được thoả mãn hay không? Món ăn trưa ngon thì giấc ngủ sẽ đến mau và sau đó, việc làm sẽ phấn chấn hơn. Uống rượu vào buổi trưa sẽ tác động mạnh đến giấc ngủ. Một nghiên cứu ở Anh cho thấy, uống rượu vào buổi trưa sẽ tác động xấu đến cơ thể của tài xế gấp 2 lần nếu uống vào buổi tối.

Còn một vấn đề nảy sinh là, nhiều người thích ngủ trưa ở nhà hơn trong công sở. Cho đến nay, người ta vẫn chưa biết, con người cảm thấy thoải mái hưởng thụ giấc ngủ trưa hay giấc ngủ trưa đem lại cho con người sự khoái cảm?

Tại nhiều quốc gia, giấc ngủ trưa rất được coi trọng. Ở một số nước vùng Địa Trung Hải, các trường học, cửa hàng, và công sở chỉ mở cửa vào buổi sáng, còn từ một giờ trưa đến bốn giờ chiều được nghỉ, lý do: ăn và ngủ trưa. Cựu thủ tướng ý Bettino Crasi là người "nổi tiếng" về ngủ trưa. Mỗi ngày ông ta phải ngủ trưa một giờ đồng hồ. Còn cựu thủ tướng Giulio Andreotti thì chỉ ngủ trưa có 10 phút.

(Huỳnh Công Minh Hùng - Thế giới mới, số 68/1993)

## Bài tập 5:

Nêu một cách vắn tắt dàn ý của bài viết sau:

*Nguồn năng lượng điện thủy triều và năng lượng sóng.*

Ngay từ thế kỷ XI-XII ở các bờ biển nước Pháp, Anh và Xcốtlen người ta đã biết lợi dụng thủy triều để làm chuyển động cối xay bột, thế mà chỉ mới hơn 30 trở lại đây người ta mới tạo ra những trạm điện thủy triều. So với thủy điện trên sông, điện thủy triều có một số điểm ưu việt. Điện sông còn có mùa khô, mùa cạn, thời tiết tác động nên sản lượng điện không đều. Trong khi đó, thủy triều cho ta một điện năng tương đối ổn định. Tất nhiên hoạt động của nhà máy điện dùng năng lượng thủy triều cũng có những phức tạp riêng, vì thủy triều lại liên quan đến quy luật vận hành của mặt trăng. Ngoài ra, sóng to, gió lớn, bão biển cũng ảnh hưởng đến nguồn năng lượng này. Các nhà năng lượng học cũng tiên đoán một viễn cảnh đẹp đối với ngành năng lượng thủy triều. Trong tương lai, điện thủy triều sẽ có vị trí đáng kể trong việc cung cấp điện năng.

Một trong những nhà máy điện thủy triều đầu tiên đã được người Pháp xây dựng năm 1966 ở bờ biển Măngơ thuộc thành phố Xanh Malô, công suất nhà máy là 240 ngàn kilôoát. Nhà máy có một con đê dài 350m, nhà máy được xây dựng trong 6 năm.

Pháp là nước đi tiên phong trong lĩnh vực xây dựng nhà máy điện thủy triều. Hiện nay, một nhà máy công suất 50 triệu kilôoát khác đang được thi công ở bờ biển Măngơ. Pháp dự kiến sẽ bán điện cho Na Uy và Thụy Điển bằng nguồn năng lượng này.

Sau Pháp, Anh là nước có đầu tư lớn vào ngành năng lượng thủy triều. Nhà máy điện thủy triều của Anh ở cửa sông Seven có ý nghĩa quan trọng đối với ngành năng lượng của nước này. Tại đây, độ cao chênh lệch của thủy triều là 14,5m, riêng nhà máy

điện này phối hợp với nhà máy điện nguyên tử gần đó sẽ cung cấp 20% năng lượng điện cho cả nước.

Trên thế giới có khoảng 20 nước có tiềm năng về điện thủy triều. Các nước Hà Lan, Đức, Hoa Kỳ, Canada, Achentina, Ôxtrâyliá, Ấn Độ và một số nước khác đang tiến hành thi công các công trình tạo nguồn năng lượng rẻ tiền này.

Năng lượng điện thủy triều cần được nhìn nhận như một thành phần trong ngành sản xuất năng lượng. Chỉ trong hệ thống sản xuất năng lượng cùng với nhiệt điện, thủy điện, điện nguyên tử, điện thủy triều mới phát huy được tác dụng. Trong hệ thống sản xuất năng lượng các thành phần sản xuất năng lượng bổ khuyết cho nhau và như vậy những mặt ưu việt của từng loại năng lượng mới phát huy hết thế mạnh của mình.

Sau năng lượng thủy triều, biển có thể cho ta một nguồn năng lượng khác. Đó là năng lượng sóng. Tiên sĩ năng lượng Sontơ người Anh đã sáng chế ra một máy tương đối hoàn chỉnh để thu nhận năng lượng sóng. Phát minh của Sontơ đã thu được một hiệu suất kỷ lục về sản xuất năng lượng. Máy đã thu được tới 85% công sản ra của sóng biển (các hệ thống máy khác chỉ đạt không quá 50%) Theo tính toán lý thuyết thì 1m sóng biển "chứa đựng" từ 40 đến 100 kilôoat năng lượng có thể khai thác được. Từ đó suy ra một hệ thống chuyển thu năng lượng dài 90 km hoàn toàn có thể thoả mãn nhu cầu về điện cho cả nước Anh.

Trên thực tế, người ta đã khai thác được nguồn năng lượng này vào việc thắp sáng các ngọn đèn biển. Ở Nhật Bản hơn 300 đèn báo và đèn biển được thắp sáng bằng năng lượng sóng biển. ở cảng Madrat của Ấn Độ một hải đăng nổi di động đang hoạt động có hiệu quả bằng năng lượng điện thủy triều.

Ở các nước Hoa Kỳ, Đức, Thụy Điển và một số nước khác, các nhà năng lượng học đang tích cực nghiên cứu, khai thác có hiệu quả và với quy mô lớn nguồn năng lượng vô tận này vì biển có bao giờ không có sóng?

Các nguồn năng lượng khác có thể khai thác từ biển cũng đang được khẩn trương nghiên cứu về lý thuyết cũng như thực nghiệm.

(Đào Xuân Cường, Vũ Đình Hoạt - Địa lý giải trí)

### Bài tập 6:

Hãy thử lập một dàn ý chi tiết cho các văn bản sau đây:

1. Báo cáo của một cán bộ y tế về công tác phòng chống nạn suy dinh dưỡng đối với trẻ em nghèo trong thành phố.
2. Dự án của một kiến trúc sư về công tác bảo tồn và tôn tạo những khu phố cổ Hà Nội.
3. Một đơn đề nghị được thi chuyển giai đoạn từ trường này sang trường khác cùng nhóm ngành đào tạo.
4. Một đơn xin việc gửi cho một công ty Việt Nam liên doanh sản xuất với nước ngoài.

### II. Các kiểu tổ chức văn bản.

Trong 3 thành phần cấu tạo văn bản (phần mở đầu, phần khai triển, phần kết thúc) thì phần mở đầu và phần kết thúc thường có khuôn mẫu tổ chức ổn định, chúng thường giống nhau ở các loại văn bản khác nhau, lại chiếm tỷ lệ nhỏ so với toàn bộ văn bản. Vì vậy, nói đến các kiểu tổ chức văn bản thì chủ yếu là nói đến sự khác nhau trong cách thức tổ chức của *phần khai triển*.

Có nhiều cách tổ chức, trình bày văn bản. Chọn cách nào là phụ thuộc vào loại vấn đề được trình bày, vào loại hình văn bản, vào đối tượng mà văn bản hướng tới hoặc có thể chỉ phụ thuộc vào thói quen, sở trường của người viết. Nhưng tựu trung lại, có thể nêu hai cách trình bày chính sau đây:

#### *1. Trình bày vấn đề theo các trình tự khách quan.*

- a. Trình bày theo trình tự thời gian.
- b. Trình bày theo các quan hệ lô gích khách quan, thực tế.

Chẳng hạn, ta có cách trình bày vấn đề theo quan hệ nhân quả, quan hệ tôn ti, quan hệ toàn thể- bộ phận...

## **2. Trình bày vấn đề theo các trình tự chủ quan.**

a. Trình bày theo lô gích chủ quan (tức lô gích của sự đánh giá, so sánh, điểm nhìn của người viết, theo những định hướng giao tiếp nhất định)

b. Trình bày theo tâm lý, cảm xúc.

Sự phân biệt này chỉ có tính chất tương đối. Nhiều trường hợp có sự đan xen, phối hợp hoặc can thiệp của kiểu trình bày này vào kiểu kia. Chẳng hạn, đối với cách trình bày vấn đề theo trình tự thời gian, thay vì đi từ quá khứ đến hiện tại, người viết có thể chọn trình tự ngược lại.

Sau đây, chúng ta sẽ xem xét một vài kiểu tổ chức văn bản thường gặp.

### **A. Trình bày vấn đề theo các trình tự khách quan.**

#### **1. Trình bày vấn đề theo trình tự thời gian.**

Phương thức trình bày này rất thông dụng để miêu tả các sự kiện lịch sử, các văn bản có tính chất tự thuật như tiểu sử, báo cáo quá trình công tác... Phương thức trình bày này cũng rất hay gặp trong một số loại văn bản khoa học, chẳng hạn như mô tả một phản ứng hoá học, chỉ dẫn hay giải thích các quá trình biến đổi vật lý hoặc sinh học, các thao tác vận hành của các thiết bị cơ học hay điện tử.v.v... Nói chung, nguyên lý trình bày ở đây thật đơn giản: sự kiện hay thao tác nào xảy ra trước sẽ được trình bày trước, sự kiện hay thao tác nào xảy ra sau sẽ được trình bày sau và các **mốc lớn** theo thời gian đối với dòng chảy sự kiện hay các **công đoạn chính** đối với qui trình thao tác có thể được chọn làm chủ đề bộ phận của các đoạn văn.

Đối với loại văn bản này, cần chú ý đến những tín hiệu chuyển tiếp đặc thù, chỉ ra sự nối tiếp nhau theo thời gian. Đó là các từ, ngữ, cú có nhiệm vụ chỉ ra các quan hệ về thời gian như: trước tiên, trước hết, sau đó, thế rồi, bước đầu tiên là, cuối cùng...



## Bài tập 1:

Hãy đọc văn bản sau đây.

1. Cho biết chủ đề chung của văn bản.
2. Phân phát triển có bao nhiêu đoạn văn, cho biết chủ đề bộ phận của mỗi đoạn văn.
3. Hãy tìm những từ ngữ chỉ dẫn thời gian giữa các đoạn văn hoặc trong cùng một đoạn văn, sau đó thay thế chúng bằng những cách diễn đạt đồng nghĩa tương ứng.

*Không nên ép em bé tập đi quá sớm.*

*Hầu hết các em bé khi mới sinh ra đời đều có đôi bàn chân đẹp. Sự săn sóc hợp lý có thể giữ cho đôi chân ấy được mạnh khỏe, không bị đau nhức, dễ coi và hoạt động tốt trong suốt cuộc đời.*

*Lúc mới sinh, hầu hết xương bàn chân đều có một phần sụn mềm dẻo, vì vậy dễ bị méo mó nếu phải chịu đựng sức nặng hoặc bị gò ép. Mới đầu, bàn chân em có vẻ bằng phẳng vì có một lớp mỡ ở cạnh phía trong của lòng bàn chân. Tuy nhiên, về sau, do vận động, mu bàn chân cong lên, và lớp mỡ dưới bàn chân mất đi.*

*Bàn chân lớn thêm, hình dáng chuyển đổi cho đến lứa tuổi đôi mươi, phát triển hết mức vào khoảng tuổi dậy thì. Trong thời kỳ phát triển ban đầu, chúng ta có thể làm cho bàn chân em bé bị hư hại.*

*Trẻ sơ sinh cần được để cho quây chân càng nhiều càng tốt. Dùng đế chặn đè nặng lên chân. Các đôi tất ngắn cũng cần được rộng rãi, đủ chỗ cho ngón chân cựa quây. Sau này, những ngón chân khỏe có thể giúp bàn chân chịu đựng được sự gò bó khi phải mang giày không vừa. Ngón chân cái cần có đủ sức mạnh bám xuống mặt đất, riêng một mình, không dựa vào các ngón khác.*

Khi em bé tỏ dấu hiệu muốn tập đi bàn chân rất dễ bị thương tổn. Trong thời gian này, trẻ em không mang giày vớ càng lâu chừng nào, càng tạo cơ hội cho các ngón chân phát triển mạnh.

Khoảng ba tuổi, nét bằng phẳng dưới lòng bàn chân mất đi. Cần thường xuyên xem xét đế giày của em, nếu mòn nhiều ở phía trong, phải nhờ bác sĩ khám nghiệm bàn chân. Trong suốt thời gian dài của sự tăng trưởng bàn chân, phải thường xuyên theo dõi bàn chân có được ngay ngắn hay không, và phải chú ý khi các em phàn nàn là đau chân.

Việc chọn giày cho vừa cỡ chân là điều rất quan trọng. Đừng bao giờ mua giày theo trí tưởng tượng về kích cỡ chân các em. Nên mua giày lúc các em có mặt để thử chân. Tuy nhiên, đừng mua giày cho đến khi các em biết đi. Ngay lúc đã biết đi, cũng nên để các em đi chân không trong nhà, bàn chân sẽ có dịp phát triển tốt hơn.

(Theo Ngọc Anh - Không nên ép em bé tập đi quá sớm)

## Bài tập 2:

Đọc bài viết sau đây và cho biết:

1/ Thông tin về kiểu tổ chức của văn bản thể hiện ngay từ đầu nhờ câu nào? Vai trò của câu ấy trong phần mở đầu của văn bản?

2/ Phân khai triển có bao nhiêu đoạn văn, chúng được sắp xếp trên cơ sở nào và như vậy có hợp lý không?

3/ Tìm những từ ngữ chỉ sự tiếp diễn theo thời gian của các hành động và sự kiện.

4/ Viết lại dàn ý của đoạn văn càng chi tiết càng tốt, chú ý chỉ ra được các giai đoạn chính của hội thổi cơm thi.

*Hội thổi cơm thi ở Đồng Vân.*

Ở xã Đồng Tháp huyện Đan Phượng có làng Đồng Vân bên dòng sông Đáy. Nhân dân sinh sống bằng cấy lúa, trồng màu và

có nghề đan lát rổ, rá. Hàng năm, cứ đến ngày rằm tháng giêng, làng Đông Vân thường mở hội rước nước, hát chèo và thổi cơm thi. Hội thổi cơm thi ở đây có nhiều nét độc đáo về qui trình lấy lửa cũng như cách nấu, đậm màu sắc hài hước dân gian.

Người dự thi được tuyển chọn từ các xóm trong làng. Bắt đầu vào hội thi, trống chiêng điểm 3 hồi, các đội hình dự thi xếp hàng trang nghiêm làm lễ dâng hương trước cửa đình để tưởng nhớ vị thần thành hoàng làng có công cứu dân, hộ quốc. Hội thi bắt đầu từ việc lấy lửa trên ngọn cây chuối cao. Khi tiếng trống hiệu vừa dứt, bốn thanh niên của bốn đội nhanh thoăn thoắt leo lên thân cây chuối rất trơn vì đã bôi mỡ. Có người leo lên, tụt xuống, lại leo lên... Có người phải bỏ cuộc, người khác lại leo lên, quang cảnh hết sức vui nhộn. Khi lấy được nén hương mang xuống, ban tổ chức phát cho 3 que diêm châm vào hương cháy thành ngọn lửa. Người trong đội vót mảnh tre già thành những đũa bông châm lửa và đốt vào những ngọn đuốc. Trong khi đó, người trong nhóm dự thi nhanh tay giã thóc, dần sàng thành gạo, lấy nước và bắt đầu thổi cơm. Những nồi cơm nhỏ nhỏ treo dưới những cành cong hình cánh cung được cầm rất khéo léo từ dây lưng uốn về trước mặt. Tay cầm cần, tay cầm đuốc đứng đưa cho ánh lửa bập bùng. Các đội thổi cơm đan xen nhau uốn lượn trên sân đình trong sự cổ vũ nồng nhiệt của người xem hội.

Khoảng sau một giờ rưỡi, những nồi cơm lần lượt được đem trình trước cửa đình. Ban giám khảo mở nồi cơm chấm theo ba tiêu chuẩn: gạo trắng, cơm dẻo và không có cơm cháy. Các nồi cơm được đánh số ứng với người dự thi để giữ bí mật với ban giám khảo. Cuộc thi nào cũng hồi hộp và việc giặt giãi đã trở thành niềm tự hào khó có gì có thể sánh nổi đối với dân làng.

Hội cơm thi ở Đông Vân là sinh hoạt văn hoá cổ truyền được bắt nguồn từ các cuộc trẩy quân đánh giặc của người Việt cổ bên dòng sông Đáy xưa. Hội thi là dịp trai tráng trong làng đua tài khoẻ mạnh, thông minh khi lấy lửa, là dịp gái làng thể hiện bàn tay khéo léo để có cơm dẻo tiếp binh lương. Hội còn vang lên

những trận cười hồn nhiên, sáng khoái của người nông dân sau những ngày lao động mệt nhọc. Với những nét đặc sắc của mình, hội cơm thi Đông Vân đã góp phần giữ gìn và phát huy những nét đẹp cổ truyền trong sinh hoạt văn hoá hiện đại hôm nay.

(Theo Minh Nhương - Hội thổi cơm thi ở Đông Vân)

## **2. Trình bày vấn đề theo các quan hệ lô gích khách quan, tồn tại thực tế.**

Theo phương thức trình bày này, văn bản sẽ được phân ra các hạng mục có quan hệ lô gích với nhau, hoặc dựa theo một đặc điểm, tính chất chung, một phương diện chung nào đó, hoặc dựa theo quan hệ toàn thể- bộ phận, quan hệ tôn ti, nguyên nhân- kết quả... Nhờ đó, chủ đề chung của văn bản từ chỗ là một vấn đề khái quát sẽ được phân chia thành các phạm trù nhỏ hơn, có quan hệ với nhau. Hay nói cách khác, chủ đề chung, theo một cách thức nào đó được thu hẹp lại, trở thành chủ đề bộ phận của các đoạn văn và sẽ được thảo luận, xem xét chi tiết hơn theo một trình tự lô gích nhất định.

Sau đây, chúng ta sẽ xem xét vài cách trình bày thường gặp.

### **a. Trình bày vấn đề theo quan hệ toàn thể- bộ phận:**

Cách trình bày này dựa trên cấu trúc hệ thống của đối tượng, của hệ vấn đề được đưa ra khảo sát. Có thể nói, mọi đối tượng, sự vật, hiện tượng trong tự nhiên và xã hội đều có thể được xem xét với tư cách là một hệ thống (kín hoặc mở), bao gồm các yếu tố đồng loại hoặc không đồng loại có quan hệ với nhau, chế định giá trị lẫn nhau. Cấu trúc của hệ thống thường có tính tầng bậc, bao hàm nhiều tiểu hệ thống thành viên, có tính tự trị tương đối. Theo cách trình bày toàn thể - bộ phận, người viết sẽ lần lượt trình bày, theo tầng bậc, các bộ phận cấu thành hệ thống.

Chẳng hạn, khi khảo cứu văn học Việt Nam giai đoạn 1930-1945, nếu trình bày vấn đề theo cách này, chúng ta có thể chia toàn bộ văn học thời kỳ này thành 3 dòng văn học chủ yếu

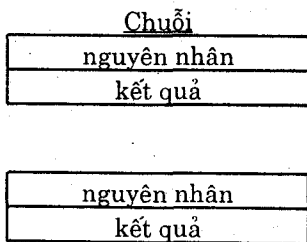
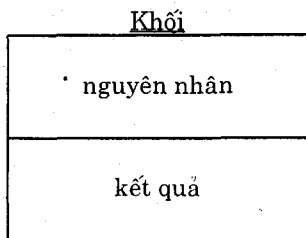
(căn cứ vào nội dung và quan điểm sáng tác của nhà văn): văn học lãng mạn, văn học hiện thực phê phán và văn học cách mạng. Mỗi dòng văn học đó sẽ là đối tượng khảo sát cụ thể, là chủ đề bộ phận của các đoạn văn tương ứng.

### b. Trình bày theo quan hệ nguyên nhân- kết quả.

Có hai cách tổ chức văn bản theo phương thức này: tổ chức theo *khối* hoặc theo *chuỗi*.

Nếu tổ chức văn bản theo khối, trước hết người ta nêu ra toàn bộ các nguyên nhân của vấn đề hay sự kiện đang được xét, sau đó người ta mới xét đến các kết quả tương ứng. Theo kiểu tổ chức này, nguyên nhân và kết quả sẽ nằm ở các đoạn văn khác nhau.

Nếu tổ chức văn bản theo chuỗi, người ta sẽ lần lượt thảo luận nguyên nhân thứ nhất và kết quả của nó, nguyên nhân thứ hai và kết quả của nó... Như vậy, nguyên nhân và kết quả thường nằm trong cùng một đoạn văn.



Việc chọn cách tổ chức *chuỗi* hay *khối* thường phụ thuộc vào vấn đề được trình bày. Có loại vấn đề thì thích hợp với kiểu tổ chức này, lại có loại vấn đề thích hợp với kiểu tổ chức kia. Về đại thể, nếu các nguyên nhân và kết quả có quan hệ chặt chẽ, đối ứng với nhau thì việc tổ chức văn bản theo *chuỗi* sẽ dễ dàng hơn. Còn nếu giữa chúng không có mối quan hệ đối ứng chặt chẽ, trực tiếp thì kiểu tổ chức theo *khối* lại tỏ ra thích hợp hơn.

Đối với các văn bản được tổ chức theo phương thức này, cần chú ý đến các từ ngữ, kết cấu làm nhiệm vụ chỉ ra mối quan hệ nguyên nhân - kết quả. Trong tiếng Việt, đó thường là các từ ngữ và kết cấu như:

- nguyên nhân thứ nhất là, lý do đầu tiên là, trước hết phải kể đến nguyên nhân, bởi vì, có nhiều lý do khiến cho...

- hệ quả là, hậu quả đầu tiên là, bởi vậy, do đó, vì thế cho nên...

Cần sử dụng các từ ngữ và kết cấu này một cách linh hoạt, thích hợp. Đặc biệt tránh dùng đi dùng lại chỉ một từ ngữ hay kết cấu nào đó, gây cảm giác trùng lặp.

Cần lưu ý trường hợp tổ chức theo khối, nếu văn bản tương đối dài thì nên có thêm **đoạn văn ngắn chuyển tiếp**. Đoạn văn này có nhiệm vụ ngăn cách, chỉ giới hai phần "nguyên nhân" và "kết quả". Thực chất, nó gói lại phần thứ nhất và mở ra phần thứ hai. Không phải bao giờ đoạn văn chuyển tiếp này cũng bắt buộc phải có nhưng nói chung nó rất hữu ích đối với những văn bản dài, nội dung vấn đề tương đối phức tạp. Nếu đoạn chuyển tiếp này quá ngắn, ví dụ chỉ gồm một câu, thì nó có thể đứng ở cuối phần nêu nguyên nhân hoặc ở đầu phần nêu kết quả.

Cần lưu ý về mặt thứ tự, thông thường người ta trình bày phần nguyên nhân trước, phần kết quả sau, nhưng cũng có thể trình bày theo thứ tự ngược lại.

### Bài tập 1:

Đọc văn bản sau đây nhiều lần và cho biết:

1. Câu nào là câu luận đề?
2. Đoạn nào chỉ ra nguyên nhân, đoạn nào chỉ ra kết quả/hậu quả.
3. Những từ ngữ, kết cấu hay đoạn văn nào có tác dụng chuyển tiếp?

4. Các từ ngữ, kết cấu nào trong văn bản có tác dụng chỉ ra nguyên nhân, chỉ ra kết quả?

5. Văn bản được tổ chức theo kết cấu chuỗi hay khối?

*Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên , môi trường.*

*Xung quanh chúng ta là thế giới vật chất. Tài nguyên và môi trường luôn luôn gắn liền với cuộc sống hàng ngày của mỗi người. Để bảo đảm cuộc sống, con người chẳng những dựa vào hoàn cảnh tự nhiên mà còn phải biết cải tạo tự nhiên để phục vụ cho cuộc sống của mình, giữa thiên nhiên và con người có mối quan hệ khăng khít, hữu cơ không thể tách rời.*

*Thế giới vật chất bao la vô cùng, vô tận, nhưng hành tinh của chúng ta thì nhỏ bé và có hạn. Tài nguyên trong lòng đất cũng có hạn và đang ngày một cạn kiệt.*

*Việc khai thác tài nguyên trong lòng đất không có kế hoạch hoặc chỉ vì lợi ích trước mắt, không tuân thủ qui luật tự nhiên đã gây ra nhiều hậu quả xấu. Nhiều vùng đất màu mỡ bị phá hoại, nhiều khu rừng bị đốt cháy trụi. Nạn đốt rừng bừa bãi, nhất là rừng đầu nguồn đã gây ra lũ lụt cho nhiều vùng, đặc biệt là các vùng ven sông và vùng đồng bằng.*

*Việc săn bắn thú rừng ngày càng tăng, những loài động vật hiếm, quý bị con người tiêu diệt bất chấp lệnh cấm của nhà nước làm cho nhiều chủng loại ngày nay đã mất đi, chỉ còn rất ít như tê giác, hổ hình người, cá voi , hải cẩu,v.v...*

*Nếu con người không biết ngăn chặn những hành động phá hoại thiên nhiên và môi trường thì rất nguy hại. Đến một lúc nào đó con người không còn có thể khai thác từ thiên nhiên để lấy của cải vật chất nuôi sống chính bản thân mình. Môi trường sống của con người đang bị đe dọa: chất thải công nghiệp làm vẩn đục các dòng sông, tai nạn của các con tàu chở dầu làm ô nhiễm hàng vạn cây số bờ biển các nước. Bầu khí quyển ngày càng bị các hợp chất của các- bon làm ô nhiễm, tầng ô-dôn bao bọc trái đất bị chọc thủng, các tia tử ngoại xâm nhập vào các*

đồng khí quyển xuống mặt đất. Nhiệt độ khí quyển ngày càng tăng, lượng nước biển sẽ dâng lên do sự tan băng ở Bắc và Nam cực của trái đất. Tất cả những điều đó là nguyên nhân phá hoại cân bằng sinh thái và đang là sự đe dọa khủng khiếp cho sự sống trên hành tinh của chúng ta.

Nhiều tổ chức quốc tế cùng với chính phủ nhiều nước đã có nhiều lời kêu gọi và việc làm thiết thực để bảo vệ, gìn giữ những nguồn tài nguyên, những loài động vật trên trái đất. Mặt khác nhiều quốc gia đã áp dụng những thành tựu của khoa học kỹ thuật vào việc khai thác một cách hợp lý tài nguyên thiên nhiên. Thế giới ngày nay đang bước vào việc tìm kiếm nguồn năng lượng nào ít chất thải nhất để giảm bớt sự ô nhiễm bầu khí quyển, giữ gìn sự trong lành của thiên nhiên. Như vậy vừa bảo đảm cho cuộc sống của con người vừa bảo vệ thiên nhiên lâu dài.

(Theo Giáo trình dịch Việt-Anh, Đại học Mở Hà Nội)

### Bài tập 2:

Hãy lập dàn ý rồi viết một bài báo theo dàn ý ấy với kết cấu kiểu nguyên nhân- kết quả về một trong các chủ đề được cho sau đây. Chú ý sử dụng các từ ngữ khác nhau biểu thị nguyên nhân và kết quả.

Nếu tổ chức văn bản theo khối, cần viết đoạn văn chuyển tiếp giữa hai phần nguyên nhân và kết quả.

Hãy kiểm tra, đối chiếu dàn ý với bài viết sau khi đã viết xong.

Các chủ đề gợi ý:

1. Nạn ô nhiễm môi trường trong thế giới ngày nay.
2. Tình trạng thất nghiệp trong xã hội.
3. Sự lai căng văn hoá ở các nước đang phát triển.
4. Xung đột văn hoá giữa các thế hệ.

### Bài tập 3:

Các đoạn văn sau đây trình bày vấn đề theo cách phân tích nguyên nhân- kết quả.



1/ Cho biết thứ tự trình bày, và chỉ ra những từ ngữ, kết cấu đánh dấu phần nguyên nhân, phần kết quả.

2/ Hãy viết lại các đoạn văn theo trình tự ngược lại.

A.(...) Tôi đã từng thấy có nhiều người hề thấy nói đến gỏi cá sống thì sợ tanh, tưởng chừng không thể nuốt trôi cho một miếng, nhưng hề trông thấy một mâm gỏi bày ra thật đẹp, thì thường thức xong một miếng, người ấy lại đòi ăn hai và tỏ vẻ ngạc nhiên không thấy mùi tanh tươi.

Ấy bởi vì cá ăn gỏi tuy là sống, nhưng thực ra thì đã chế biến cho tái rồi, lại thêm có những gia vị làm cho mất mùi tanh của cá đi, thành thử ra đến lúc ăn thì chỉ còn thấy có mùi thơm của cá, béo mà béo thanh, hương vị ngọt mà lại ngát, ăn mát mà lại không thấy chán.

(Vũ Bằng - Miếng ngon Hà Nội)

B. (...) Đặc trưng hàng đầu của cái cười trong truyện Tiểu lâm là ý thức xây dựng, ý thức muốn hoàn thiện, trước hết là hoàn thiện nhân cách của con người trong cộng đồng. Có lẽ vì thế, trong thế giới của truyện Tiểu lâm không có ông thiện ông ác; không có các ông bụt, ông tiên; không có những lực lượng thần bí siêu nhiên... mà chỉ có những con người thế tục, những người nông dân hồn nhiên, chất phát, những nhà sư, thầy đồ, thầy cúng, thương nhân... và các thói hư tật xấu của họ.

(Phan Trọng Thuồng - Giao lưu văn học và sân khấu)

#### Bài tập 4:

Hãy đọc bài viết sau đây và cho biết:

1. Chủ đề chung của bài viết là gì?
2. Câu luận đề là câu nào?
3. Có bao nhiêu ý chính được thể hiện trong các đoạn văn?
4. Bài viết được tổ chức theo nguyên tắc nào? Có thể tổ chức bài viết theo nguyên tắc khác được không?

5. Những từ ngữ nào có tác dụng chuyển đoạn, liên kết các đoạn văn với nhau?

*Sự bùng nổ dân số và chiến lược dân số Việt Nam đến năm 2000.*

*Bùng nổ dân số là sự tăng số dân một cách quá nhanh, là một trong những vấn đề nóng bỏng, cấp thiết của thời đại ngày nay, nó có ảnh hưởng rộng lớn và toàn diện đến mọi mặt của đời sống xã hội.*

*Từ giữa thế kỷ 20, dân số thế giới tăng với nhịp độ chưa từng thấy. Năm 1950 dân số thế giới là 2,5 tỷ người và đến năm 1980, sau 30 năm đã lên tới 4,4 tỷ người, năm 1987 là 5 tỷ. Nếu cứ theo tốc độ gia tăng của những năm 80 của thế kỷ này (thế kỷ XX) thì đến giữa thế kỷ 21 (năm 2050), dân số thế giới sẽ đạt con số gần 9 tỷ người.*

*Dân số ngày càng tăng đã ảnh hưởng rất nhiều đến đời sống của mỗi cá nhân, mỗi dân tộc cũng như toàn thể cộng đồng. Những ảnh hưởng đó là: Không có đủ lương thực, thực phẩm cung cấp cho bữa ăn hàng ngày, từ đó dẫn đến cảnh đói nghèo, tình trạng thiếu dinh dưỡng dẫn đến suy thoái sức khoẻ, giống nòi không những không phát triển mà còn dễ dàng bị thoái hoá. Dân số tăng trong khi việc làm, cơ sở sản xuất có hạn dẫn đến thiếu việc làm, thất nghiệp ngày càng tăng, dân số tăng càng nhanh thì chất lượng cuộc sống của cộng đồng, của gia đình và cá nhân sẽ giảm sút.*

*Biện pháp tích cực nhất để chống bùng nổ dân số là kế hoạch hoá sự sinh đẻ, hạ tỷ lệ sinh đẻ xuống 1-1,5% ở các nước có tỷ lệ sinh đẻ cao. Từ những năm 60, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra vấn đề dân số và kế hoạch hoá gia đình. Tuy nhiên sau năm 1975, công tác này mới được tiến hành trong phạm vi cả nước. Kết quả tổng hợp lớn nhất của cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch ở Việt Nam trong 30 năm qua là đã giảm số con trung bình của mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ từ trên 6 con vào (những năm 1960) xuống khoảng 4 con hiện nay. Mặc dù có cố*

*gắng, nhưng kết quả đạt được còn thấp so với yêu cầu. Đến cuối năm 1993, số dân cả nước đã lên đến 71 triệu người. Nếu cứ giữ tốc độ tăng số dân hàng năm lên 2 % như hiện nay thì cứ khoảng 30 năm, số dân Việt Nam sẽ tăng gấp đôi, nghĩa là đến năm 2025 Việt Nam sẽ có trên 140 triệu người và đến năm 2055 có trên 280 triệu người.*

(Theo Giáo trình dịch Việt-Anh, Đại học Mở Hà Nội)

## **B. Trình bày vấn đề theo các quan hệ có tính chủ quan.**

### **1. Trình bày vấn đề theo lô gích chủ quan.**

#### **a. So sánh tương đồng và tương phản.**

Đây là cách trình bày thường gặp trong các văn bản nhà trường (các tiểu luận, luận văn của sinh viên), các văn bản khoa học, các văn bản thương mại... Có thể nói bất kỳ sự kiện, đối tượng nào cũng có thể được khảo sát trong một quan hệ so sánh với các sự kiện, đối tượng khác. Có điều là chúng phải cùng thuộc một phạm trù, một bản chất tự nhiên nào đó, nếu không thì sự so sánh sẽ không có giá trị. Chẳng hạn, chúng ta có thể so sánh tính năng, chất lượng của ô tô Nhật và ô tô Hàn Quốc, so sánh phở Hà Nội và bún bò Huế... Nhưng chúng ta không thể so sánh, chẳng hạn, giày dép với thức ăn, bệnh thương hàn với kỳ thi tuyển sinh đại học...

So sánh tương đồng là nhằm chỉ ra những đặc điểm, những bình diện giống nhau giữa các sự vật được đem ra so sánh. Nói cách khác, chúng ta tìm câu trả lời cho các câu hỏi đại loại như: A và B có đặc điểm gì chung? A giống B như thế nào? v.v..

So sánh tương phản lại có nhiệm vụ chỉ ra những đặc điểm, những nét dị biệt giữa các sự vật được đem ra so sánh. Nói cách khác, chúng ta phải trả lời xem A và B khác nhau như thế nào, A có đặc điểm gì khác B ...

Đối với các văn bản kiểu này, cần đặc biệt lưu ý đến 2 điểm cốt lõi sau đây:

a. Các đặc điểm, các bình diện được chọn làm đối tượng so sánh cần được sắp xếp nhất quán theo một lô gích nhất định.

Khi so sánh, có thể nêu và so sánh lần lượt các đặc điểm của hai đối tượng với nhau (so sánh *một đối một*), hoặc có thể nêu, trước tiên, toàn bộ các đặc điểm của đối tượng này, sau đó nêu toàn bộ các đặc điểm của đối tượng kia theo cùng một trình tự tương ứng (so sánh theo *khôì, tổng thể*).

b. Sử dụng một cách thích hợp các từ, ngữ, kết cấu chỉ sự tương đồng hay tương phản.

Sau đây là các từ, ngữ, kết cấu thường được dùng để chỉ sự tương đồng và tương phản trong tiếng Việt:

- *tuy nhiên / thế nhưng / nếu X...thì Y lại... / đối chiếu với... chúng tôi nhận thấy rằng / khác với... / chẳng những thế / trong khi đó / bên cạnh ...còn có / có khác chẳng... / ngược lại / trái lại / song song với ....còn có / tương tự... / cũng như...*

**b. Trình bày vấn đề theo sự đánh giá về mức độ quan trọng hay điểm nhìn của người viết.**

Chẳng hạn, khi nêu các đặc trưng của phụ nữ Việt Nam là nhân hậu, chung thủy, đảm đang..., mỗi người viết có thể sắp xếp chúng theo một thứ tự riêng, tùy theo đánh giá của mình về mức độ quan trọng của chúng. Hoặc khi viết về những nguyên nhân dẫn đến tình trạng ly hôn ngày càng tăng trong xã hội ngày nay, người viết có thể sắp xếp các nguyên nhân ấy theo thứ tự riêng của mình.

Trong cách trình bày này, cần chú ý sử dụng các từ ngữ, kết cấu chuyển đoạn như: *một là, trước hết, thoạt tiên, trước hết phải kể đến, đặc điểm quan trọng đầu tiên là, thứ nhất, sau đó, kể đó, đặc điểm thứ hai là, cũng cần phải nói / kể đến, hai là, cuối cùng là, sau hết, còn phải kể đến...*

Cách trình bày này bao giờ cũng chịu sự chế định của định hướng giao tiếp.

## 2. Trình bày theo tâm lý, cảm xúc.

Cách trình bày này thích hợp với một số đề tài có tính cảm xúc cá nhân, đời sống riêng tư. Chẳng hạn, khi trình bày những kỷ niệm thời thơ ấu, người này có thể bắt đầu với những kỷ niệm về mẹ, người kia có thể bắt đầu với những kỷ niệm về bố, về những bạn bè cùng tuổi...

### Bài tập 1:

Đoạn văn sau đây so sánh các nguồn năng lượng điện.

1/ Hãy chỉ ra những từ, ngữ chỉ sự tương đồng hay tương phản.

2/ Bằng cách sử dụng các từ, ngữ chỉ sự so sánh tương đồng hay tương phản khác, hãy viết lại đoạn văn.

Ngay từ thế kỷ XI-XII ở các bờ biển nước Pháp, Anh và Xcốtlen người ta đã biết lợi dụng thủy triều để làm chuyển động cối xay bột, thế mà chỉ mới hơn 30 năm trở lại đây người ta mới tạo ra những trạm điện thủy triều. So với thủy điện trên sông, điện thủy triều có một số điểm ưu việt. Điện sông còn có mùa khô, mùa cạn, thời tiết tác động nên sản lượng điện không đều. Trong khi đó, thủy triều cho ta một điện năng tương đối ổn định. Tất nhiên hoạt động của nhà máy điện dùng năng lượng thủy triều cũng có những phức tạp riêng, vì thủy triều lại liên quan đến quy luật vận hành của mặt trăng. Ngoài ra, sóng to, gió lớn, bão biển cũng ảnh hưởng đến nguồn năng lượng này. Các nhà năng lượng học cũng tiên đoán một viễn cảnh đẹp đối với ngành năng lượng thủy triều. Trong tương lai, điện thủy triều sẽ có vị trí đáng kể trong việc cung cấp điện năng.

(Đào Xuân Cường, Vũ Đình Lật - Địa lý giải trí)

### Bài tập 2:

Hãy hình dung bạn là nhân viên tiếp thị của hãng bột giặt OMO.

Hãy viết một bài giới thiệu sản phẩm mới nhất của OMO, so sánh với các hiệu bột giặt khác về các mặt sau đây:

- độ tẩy sạch chất bẩn;
- liều lượng cần dùng cho một đơn vị giặt tẩy;
- mùi vị lưu lại trên áo quần;
- tác dụng phụ đối với da;
- giá thành.

### Bài tập 3

Hãy đọc đoạn trích sau đây và cho biết:

1/ Chủ đề của đoạn văn?

2/ Những từ, ngữ, kết cấu nào chỉ sự so sánh? Có thể thay thế chúng bằng các từ, ngữ hoặc kết cấu đồng nghĩa nào.

Lập dàn ý chi tiết cho mỗi đoạn. Qua dàn ý này hãy chỉ ra những sự vật và phương diện của sự vật được tác giả so sánh với nhau.

*Nhìn vào cơ cấu tổ chức làng - xã, làng Việt ở Nam Bộ không giống làng Việt trên đồng bằng sông Hồng. Nếu như trong cơ cấu làng Việt ở Bắc Bộ có hai loại tổ chức; tổ chức hiện hình và tổ chức tương đối ẩn tàng, thì làng Việt trên đồng bằng sông Cửu Long lại chỉ có loại tổ chức hiện hình: đây là bộ máy quản lý làng xã.*

*... Như đã trình bày ở trên, các tổ chức tương đối ẩn tàng, như giáp, họ, phe, mà ta thường gặp ở nông thôn Bắc Bộ, lại không có mặt, hay gần như thế, trong cơ cấu tổ chức của làng Việt ở Nam Bộ. Cho đến nay, chưa có một tài liệu nào khẳng định rằng giáp có mặt trong làng Việt trên đồng bằng sông Cửu Long. Tổ chức tương đối ẩn tàng duy nhất, mà thẳng hoặc ta còn có thể gặp trong làng Việt ở Nam Bộ, là họ. Nhưng sự tập hợp người theo huyết thống trong làng quê Nam bộ lại không có tính cố kết chặt chẽ, như ta thấy trên đồng bằng sông Hồng. Nếu như ở nông thôn Bắc Bộ tổ chức họ được nuôi dưỡng bằng hình thái thờ phụng tổ tiên, có qui ước cho một thành viên, có nhà thờ họ,*

thì, trong các làng Việt ở Nam Bộ, cũng hình thái thờ phụng ấy lại chủ yếu là hoạt động của từng gia đình nhỏ.

(Theo Nguyễn Chí Bền - Làng Việt Nam Bộ và văn hoá dân gian của người Việt trên đồng bằng sông Cửu Long)

#### Bài tập 4:

Hãy đọc đoạn văn bản sau đây và cho biết:

- 1/ Đối tượng so sánh và các đặc điểm được đem ra so sánh.
- 2/ Những từ ngữ chỉ ra sự tương đồng.
- 3/ Những từ ngữ chỉ ra sự khác biệt.

Hãy viết lại dàn ý của đoạn văn .

(...) Như nhiều nước khác, Việt Nam là nước đa dân tộc. Nhưng quan hệ giữa các dân tộc khác nhau cùng chung sống trong một nước không phải đồng nhất từ nước này qua nước kia. Về mặt này, ta khác nhiều nước. Các nước ở châu Phi đen, chẳng hạn, cũng nhiều dân tộc như ta, nhưng ở từng nước chỉ có những dân tộc nhiều người và những dân tộc ít người. Ngoài số người ra, các dân tộc cùng nước không khác gì nhau mấy, cho nên không có dân tộc nào áp đặt được ngôn ngữ và vai trò của mình lên cả quốc gia. Còn ở ta, cũng như tại các nước khác ở Đông Nam Á lục địa, tình hình không chỉ có thế. Giữa các dân tộc cùng sống trên một lãnh thổ chung, có một dân tộc chủ thể: ở Việt Nam, đây là người Việt (hay Kinh); ở Lào, người Lào Lùm; ở Campuchia, người Khơ me; ở Thái Lan, người Thái; ở Ma-lai-xi-a, người Mã Lai; và ở Miến Điện, người Miến. Qua những thăng trầm trong buổi đầu của lịch sử, dân tộc sau này sẽ là chủ thể bao giờ cũng định cư ở đồng bằng, còn các dân tộc khác thì quanh các thung lũng chân núi, hay trên sườn núi, trên cao nguyên. Ở đồng bằng, con người nhanh chóng chuyển sang trồng lúa nước, mà năng suất cao hơn, so với các loại củ và lúa nương ở vùng trên. Trong môi trường rộng rãi của đồng bằng, dân số cũng tăng nhanh. Tất cả những thuận lợi do thiên nhiên tạo ra đó thúc đẩy dân tộc ở đồng bằng phát triển văn hoá chóng hơn.

Và khi điều kiện đã chín muồi, chính họ chủ động thành lập quốc gia, hút các dân tộc ở vùng cao vào quốc gia của mình.

Riêng giữa Việt Nam và các nước khác ở Đông Nam Á lục địa, bên cạnh điểm tương đồng lớn vừa nói, cũng có những khác biệt. Một trong những khác biệt ấy lộ ra trong cơ cấu nhà nước. Sau một nghìn năm đô hộ của Trung Hoa, và cũng do cuộc đô hộ ấy, nước ta, từ khi mới ra đời hồi thế kỷ X, đã là một quốc gia thống nhất mang tính trung ương tập quyền. Các nước khác ở Đông Nam Á, vốn không bị nước ngoài xâm lược từ buổi bình minh của lịch sử, do đó mà không tiếp thu sẵn cơ cấu trung ương tập quyền, chỉ đạt đến mức đó sau nhiều thế kỷ phân quyền giữa các vùng nhỏ, vương quốc nhỏ. Thái Lan, chẳng hạn, chỉ thực sự trở thành một quốc gia tập trung từ đầu thế kỷ XVIII.

(...) Một khác biệt nữa. Ngoài Việt Nam ra, các nước ở Đông Nam Á lục địa, trong quá khứ, đều có hoạt động ngoại thương, nhiều hay ít, thường xuyên hay không, thì tùy từng nước, nhưng có. Nói chung, quan hệ với bên ngoài được nuôi dưỡng. Đặc biệt là Ma-lai-xi-a: xưa kia, thuyền buôn ở đây từng đến đảo Ma-đa-ga-xca trên biển Đông Nam Phi. Ở ta, trái lại, không thế, hay hầu như không thế. Từ các triều đại đầu tiên vừa thoát ách Trung Hoa (thế kỷ X, XI...), đến triều đại độc lập cuối cùng, trước khi thực dân Pháp ồ vào (thế kỷ XIX), các vua ta có thể mở một cửa biển cho thuyền nước ngoài đến buôn bán tại chỗ (Vân Đồn, rồi Phố Hiến, ở miền trung thì Hội An), nhưng chưa từng cho phép thương nhân ta ra nước ngoài. Việt Nam sống bằng nông nghiệp. Đặc điểm này hẳn có lý do của nó, thậm chí nhiều lý do, mà các nhà sử học chưa kịp bóc cho ta thấy.

(Nguyễn Từ Chi - Những mặt tiêu cực lộ ra qua nếp sống văn hoá ở Tây Nguyên)

### **Bài tập 5:**

Đoạn văn sau đây so sánh khả năng diễn đạt của thể thơ lục bát với các thể thơ Đường luật.



Hãy điền những từ ngữ, kết cấu thích hợp vào những chỗ trống trong đoạn văn.

*Những bài thơ cổ làm theo Đường luật, tuy nhịp điệu tinh vi, nhưng theo tôi hình như vẫn không dùng được hết những khả năng của tiếng nói nước nhà.*

*(.....) trong một bài lục bát, câu dài ngắn khác nhau, vẫn trong câu xen lẫn với vẫn cuối câu, tiếng lên, tiếng xuống khiến cho nhạc điệu thay đổi được dễ dàng và nhịp mau, thưa, biến hoá dưới bút nhà thơ cũng được thêm nhiều cách. Cũng nhờ thế, nhà thơ (.....) viết những truyện dài mấy nghìn câu lục bát mà vẫn không lúng túng. (.....), ta chưa thấy ai viết (.....) một bài thơ dài được mấy ngàn câu Đường luật hay thất ngôn cổ thể. Có được một vài bài trường thiên thì đọc lên cũng thấy rõ nổi chạt vạt của tác giả. Dùng một hình ảnh, ta có thể ví lối thơ Đường luật như một chiếc bình pha lê, kết tinh, trong suốt, nhưng không đủ sức lôi cuốn của một dòng sông. Thơ lục bát, (.....), vì hợp với tiếng nói nước ta hơn, nên có thể dùng được dòng cảm hứng tràn lan, đó là thể thơ ca hát, kể chuyện của dân chúng.*

*(Phỏng theo Nguyễn Đình Thi - Sức sống của dân Việt Nam trong ca dao và cổ tích).*

### **Bài tập 6:**

Hãy nêu dàn ý tổng quát cho bài viết sau đây và cho biết quan hệ lô gích làm cơ sở tổ chức bài viết.

Văn Cao.

*Nội một bài "Tiến quân ca" thôi đã có thể tôn vinh ông như một nhạc sĩ nổi danh nhất trong lịch sử âm nhạc Việt Nam hiện đại.*

*Văn Cao, một tài hoa thiên bẩm, nhạc sĩ của nhiều bài hát rung động lòng người, những bài hát đã trở thành một phần trong tài sản tinh thần của người Việt. Mặc dù ông không không được đánh giá cao về học vấn âm nhạc và khả năng sáng tạo*

(hiểu theo nghĩa như một hoạt động cách tân) nhưng ai cũng phải thừa nhận rằng đối với khẩu vị âm nhạc của người đời, những bài hát của Văn Cao trên thực tế được quảng đại quần chúng ưa thích nhất, bất kể nó là tình khúc hay hành khúc.

Từ một nhân vật hàng đầu của dòng nhạc lãng mạn những năm 40 trở thành nhân vật hàng đầu của dòng nhạc cách mạng những năm 50, Văn Cao là một tấm gương của người trí thức văn nghệ theo cách mạng "lột xác", "nhận đường". Không thể quan niệm âm nhạc cách mạng nếu không có những bài hát của Văn Cao: "Tiến quân ca", "Công nhân ca", "Ca ngợi Hồ Chủ tịch", "Tiến về Hà Nội", "Bắc Sơn", "Thăng Long hành khúc", "Làng tôi", "Ngày mùa", "Trường ca Sông Lô" v.v... Ở những bài hát này không hề có lý trí căng cứng, không hề hô khẩu hiệu, tất cả đều chân thành, đầm thắm. Và ngay cả ở những bản hành khúc, ông vẫn khiến người ta rưng rưng cảm động. Chất trữ tình, sự mơ mộng- một đặc tính của xã hội tỉnh lẻ và nông nghiệp- không hề làm giảm đi giá trị nhân văn trong các bài hát của ông.

Một người đã hoàn thành sự nghiệp âm nhạc của mình từ những năm 50, sau 1960 cho đến lúc mất ông hầu như ngưng sáng tác. Thế nhưng người đời đã không quên Văn Cao, mười năm cuối ông nổi danh hơn bao giờ hết và đã đạt đến tột đỉnh vinh quang.

(Theo Dương Thuỵ - Những tên tuổi lớn của nền âm nhạc Việt Nam hiện đại)

### Bài tập 7:

Các đoạn văn của bài viết được trích sau đây đã bị sắp xếp lộn xộn về thứ tự.

1. Hãy sắp xếp lại thứ tự các đoạn cho hợp lý.
2. Vạch dàn ý tổng quát và cho biết cơ sở lô gích của kết cấu bài viết.

## Kết quả thử tài của bạn, Hoa học trò xuân Bình Tý.

- Họ đều có những điều đáng kể để chúng ta học tập. Thủ tướng Rabin đã ngã xuống vì một ngày mai hoà bình cho dải đất mà ông yêu mến. Sức làm việc phi thường của Elton John với hàng chục Album âm nhạc trong hai thập kỷ qua. Nghị lực thép của Stephen Hawking, con người tàn phế bị buộc chặt vào chiếc xe lăn, vậy mà trí tuệ luôn bay bổng với những vì sao, những dải ngân hà. Và George Weah, cậu bé da đen nghèo khổ từng đeo đuôi trái bóng giẻ rách trên những đường phố đầy sỏi đá của thủ đô Mônrovia, nay trở thành triệu phú, anh vẫn một lòng mến yêu quê hương xứ sở.

- Tổng cộng có 580 bài dự thi. 46 bạn chọn cách dự thi thứ nhất ("uyên bác", viết về cả 4 người). Các bạn còn lại thi theo cách thứ hai ("chuyên gia", viết về người mình yêu và hiểu nhất). Với những con số cụ thể như sau: Thủ tướng Rabin (32 bài), Stephen Hawking (54 bài), Elton John (72 bài) và kỷ lục nhất là Quả bóng vàng 95 George Weah (368 bài). Tỷ lệ này phần nào phản ánh một điều: thể thao và âm nhạc vẫn là hai lĩnh vực mà học trò "khoái" nhất.

- Chưa bao giờ các độc giả của TTCB lại cùng một lúc được làm quen với một chùm sao rực rỡ đến thế: Cố Thủ tướng Yitzhak Rabin, thần tượng nhạc trẻ Elton John, nhà vật lý lý thuyết Stephen Hawking, tiền đạo bóng đá George Weah. Đó là những cá nhân bằng cách này hay cách khác, đã và đang để lại những dấu ấn chói lòa cho thời đại chúng ta. Qua họ, ta có thể hình dung phần nào bức tranh thế giới 1995, một thế giới chưa hẳn đã bình yên, nhưng mỗi con người trong đó đều nỗ lực hết sức mình để từng ngày, từng ngày nó tốt lành thêm, đẹp lên thêm một chút.

(Theo Hoa học trò, Số 120)

#### 1.1.4. Viết đoạn văn và liên kết đoạn văn.

##### 1) Đoạn văn là gì?

Đoạn văn là đơn vị cơ sở để tổ chức văn bản, thường gồm một số câu gắn bó với nhau trên cơ sở một chủ đề bộ phận, cùng nhau phát triển chủ đề đó theo định hướng giao tiếp chung của văn bản. Đoạn văn có thể dài, ngắn khác nhau: nó có thể chiếm cả trang viết với vài chục câu nhưng có thể chỉ gồm vài ba câu, cá biệt có thể chỉ gồm một câu. Số lượng câu trong đoạn văn thực sự không quan trọng lắm, tuy nhiên tùy từng trường hợp cụ thể đoạn văn cũng phải có được độ dài nhất định để bảo đảm phát triển ý đầy đủ.

Ta hãy xem xét *cấu trúc* của đoạn văn qua ví dụ sau:

*Ngôn ngữ tạo hình của từng tượng mô cũng trở nên sinh động và hiện thực hơn. Hầu hết các tượng tuy vẫn bị hạn chế trong phạm vi một thân gỗ, đã được mô tả trong những tư thế khác nhau: người ngồi trầm tư, người đang nhún nhảy đánh trống, người đang xoay thân mình trong động tác múa, người đang đứng trang nghiêm... Các khối điêu khắc mất dần những đường nét hình học, chuyển thành các khối cong sóng động để diễn tả các hình, các khối cho thực. Mặc dù tỷ lệ các hình người không được đúng: đầu quá to, thân quá nhỏ... nhưng rõ ràng tính hiện thực đã toát lên ở ngôn ngữ nghệ thuật. Thế nhưng, không ít tượng mô lớp thứ hai đã kết hợp được vào mình cả tính hiện thực của khối hình với những đường nét hình học đầy sức ma thuật của những truyền thống cổ để hiện lên như những tác phẩm điêu khắc tuyệt vời. Ở những tượng mô đẹp, những mảng khối vừa khái quát về cái thực, vừa sóng động mà cũng vừa bí ẩn như một sức mạnh ma thuật.*

(Ngô Văn Doanh- *Độc đáo tượng mô Tây Nguyên*)

Về đại thể, đoạn văn thường được định vị trong một *khố viết* (tức nằm giữa hai dấu chấm xuống dòng) và có 3 bộ phận cấu thành chính sau đây:

1. **Câu chủ đề** có nhiệm vụ giới thiệu đối tượng, chủ đề sẽ được đề cập, thảo luận trong đoạn. Không chỉ nêu chung chung, nó còn cần phải giới hạn chủ đề ở một hoặc vài phương diện, tính chất, lĩnh vực chuyên biệt nào đó, tức phải nêu nội dung hạn định về chủ đề. Có thể thấy, trong nhiều trường hợp, câu chủ đề chính là câu thể hiện luận điểm của đoạn văn.

Câu chủ đề của đoạn văn trên đây là: *Ngôn ngữ tạo hình của từng tượng mô cũng trở nên sinh động và hiện thực hơn.*

Ở đây, **chủ đề** là ngôn ngữ tạo hình của tượng mô, còn **nội dung hạn định về chủ đề** là trở nên sinh động và hiện thực hơn.

2. **Các câu khai triển**, có nhiệm vụ thuyết minh, luận giải cho chủ đề, thông thường là bằng cách nêu nguyên nhân, cho ví dụ, đưa ra các con số thống kê, trích dẫn, liên hệ với thực tế v.v... Các câu khai triển bao giờ cũng trực tiếp hoặc gián tiếp có quan hệ với chủ đề của đoạn văn và nội dung của chúng thực chất là sự phát triển, mở rộng, giải thích... cho **nội dung hạn định về chủ đề**.

Chẳng hạn, ở đoạn văn trên ta có các câu phát triển sau:

- *Hầu hết các tượng tuy vẫn bị hạn chế trong phạm vi một thân gỗ, đã được mô tả trong những tư thế khác nhau: người ngồi trầm tư, người đang nhún nhảy đánh trống...*

- *Các khối điêu khắc mát dần những đường nét hình học, chuyển thành các khối cong sống động để diễn tả các hình, các khối cho thực...*

- *Mặc dù tỷ lệ các hình người không được đúng: đầu quá to, thân quá nhỏ... nhưng rõ ràng tính hiện thực đã toát lên ở ngôn ngữ nghệ thuật.*

- *Thế nhưng, không ít tượng mô lớp thứ hai đã kết hợp được vào mình cả tính hiện thực của khối hình với những đường nét hình học đầy sức ma thuật của những truyền thống cổ để hiện lên như những tác phẩm điêu khắc tuyệt vời.*

3. **Câu kết** báo hiệu đoạn văn kết thúc, lưu ý người đọc những điểm, chi tiết cốt yếu của đoạn văn, đồng thời có thể chuẩn bị cho đoạn văn tiếp theo.

Câu kết của đoạn văn trên là: *Ở những tượng mô đẹp, những mảng khối vừa khái quát về cái thực, vừa sống động mà cũng vừa bí ẩn như một sức mạnh ma thuật.*

Tuy nhiên, trong thực tế, không phải đoạn văn nào cũng có đầy đủ 3 bộ phận cấu thành như vậy. Có đoạn văn chỉ gồm một câu, chỉ làm nhiệm vụ đặt vấn đề hay chuyển tiếp giữa các đoạn văn khác trong văn bản. Có đoạn văn không có câu kết... Đỡ là chưa tính đến một thực tế là đôi khi các bộ phận cấu thành của một đoạn văn lại được phân bố ở hơn một khổ viết.

## 2) Tinh nhất thể và tinh mạch lạc của đoạn văn.

Đoạn văn **nhất thể** là đoạn văn chỉ thảo luận, bàn bạc xoay quanh một ý chính, tức là chỉ xoay quanh chủ đề và ý hạn định đã được nêu ở câu chủ đề. Chẳng hạn, nếu trong câu chủ đề của đoạn văn chúng ta tuyên bố xem xét ảnh hưởng tiêu cực của vô tuyến truyền hình đối với trẻ em thì chúng ta chỉ tập trung khảo sát các ảnh hưởng tiêu cực mà thôi, chúng ta không nên bàn thêm về các ảnh hưởng tích cực trong khuôn khổ đoạn văn này. Nói cách khác, trong khuôn khổ một đoạn văn, chỉ nên thảo luận về một ý chính, xoay quanh chủ đề bộ phận của đoạn, nếu cần thảo luận về một ý mới thì tốt nhất là hãy bắt đầu bằng một đoạn văn khác. Để đoạn văn được **nhất thể**, các câu khai triển của nó cần phải gắn bó, quan hệ trực tiếp hay gián tiếp với chủ đề. Nếu không tuân thủ điều này, đoạn văn sẽ rời rạc, tản mạn, "lạc đề". Chẳng hạn, trong đoạn văn bàn về chi phí đào tạo quá cao ở đại học, chúng ta có thể có một đôi câu đề cập đến tình trạng lạm phát như một nhân tố khách quan, nhưng nếu quá sa đà về lạm phát, dành nhiều câu bàn về nguyên nhân, tốc độ gia tăng của nó .v.v... thì đoạn văn sẽ quá tản mạn, lạc đề.

Đoạn văn **mạch lạc** là đoạn văn dễ đọc, các ý, các luận điểm được trình bày rõ ràng, theo một trình tự dễ tiếp thu nhất. Mạch lạc của đoạn văn có được là do:

a/ Có sự **liên kết nội dung**, thể hiện ở **liên kết về chủ đề** và **liên kết lô gích**: Các lớp chủ đề được *duy trì* và *phát triển*. Các luận điểm, các ý được sắp xếp theo một *trình tự hợp lý, hợp lô gích*, chẳng hạn theo trình tự thời gian, mức độ chuyên sâu, mức độ quan trọng, theo quan hệ lô gích toàn thể- bộ phận, cái chung- cái riêng, nguyên nhân- kết quả, theo hướng lập luận v.v...

b/ Có sự liên kết về hình thức, thể hiện ở các phép **liên kết hình thức** gắn bó, các câu với nhau. Các phép liên kết hình thức chỉ có giá trị khi chúng là sự thể hiện những liên kết về nội dung. Có thể kể đến 4 loại phép liên kết sau đây:

-**Liên kết quy chiếu**: Các đối tượng, hành động, tính chất hay hoàn cảnh trong câu này là điểm gốc quy chiếu (reference) cho các đối tượng, hành động, tính chất hay hoàn cảnh trong các câu khác. *Lặp từ vựng, thay thế đồng nghĩa, thay thế danh từ, động từ, tính từ, số từ bằng các đại từ* thích hợp, phép *đổi chiếu*... là những biểu hiện thường gặp của phép liên kết này. Ví dụ:

- Bài **Taxman**, bài mở đầu cho *Revolver*, là một sáng tác của **George**. Nó được **anh** tô vẽ bằng tiếng đàn Sitar của Ấn Độ.

(Cao Xuân Thành- *The Beatles: Ban nhạc của thế kỷ 20*)

- **Nguyễn Du** là người thông cảm sâu sắc với những nỗi đau nhân tình thế thái của người phụ nữ. **Tác giả Truyện Kiều** đã dành nhiều trang cảm động để chia sẻ, cảm thông với những nỗi đau đoạn trường của nàng Kiều bạc mệnh.

- **Niu- ton** là một nhà khoa học có ảnh hưởng lớn đến không khí khoa học của cả xã hội. **Những người khác cùng thời** không ai có được uy thế đó như ông.

- Liên kết tỉnh lược: Một vế câu, một thành phần câu, một thành tố của đoạn ngữ trong câu này có thể được giả định là có mặt ở một câu khác nhờ một sự tỉnh lược tích cực, theo nghĩa chúng rất cần thiết cho việc hiểu đầy đủ nghĩa của câu thứ hai. Sự tỉnh lược này khiến các câu trở nên gắn bó với nhau. Ví dụ:

*Ví dụ như chuyện vợ chồng chàng Trương: chàng Trương đi đánh giặc khi vợ có mang. Lúc  $\phi$  trở về, con đã biết nói. Một hôm  $\phi$  đùa với con: tự xưng là bố, thấy con không nhận và nói bố nó tối tối vẫn đến. Trương buồn và ghen, day nghiến vợ đến nỗi nàng phải tự vẫn. Một tối,  $\phi$  ngồi bên đèn đùa với con, thấy nó chỉ lên bóng mình trên tường và nói: "Bố đã đến kìa". Lúc đó  $\phi$  mới biết lầm thì không kịp nữa.*

(Nguyễn Đình Thi- Sức sống của dân Việt Nam  
trong ca dao và cổ tích)

- Liên kết liên từ: Giữa các câu trong đoạn văn với nhau (cũng như giữa các vế câu trong một câu), tồn tại những quan hệ ngữ nghĩa nào đó. Có một lớp các từ chuyên biểu thị những quan hệ đó, do vậy mà có tác dụng liên kết câu về mặt hình thức. Đó là các liên từ. Liên từ thật sự là những tín hiệu chuyển tiếp chỉ ra quan hệ giữa các câu, giúp văn bản được mạch lạc. Chẳng hạn, trái lại, tuy nhiên, khác với... chỉ ra quan hệ tương phản; thoạt tiên, sau đó, thế rồi, rồi cuộc... chỉ ra quan hệ thời gian; do đó, vì thế cho nên, bởi vậy, vì vậy... chỉ ra quan hệ nguyên nhân-kết quả v.v... Dĩ nhiên, không phải câu nào cũng chứa các tín hiệu chuyển tiếp, việc lạm dụng chúng sẽ khiến đoạn văn trở nên dài dòng, nặng nề, rối rắm... Vấn đề ở đây là phải dùng các tín hiệu chuyển tiếp với một liều lượng vừa phải, thích hợp, làm rõ được quan hệ giữa các câu trong đoạn văn với nhau.

Ngoài ra, việc sử dụng một cách linh hoạt các tác tử lập luận như "đã... lại", "vừa... vừa", "không thể...trừ phi", "càng...càng" v.v... cũng giúp cho các luận điểm được trình bày rõ ràng, mạch lạc. Có thể minh họa vai trò của các phương tiện liên kết nói trên qua ví dụ sau đây (chú ý đến những từ ngữ được đánh dấu):



Một sự thực cần thừa nhận là: virus máy tính đang tồn tại và đang phá hoại (nhiều khi rất nghiêm trọng). Nhưng chúng hoàn toàn có thể bị ngăn chặn và tiêu diệt vì cho dù có tinh quái đến mấy thì chúng cũng chỉ là những chương trình máy tính do con người bằng xương bằng thịt lập ra. Và cách phòng chống virus tốt nhất là chủ động tấn công vào chúng. Cũng như trên chiến trường, càng hiểu biết về kẻ thù bao nhiêu thì khả năng chiến thắng càng lớn bấy nhiêu. Quyển sách này ra đời nhằm đáp ứng cho mục tiêu đó: hiểu biết và phòng chống virus máy tính.

(Một số tác giả- Hiểu biết và phòng chống vi rút máy tính)

- Liên kết theo trường từ vựng: Là cách liên kết các câu trong văn bản nhờ việc sử dụng các từ nằm trong trường liên tưởng từ vựng nào đó. Chẳng hạn, sử dụng trong các câu khác nhau những từ, trái nghĩa, những từ biểu thị các sự vật nằm trong một phạm trù (trăng, sao, mây, gió... là các hiện tượng tự nhiên, còn mắt, mũi, chân tay là các bộ phận của cơ thể v.v...). Ví dụ:

Tế tự ở hương thôn thì có sự thờ Thành hoàng, thờ Thổ địa và thờ Phật. Làng nào cũng có một cái nhà chung vừa là nơi thờ thần, vừa là nơi hội tụ của dân. Đối với dân làng, thần Thành hoàng là biểu hiện của lịch sử, phong tục, đạo đức, pháp lệ cùng hy vọng chung của cả làng, lại cũng là một thứ quyền uy siêu việt, một mối liên lạc vô hình, khiến cho hương thôn thành một đoàn thể có tổ chức và hệ thống chặt chẽ. Đình làng lớn thường có một toà nhà hình chữ T, phần dọc là đình trong (hậu cung hay nội điện) là chỗ thâm nghiêm để thờ thần, phần ngang là đình ngoài (tiền tế hay đại bái) chia làm ba khoảng, trung đình ở giữa là nơi tế tự, hai bên gọi là tả gian và hữu gian, ở trong có bàn thờ Thổ địa, hoặc thờ bộ hạ của thần, hoặc thờ Hậu thần. ở hai bên tả hữu có hai hành lang là chỗ dân làng sửa soạn lễ vật để cúng.

(Theo Đào Duy Anh- Việt Nam văn hoá sử cương).

### 3) Câu chủ đề của đoạn văn.

Đây là câu quan trọng nhất của đoạn văn. Nó chỉ ra một cách vấn đề vấn đề được bàn tới và nội dung chính của cả đoạn văn. Trong thực hành văn bản thì câu chủ đề rất cần thiết cho cả người viết lẫn người đọc. Nhờ nó, người viết có thể chủ động dự kiến được những thông tin cần hay không cần đưa vào đoạn văn để sản phẩm của mình ngắn gọn, cô đọng và súc tích nhất. Nhờ nó, người đọc có thể dự đoán được hướng khai triển và nội dung cơ bản của đoạn văn để có định hướng tiếp thu thích hợp.

Sau đây là những chú dẫn giúp ta có được một câu chủ đề tốt:

a. Câu chủ đề phải bao gồm cả chủ đề lẫn nội dung hạn định về chủ đề. Điều đó có nghĩa là, chủ đề được nêu lên, sau đó được giới hạn thảo luận ở những phương diện, lĩnh vực chuyên biệt nào đó trong khuôn khổ đoạn văn.

Ví dụ :

- Kỹ thuật làm nương rẫy ở nước ta, trên những nét lớn đều thống nhất với vùng Đông Nam Á và châu Đại Dương.

- Nguy cơ lớn nhất trong thời kỳ Bắc Thuộc là nguy cơ người Việt hoá thành người Hán, nguy cơ người Việt mất nơi sinh tụ của mình.

b. Câu chủ đề chỉ nêu ý chính của cả đoạn văn, nó phải là câu **khái quát**, vì thế không nên đưa quá nhiều ý chi tiết, nhiều nội dung quá cụ thể vào câu chủ đề. Tuy nhiên, ở đây có vấn đề về mức độ: câu chủ đề không nên quá khái quát mà cũng không nên quá chi tiết. Nếu quá khái quát, nó sẽ không thể định hướng cho người đọc biết đoạn văn sẽ thảo luận về vấn đề cụ thể gì. Nếu quá chi tiết, nó sẽ gây khó khăn cho việc phát triển tiếp theo của đoạn văn, bởi lẽ người viết sẽ khó tránh được sự trùng lặp. Đó là chưa nói đến trường hợp nếu câu chủ đề có quá nhiều ý chi tiết không quan hệ gắn gũi với nhau thì đoạn văn khó có thể có được tính nhất thể.

So sánh 3 trường hợp sau đây:

### Câu chủ đề quá khái quát:

*Những thời kỳ xã hội trải qua một cuộc thay đổi lớn là những thời kỳ văn học chịu nhiều tác động sâu sắc. Sau lúc chế độ quân chủ tập trung, nhờ có sức ủng hộ của bọn thị dân, đã đánh bại được quy mô phong kiến, thì văn học cổ điển đã gây dựng nên một văn nghệ mới lấy lòng, tốt đẹp át cả văn nghệ Trung cổ. Nếu không có phong trào cải cách kinh tế chính trị của giai tầng thị dân hồi thế kỷ XVIII thì văn học Âu Châu quyết không thể chứa chan những sinh lực mới mà ta nhận thấy trong tác phẩm của các nhà văn Pháp, Đức, như Diderot, Voltaire, Rousseau, Goethe, Schiller.*

### Câu chủ đề quá chi tiết:

*Những thời kỳ mà xã hội trải qua một cuộc thay đổi lớn đều là những thời kỳ có nhiều tác phẩm văn học ra đời, với một thế hệ tác giả- nhân chứng có xu hướng lấy chất liệu cuộc sống biến động làm đối tượng phản ánh, và tác phẩm của họ nhờ thấm đẫm hơi thở thời đại đã dễ dàng đạt đến một trình độ cao. Sau lúc chế độ quân chủ tập trung, nhờ có sức ủng hộ của bọn thị dân, đã đánh bại được quy mô phong kiến, thì văn học cổ điển đã gây dựng nên một văn nghệ mới lấy lòng, tốt đẹp át cả văn nghệ Trung cổ. Nếu không có phong trào cải cách kinh tế chính trị của giai tầng thị dân hồi thế kỷ XVIII thì văn học Âu Châu quyết không thể chứa chan những sinh lực mới mà ta nhận thấy trong tác phẩm của các nhà văn Pháp, Đức, như Diderot, Voltaire, Rousseau, Goethe, Schiller.*

### Câu chủ đề tốt:

*Những thời kỳ mà xã hội trải qua một cuộc thay đổi lớn đều là những thời kỳ văn học nảy nở một cách nhanh chóng, và tiến triển đến một trình độ cao. Sau lúc chế độ quân chủ tập trung, nhờ có sức ủng hộ của bọn thị dân, đã đánh bại được quy mô phong kiến, thì văn học cổ điển đã gây dựng*

*nên một văn nghệ mới lấy lòng, tốt đẹp át cả văn nghệ Trung cổ. Nếu không có phong trào cải cách kinh tế chính trị của giai tầng thị dân hồi thế kỷ XVIII thì văn học Âu Châu quyết không thể chứa chan những sinh lực mới mà ta nhận thấy trong tác phẩm của các nhà văn Pháp, Đức, như Diderot, Voltaire, Rousseau, Goethe, Schiller.*

(Đặng Thai Mai - Văn học khái luận)

Tương ứng với các đặc điểm vừa nêu trên đây, câu chủ đề thường là câu *hai thành phần*, có thể được mở rộng thêm nhờ các thành phần phụ khác (thường là trạng ngữ) nhưng không quá dài, quá nhiều ý chi tiết. Các câu đặc biệt không thể dùng làm câu chủ đề cho đoạn văn được.

Về mặt *vị trí*, câu chủ đề thường đứng ở đầu đoạn văn, nhưng nó cũng có thể đứng ở một vị trí khác, chẳng hạn, đứng ở cuối đoạn văn. Có trường hợp do chỗ đoạn văn quá dài, câu chủ đề đứng đầu đoạn văn có thể được lặp lại, dưới hình thức nào đó, bằng một câu khác ở cuối đoạn văn, mục đích là để người đọc nắm được dễ dàng hơn nội dung chính của đoạn văn.

Ví dụ về câu chủ đề đứng ở đầu đoạn văn :

*Trên bước đường tìm cách hoà hợp hai thế giới bên trong và bên ngoài đó, đối với Tagorơ, nhà trường không phải là nơi đào luyện tâm hồn. Cậu bé đã được gửi đến trường ba lần ở ba trường khác nhau, nhưng lần nào và ở nơi nào, cậu cũng không chịu nổi cái không khí ngột thở của lớp học: trường học lúc bấy giờ có những hình phạt đánh đập trẻ con tàn nhẫn, hoặc bắt buộc trẻ con ấn học và hát những bài hát bằng tiếng Anh rất vô nghĩa đối với các em. Cái ấn tượng xấu về trường thuộc địa đã chi phối cả đời ông và khiến ông thiết tha cải cách giáo dục sau này. Tagorơ ghét nhà trường như vậy, cho nên chẳng nhớ gì ngoài những hình phạt và bộ mặt cau có của các ông giáo. Những thu hoạch về đời sống của ông chủ yếu là ở trong gia đình và ở ngoài xã hội.*

(Cao Huy Đình - Văn hoá Ấn Độ)

## Ví dụ về câu chủ đề đứng ở cuối đoạn văn:

a. Những ngôi nhà cao tầng đang được hoàn thiện khẩn trương. Những tấm biển sặc sỡ trên đường phố quảng cáo cho những sản phẩm của các công ty danh tiếng. Những văn phòng đại diện đứng chen nhau ở các đường phố trung tâm. Những khách du lịch người nước ngoài đứng ngơ ngác ở các ngã tư, ngã ba... Đó là những hình ảnh về một Hà Nội năng động, trẻ trung trong thời đổi mới.

b. Khắp một vùng trung châu Bắc Việt, không một mẫu đất nào là không có dấu vết công trình thăm đạm kinh dinh của tổ tiên ta để giành lại quyền sống với tạo vật. Suốt một giải Trung Việt vào đến trung châu Nam Việt, không một khúc đường nào là không nhắc lại sự nghiệp gian nan tiến thủ của tổ tiên ta để mở rộng hy vọng cho tương lai. Cái văn hoá của tổ tiên ta đã gây dựng trong hai nghìn năm để sinh trưởng giữa những điều kiện tự nhiên ác liệt của xứ này, đã có một sinh khí thật mạnh mẽ.

(Theo Đào Duy Anh- Việt Nam văn hoá sử cương)

### 4. Câu kết:

Cần lưu ý rằng không phải bao giờ đoạn văn cũng cần phải có câu kết. Tuy nhiên, một câu kết sẽ rất hữu ích cho người đọc vì nó thực hiện những nhiệm vụ sau:

1. Báo hiệu sự kết thúc của đoạn văn.
2. Tóm lược lại những luận điểm quan trọng nhất vừa được trình bày trong đoạn văn.
3. Gọi lên ở người đọc những suy nghĩ tiếp theo về các luận điểm chính được nêu trong đoạn văn.

Trong thực tế, chúng ta thường gặp câu kết ở hai dạng :a) hoặc diễn giải lại câu chủ đề, bằng những từ ngữ khác;b) hoặc tóm lược lại các luận điểm chính vừa được nêu trong đoạn văn. Các câu kết có thể được bắt đầu bằng các từ, ngữ như: *tóm lại*,

suy cho cùng, rốt cuộc, xét cho cùng, nói cách khác, nói chung, thành ra...

Ví dụ về câu kết diễn giải câu chủ đề:

Trước hết ta không nên quên rằng, trong văn nghệ cũng như trong triết học, cũng như trong phạm vi chính trị, tự do là một vấn đề tương đối, không phải một vấn đề tuyệt đối. Mọi sự lạm dụng xung quanh danh từ đó đều có thể gây nên ảnh hưởng xấu. Trên quả địa cầu này, ai là người có thể muốn làm gì thì làm, muốn gì thì muốn? Ai là người có một khối óc thông minh tuyệt đối, có một nghị lực không giới hạn? Phần không gian và thời gian mà mình được hưởng trên trường sinh hoạt chung, lực lượng của mình về phân tinh thần, thể phách, đều là những giới hạn của ý muốn mình. Sức hành động của mọi người chỉ có thể vận dụng trong bấy nhiêu điều kiện của tự nhiên, của nhân tính. Tự do không phải là một quyền lợi vô hạn lượng, không phải là một năng lượng tuyệt đối.

(Đặng Thai Mai - Văn học khái luận)

Ví dụ về câu kết tóm lược các luận điểm chính của đoạn văn:

a. Ký ức RAM được sử dụng trong máy AT 386 điển hình thường có thời gian truy xuất vào khoảng 80 ns còn thời gian chu kỳ vào khoảng gấp đôi. Và như bạn thấy bộ vi xử lý trong CPU thường lấy dữ kiện trong ký ức RAM để làm việc. Vì hai bộ phận (CPU và ký ức) không có tốc độ hoạt động giống nhau nên nếu CPU không nhận dữ kiện đúng lúc thì bắt buộc phải có một thời gian chờ đợi đối với CPU. Do đó thời gian chu kỳ này của ký ức RAM nhỏ chừng nào thì CPU sẽ mất ít thời gian chờ đợi nhận dữ kiện chừng ấy và như vậy sẽ có thời gian dành cho việc khác. Nó cũng giống như ông chủ với cô thư ký đi lấy hồ sơ. Nếu cô thư ký lấy hồ sơ chậm thì ông chủ chỉ còn nước ngồi ngó đếm ruồi bay cho qua thời gian chờ đợi. Do đó trong máy người ta phải viết chương trình con cho CPU "ngồi đếm ruồi" nghĩa là không thực sự làm gì cả để chờ dữ kiện vào. Ta gọi thời gian vô dụng này là wait state. Ta phải làm thế nào cho thời gian chờ đợi gần bằng

zero. Trong quảng cáo, nếu bạn thấy Zero wait state là thế đấy. Nói tóm lại, tốc độ truy xuất dữ kiện của RAM nhanh chừng nào thì năng suất xử lý của máy vi tính càng cao chừng ấy.

(Dương Quang Thiện- Hệ điều hành MS -DOS 6)

b.Nhờ các thiết bị điều chỉnh, các tàu thủy và máy bay có thể không cần các vật định hướng mà vẫn chạy và bay hàng ngàn cây số không chệch hành trình và đến đích một cách chính xác. Trên các máy bay hiện đại có tốc độ lớn, con người không thể làm nổi nhiệm vụ này. La bàn cho phép định hướng trong từ trường trái đất, được dùng làm bộ phận của thiết bị điều chỉnh hành trình. Người ta còn áp dụng cả những phương tiện khác, chẳng hạn anten định hướng để tiếp nhận các tín hiệu vô tuyến...(.) Chuyến bay vũ trụ được bảo đảm nhờ hoạt động chính xác của nhiều thiết bị điều chỉnh. Những thành tựu to lớn của Liên Xô và Mỹ trong lĩnh vực nghiên cứu vũ trụ sẽ không có khả năng thực hiện được nếu không có trình độ phát triển cao về lý thuyết cũng như kỹ thuật điều khiển và điều chỉnh.

(Klaus Goldner-Điều khiển học và tương lai của nó)

### Bài tập 1:

Đoạn văn sau đây đã bị sắp xếp lộn xộn. Bạn hãy:

1. Xác định đâu là câu chủ đề .
2. Sắp xếp lại thứ tự các câu phát triển cho hợp lý (cần đánh số để biểu thị thứ tự đó).

\_\_\_\_\_ Nói như vậy, có nghĩa là, một từ mới hay một thuật ngữ mới, khi được dùng trên báo chí hay các chương trình phát thanh và truyền hình thì thường đã được chuẩn hoá về mặt ngữ âm, cách viết, về mặt ngữ nghĩa, cảnh huống sử dụng v.v...

\_\_\_\_\_ Vai trò quan trọng khác của các phương tiện thông tin đại chúng trong việc phát triển ngôn ngữ là việc chuẩn hoá ngôn ngữ.

\_\_\_\_\_Hoặc có những từ trước đó họ dùng chưa đúng, phát âm hay viết chưa đúng, nhưng nay qua các phương tiện thông tin đại chúng, họ đã tự sửa được những sai sót đó.

\_\_\_\_\_Người nghe hay đọc giả khi tiếp thu các từ mới này đã tiếp thu ngay dạng chuẩn của nó và cách sử dụng.

(Phỏng theo Nguyên Khuê - Chính sách ngôn ngữ ở Cộng hoà Philippin)

### **Bài tập 2:**

Đoạn văn sau đây còn để trống vị trí của câu chủ đề. Hãy thêm vào một câu chủ đề thích hợp theo ý của anh chị, sau đó nêu lại dàn ý của đoạn văn.

\_\_\_\_\_Bác sĩ Nguyễn Khắc Viện viết: "Phân tích xã hội, để hiểu rõ lịch sử, xác định đường lối thì chủ nghĩa Mác hơn hẳn, nhưng Mác trong đạo lý không được nổi bật và cụ thể như trong Nho giáo. Có thể nói không có học thuyết, chủ nghĩa nào đặt vấn đề xử thế rõ ràng và đầy đủ như vậy. Đặc biệt về cách ứng xử của nhà Nho đối với vua chúa" (98). Nho giáo quy định khá tỉ mỉ hành vi của mỗi một con người trong các quan hệ xã hội, đến tận từng cử chỉ, từng chuyển động của cơ thể. Tuy vậy, các nhà sáng lập lẫn những bậc cự Nho các đời sau đã rất quan tâm để Nho giáo không bị chuyển hoá thành một thứ lý thuyết hành vi, thành một thứ hành vi luận (behaviorisme) hay chỉ mang tính chất nghi lễ hình thức. Học thuyết đạo đức của Nho giáo xác định rõ cái gì là gốc, cái gì là ngọn, trung tâm và biên... Mức độ ly khai Nho giáo được nhà Nho đánh giá trước hết chính ở mức độ vi phạm những chuẩn mực đạo đức của học thuyết đó. Dĩ nhiên Nho giáo cũng đề cập đến nhiều phạm trù khác không chỉ mang ý nghĩa đạo đức, nhưng kể cả các phạm trù này vẫn bị chi phối bởi nội dung đạo đức của nó.

(Theo Trần Ngọc Vương- Nhà Nho tài tử và văn học Việt Nam).



### Bài tập 3:

Hãy đọc các đoạn văn được cho sau đây.

1. Gạch chân câu chủ đề ở mỗi đoạn văn.

2. Xác định các luận điểm chính ở mỗi đoạn.

3. Thêm câu kết thích hợp vào mỗi đoạn (bằng cách diễn giải lại chủ đề hoặc bằng cách tóm lược các luận điểm chính).

A. Theo Triết cổ Đông phương, như đã thấy, mọi vật, thực thể trong Vũ trụ đều có nguồn gốc bản thể như nhau (origine ontologique). Do đó, Triết cổ Đông phương chủ yếu đi tìm cái chung ngay giữa những hiện tượng bên ngoài rất khác nhau. Chẳng hạn, nhà Yogi uyên thâm đi tìm ngôn ngữ chung giữa con người và động vật.

---

(Nguyễn Hoàng Phương - Tích hợp đa văn hoá Đông Tây cho một chiến lược giáo dục tương lai).

B. Thế nhưng, không hiểu vì sao con người vẫn tiếp tục đau khổ. Thực vậy, khoa học đã thành công trong việc mở rộng ảnh hưởng của con người ra các phương hướng bên ngoài, và cho phép con người nắm bắt được một số quy luật của thế giới tự nhiên. Thế nhưng, bản thân con người vẫn cảm thấy nội tâm không được thanh thản, và xã hội cảm thấy rất phức tạp, đầy rẫy vấn đề, luôn luôn mắc sai lầm, với bao hậu quả bất hạnh.

---

(Nguyễn Hoàng Phương - Tích hợp đa văn hoá Đông Tây cho một chiến lược giáo dục tương lai).

### Bài tập 4:

Hãy tìm các phương tiện liên kết hình thức trong văn bản sau đây và cho biết tác dụng của chúng.

Hãy thay thế các phương tiện liên kết hình thức đó bằng các phương tiện tương đương khác.

## Phân biệt hai loại stress.

Nhịp sống hiện nay không nới tay với ai. Tiếng ồn, nạn kẹt xe, sự chạy đua với thời gian, nỗi lo lắng cho ngày mai, những sự gò ép gia tăng. Không nhiều thì ít, chúng ta đều bị stress. Trong trí chúng ta, điều này có nghĩa là bị căng thẳng, làm việc quá sức, bị đặt dưới áp lực. Thật ra, còn có nhiều điều mà mỗi người trong chúng ta, tuy có liên hệ, nhưng đôi khi vô tình không nhận thấy.

Stress ở mức thấp có thể là chất kích thích tự nhiên, nhưng ở mức độ cao sẽ trở thành độc hại. Stress là phản ứng của cơ thể trước một tình huống khác thường, hoặc khó khăn, trước sự gò ép từ môi trường chung quanh, vì vậy, đó là phản ứng đương đầu, đôi phó.

Vấn đề là ở chỗ có loại stress "tốt, có lợi", và loại stress "xấu, có hại".

Một tin vui, một sự sung sướng đưa đến đột ngột, làm phát sinh loại stress tốt, giúp chúng ta tỉnh táo chuẩn bị mọi việc trong cuộc sống. Cũng còn thêm một dạng stress tốt, giúp chúng ta giữ được bình tĩnh, gan dạ, phản ứng sáng suốt trước một thử thách, mặc dù trong lúc ấy lòng chúng ta thật sự có một cơn giông bão. Các hormon, nhất là adrénaline được phóng ra, kích thích cơ thể ngay lập tức. Máu chạy nhanh trong cơ bắp và trong não, tăng thêm sức mạnh cơ thể, động viên tối đa sức chú ý.

Khi một em bé chạy băng ngang trong khi bạn lái xe, nhờ adrénaline bạn có thể hãm xe lại với phản ứng "siêu nhanh". Hormone phóng ra nhanh như vậy cũng có lợi trong hoạt động trí não.

Sự cần thiết phải hoàn tất một công việc vào ngày mai tạo nên loại stress hưng phấn. Máu chảy nhiều hơn trong não, nhờ thế, hoạt động của não được thúc đẩy và hiệu năng đạt đến đỉnh cao.

Loại stress tốt như vậy giúp chúng ta tăng thêm năng lực trong kỳ thi, hoặc trong cuộc phỏng vấn tuyển dụng nhân viên.

Tuy nhiên, những loại kích thích như vậy, nếu lên quá cao có thể trở thành độc hại, gặm mòn nội lực. Hiện tượng này có thể si sánh với việc tiêu hoá. Để có thể tiêu hoá được thực phẩm, dạ dày tiết ra axit, nhưng nếu quá nhiều axit, dạ dày sẽ bị loét.

Vì sao lại đi đến chỗ quá "liều lượng" stress, trở thành tai hại?

Theo bác sĩ Patrick Légeron, chuyên gia tâm thần, thuộc bệnh viện Sainte Anna, Paris, khi nói đến stress quá độ, chúng ta nghĩ đến những biến cố quan trọng trong đời như: cái chết của một người thân, bị cho nghỉ việc, đau ốm nặng, hoặc những phiền muộn dai dẳng lo nghĩ về tiền bạc, những cuộc xung đột vợ chồng, gánh nặng công việc chồng chất. Thực ra, những dấu ấn nhỏ nhỏ hàng ngày như: nhận được một cú điện thoại làm bực mình, cãi nhau với con cái, người khác sai hẹn với mình... thường là loại stress ngấm ngấm, nếu tích luỹ sẽ có tác động làm hỏng sức đề kháng của chúng ta.

Thông thường, chúng ta trải qua 3 đoạn đường phản ứng đối với stress.

1. Giai đoạn báo động, trong đó chúng ta phản ứng bằng cách tập trung để đối phó.

2. Giai đoạn kháng cự, trong đó chúng ta tìm cách thích nghi và duy trì sự cố gắng.

3. Giai đoạn kiệt sức, trong đó chúng ta thấy nản lòng, cần nghỉ ngơi, cần sự giúp đỡ.

Trong sinh hoạt nghề nghiệp, một chút stress giúp chúng ta có hiệu lực hơn trong trí não và thể lực. Quá nhiều stress sẽ đưa đến sự giảm sút hiệu năng, gây nhầm lẫn, thiếu tập trung, khó giải quyết vấn đề. Stress là người bạn đồng hành mà chúng ta không thể nào lẫn tránh, nhất là trong một thế giới xô bồ, vội vã như ngày nay. Vấn đề là chúng ta phải tạo cho mình một cuộc

sống lành mạnh, vị tha, giàu lòng nhân ái, say mê với công việc. Có như vậy chúng ta mới thường xuyên có được những stress tích cực, hạn chế ở mức tối đa những stress tiêu cực.

(Theo Trịnh Đình Khôi- Những hiểu biết về stress)

### Bài tập 5:

Hãy đọc và so sánh hai đoạn văn sau đây.

1/ Đoạn văn nào mạch lạc, dễ hiểu hơn. Vì sao?

2/ Nêu rõ giá trị của các tín hiệu chuyển tiếp hoặc lập luận ở đoạn văn thứ hai. Thay thế chúng bằng các tín hiệu chuyển tiếp tương đương.

a) Người ta vẫn lại rằng người phụ nữ Việt Nam có một vị trí nào đấy trong gia đình, không có chỗ đứng trong các tổ chức ngoài gia đình, những tổ chức ở cấp làng. Đúng. Liếc một liếc mắt vào các tộc người mẫu hệ (người ta còn bảo là mẫu quyền nữa), như người Giarai và người Êđê trên các cao nguyên Trung Bộ, ta thấy phụ nữ ở đấy đóng một vai trò nổi bật, gây bất lợi cho đàn ông. Điều ấy diễn ra trong nội bộ của gia đình, tôi muốn nói đến gia đình mở rộng, gồm nhiều bộ mẫu hệ và mang tộc danh về phía mẹ, sống dưới một mái nhà chung, dưới quyền một "bà tổ". Lên mức làng, không có người phụ nữ nào trong các tổ chức ngoài gia đình. Các Nương tử quân, chỉ là nhân vật truyền thuyết.

b) Người ta có thể vẫn lại rằng người phụ nữ Việt Nam cũng có một vị trí nào đấy trong gia đình, nhưng lại không có chỗ đứng trong các tổ chức ngoài gia đình, những tổ chức ở cấp làng, chẳng hạn. Đúng. Liếc một liếc mắt vào các tộc người mẫu hệ (người ta còn bảo là mẫu quyền nữa), như người Giarai và người Êđê trên các cao nguyên Trung Bộ, ta thấy quả là phụ nữ ở đấy đóng một vai trò nổi bật, tất nhiên gây bất lợi cho đàn ông. Nhưng điều ấy chỉ diễn ra trong nội bộ của gia đình, tôi muốn nói đến gia đình mở rộng, gồm nhiều bộ mẫu hệ và mang tộc danh về phía mẹ, sống dưới một mái nhà chung, dưới quyền một

"bà tổ". Còn lên mức làng, thì, trái lại, không có người phụ nữ nào trong các tổ chức ngoài gia đình. Các Nương tử quân, nói cho cùng, chỉ là nhân vật truyền thuyết.

(Nguyễn Từ Chi- Nhận xét bước đầu  
về gia đình của người Việt)

### Bài tập 6:

1/ Tìm câu chủ đề của đoạn văn được cho sau đây.

2/ Cho biết luận điểm chính của đoạn văn.

3/ Những từ ngữ được đánh dấu có vai trò gì trong cấu trúc của đoạn văn? Hãy thay thế chúng bằng các từ ngữ khác tương đương.

4/ Viết lại đoạn văn theo cách của anh (chị).

Đã thế, tập thể quan viên hàng xã, ít nhất cũng trong một số trường hợp, lại có thể đồng nhất với hội đồng kỳ dịch, hay hội đồng kỳ mục. Về danh nghĩa, tức theo chỉ dụ của triều đình, hội đồng này do dân hàng xã cử lên từ nội bộ của họ. Nhưng, một mặt thì tiêu chuẩn để được cử (điền sản, phẩm hàm, chức vụ, bằng cấp) khiến cho trên thực tiễn tư cách thành viên hội đồng hầu như chỉ rơi vào ba hạng trên cùng (chức sắc, chức dịch, thi khoá sinh). Mặt khác, trước các cuộc "cải lương hương chính" thời thuộc Pháp, số lượng thành viên, cũng như nhiệm kỳ của tổ chức họp này là vô hạn định, do đó việc bầu bán có mà cũng như không, bởi lẽ chỉ xảy ra khi nào một thành viên, vì lý do riêng, tự rút lui ra khỏi hội đồng. Dù sao, đây cũng là dịp hiếm có để tạo khả năng cho một người không phẩm hàm, chức vụ, hay bằng cấp, trở thành kỳ mục, miễn là đương sự có chút ít điền sản, và nhờ một cuộc sống mẫu mực của bản thân và gia đình, mà được toàn dân trong xã kính trọng. Đứng đầu hội đồng kỳ mục là "tiên chỉ". Và trong trường hợp những xã lớn, đông dân, hay nhiều quan lại và người khoa bảng, thì, đứng ngay sau "tiên chỉ" còn có "thứ chỉ" nữa: gọi là tiên chỉ và thứ chỉ, vì mọi giấy má chính thức, kể cả văn tự ký kết giữa tư nhân với nhau, muốn được bảo

đảm về mặt pháp lý, phải được lý trưởng ký và áp triện vào, nhưng trước hết, phải mang chữ ký của tiên chỉ, rồi, tiếp ngay sau là chữ ký của thứ chỉ. Đây là hai nhân vật có phẩm hàm cao nhất xã, có khi là những vị hưu quan (quan lại đương chức không được tham gia vào công việc hàng xã), và, dù trong trường hợp nào, cũng do kỳ mục hay quan viên hàng xã cử lên, sau đó mới được quan trên (hàng tỉnh) chấp thuận. Như vậy, hai vị không nhất thiết là những bậc cao niên nhất xã, nhưng, trong đại đa số các trường hợp, đều thuộc hạng có tuổi.

(Nguyễn Từ Chi- Cơ cấu tổ chức của làng Việt cổ truyền ở Bắc Bộ)

### Bài tập 7:

1. Phân tích giá trị của những từ ngữ được đánh dấu trong đoạn văn sau đây.

2. Thử viết lại đoạn văn, không dùng các từ ngữ kể trên hoặc các từ ngữ tương đương, sau đó so sánh mức độ mạch lạc của hai đoạn văn.

Cho đến nay, việc ứng dụng các kết quả của lý thuyết điều khiển tối ưu ngẫu nhiên vào thực tế chưa được rộng rãi và hiệu quả. Một trong những lý do là khi giải phương trình quy hoạch rộng để tìm điều khiển tối ưu, ta cần chia không gian trạng thái thành các lưới điểm đủ dày đặc và tính điều khiển tối ưu tại các lưới điểm đó. Theo các số liệu thực hành, khi không gian trạng thái có chiều từ bốn trở lên thì việc giải phương trình quy hoạch rộng vượt quá khả năng của máy tính. Hơn nữa, việc tra bảng để tìm điều khiển tối ưu tại các lưới điểm ngày càng mịn của không gian trạng thái rất bất tiện cho các nhà điều hành. Mặt khác, các bài toán điều khiển tối ưu ngẫu nhiên, trong thực tế, thường được mô hình hoá toán học bằng nhiều phương pháp xấp xỉ, dự báo... và tất nhiên chúng phải mắc những sai số. Do đó, việc giải bài toán đó bằng phương pháp xấp xỉ sẽ có ý nghĩa không kém so với việc giải chính xác nó.

Cho đến nay, vẫn chưa có thuật toán nào khả dĩ dùng được trong thực tế để giải bài toán điều khiển tối ưu ngẫu nhiên trong trường hợp tổng quát với các hàm chuyển đổi trạng thái, hàm mục tiêu và miền ràng buộc có dạng phức tạp. Vì vậy, độ phức tạp của thuật toán dùng để giải nó thường rất lớn. Để khắc phục điều đó, chúng ta có thể xấp xỉ nó bằng bài toán điều khiển ngẫu nhiên- trong đó hàm biến đổi trạng thái, hàm mục tiêu và cả miền ràng buộc của nó có dạng đơn giản hơn- sao cho đối với bài toán này điều khiển tối ưu có thể được biểu diễn bằng các biểu thức giải thích tường minh và có thể xem nó là điều khiển  $\epsilon$ - tối ưu cho bài toán gốc ban đầu.

(Theo Trương Chí Tín - Về một phương pháp xấp xỉ giải bài toán điều khiển tối ưu các hệ sai phân ngẫu nhiên có ràng buộc hỗn hợp)

### Bài tập 8:

Hãy đọc đoạn văn được trích sau đây.

1. Tìm và phân loại các biện pháp liên kết.
2. Tìm những từ ngữ, kết cấu có tác dụng phục vụ lập luận.

Trong hoàn cảnh lịch sử lúc bấy giờ, khi Đông Dương bị xâm xé bởi nhiều thế lực đế quốc, chính sách chống chủ nghĩa thực dân của Mỹ, về khách quan, có lợi cho phong trào đấu tranh giành độc lập của nhân dân Đông Dương. Chính Chủ tịch Hồ Chí Minh và những người lãnh đạo cách mạng Đông Dương đã sớm phát hiện ra điều đó, đi đến quyết định là phải chủ động tranh thủ sự đồng tình của Mỹ, thêm bạn đồng minh cho cách mạng, tạo thế và đưa phong trào giải phóng dân tộc Đông Dương phát triển lên. Dù còn ít ỏi, sự phối hợp trong việc chống quân phiệt Nhật giữa lực lượng quân sự Mỹ ở khu vực Viễn Đông với phong trào cách mạng Đông Dương nói chung, phong trào Mặt trận Việt Minh ở Việt Nam nói riêng, có nhiều ý nghĩa thiết thực. Chủ động đặt quan hệ với những lực lượng của Mỹ chống chủ nghĩa thực dân, những nhà lãnh đạo cách mạng Đông Dương

*tranh thủ được sự giúp đỡ về vật chất trong quan hệ với Mỹ. Tuy nhiên, mối quan hệ này bị chững lại khi Roosevelt qua đời (tháng 4 - 1945) và chính phủ mới do Truman đứng đầu tuyên bố hoàn toàn ủng hộ Pháp trở lại nắm quyền ở Đông Dương.*

(Theo Đỗ Đình Hằng, Trần Văn La- *Quan hệ Nhật - Pháp ở Đông Dương trong chiến tranh Thái Bình Dương*)

## 1.2. TIẾP NHẬN VĂN BẢN.

### 1.2.1. Tóm tắt văn bản.

*Tóm tắt văn bản* là công việc trình bày lại nội dung của văn bản gốc theo một mục đích đã định trước. Văn bản tóm tắt thường bao giờ cũng ngắn hơn rất nhiều so với nguyên gốc. Có thể xem tóm tắt văn bản là thực hiện *ép, nén* thông tin vào một số hữu hạn các câu cho phép. Việc lựa chọn thông tin đưa vào văn bản tóm tắt bao giờ cũng phụ thuộc vào mục đích của người làm tóm tắt (thông thường là giữ lại những ý chính, những luận điểm quan trọng, lược bỏ các thông tin phụ, nhưng vấn đề không phải bao giờ cũng đơn giản như vậy). Có thể nói, mục đích giao tiếp là nhân tố hàng đầu chi phối, chế định toàn bộ việc tóm tắt văn bản. Tuy nhiên, nói như vậy hoàn toàn không có nghĩa là tóm tắt văn bản không hề mang tính khách quan, mà trái lại yêu cầu phản ánh trung thực văn bản gốc phải là yêu cầu hàng đầu của các văn bản tóm tắt.

Khi tóm tắt văn bản, cần chú ý các điểm sau đây:

1. Diễn đạt càng ngắn gọn, súc tích càng tốt, dứt khoát loại bỏ những thông tin không cần thiết đối với mục đích tóm tắt.

2. Văn bản tóm tắt, dù tồn tại dưới hình thức nào, cũng phải phản ánh trung thành các tư tưởng, luận điểm của văn bản gốc, không được xuyên tạc hoặc thêm thắt những luận điểm vốn không có trong văn bản gốc.

3. Người viết cần diễn đạt các nội dung được tóm tắt theo cách riêng của mình, tránh đến mức tối đa dùng lại một cách



nguyên si các câu, các đoạn của văn bản gốc. Ưu tiên dùng câu đầy đủ thành phần, đặc biệt là các câu đơn hoặc ghép được mở rộng nhằm tăng cường tối đa lượng thông tin trong câu. Trong bối cảnh văn bản bị dồn nén, ngữ cảnh bị rút gọn, cần tránh đến mức tối đa việc dùng các câu đặc biệt (câu một thành phần). Tuy nhiên, nếu ngữ cảnh cho phép xác định đúng quy chiếu, có thể dùng câu tỉnh lược thành phần (thường là tỉnh lược chủ ngữ) nhằm rút ngắn văn bản tóm tắt.

Chẳng hạn, đoạn văn tóm tắt sau đây sử dụng nhiều câu tỉnh lược chủ ngữ (ký hiệu  $\phi$  chỉ chủ ngữ bị tỉnh lược):

*Ví dụ như chuyện vợ chồng chàng Trương: chàng Trương đi đánh giặc khi vợ có mang. Lúc  $\phi$  trở về, con đã biết nói. Một hôm  $\phi$  đùa với con tự xưng là bố, thấy con không nhận và nói bố nó tôi tôi vẫn đến. Trương buồn và ghen, day nghiến vợ đến nỗi nàng phải tự vẫn. Một tối,  $\phi$  ngồi bên đèn đùa với con, thấy nó chỉ lên bóng mình trên tường và nói: "Bố đã đến kìa". Lúc đó  $\phi$  mới biết lầm thì không kịp nữa.*

(Nguyễn Đình Thi- *Sức sống của dân Việt Nam*  
trong ca dao và cổ tích)

Văn bản tóm tắt có độ dài bao nhiêu là phụ thuộc vào mục đích mà việc tóm tắt hướng đến. Chẳng hạn, đoạn trích trên đây về cơ bản đã tóm tắt được chuyện vợ chồng chàng Trương, nhưng để chứng minh cho luận điểm: *gặp những chuyện đau thương đặc biệt, trí tưởng tượng của dân chúng cũng tìm cách chữa lại, điểm một nét huyền ảo cho bớt được nỗi bi đát*, Nguyễn Đình Thi đã nhấn mạnh vào đoạn kết của chuyện:

*Ví dụ như chuyện vợ chồng chàng Trương: chàng Trương đi đánh giặc khi vợ có mang. Lúc trở về, con đã biết nói. Một hôm đùa với con tự xưng là bố, thấy con không nhận và nói bố nó tôi tôi vẫn đến. Trương buồn và ghen, day nghiến vợ đến nỗi nàng phải tự vẫn. Một tối, ngồi bên đèn đùa với con, thấy nó chỉ lên*

bóng mình trên tường và nói: "Bố đã đến kìa". Lúc đó mới biết  
lâm thì không kịp nữa.

Câu chuyện lẽ ra chấm hết ở đó, nhưng dân chúng không  
chịu nhận cái tình thế đau đớn ấy, và cố gắng đem một nét  
huyền ảo để an ủi ta. Vì thế mới có đoạn thứ hai, kể chuyện nàng  
Trương xuống Thủy cung, và sau còn gặp chồng một lần nữa.

(Nguyễn Đình Thi- Sức sống của dân Việt Nam  
trong ca dao và cổ tích)

Ở những trường hợp đặc biệt, cả một văn bản dài có thể  
được tóm tắt lại chỉ bằng một câu. Ví dụ:

(Bàn về bộ kinh Rig Vê đa của Ấn Độ)

- Nội dung của bộ kinh này phản ánh quá trình xâm nhập  
và phát triển của người ariang vào đất ấn Độ, và tất cả sinh hoạt  
nguyên thủy của họ.

(Giới thiệu tập sử thi Ramayana)

- Ramayana chủ yếu mô tả cuộc tình duyên trắc trở và môi  
trường chung thủy của hoàng tử Rama và nàng Xita.

(Cao Huy Đình - Văn hoá Ấn Độ, tr 9 -10)

Sau đây là một vài kỹ thuật có thể áp dụng trong tóm tắt  
văn bản, đặc biệt khi chúng ta muốn tóm tắt mỗi đoạn văn vào 1  
hoặc vài câu:

1. Tìm câu chủ đề của mỗi đoạn văn, xác định chủ đề và nội  
dung hạn định về chủ đề.

2. Bằng một hoặc vài câu thích hợp, hãy diễn giải lại câu  
chủ đề, chú ý làm nổi rõ những nội dung hạn định về chủ đề.

3. Dùng các từ ngữ thích hợp để liên kết các câu văn lại với  
nhau thành một văn bản hoàn chỉnh.

Có thể minh họa những điều vừa trình bày qua việc tóm tắt  
văn bản sau:

*Bạn có phải là một người Pháp bình dân?*

*Trong cả cuộc đời, mỗi một chúng ta có đến khoảng 50000 bữa ăn. Nếu trung bình cứ mỗi bữa ăn mất một giờ thì tính chung cục chúng ta mất 6 năm của đời mình cho việc ăn uống. Thật là một con số đáng suy ngẫm!*

*Như 42 % người Pháp, phải chăng bạn luôn luôn khoái món bít-tết chiên? Và cũng như các đồng bào của mình ấy, bạn yêu thích món cá hồi và thịt bò bourguignon? Nếu có thực khách, bạn sẽ đãi họ những gì? Một bữa ăn với những món nhẹ nấu theo kiểu mới hay là một bữa ăn truyền thống với một món gì đó khai vị, cá hoặc thịt, sa lat, pho mat... và kết thúc bằng món tráng miệng? Phải chăng, như phần lớn các nhà doanh nghiệp và giám đốc điều hành, bạn còn phải trải qua những bữa ăn thừa mứa ca-lo-ri và thường là với rất nhiều rượu?*

*Hay phải chăng bữa trưa của bạn, thường là tự phục vụ, chỉ khiêm tốn độc một món tâm tâm nào đó cốt chỉ cho qua bữa, đôi khi có thêm đồ tráng miệng và cà phê? Bữa tối ở nhà bạn, phải chăng cũng không quá rườm rà, nặng nề? Phải chăng bạn dùng khoai tây và bánh mì ít hơn? Bạn bớt uống rượu vang mà dùng nhiều hơn nước khoáng?*

*Nếu bạn thấy mình trong số những người có khuynh hướng thứ hai thì điều đó có nghĩa là bạn thuộc vào số những người Pháp bình dân, bạn chén ít hơn (dĩ nhiên trừ những dịp hội hè), bạn chú ý giữ gìn dáng vẻ của mình, có thể bạn cũng đọc không bài báo bàn về cách thức ăn uống, bạn ít phụ thuộc hơn vào thực phẩm, và như vậy thành mạch của bạn trở nên bền vững hơn.*

(Phỏng theo Giáo trình tiếng Pháp *Espaces I*)

**Bước I**, xác định văn bản có bao nhiêu đoạn văn và tìm chủ đề của mỗi đoạn. Bài viết trên đây có cả thảy 4 đoạn, với 4 chủ đề bộ phận tương ứng sau đây:

1. Vai trò của sự ăn uống trong đời sống.
2. Chế độ ăn uống truyền thống của người Pháp.
3. Chế độ ăn uống của người Pháp bình dân ngày nay.

#### 4. Sự lựa chọn một chế độ ăn uống hợp lý.

**Bước II**, ứng với mỗi đoạn trên, chúng ta có thể tóm lược nội dung như sau:

1. Ăn uống chiếm vị trí quan trọng trong đời sống chúng ta.
2. Người Pháp có những thói quen truyền thống trong ăn uống.
3. Người Pháp đã thay đổi thói quen ăn uống.
4. Chế độ ăn uống của người Pháp có xu hướng tốt và hợp lý hơn.

**Bước III**, diễn giải lại và liên kết các câu theo thứ tự trên đây thành một văn bản hoàn chỉnh, sử dụng những từ ngữ liên kết thích hợp. Chẳng hạn, chúng ta có thể tóm tắt bài viết như sau:

*Ăn uống chiếm một vị trí rất quan trọng trong đời sống con người. Cũng như các dân tộc khác, người Pháp có một tập quán lâu đời trong ăn uống. Tuy nhiên ngày nay, cùng với sự thay đổi của xã hội, người Pháp đã có những thay đổi trong cách ăn của mình. Nói chung, cách ăn uống của người Pháp có xu hướng tốt hơn và hợp lý hơn.*

Cũng có thể tiến hành công việc theo cách sau:

**Bước I:** Lập dàn ý của văn bản cần tóm tắt.

**Bước II:** Viết tóm tắt dựa trên dàn ý đã lập.

#### **Bài tập 1:**

Hãy đọc văn bản cho sau đây.

1. Xác định chủ đề chung và các chủ đề bộ phận.
2. Hãy vạch một dàn ý tổng quát.
3. Tìm những phương tiện hình thức liên kết các phần của văn bản.

4. Hãy tóm tắt sao cho có thể sử dụng văn bản trong một áp phích cổ động tuyên truyền cho công tác phòng chống chứng đột quy.

### *Người lớn tuổi và chứng đột quy.*

Đột quy là nguy cơ hàng đầu đối với người lớn tuổi. Hàng năm, mỗi khi mùa mưa lạnh đến cũng là lúc các bệnh viện thường tiếp nhận các ca người lớn tuổi bị té khi đi tắm hay đi vệ sinh, ngủ đêm đến sáng kêu không dậy..., phần lớn trong số đó ra đi không kịp nhận nhủ lại gì cho con cháu. Mới hôm qua họ còn khoẻ mạnh bình thường nhưng hôm nay bạn bè hàng xóm đã phải đến chia buồn. Điều gì đã xảy ra với họ? Những người này đã bị "tai biến mạch máu não"! Đó là danh từ thường dùng để chỉ tất cả các rối loạn, thương tổn của não bộ do bệnh của hệ thống mạch máu não gây ra.

Dựa vào thương tổn ở não, người ta chia ra hai loại lớn:

- Thiếu máu não cục bộ có hoặc không có nhũn não.
- Xuất huyết não (đứt mạch máu não).

Tai biến này xảy ra nhiều ở các nước phát triển: ở Pháp, mỗi năm có khoảng 360.000 người mắc bệnh (là nguyên nhân gây tử vong đứng hàng thứ ba sau các bệnh ung thư và bệnh tim mạch); ở Mỹ có 500.000 người mắc bệnh vào năm 1985. Tại Khoa thần kinh của bệnh viện Chợ Rẫy, tai biến mạch máu não chiếm 1/4 tổng số bệnh nhân nội trú hàng năm, trong đó xuất huyết não chiếm 40,42%, nhóm nhũn não 59,58% (nam chiếm 60%, nữ chiếm 40%)

Như các bạn biết hệ thống mạch máu não cung cấp ôxy cho tế bào não giống như hệ thống đường ống nước cung cấp nước cho các hộ gia đình. Khi đường ống bị thủng sẽ gây ngập, giống như mạch máu vỡ gây tràn máu vào các mô não. Đó là xuất huyết. Điều đó làm huỷ hoại các tế bào não, tăng thể tích bán cầu, phù não, nặng nhất là đưa đến tụt não. Còn nhũn não là trường hợp mạch máu não bị bít giống như ống nước bị nghẹt, khu vực phía

sau không có nước dùng, còn ở đây cả vùng não phía sau chỗ tắc không được cung cấp oxy để tạo năng lượng hoạt động, các tế bào chỉ dự trữ glucose dùng trong 2 phút và không có khả năng dự trữ oxy. Trong thực tế chỉ cần 8 đến 10 giây thiếu máu não toàn bộ là con người đã mất hẳn mọi hoạt động ý thức và tri giác, nếu kéo dài 4-6 phút thì não tổn thương vĩnh viễn. Có hai tình huống làm cho mạch máu bị tắc:

- Do cục máu đông từ nơi khác chạy lên não gặp chỗ hẹp kẹt lại và gây tắc (hay gặp trong bệnh hẹp van hai lá, bệnh van động mạch chủ, rung nhĩ. Kế đó là những người bị nhồi máu cơ tim: tạo cục máu đông từ thành tâm thất trái)

- Do xơ vữa động mạch làm tắc tại chỗ, hay gặp ở những người lớn tuổi. Các yếu tố nguy cơ liên quan đến xơ vữa động mạch là cao huyết áp, nghiện thuốc lá, bệnh tiểu đường, tăng cholesterol máu, chứng béo phì. Do tổn thương li ti dưới lớp nội mạc mạch máu sẽ thành lập ra các mảng xơ vữa, sau đó tiểu cầu bám vào phóng thích các chất co mạch và thúc đẩy các tiểu cầu còn lưu động dễ kết dính vào mảng xơ vữa tạo thành mảng huyết khối lớn dần làm bít tắc lòng mạch. Theo cơ chế đó thì sự thiếu máu ở não là từ từ, tức là trước đó bệnh nhân đã có triệu chứng của bệnh như: yếu một tay, đờ lưỡi, liệt mặt, dị cảm thoáng qua... Các triệu chứng này mất đi trong 10 phút đến vài giờ, không qua 24 giờ, không để lại di chứng. Đây là điềm cảnh báo cho bệnh nặng sau này.

Tai biến hay xảy ra về đêm đến rạng sáng. Đó là lúc hoạt động tim và huyết áp giảm thấp nhất trong ngày nên làm cho sự thiếu máu thêm trầm trọng. Khi tắm nước lạnh vào mùa mưa, nhiệt độ quá chênh lệch giữa cơ thể và nước là nguyên nhân gây co mạch phản xạ làm dễ bị tai biến hơn. Vì thế, người lớn tuổi nên tránh tắm về đêm, không nên tắm nước quá lạnh, và phải phòng ngừa bị té ngã do bị cơn thiếu máu não làm chóng mặt, xây xẩm; đã có nhiều trường hợp tử vong vì chấn thương sọ não do ngã.

Để phòng ngừa tai biến này, tốt hơn hết là kiểm soát các yếu tố nguy cơ có liên quan đến sự tạo xơ vữa động mạch: kiểm soát huyết áp, bỏ thuốc lá, hạ cholesterol, tập thể dục để giảm cân nặng. Vào mùa mưa, người lớn tuổi nên tránh tắm nước lạnh, không xối nước lạnh đột ngột mà nên xối từng phần trước, tắm xong lau sạch, mặc đồ kín... và khi bất ngờ yếu, ngã đột ngột hoặc hôn mê phải được nhanh chóng đưa đến đơn vị y tế gần nhất để được cấp cứu kịp thời chứ không nên cắt, lể, cạo gió... bởi vì đến khi nguy kịch mới đưa đến bệnh viện thì rất khó cứu chữa hoặc có thể tử vong trước khi đến bệnh viện.

Dù hiện nay y học đã tiến bộ vượt bậc song việc điều trị bệnh nhân bị tai biến mạch máu não còn rất nhiều hạn chế. Người ta chỉ mong chờ sự hồi phục lại của một số tế bào thần kinh bị thiếu máu bằng cách tăng cường cung cấp oxy và tăng sự tưới máu. Như đã biết, tế bào não chịu sự thiếu oxy rất kém, khi thời gian kéo dài quá mức cho phép thì sự tăng tưới máu trở lại sẽ trở nên vô nghĩa vì không giúp cho sự hồi phục. Tốt nhất là đưa bệnh nhân đến bệnh viện, không nên trì trệ vì bất cứ lý do gì.

(BS Bùi Công Trọng - Người lớn tuổi và chứng đột quỵ)

## Bài tập 2:

Sau đây là bản tóm tắt của một báo cáo khoa học.

1. Hãy nêu những ý chính có trong bản tóm tắt.
2. Hãy rút gọn bản tóm tắt này thêm nữa.

*Ảnh hưởng của tư tưởng Khang-Lương  
đến một số nhà văn cận đại Việt Nam.*

- Nguyễn Xuân Hoà -

*(Báo cáo trình bày tại Hội thảo khoa học về Tân thư, tổ chức tại Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, năm 1996)*

Bài viết nói đến tình hình xã hội Trung Quốc vào cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20, dẫn đến phong trào Mậu Tuất chính biến (1898) do Khang Hữu Vi và người học trò xuất sắc Lương Khải

Siêu lãnh đạo. Nội dung Mậu Tuất chính biến là đề xuất nhiều biện pháp cải cách về kinh tế, chính trị, văn hoá. Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu viết "Tân thư", dịch "Tân thư" để tuyên truyền cho phong trào cải lương. Ở Việt Nam những năm đầu thế kỷ 20 hoàn cảnh xã hội cũng có nét tương tự. Các nho sĩ trí thức như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh đều chịu ảnh hưởng "Tân thư" đã đề xướng phong trào cải cách duy tân "tự cường" dân tộc để chống lại sự xâm lược của bọn thực dân Pháp.

Ảnh hưởng của Khang, Lương đến các nhà văn cận đại Việt Nam như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh... thể hiện trên các bình diện về quan niệm sáng tác và một số đề tài nhằm "khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh". Xét về mặt đề tài và một số vấn đề lý giải cụ thể như phê phán tội ác giai cấp phong kiến thống trị và bọn thực dân xâm lược, bàn về "quân chính và dân chính", gọi hồn quốc dân, kêu gọi lòng "ái quốc, ái chủng, ái quần", kêu gọi niềm tin vào thanh niên biết tiếp thu văn hoá và khoa học phương Tây để xây dựng đất nước, thì một số nhà văn hiện đại hai nước có những nét tương tự.

Ảnh hưởng của Khang- Lương, nhất là Lương Khải Siêu không chỉ về mặt nội dung mà còn ở cách viết. Giáo sư Đặng Thai Mai có nói: "Phan Bội Châu đã học được ở Lương Khải Siêu cách viết hùng hồn, bao giờ cũng lâm li, khẳng khái để rung động lòng người đọc bằng tiết tấu nhịp nhàng, hình ảnh bóng bẩy".

Bài viết cũng cho rằng các tác giả văn học thời cận đại Việt Nam tuy chịu ảnh hưởng "Tân thư" của Trung Quốc nhưng vận dụng có sáng tạo vào hoàn cảnh của đất nước Việt Nam.

Kết thúc bài viết, người viết cho rằng ảnh hưởng giữa Khang- Lương và các nhà văn cận đại Việt Nam không phải là một hiện tượng riêng rẽ mà nằm trong qui luật chung của giao lưu văn hoá giữa các nước trên thế giới và trong khu vực.



### Bài tập 3:

Hãy tóm tắt văn bản cho sau đây:

1. Trong vòng 14 câu.
2. Trong vòng 7 câu.

#### *Thử nghiệm "sex trong vũ trụ".*

Ý tưởng sinh đẻ trong vũ trụ là ý tưởng từng lôi cuốn các nhà khoa học Nga và Mỹ từ nhiều thập kỷ nay. Ngay từ năm 1903, nhà khoa học người Nga K.Xiôncopxki đã từng mơ ước có ngày hàng triệu hàng triệu con người sẽ được sinh ra trong vũ trụ để lấp đầy "những lãnh thổ còn trống vắng" của Mặt Trăng, sao Hoả, sao Kim.

Các nhà khoa học Nga đã bắt đầu ý tưởng khoa học này sớm hơn các nhà khoa học Mỹ. Kể cũng thú vị khi được là những người đi tiên phong trong việc đưa giống người vào sinh sống lâu dài và thậm chí còn phát triển cả nòi giống trong vũ trụ.

Ngay từ những chuyến bay đầu tiên của con người vào vũ trụ, các nhà khoa học Nga đã nghĩ tới chuyện này. Họ đã nghiên cứu rất kỹ tác động của tình trạng tăng trọng lượng khi con tàu vũ trụ rời mặt đất, cũng như của tình trạng không trọng lượng khi con tàu bay trong vũ trụ đối với cơ thể và chức năng sinh đẻ của phụ nữ ngay từ chuyến bay của V.Terescova - nhà nữ du hành vũ trụ đầu tiên của Nga và cũng là của thế giới. Sau khi V.Terescova hoàn thành chuyến bay vũ trụ và trở về trái đất, chị đã kết hôn với nhà du hành vũ trụ, thiếu tá không quân A. Nicôlaiep. Xét từ khía cạnh gia đình, cuộc hôn nhân của cặp vợ chồng "vũ trụ" này thực là một cơn ác mộng. Hàng tuần, họ bị khám nghiệm y tế, làm xét nghiệm, bị theo dõi sát sao. Năm 1978 họ sinh được một bé gái tên là Elena. Cháu bé này ngay lập tức bị các nhà khoa học theo dõi và nghiên cứu cho tới năm tròn 18 tuổi.

Năm 1965, Liên Xô dự định phóng con tàu vũ trụ "Rạng Đông" với 3 nhà du hành vũ trụ bên trong. Nhà nữ du hành vũ

trụ L.Tôcôva và chồng chị- người chỉ huy con tàu -được giao nhiệm vụ phải thực hiện một cuộc thử nghiệm khoa học chưa từng có: thụ thai trong vũ trụ. Nhưng chuyến bay còn chưa thực hiện được thì Côrôliốp- tổng công trình sư của các chuyến bay vũ trụ có người của Liên Xô khi đó qua đời. Người kế tục ông là Gluscô không rõ vì lý do gì đã quyết định hoãn thực hiện cuộc thử nghiệm mà ông gọi là "sex trong vũ trụ".

Những cuộc thử nghiệm "sex trong vũ trụ" của người Nga chỉ được tiếp nối vào năm 1973. Các nhà khoa học Nga vào năm ấy đã khám phá ra rằng con người sẽ không thể thụ thai trong vũ trụ chừng nào không tạo ra được một trọng trường nhân tạo trong con tàu vũ trụ.

Các nhà khoa học Mỹ tuy bắt đầu sau, nhưng đã đi xa hơn đồng nghiệp người Nga trong các cuộc thử nghiệm "sex trong vũ trụ". Họ đã chế tạo một thiết bị để đo trọng trường nhân tạo trong vũ trụ, gọi là thiết bị "Roukell". Năm 1984, hai nhà du hành vũ trụ người Mỹ là G.Reznik và R.Malêin là những người đầu tiên đã thực hiện thí nghiệm thụ thai trong vũ trụ. Ngay sau khi trở về trái đất, nhà nữ du hành vũ trụ G.Reznik đã được đưa vào theo dõi tại quân y viện của một căn cứ không quân. Tình trạng sức khoẻ của chị xấu đi rất nhanh khiến các bác sĩ lo ngại. Chị phải nằm bệnh viện suốt hai tháng trời để trị chứng "sex stress" mà chị đã mắc phải bởi cuộc thử nghiệm "sex trong vũ trụ" nói trên. Sau chuyện này, cơ quan nghiên cứu vũ trụ NASA của Mỹ đã quyết định ngừng mọi cuộc nghiên cứu về "sex trong vũ trụ" cho tới khi làm rõ được nguyên nhân của thất bại. K.Xmit và 4 đồng nghiệp khác- những người khởi xướng và tổ chức cuộc thử nghiệm "sex trong vũ trụ" bất thành nói trên- đã buộc phải rời khỏi trung tâm y- sinh học vũ trụ Houxton sau vụ xi-căng- đan liên quan đến sức khoẻ của G.Reznik. Có người đổ tại thiết bị "Roukell" do nhóm Xmit chế tạo là nguyên nhân gây ra trạng thái bệnh lý cho Reznik.

Người ta còn tiết lộ một chi tiết đáng buồn khác: sự vinh quang của các nhà du hành vũ trụ sau mỗi chuyến bay thường

kèm với nỗi bất hạnh của họ trong sinh hoạt vợ chồng. Tình trạng mất cân bằng trong chức năng sinh lý của những người đàn ông- du hành vũ trụ xuất hiện ở 8 trong số 10 nhà du hành sau mỗi chuyến bay. 10 % trong tổng số các nhà du hành còn "son rôi" đã không thể lấy được vợ, 28 % đã phải ly dị sau khi kết hôn được một thời gian ngắn. Trong số 8 nữ công dân Mỹ đã từng bay vào vũ trụ, chưa một ai sau đó có thể sinh con.

(Theo M.Q.H "Thử nghiệm sex trong vũ trụ",  
Thể thao văn hoá, số 45/ 1995).

#### Bài tập 4:

Hãy đọc kỹ các văn bản sau đây.

1. Lập dàn ý cho văn bản.
2. Viết tóm tắt dựa trên các dàn ý đó.

Trong văn học Việt Nam hiện nay đang nổi một khuynh hướng rất mạnh quay về dân tộc. Khắp nơi luôn luôn vang dội những tiếng kêu gọi quay về với tinh thần Việt Nam, tìm kiếm tinh thần Việt Nam và nói tiếng Việt Nam cho thuần túy.

Nhưng muốn tìm hiểu tinh thần Việt Nam, thực là khó. Ta thấy một vài điều nhận xét vội vàng. Nhà văn Vũ Ngọc Phan trong cuốn *Trên đường nghệ thuật*, khi tìm đặc tính văn chương Việt Nam, đã nói rằng đặc tính ấy là buồn. Điều nhận xét của ông, theo ý chúng tôi là một điều dễ đưa tới những nhận định bi quan, và nghi ngờ, yếu đuối.

Nền văn hoá nước ta xưa là công trình của lớp người nông trang. Vì vậy, muốn hiểu tinh thần Việt nam không thể đem riêng cái văn chương thượng lưu của một số ít người chịu khuôn khổ Khổng giáo, Phật giáo, Lão giáo mà xét được. Làm môn đồ của Thích Ca và Lão Tử, họ chán đời. Theo Khổng Tử, họ "lẽ giáo" họ tôn ti, họ phục tùng. Nhưng, cũng chính vì thế, nên họ không thể xứng đáng là đại biểu cho tinh thần chân chính của dân tộc chúng ta, phải tìm đến văn chương của dân chúng, tuy bình dị, nhưng thực sự biểu lộ được ý nghĩ, tình cảm và đời sống

*của dân ta. Nền văn chương đại chúng đó khi đã hình thành là ca dao, khi chưa hình thành là cổ tích vậy.*

(Nguyễn Đình Thi- Sức sống của dân Việt nam trong ca dao và cổ tích).

### **Bài tập 5:**

Thực hiện các yêu cầu như ở bài tập 4.

Giới hạn văn bản tóm tắt trong 4 câu.

*Kịch Lưu Quang Vũ ít làm vừa lòng những người thích một kết thúc có hậu. Anh thường gia công nhiều cho phần cuối của mỗi vở. Nhưng anh không bao giờ chịu chấp nhận một kết thúc khép kín, một kết thúc thanh toán với người xem. Anh không muốn áp đặt một lời giải đáp rõ ràng nào vấn đề đã nêu. Bản thân lô gích nội tại câu chuyện, bản thân kết cấu vở kịch đã mang lời giải đáp. Trước câu hỏi còn đang lơ lửng, người xem sẽ phải tự động não, tự rút lấy kết luận theo cách hiểu, cách nghĩ, cách cảm thụ và tiếp nhận của riêng mình. Cách kết thúc **Nguồn sáng trong đời và Tôi và chúng ta** có thể xem là một kết thúc mở. Nó không hoàn toàn vui vẻ, cũng không hoàn toàn bi đát. Nó kích thích người xem phải day dứt suy nghĩ tìm cách trả lời. Và như thế vở kịch mới đạt hiệu quả tâm lý, mới tiếp tục sống đời sống đích thực của nó, mới bắt đầu phát huy tính tích cực năng động trong thực tại đời sống.*

(Phan Trọng Thuởng- Giao lưu văn học và sân khấu)

### **Bài tập 6:**

Hãy đọc bài báo sau đây.

1. Lập dàn ý của bài báo.
2. Tóm tắt bài dựa trên dàn ý đã lập, giới hạn trong 6 câu.

*Chơi chữ trong bút danh.*

*Chơi chữ có nhiều cách và xuất hiện trong nhiều lãnh vực. Riêng trong cách đặt bút danh của văn nghệ sĩ Việt Nam, chơi chữ cũng khá đa dạng và khá thú vị.*

Trước hết, có người tách tên riêng của mình thành hai yếu tố để đặt bút danh. Chẳng hạn, một ký giả tên Chuyên đã lấy bút danh là Chu Uyên.

Kế đó, một số nhà thơ, nhà văn đã đánh vần tên riêng của mình thành bút danh. Nhà văn Nguyễn Đình tạo ra Đình Thị Huyền. Nhà thơ Nguyễn Thứ Lễ lấy bút danh Lê Ta, vì Ta dịch ra tiếng Hán Việt là Ngã; mà Lê Ngã tức là Lễ. Tác giả "Vang bóng một thời", nhà văn Nguyễn Tuân, thì làm ngược lại cách đánh vần: Tuân Thừa Sắc.

Tiếp theo, nhiều văn nghệ sĩ đã dùng cách nói ngược để tạo bút danh. Một vài họa sĩ đã nói ngược các chữ cái trong tên riêng của mình: Ty thành Yt, Thọ thành Oth. Vài nhà thơ và nhạc sĩ đã nói ngược tên lót và tên riêng: Nguyễn Việt Bằng thành Bằng Việt, Nguyễn Hồng Xuân thành Xuân Hồng. Một người viết văn đã nói ngược họ và tên riêng: Lê Đình Thạch thành Thạch Lê.

Tạo bút danh bằng cách nói lái được nhiều văn nghệ sĩ sử dụng. Có người nói lái họ và tên riêng: Trinh Đường cho Trương Đình. Người khác nói lái họ, tên riêng và giữ nguyên tên lót: Lữ Huy Nguyên do Nguyễn Huy Lữ. Hoàng Ngọc Tuấn cũng nói lái như thế nhưng bỏ tên lót và một con chữ để khỏi sai chính tả: Huấn Toàn. Còn Đặng Trần Thi, sau khi nói lái họ và tên riêng, bỏ một yếu tố lấy và ghép tên lấy với yếu tố lấy còn lại: (Thi) Trần Đăng.

Một số người nói lái tên lót và tên riêng. Nguyễn Thứ Lễ thì bỏ họ: Thế Lữ, còn Nguyễn Đức Thông thì giữ họ: Nguyễn Đông Thức.

Một số người khác sau khi lấy bút danh thứ nhất, nói lái thành bút danh thứ hai. Nhà báo Vũ Tuất Việt lấy bút danh Hồng Ba, rồi nói lái thành Hà Bông. Nhà văn Trương Gia Triệu (tức Trần Bạch Đằng) lấy bút danh Hương Triều, rồi nói lái và thêm một từ chỉ họ: Nguyễn Hiếu Trường.

Cách xáo chữ để tạo bút danh cũng được nhiều văn nghệ sĩ ưa thích. Hoạ sĩ Bùi Xuân Phái xáo trộn các chữ cái trong tên riêng và bỏ dấu thành Hi Pa. Nhà văn Nguyễn Tuân thì xáo trộn họ và tên riêng thành ba tiếng: Ân Ngũ Tuyên. Nhà thơ Nguyễn Văn Hàm cũng xáo trộn họ và tên riêng, không dùng đến tên lót: Ngũ Hà Miên.

Nhà văn Trần Khánh Giu đảo lộn tên lót và tên riêng, không dùng họ: Khái Hưng. Còn nhà thơ Lê Văn Bái thay đổi vị trí các chữ cái của họ và tên riêng, bỏ các dấu và viết liền, rồi thêm một chữ Pháp viết tắt vào trước cho có vẻ "Tây": J. Leiba.

Sau cùng, nhiều người cho rằng nhà văn Đái Đức Tuấn đã viết tắt câu "Tôi chẳng yêu ai" thành bút danh Tchya. Có người gọi đùa Tchya là Tây Xia (Xia do từ Pháp chier, nghĩa là "đi tiêu"(!)). Còn một hoạ sĩ khác lấy bút danh Ngym. Có người nói rằng nghệ sĩ này đã nói rút gọn câu "Người yêu mợ". Chưa rõ thực hư thế nào.

Chắc chắn còn nhiều bút danh sử dụng các cách chơi chữ. Nhưng hoặc vì tác giả các bút danh ấy chưa "bật mí" hoặc vì chúng tôi chưa biết đến nên chưa đề cập đến trong bài này.

(Lê Trung Hoa - Chơi chữ trong bút danh).

### Bài tập 7:

Hãy lược thuật (tóm tắt) lại bài báo sau đây:

Dòng họ tay 6 ngón.

Mansukh Patel là một học sinh xuất sắc về toán học, nhưng khi cậu bé đếm số ngón tay, tổng số luôn luôn là 12! Điều này thật dễ hiểu, cậu bé có sáu ngón tay trên một bàn tay, giống như cha mẹ, bốn anh em ruột, và tất cả anh em bà con.

Mansukh là thành viên trong họ Patel đông đảo, và cũng rất nổi tiếng ở Ấn Độ vì tất cả mọi người trong dòng họ này đều có sáu ngón trên mỗi bàn tay.

Ông Ramesh Patel, 86 tuổi, một vị cao niên trong họ, kể lại xuất xứ điều dị biệt của dòng họ như sau: "Sáu ngón tay là lời

chúc phúc của Thượng đế cho dòng họ tôi. Bắt đầu từ bà cố nội của tôi, đến năm 40 tuổi vẫn chưa có con. Bà cầu nguyện vị thần của gia đình, Chamunda Mataja, hãy ban cho bà một mụn con. Các bác sĩ nói bà không thể có con, nhưng rồi bà mang thai và hạ sinh một bé trai xinh đẹp với bàn tay sáu ngón. Đó là Kishan, ông nội tôi. Từ đó, chúng tôi lần lượt ra đời, với những bàn tay sáu ngón. Đó là dấu hiệu đặc biệt của dòng họ Patel".

Hiện tượng sáu ngón tay đã làm cho quê hương Golida, Ấn Độ của họ trở nên nổi tiếng với biệt danh "làng Patel sáu ngón". Năm ngoái, các nhà nghiên cứu y khoa đã đến thăm ngôi làng hẻo lánh này, để được nhìn tận mắt điều khó tin nổi: 125 thành viên của gia đình đều có bàn tay sáu ngón.

Các nhà chuyên môn kết luận dòng họ này có một gen rất hiếm đã làm cho tất cả đứa bé mới sinh đều có sáu ngón ở mỗi bàn tay.

Theo bác sĩ T.R.Nayanar, hiện tượng của dòng họ Patel là một điều kỳ lạ của di truyền. Họ là dòng họ duy nhất trên thế giới với tất cả thành viên có bàn tay sáu ngón. Nhiễm sắc thể trong điều kiện này thường rất hiếm, nó tác động lên chỉ khoảng 50 trên mỗi 100.000 đứa trẻ. Do đó, hiện tượng cả 125 người của dòng họ cùng có bàn tay sáu ngón vẫn còn là một điều kỳ diệu ngoài sức tưởng tượng.

(Theo Hoàng Thuý -Kiến thức ngày nay, số 66, 1991)

### **Bài tập 8:**

Hãy đọc bài lược thuật sau đây.

1. Những đoạn văn nào, câu nào là ý kiến riêng của người lược thuật?
2. Những thông tin về nội dung chính của văn bản được lược thuật là gì?
3. Trên cơ sở những thông tin đã cho, hãy viết lại bài lược thuật theo cách của anh (chị).

Nguyễn Đông Chi (chủ biên) - *Địa chí văn hoá dân gian Nghệ Tĩnh*. (Vinh: 1995, 550 trang)

Việc nghiên cứu, tìm hiểu về vùng đất và con người Nghệ Tĩnh đã được nhiều người quan tâm từ lâu bởi những nét độc đáo của nó, đặc biệt trong lĩnh vực văn hoá, trong đó văn hoá dân gian chiếm vị trí quan trọng.

Cuốn sách gồm 7 phần giới thiệu về vùng đất Nghệ Tĩnh theo các khu vực từ Đông sang Tây, về con người với những đặc trưng tính cách xứ Nghệ. Tiếp theo là những giới thiệu về tri thức dân gian qua các ngành thiên văn, thủy văn, địa lý, y dược, lịch sử..., về văn hoá dân gian như truyện kể, thơ ca nhạc họa, sân khấu, nghệ thuật..., các phong tục tập quán, lễ nghi, tín ngưỡng. Ở mỗi ngành các tác giả đều đi sâu giới thiệu chi tiết những giá trị văn hoá, truyền thống tốt đẹp của địa phương.

Các tác giả chỉ đề cập đến văn hoá dân gian từ năm 1945 trở về trước và hiện đang lưu truyền trong dân gian. Cuốn sách được coi là một sơ đồ để dựa vào đó tiếp tục sưu tầm, tìm hiểu văn hoá dân gian địa phương trong thời đại chúng ta.

Phần cuối sách có liệt kê thư mục các tài liệu đã được sử dụng để tham khảo khi biên soạn cuốn sách và hai bản chỉ dẫn tên người, tên đất của cuốn địa chí này.

(Theo T.K, Tạp chí Thông tin khoa học xã hội, số 3/1996)

### Bài tập 9:

Sau đây là văn bản tóm tắt "Truyện chàng Rok" của dân tộc Kor ở Tây Nguyên.

1. Hãy so sánh cách tóm tắt như vậy với cách tóm tắt các văn bản khoa học thông thường.

2. Anh (chị) có thể viết lại tóm tắt này như thế nào để có thể sử dụng nội dung của truyện (chẳng hạn, với tư cách là một luận cứ) trong một luận văn khoa học.



Ở phía Đông Nam núi Dách, cách xa làng Kông - mơ - xú có một con đại bàng rất mạnh và có nhiều phép. Cánh nó dài gấp bảy cột nêu giữ trâu, mắt nhìn xa thấu biển, chân có mười hai cái vuốt nhọn đâm máu. Về mùa hè nó thường hay đến các làng cấp các cô gái đẹp nhất về làm vợ.

Cô em gái của chàng Rok tóc dài như suối, mắt sáng như sao cũng bị đại bàng bắt mất.

Rok thương nhớ em tìm đến một cụ già có phép tiên kỳ lạ để xin mưu kế diệt đại bàng. Cụ già bày cho cách lấy ngọc quý của lợn rừng, kiếm sắt của cá sấu, búa thiêng của chim gõ kiến. Nhờ những cái đó, Rok chặt đầu đại bàng, cứu em gái thoát nạn sau ba ngày đêm đánh nhau với chim dữ từ trên trời xuống đất.

(Cao Huy Đình - Văn hoá Ấn Độ)

### 1.2.2. Tổng thuật các văn bản, tài liệu khoa học

Tổng thuật là kỹ năng giới thiệu và trình bày lại những thông tin cơ bản rút ra từ một số văn bản gốc cùng chủ đề hoặc cùng có mối quan hệ nào đó đối với chủ đề. Các văn bản này có thể đã được công bố cùng một thời điểm nhưng cũng có thể được công bố vào những thời điểm khác nhau, cùng của một tác giả hay của nhiều tác giả... Cũng như khi tóm tắt văn bản, việc lựa chọn các thông tin để đưa vào tổng thuật cũng như thứ tự sắp xếp của chúng phụ thuộc rất nhiều vào mục đích cuối cùng mà việc tổng thuật hướng tới. Về mặt kỹ thuật, chính việc tóm tắt, với các thao tác của nó đã tạo tiền đề, đặt cơ sở cho việc tổng thuật văn bản.

Trong thực tế, chẳng hạn, có thể tổng thuật các báo cáo của một hội nghị khoa học, tổng thuật loạt bài viết đăng trên báo *Nhân Dân* hưởng ứng phong trào kế hoạch hoá gia đình, tổng thuật các ý kiến đánh giá chuyên môn trong một lễ bảo vệ luận án tiến sĩ, tổng thuật các công trình lý thuyết của một nhà khoa học v.v...

Tổng thuật có thể được thực hiện một cách thuần túy khách quan hoặc có thể kèm theo một sự đánh giá chủ quan nào đó của người tổng thuật. Hơn thế nữa, trong nhiều trường hợp, người tổng thuật có thể giới thiệu thêm với bạn đọc một đôi điều về tác giả, tác phẩm, bối cảnh ra đời tác phẩm v.v... nhằm giúp người đọc hiểu rõ hơn về các nội dung tổng thuật. Chẳng hạn như trong đoạn tổng thuật sau đây:

*Tương lai của di sản văn hoá.*

*Những năm gần đây, vấn đề bảo vệ di sản văn hoá ở từng nước và trên thế giới ngày càng cấp bách và trở nên phổ biến rộng rãi đến mức có lúc người ta coi sự tiếp tục tồn tại của các di sản đó trong tương lai cũng chính là sự tiếp tục tồn tại của bản thân loài người. Tương lai của di sản văn hoá là tương lai của loài người. Mặt khác, khái niệm di sản ngày càng mở rộng, bao hàm không chỉ là các tượng đài, công trình kiến trúc, đền chùa, cung điện, lăng tẩm, các tác phẩm điêu khắc hội hoạ, các sản phẩm trang trí, đồ mỹ nghệ, các pho sách cổ... mà còn cả các sản phẩm thiên nhiên, như các thắng cảnh, những đáy biển, những ngọn núi hùng vĩ, rồi cả đến mặt trăng và các thiên thể.*

*Trước tình hình đó, tác giả của loạt bài viết này, một học giả trong lĩnh vực văn hoá và môi trường, giáo sư đại học ở Paris, đưa ra cách nhìn nhận của mình đối với vấn đề di sản văn hoá và tương lai của di sản văn hoá. Ông không chỉ đưa ra những tiên đoán dựa trên những điều kiện cụ thể trước mắt về kinh tế, xã hội mà còn đi sâu vào ý nghĩa nhân văn và triết học ẩn tàng sau những di sản văn hoá. Chính từ đây nhìn ra tương lai của di sản văn hoá. Giá trị khoa học của loạt bài viết cũng là ở chỗ đó.*

*(Theo Remon Gouilloud: " Tương lai của di sản văn hoá", Chính Hân tổng thuật trong Thông tin khoa học xã hội, số 1/1996)*

Tổng thuật văn bản là kỹ năng cần thiết trong rất nhiều lĩnh vực và được áp dụng cho rất nhiều loại văn bản khác nhau: văn bản khoa học, chính trị, thương mại v.v... Đặc biệt trong giai

đoạn bùng nổ thông tin hiện nay, hàng ngày, hàng giờ có không biết bao nhiêu ấn phẩm mới ra đời thì công tác tổng thuật lại càng tỏ ra cần thiết và quan trọng hơn bao giờ hết.

Trong nhiều trường hợp, việc nêu vắn tắt những thông tin bối cảnh cho loạt văn bản được tổng thuật là hết sức cần thiết. Có thể thấy điều đó qua ví dụ sau:

### *Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc ở Việt Nam.*

*Nhân dịp kỷ niệm 106 năm sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/ 5/ 1890-19/5/1996) và thiết thực chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, Ủy ban Dân tộc và Miền núi phối hợp với Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức Hội thảo khoa học mang tựa đề "Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc ở Việt Nam". Ban tổ chức đã nhận được gần 50 báo cáo tham luận đề cập đến nhiều khía cạnh, cung cấp nhiều tư liệu phong phú. Ở bài tổng thuật này xin nêu 8 cụm vấn đề mà nội dung cuộc hội thảo tập trung nhiều ý kiến. Đó là:*

1. *Chủ tịch Hồ Chí Minh với việc xây dựng căn cứ địa cách mạng ở vùng dân tộc và miền núi.*

*Đề tài này đã được bàn sâu ở một Hội thảo do tỉnh Cao Bằng tổ chức, nhưng tại cuộc Hội thảo khoa học lần này, một số bài viết đã nêu lên tầm chiến lược của vùng dân tộc và miền núi, nước ta trong chiều dài lịch sử chống xâm lược và nhận thức đó đã kết tinh ở Chủ tịch Hồ Chí Minh trong quá trình lãnh đạo dân tộc ta đấu tranh giành nền độc lập cho Tổ quốc. Ngay từ buổi đầu xây dựng căn cứ địa cách mạng, Người đã chọn Pắc-bó (Hà Quảng, Cao Bằng) là nơi có thể "tiến và thoái", địa hình hiểm trở, các dân tộc thiểu số có tinh thần cách mạng, lực lượng quân giặc lại yếu và mỏng, có thể dễ bề xây dựng một chính quyền cách mạng. Suốt 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh trở về căn cứ địa Việt Bắc để lãnh đạo cuộc kháng chiến trong toàn quốc. Miền núi và vùng các dân tộc thiểu số không chỉ là nơi mở đầu mà còn là nơi kết thúc số*

phận hai cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp tại Điện Biên Phủ (1954) và đế quốc Mỹ tại Buôn Ma Thuột (1975) mở màn chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc...

(Theo Nguyễn Hữu Hải "Tu tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc ở Việt Nam", *Thông tin khoa học xã hội*, số 5&6/ 1996).

Quá trình tổng thuật có thể được tiến hành qua các bước sau:

1. Xác định bối cảnh ra đời (tác giả, tác phẩm...) của loạt văn bản được chọn làm đối tượng tổng thuật.

Nếu các văn bản gốc cùng bàn về một chủ đề nhưng lại ra đời trong những thời điểm khác nhau thì cần xác định lai lịch, lịch sử vấn đề của đối tượng được tổng thuật.

2. Đọc văn bản gốc nhiều lần cho đến khi thực sự nắm được các ý quan trọng, cơ bản nhất (các ý được trình bày hiển ngôn và các ý ngầm ẩn).

3. Tập hợp và phân loại các nội dung cơ bản được rút ra từ các văn bản gốc.

4. Vạch một dàn ý tóm tắt cho bản tổng thuật.

5. Viết tổng thuật, cố gắng diễn đạt theo ngôn ngữ của riêng mình, tuy nhiên cần giữ lại ở mức độ nào đó hệ thuật ngữ của văn bản gốc. Điều quan trọng nhất là không được làm thay đổi nội dung của văn bản gốc.

Nếu thông tin tổng thuật được đưa vào sử dụng trong các báo cáo hoặc tiểu luận khoa học thì xuất xứ của chúng cần được **chú thích** rõ.

## Phụ lục:

### Phương pháp chú thích khoa học

Trong các văn bản khoa học, khi chứng minh, lý giải vấn đề, người ta thường trích dẫn nhiều loại thông tin từ các nguồn khác nhau để tăng sức thuyết phục cho lập luận của mình. Thông tin trích dẫn có thể là sự kiện, ý kiến, con số thống kê v.v... Chúng cần được chú thích rõ xuất xứ để người đọc có thể kiểm tra tính xác thực cũng như tìm hiểu thêm những thông tin cần thiết về chúng.

Tình trạng thiếu sự thống nhất trong chú thích hiện nay đã gây trở ngại cho những độc giả muốn truy nguyên nguồn gốc của thông tin trích dẫn. Thực ra, có nhiều cách trình bày chú thích khác nhau phụ thuộc vào việc thông tin trích dẫn có nguồn gốc từ đâu, từ sách, từ bài đăng tạp chí hay kỷ yếu khoa học, chỉ có một tác giả hay nhiều tác giả v.v... Sau đây chúng ta sẽ tìm hiểu hai dạng chú thích phổ biến nhất là chú thích thông tin về sách và về các bài viết đăng trong sách tuyển tập, báo, tạp chí chuyên môn.

#### 1) Chú thích thông tin về sách:

Chú thích thông tin về sách cần bảo đảm các thông số sau đây:

##### a. *Tên tác giả.*

Trường hợp sách do tập thể biên soạn, có thể ghi đầy đủ tên từng người hoặc chỉ cần ghi tên người chủ biên. Trường hợp do tập thể biên soạn nhưng không rõ tên từng người cụ thể thì ghi tên gọi có tính chất pháp lý của tập thể, ví dụ: Ban Tôn giáo, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia ...

b. *Tên sách*, được đánh dấu (bằng cách gạch chân hoặc in nghiêng).

c. Những *thông tin về xuất bản*, bao gồm *nhà xuất bản*, *nơi* và *năm xuất bản*.

d. *Số thứ tự* của các trang được trích dẫn.

Ví dụ:

- Nguyễn Ngọc Diệp. *Luyện tiếng Pháp, tập I*. Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội: 1989, tr.9.

....

**2) Chú thích thông tin về bài công bố trong sách tuyển tập nhiều tác giả, báo hoặc tạp chí chuyên môn:**

Chú thích này cần chứa những thông tin sau:

a. *Tên tác giả.*

Nếu có hơn một tác giả thì cần ghi tất cả theo thứ tự như ở ấn phẩm đã công bố.

b. *Tên của bài báo*, để trong dấu ngoặc kép.

c. *Tên của sách tuyển tập, báo hay tạp chí* đã đăng bài báo, được đánh dấu (bằng cách gạch chân hoặc in nghiêng).

d. *Thông tin về xuất bản:*

- Nếu là báo và tạp chí thì ghi rõ số mấy, ngày tháng năm bao nhiêu.

- Nếu là sách tuyển tập nhiều tác giả thì ghi tên người chủ biên, nhà xuất bản, nơi và năm xuất bản.

e. *Số thứ tự của trang* được trích dẫn.

Ví dụ:

- Nguyễn Phương Trang: "Nhận xét về sự khác biệt giữa các vần cái tiếng Việt qua cứ liệu *An Nam dịch ngữ* (Thế kỷ XV-XVI)", *Ngôn ngữ* số 2/1995, tr 29-40.

- Du Bois, John W: "Competing motivations", in trong John Haiman(ed.) *Iconicity in syntax*. Benjamins, Amsterdam: 1985, tr 47.

Về thông tin xuất bản thì có một số cách viết tắt đã trở nên quen thuộc, chẳng hạn trong tiếng Anh : ed = editor (chủ biên), hay trong tiếng Việt :

NXB hoặc Nxb = Nhà xuất bản.

Nxb KHXH = Nhà xuất bản Khoa học xã hội.

Nxb GD = Nhà xuất bản Giáo dục

Tp. HCM = Thành phố Hồ Chí Minh.

H. hay HN = Hà nội.

Tr. = Trang.

Tên sách báo, tạp chí nguyên bản không theo hệ chữ cái la tinh có thể được chuyển dịch tương đương sang hệ chữ cái la tinh.

Về vị trí của phần chú thích, thấy có hai trường hợp phổ biến sau:

a. Chú thích được đặt ngay tại **cuối trang** có thông tin chú thích.

b. Chú thích được đặt **cuối văn bản**.

Hiện nay, hầu hết các cơ sở ấn loát đều thực hiện chế bản bằng máy vi tính và các chương trình soạn thảo đều có chế độ tự phân trang. Kiểu trình bày chú thích ở cuối văn bản tỏ ra tiện lợi hơn, không bị ảnh hưởng đến bố cục và dung lượng của các trang, nhất là trong trường hợp người soạn thảo liên tục có những sửa chữa về sau.

### Bài tập 1:

Hãy chọn một loạt bài viết xoay quanh một đề tài khoa học mà anh (chị) yêu thích, sau đó viết bài tổng thuật về chúng.

### Bài tập 2:

Hãy trình bày lại các chú thích sau đây:

1. Từ ngôn ngữ chung đến ngôn ngữ nghệ thuật. Tác giả: Đào Thanh, Nxb Khoa học xã hội, H. 1988, tr. 43.

2. Tài liệu bồi dưỡng giáo viên phổ thông cơ sở, vụ giáo viên: Ngữ pháp văn bản. Tác giả: Đỗ Hữu Châu, H. 1993, tr. 27.

3. Nguyễn Thế Lịch. Thơ hiệu triệu của Bác Hồ xét trên bình diện giao tiếp ngôn ngữ và phong cách chức năng. Nxb Khoa học

xã hội, H. 1988, tr. 112 - 128. In trong cuốn: Ngôn ngữ trong cuộc đời hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

4. Đỗ Đức Hiếu. Nxb Văn học, H. 1978. Phê phán văn học hiện sinh chủ nghĩa, tr. 12.

### Bài tập 3:

Hãy tổng thuật các bài viết bàn về dân số được cho sau đây:

A) *Sự bùng nổ dân số và chiến lược dân số Việt Nam đến năm 2000.*

*Bùng nổ dân số là sự tăng số dân một cách quá nhanh, là một trong những vấn đề nóng bỏng, cấp thiết của thời đại ngày nay, nó có ảnh hưởng rộng lớn và toàn diện đến mọi mặt của đời sống xã hội.*

*Từ giữa thế kỷ 20, dân số thế giới tăng với nhịp độ chưa từng thấy. Năm 1950 dân số thế giới là 2,5 tỷ người và đến năm 1980, sau 30 năm đã lên tới 4,4 tỷ người, năm 1987 là 5 tỷ. Nếu cứ theo tốc độ gia tăng của những năm 80 của thế kỷ này (thế kỷ XX) thì đến giữa thế kỷ 21 (năm 2050), dân số thế giới sẽ đạt con số gần 9 tỷ người.*

*Dân số ngày càng tăng đã ảnh hưởng rất nhiều đến đời sống của mỗi cá nhân, mỗi dân tộc cũng như toàn thể cộng đồng. Những ảnh hưởng đó là: không có đủ lương thực, thực phẩm cung cấp cho bữa ăn hàng ngày, từ đó dẫn đến cảnh đói nghèo, tình trạng thiếu dinh dưỡng dẫn đến suy thoái sức khoẻ, giống nòi không những không phát triển mà còn dễ dàng bị thoái hoá. Dân số tăng trong khi việc làm, cơ sở sản xuất có hạn dẫn đến thiếu việc làm, thất nghiệp ngày càng tăng. Dân số tăng càng nhanh thì chất lượng cuộc sống của cộng đồng, của gia đình và cá nhân sẽ càng giảm sút.*

*Biện pháp tích cực nhất để chống bùng nổ dân số là kế hoạch hoá sự sinh đẻ, hạ tỷ lệ sinh đẻ xuống 1-1,5% ở các nước có tỷ lệ sinh đẻ cao. Từ những năm 60, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra vấn đề dân số và kế hoạch hoá gia đình. Tuy nhiên sau năm*



1975, công tác này mới được tiến hành trong phạm vi cả nước. Kết quả tổng hợp lớn nhất của cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch ở Việt Nam trong 30 năm qua là đã giảm số con trung bình của mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ từ trên 6 con (vào những năm 1960) xuống khoảng 4 con hiện nay. Mặc dù có cố gắng, nhưng kết quả đạt được còn thấp so với yêu cầu. Đến cuối năm 1993, số dân cả nước đã lên đến 71 triệu người. Nếu cứ giữ tốc độ tăng số dân hàng năm lên 2 % như hiện nay thì cứ khoảng 30 năm, số dân Việt Nam sẽ tăng gấp đôi, nghĩa là đến năm 2025 Việt Nam sẽ có trên 140 triệu người và đến năm 2055 có trên 280 triệu người.

(Theo Giáo trình dịch Việt-Anh, Đại học Mở Hà Nội)

### B) Sự gia tăng dân số, một thảm họa lớn.

Dân số thế giới cuối thế kỷ XX đã là 6 tỉ người và đến thập kỷ thứ nhất của thế kỷ XXI sẽ xấp xỉ 7 tỉ người.

Do sự bùng nổ dân số, các nước Á, Phi, Mỹ La tinh từ nửa cuối thế kỷ XX chiếm 9/10 số tăng trưởng của toàn cầu.

Theo dự đoán của các nhà bác học, đến năm 2000, trong số những nước đông dân nhất sẽ là các nước đang phát triển: Ấn Độ, Indônêxia, Pakixtan, Băngđalet, Việt Nam, Thái Lan, Thổ Nhĩ Kỳ...; Nigiêria ở châu Phi; Braxin và Mêhicô ở châu Mỹ La tinh. Trong 25 thành phố đông dân nhất (10 triệu người vào cuối thế kỷ này) thì phần lớn cũng là những thành phố thuộc các nước đang phát triển và siêu thị lớn nhất trên thế giới (hơn 30 triệu dân) sẽ là Mêhicô. Trong số 10 thành phố lớn nhất sẽ có Xao Paolô, Riô Đê Gianêrô, Bombay, Cancuta, Giacáccta và Cairô.

Sự bùng nổ dân số ở các nước đang phát triển sẽ làm thay đổi cơ cấu tuổi trung bình dân số trẻ hơn (hiện nay hơn một nửa dân số ở tuổi dưới 25). Sự bùng nổ dân số đáp ứng nhu cầu về sức lao động. Song mặt khác, nó gây trở ngại cho việc khắc phục tình trạng lạc hậu về kinh tế và xã hội, gây khó khăn cho việc cung ứng nhu yếu phẩm và tạo ra việc làm, ảnh hưởng đến việc

xoá nạn mù chữ, khó có thể nâng cao dân trí và mức sống. Nói tóm lại, nó làm tiêu tan hết những tích lũy vốn nhỏ nhoi của các nước đang phát triển.

Phần lớn các nhà khoa học cho rằng nạn bùng nổ dân số sẽ dẫn đến tình trạng di cư bất hợp pháp trong tương lai. Theo dự báo đến năm 2100 dân số của hành tinh chúng ta sẽ lên đến mức khoảng 10 tỉ, mật độ dân ở Trái Đất sẽ là 120 người / km<sup>2</sup>.

Các nhà khoa học cho rằng vận may cứu vớt nhân loại chỉ đến nếu con người biết giải quyết vấn đề gia tăng dân số, lối thoát duy nhất là tự nguyện hoặc cưỡng bức hạn chế sinh đẻ.

Chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình đã trở thành quốc sách đối với nhiều nước đang phát triển. Con người đã nhận ra nguy cơ của việc tăng dân số. Tỷ lệ tăng dân số có chiều hướng đang giảm đi trên phạm vi thế giới. Nếu ở thập kỷ 60 là 2% thì cuối thập kỷ 70 chỉ còn 1,7%, đầu thập kỷ 80 là 1,6% và đến cuối thế kỷ XX này là 1,5%. Tất nhiên đây là kết quả của chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình ở các nước đang phát triển. Song sự tăng giảm dân số không chỉ tùy thuộc vào chính sách kế hoạch hoá gia đình mà còn tùy thuộc vào nhiều mặt của kinh tế, văn hoá, giáo dục, đô thị hoá và đưa phụ nữ vào guồng máy sản xuất. Nhiều nhà khoa học cũng cho rằng dân số thế giới 100 năm nữa sẽ ở mức 10-12 tỉ và tuổi thọ trung bình sẽ đạt 75 tuổi.

Tất cả đều là dự đoán. Song câu nói "ngày mai bắt đầu từ ngày hôm nay" rất đúng với dân số và kế hoạch hoá gia đình.

(Theo Đào Xuân Cường và Vũ Đình Hoạt- Địa lý giải trí)

#### Bài tập 4:

Hãy tổng thuật các bài viết về chủ đề môi sinh, môi trường được cho dưới đây:

A) Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường.

Xung quanh chúng ta là thế giới vật chất. Tài nguyên và môi trường luôn luôn gắn liền với cuộc sống hàng ngày của mỗi

người. Để bảo đảm cuộc sống, con người chẳng những dựa vào hoàn cảnh tự nhiên mà còn phải biết cải tạo tự nhiên để phục vụ cho cuộc sống của mình, giữa thiên nhiên và con người có mối quan hệ khăng khít, hữu cơ không thể tách rời.

Thế giới vật chất bao la vô cùng, vô tận, nhưng hành tinh của chúng ta thì nhỏ bé và có hạn. Tài nguyên trong lòng đất cũng có hạn và đang ngày một cạn kiệt.

Việc khai thác tài nguyên trong lòng đất không có kế hoạch hoặc chỉ vì lợi ích trước mắt, không tuân thủ qui luật tự nhiên đã gây ra nhiều hậu quả xấu. Nhiều vùng đất màu mỡ bị phá hoại, nhiều khu rừng bị đốt cháy trụi. Nạn đốt rừng bừa bãi, nhất là rừng đầu nguồn đã gây ra lũ lụt cho nhiều vùng, đặc biệt là các vùng ven sông và vùng đồng bằng.

Việc săn bắn thú rừng ngày càng tăng, những loài động vật hiếm, quý bị con người tiêu diệt bất chấp lệnh cấm của nhà nước làm cho nhiều chủng loại ngày nay đã mất đi, chỉ còn rất ít như tê giác, hổ hình người, cá voi, hải cẩu, v.v...

Nếu con người không biết ngăn chặn những hành động phá hoại thiên nhiên và môi trường thì rất nguy hại. Đến một lúc nào đó con người không còn có thể khai thác từ thiên nhiên để lấy của cải vật chất nuôi sống chính bản thân mình. Môi trường sống của con người đang bị đe dọa: chất thải công nghiệp làm vẩn đục các dòng sông, tai nạn của các con tàu chở dầu làm ô nhiễm hàng vạn cây số bờ biển các nước. Bầu khí quyển ngày càng bị các hợp chất của các bon làm ô nhiễm, tầng ô-dôn bao bọc trái đất bị chọc thủng, các tia tử ngoại xâm nhập vào các dòng khí quyển xuống mặt đất. Nhiệt độ khí quyển ngày càng tăng, lượng nước biển sẽ dâng lên do sự tan băng ở Bắc và Nam cực của trái đất. Tất cả những điều đó là nguyên nhân phá hoại cân bằng sinh thái và đang là sự đe dọa khủng khiếp cho sự sống trên hành tinh của chúng ta.

Nhiều tổ chức quốc tế cùng với chính phủ nhiều nước đã có nhiều lời kêu gọi và việc làm thiết thực để bảo vệ, gìn giữ những nguồn tài nguyên, những loài động vật trên trái đất. Mặt khác nhiều quốc gia đã áp dụng những thành tựu của khoa học kỹ thuật vào việc khai thác một cách hợp lý tài nguyên thiên nhiên. Thế giới ngày nay đang bước vào việc tìm kiếm nguồn năng lượng nào ít chất thải nhất để giảm bớt sự ô nhiễm bầu khí quyển, giữ gìn sự trong lành của thiên nhiên. Như vậy vừa bảo đảm cho cuộc sống của con người vừa bảo vệ thiên nhiên lâu dài.

(Theo Giáo trình dịch Việt-Anh, Đại học Mở Hà Nội)

## B) Bảo vệ môi sinh.

Môi sinh đang ở trong tình trạng báo động, nói một cách khẩn thiết: thiên nhiên đang kêu cứu. Thảm họa huỷ diệt đang đe dọa loài người. Nếu lương tri loài người đã thức tỉnh thì quá là đúng lúc.

Chẳng thế mà tháng 10 năm 1992 một hội nghị cơ nguyên thủ quốc gia đã họp ở Riô Đê Gianêrô với chương trình nghị sự chỉ bàn về bảo vệ môi sinh. Và chúng ta gần như hàng tháng được nghe, đọc, nhìn từ các phương tiện thông tin đại chúng, nào là tầng ôzôn bị thủng, nào là thiên tai, lụt lội, núi lở, bão lốc... Tựa như thiên nhiên đang nổi giận và hậu quả khốc liệt của việc đối xử tàn tệ với thiên nhiên đang diễn ra.

Từ những thập kỷ cuối của thế kỷ XX, sự gia tăng dân số, việc khai thác tài nguyên một cách vô tổ chức, việc tăng nhanh quá trình đô thị hoá, công nghiệp hoá, hoá học hoá nông nghiệp, tác động to lớn của con người vào thiên nhiên từ nhiều mặt mang tính toàn cầu, trong đó có vấn đề chất thải, đã ảnh hưởng sâu sắc đến sinh quyển, đụng chạm đến mọi quốc gia và quả đất là "ngôi-nhà" chung của loài người.

Riêng năm 1970, con người đã sản ra 40 tỉ chất thải trong quá trình sản xuất và sinh hoạt. Tính đến cuối thế kỷ XX này, khối lượng chất thải sẽ lên đến 100 tỉ tấn / năm.

Sinh quyển, khí quyển, nguồn nước, tóm lại toàn bộ môi sinh bị nhiễm bẩn do kim loại và các hợp chất bị thải loại, phân bón, chất độc hoá học, các chất thải phóng xạ, nước thải công nghiệp, nông nghiệp và sinh hoạt. Những chất thải ở thể rắn, thể lỏng và thể khí không ngừng tăng lên.

Riêng chất thải ở thể rắn mỗi năm có tới 10-12 tỉ tấn. Chỉ một công dân Mỹ sống ở thành phố mỗi năm thải 1 tấn rác.

Mỗi năm lượng nước thải trên thế giới khoảng 1000 km<sup>3</sup>, để xử lý khối lượng nước bẩn này cần một lượng nước sạch gấp 20 lần. Như vậy là con người đã sử dụng một lượng đáng kể nguồn nước ngọt dự trữ của thiên nhiên có trong các ao hồ (40.000 km<sup>3</sup>).

Hàng năm gần 10 triệu tấn dầu và các sản phẩm dầu mỏ đổ thải ra đại dương.

Do kết quả sử dụng nhiệt năng, mỗi năm khí quyển tiếp nhận 20 tỉ tấn khí cacbonic và các khí độc khác (đó là nguyên nhân chủ yếu gây nên các trận mưa bụi cacbonic).

Hậu quả là nửa cuối thế kỷ XX, sinh quyển đã trở nên tối tăm rờ rệt. ở một số nước và một số vùng rộng lớn, tình trạng ô nhiễm đã thực sự là môi hiểm họa. Trách nhiệm này thuộc về các nước công nghiệp phát triển, các nước này đã gây ra 2/3 sự nhiễm bẩn (trong số đó Hoa Kỳ gây ra 30%, các nước Tây Âu 20%).

Vấn đề bảo vệ sinh thái bao gồm nhiều mặt: bảo vệ sức khoẻ, kinh tế, giáo dục và nhiều vấn đề khác.

Hướng giải quyết có thể như sau:

- Hướng thứ nhất: Phát minh những thiết bị lọc, hạn chế sử dụng các nguyên liệu có chứa lưu huỳnh, tái sử dụng rác các loại
- Hướng thứ hai: Thay thế công nghệ sản xuất cổ truyền, bằng các "công nghệ sạch", không có chất thải độc hại
- Hướng thứ ba: Kiểm soát và phân bố hợp lý các ngành công nghiệp gây nhiễm bẩn nhất (luyện kim đen và màu, công nghiệp

dầu và hoá dầu, công nghiệp giấy) đối với môi sinh. Vấn đề môi sinh cần được giải quyết ở những quy mô khác nhau, trên quy mô thế giới, quy mô từng nước, từng ngành. Vấn đề này mang tính toàn cầu. Các nhà bác học cho rằng nhiệt độ không khí đã tăng 3 đến 4 độ C khiến cho khí hậu toàn cầu thay đổi đáng kể. Tầng ô-dôn đã bị rách, thủng hàng nghìn km<sup>2</sup>. Các nhà du hành vũ trụ có dịp được quan sát Trái Đất từ vũ trụ đã ví Trái Đất như quả cầu bé nhỏ và mỏng manh.

*Bảo vệ sinh quyển tức là bảo vệ cuộc sống của mỗi chúng ta.*

(Đào Xuân Cường, Vũ Đình Hoạt- Địa lý giải trí)

### 1.3 VIẾT LUẬN VĂN, TIỂU LUẬN KHOA HỌC.

#### 1.3.1. Lập đề cương nghiên cứu.

Vai trò của việc lập đề cương nghiên cứu và lập dàn ý đối với luận văn, tiểu luận khoa học cũng quan trọng chẳng kém gì việc lập bản thiết kế đối với việc xây một ngôi nhà. Tuy nhiên giữa việc lập đề cương và lập dàn ý vẫn có những khác biệt nhất định. Lập dàn ý cho văn bản là tổ chức, sắp xếp một cách hợp lý và biểu kiến những nội dung, những hiểu biết đã sẵn có trong đầu người viết về một vấn đề cụ thể nào đó. Còn lập đề cương nghiên cứu lại là vạch ra cách thức, phương pháp để đạt được những hiểu biết chân xác về đối tượng. Hơn thế nữa, trong đề cương nghiên cứu còn phải nêu lên ý nghĩa, tính thời sự của việc nghiên cứu đối tượng, giới hạn của phạm vi nghiên cứu cũng như những chuẩn bị đã có. Đối với các đề cương nghiên cứu về những đề tài có tính thực địa, điền dã do tập thể thực hiện thì còn phải nêu cả vấn đề tổ chức lực lượng thực thi và vấn đề nghiệm thu đề tài.

Cũng như ở dàn ý có sự phân biệt dàn ý tổng quát và dàn ý chi tiết, có thể phân biệt đề cương tổng quát và đề cương chi tiết. Sự khác biệt ở đây chỉ đơn thuần là về mặt lượng: đề cương chi tiết thì cụ thể hơn đề cương tổng quát, còn nguyên tắc xây dựng và những nội dung chính thì bao giờ cũng đồng nhất.

Đề cương nghiên cứu phải đảm bảo những nội dung chính sau đây:

1. Đặt vấn đề về *tính thời sự* của việc nghiên cứu, *lý do* để chọn đề tài và *dự kiến những đóng góp*.

2. Dự kiến những *nội dung* nghiên cứu. Nếu là đề cương luận văn, tiểu luận khoa học thì có thể nêu *dự kiến* về các chương, mục.

4. Xác định *nguồn tư liệu* và *phương pháp xử lý tư liệu*.

Ngoài ra, như đã nói, tùy theo loại vấn đề nghiên cứu mà có thể nêu thêm công tác chuẩn bị, tổ chức lực lượng thực hiện và nghiệm thu.

Sau đây, chúng ta sẽ xem xét những nội dung cụ thể:

### 1) Đặt vấn đề:

#### *a. Tính thời sự của việc nghiên cứu đề tài:*

Trong phần này cần giới thiệu *bối cảnh chung* về lý thuyết cũng như thực tiễn liên quan đến đề tài, tình hình nghiên cứu ngoài nước và trong nước. Sau đó khẳng định việc nghiên cứu đề tài là có *tính thời sự*, nhằm đáp ứng những yêu cầu do tình hình nghiên cứu đặt ra, nhằm giải quyết một vấn đề lý luận hoặc một bài toán thực tiễn.

#### *b. Lý do chọn đề tài:*

Định vị đề tài trong *hệ đề tài* gắn với tình hình nghiên cứu chuyên môn của ngành và của bản thân. Sau đó nêu những lý do cụ thể thúc đẩy việc chọn đề tài.

#### *c. Dự kiến những đóng góp:*

Trước hết nêu dự kiến những đóng góp có tính chất thực tiễn.

Sau đó có thể nêu dự kiến những đóng góp về lý thuyết (nếu có).

Sau đây là phần đặt vấn đề của một luận án khoa học:

Ngày nay nhu cầu giao lưu kinh tế và văn hoá giữa các nước đang là một xu thế mang tính toàn cầu. Trong công cuộc giao lưu đó, việc dạy và học ngoại ngữ đóng một vai trò quan trọng. Có thể nói, hiểu được ngôn ngữ của nhau là mở được cánh cửa của giao lưu. Tuy nhiên, vấn đề này chưa được nhận thức đúng mức ở Việt Nam. Tính đến nay, mặc dù khối lượng văn bản dịch song ngữ Pháp - Việt, Việt - Pháp là rất đồ sộ nhưng mới chỉ có rất ít chuyên luận khoa học bàn về vấn đề này. Trong khi đó, có thể thấy rằng ảnh hưởng phong cách ngôn từ của tiếng Pháp đối với các bản dịch tiếng Việt là không nhỏ, và có một quá trình phát triển từ lâu về các mặt từ vựng, ngữ pháp...

Luận văn của chúng tôi lấy việc dịch các văn bản thương mại Pháp - Việt, Việt - Pháp làm đối tượng nghiên cứu so sánh. Đề tài này, nếu được thực hiện tốt sẽ có những đóng góp sau đây:

1. Tìm ra được những nét tương đồng và dị biệt giữa tiếng Pháp và tiếng Việt, qua đó thấy được những đặc trưng của sự tiếp xúc ngôn ngữ Pháp - Việt.

2. Phục vụ cho việc đào tạo ngoại ngữ theo hướng chuyên môn hoá, cụ thể cho người Việt Nam làm việc với tiếng Pháp trong lĩnh vực ngôn ngữ thương mại nói chung và dịch văn bản thương mại nói riêng. Những kết quả đạt được cũng góp phần thúc đẩy giao lưu văn hoá của Việt Nam với các nước, đặc biệt giao lưu văn hoá giữa Việt Nam và Cộng hoà Pháp.

(Phỏng theo Hà Văn Riễn - Đề cương nghiên cứu:  
"Ngôn ngữ học và dịch văn bản thương mại - trên cơ sở đối chiếu Pháp - Việt").

## 2) Nội dung nghiên cứu:

Đây chính là phần quan trọng nhất của đề cương. Phần này cần viết rõ ràng và cô đúc. Đối với đề cương nghiên cứu thì điều đặc biệt cần lưu ý là *chưa thể trình bày các kết quả nghiên cứu cụ thể*. Các kết quả của nghiên cứu khoa học bao giờ cũng mang tính khách quan, chỉ có thể có được khi áp dụng phương pháp phân tích khoa học đúng đắn trên một nguồn tư liệu tin cậy.



Nhiều khi các kết quả thu được lại trái ngược với những phỏng đoán ban đầu của người nghiên cứu. Vì vậy, việc nêu những kết quả khoa học cụ thể trong đề cương nghiên cứu là không đúng với tinh thần khoa học chân chính.

Như vậy, nội dung nghiên cứu ở đây phải được hiểu là những nhệm vụ nghiên cứu cụ thể mà người nghiên cứu coi việc hoàn thành chúng là mục đích cuối cùng. Những nhiệm vụ này có thể được trình bày hoặc theo thứ tự về thời gian thực hiện, hoặc theo mức độ quan trọng, hoặc theo cách phân biệt các bình diện lý thuyết/ thực hành v.v... Đồng thời với việc xác định nhiệm vụ nghiên cứu là giới hạn phạm vi nghiên cứu

Chẳng hạn, trong đề cương luận án khoa học vừa nêu trên đây, tác giả xác định các nội dung nghiên cứu như sau:

1. *Nghiên cứu lý luận ngôn ngữ học, đặc biệt loại hình học ngôn ngữ, lý thuyết hành vi ngôn ngữ, lý thuyết giao tiếp, lý thuyết văn bản và lý luận phong cách để làm cơ sở lý luận cho việc giải quyết đề tài luận văn.*

2. *Xem xét ảnh hưởng của những đặc trưng ngữ pháp và phong cách tiếng Pháp đối với những bản dịch tiếng Việt.*

3. *So sánh đối chiếu việc dịch các văn bản thương mại như: thư đặt hàng, thư trả lời đơn đặt hàng, thư chào hàng, thư khiếu nại hàng hoá, thư trả lời khiếu nại, hợp đồng thương mại, télex, văn bản quảng cáo hàng hoá v.v...*

*Qua sự so sánh đối chiếu, nghiên cứu cấu trúc của các loại văn bản nói trên luận văn đi đến mô hình hoá chúng, cố gắng phát hiện quy tắc tổ chức cũng như những đặc trưng về truyền thống, về văn hoá, về phong cách đã chi phối cách thức tổ chức các loại văn bản này.*

(Phỏng theo Hà Văn Riễn-Đề cương nghiên cứu: "Ngôn ngữ học và dịch văn bản thương mại - trên cơ sở đối chiếu Pháp - Việt").

Các nội dung nghiên cứu có thể được trình bày theo thứ tự ưu tiên (thứ tự quan trọng), hoặc theo thứ tự thời gian. Nếu nội dung nghiên cứu được sắp xếp theo thứ tự thời gian, ta sẽ có trình tự các bước nghiên cứu.

### **3. Phương pháp nghiên cứu.**

Phương pháp nghiên cứu bao gồm phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu cụ thể.

Hai *phương pháp luận khoa học chung*, trái ngược nhau và thường được dùng nhất là **diễn dịch** (đi từ những nguyên lý chung đến những kết luận riêng) và **quy nạp** (đi từ những hiện tượng, sự kiện riêng đến kết luận chung). Việc chọn phương pháp nào thường là do bản chất của đối tượng nghiên cứu cũng như mục đích nghiên cứu quyết định. Đôi khi cả hai phương pháp này được sử dụng đồng thời, phối hợp và bổ sung cho nhau.

Mỗi ngành khoa học lại có một hệ thống các **phương pháp nghiên cứu** riêng, phản ánh trình độ phát triển của nó. Việc chọn phương pháp khoa học nào cũng phản ánh trình độ của người nghiên cứu.

Sau đây là một ví dụ. Chọn đề tài nghiên cứu "*Ngôn ngữ luật pháp trong tiếng Việt* (có đối chiếu với tiếng Anh và ứng dụng trong dịch Việt Anh)", tác giả xác định **phương pháp nghiên cứu** như sau:

*Phương pháp làm việc chính sẽ là phương pháp quy nạp: trên cơ sở phân tích các tư liệu rút ra từ các văn bản luật pháp (luật dân sự, luật kinh tế -thương mại) của tiếng Việt, người nghiên cứu sẽ tìm hiểu các quy luật sử dụng ngôn ngữ để diễn đạt các ý nghĩa dụng pháp của văn bản luật.*

*Phương pháp phân tích ngôn ngữ ở luận án này là **phương pháp chức năng** do Halliday (1985) phát triển từ lý luận của ngôn ngữ học chức năng. Từ quan niệm xã hội- ký hiệu học về ngôn ngữ (social-semiotic perspective) phương pháp này tập trung vào các chức năng xã hội tham gia quy định hình thức*

diễn đạt của ngôn ngữ. Xuất phát từ hoàn cảnh xã hội (social context) luận án tìm hiểu mục đích giao tiếp (communicative purposes) của văn bản và sau đó nghiên cứu các phương tiện ngôn ngữ tham gia vào việc cấu thành các thành tố nghĩa trong hệ thống ngữ nghĩa nhằm hoàn thành mục đích trên.

(Lê Hùng Tiến - Đề cương nghiên cứu: "Ngôn ngữ luật pháp trong tiếng Việt- có so sánh đối chiếu với tiếng Anh và ứng dụng trong dịch Việt Anh").

Như đã nói, đối với các đề tài nghiên cứu có tính thực địa và do tập thể tiến hành, đề cương cần có mục nêu cách thức tổ chức lực lượng thực thi và nghiệm thu. Chẳng hạn, trong đề cương nghiên cứu đề tài nhánh "Hệ thống địa danh các tỉnh biên giới Tây Nam của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam", thuộc Chương trình quốc gia về biên giới, tác giả đề cương kiến nghị lực lượng thực thi như sau:

*Lực lượng thực thi và các cơ sở phối hợp:*

1. Cán bộ khoa ngữ văn Đại học Tổng hợp Hà Nội gồm 6 người chủ chốt trực tiếp):

- Hoàng Trọng Phiến (chủ trì đề tài),
- Nguyễn Xuân Lương (thứ ký khoa học),
- Đỗ Tiến Thắng (quản lý kinh phí, kế hoạch),
- Trần Trí Dồi (trưởng đoàn điền dã),
- Nguyễn Hùng Vĩ (nghiên cứu viên văn hoá dân gian),
- Nguyễn Văn Hiệp (tư liệu, kỹ thuật).

2. Các chuyên gia cố vấn, xử lý tư liệu:

- Hoàng Cao Cương (Viện ngôn ngữ học): ngữ âm.
- Hoàng Thị Châu (Đại học Tổng hợp Hà Nội): phương ngữ.
- Nguyễn Thiện Giáp (Đại học Tổng hợp Hà Nội): từ vựng.

(Mời thêm 2 nghiên cứu viên của Phân viện Xã hội học tại Tp.HCM và Ban ngôn ngữ học Đại học Cần Thơ tham gia điền dã thực địa)

3. Lực lượng sinh viên điền dã (thuê trả lương):

- 10 sinh viên giỏi của Khoa Ngữ văn Đại học Tổng hợp Hà Nội.

- 5 sinh viên giỏi của Đại học Cần Thơ.

4. Phối hợp với chủ trì đề tài địa lý Phạm Quang Anh để thống nhất kế hoạch điền dã, công tác lập bản đồ.

5. Về tổ chức nghiệm thu: Các kết quả thu sẽ được trình bày trong các hội thảo, sau đó được tổ chức bản thảo và được ban nghiệm thu Chương trình quốc gia đánh giá.

(Theo Hoàng Trọng Phiến - Đề cương nghiên cứu đề tài nhánh: "Hệ thống địa danh các tỉnh biên giới Tây Nam của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam").

#### 4. Tư liệu:

Phần này cung cấp những thông tin về tư liệu nghiên cứu: tư liệu được lấy từ những nguồn nào, phạm vi hay khối lượng bao nhiêu v.v...

Chẳng hạn, với đề tài nghiên cứu là: "Ngôn ngữ luật pháp trong tiếng Việt" (có so sánh đối chiếu với tiếng Anh và ứng dụng trong dịch Việt Anh), tác giả xác định:

Tư liệu nghiên cứu chủ yếu lấy từ bộ luật dân sự, các luật kinh tế, luật đầu tư nước ngoài, luật lao động do nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành. Các bản dịch các bộ luật trên sang tiếng Anh đều do các phiên dịch chuyên nghiệp dịch thuật và đã được xuất bản chính thức.

(Lê Hùng Tiến- Đề cương nghiên cứu: "Ngôn ngữ luật pháp trong tiếng Việt" - có so sánh đối chiếu với tiếng Anh và ứng dụng trong dịch Việt Anh).

Ví dụ khác, khi nghiên cứu "Hệ thống liên kết lời nói (trên cú liệu tiếng Việt)", tác giả xác định ngữ liệu như sau:

Về tư liệu nghiên cứu, trong điều kiện kỹ thuật hạn chế, chúng tôi cố gắng đến mức tối đa để thu thập và khảo sát lời nói trong dạng biểu hiện tự nhiên của nó bằng cách dùng băng ghi âm các đối thoại tự nhiên. Sau đó vẫn tự hoá các băng ghi âm đó một cách trung thành. Ngoài ra, luận án sử dụng nguồn tư liệu thứ hai là lời nói của các nhân vật trong các văn bản kịch, truyện ngắn, tiểu thuyết. Mặc dù khi đi vào văn bản, các lời nói này dưới ngòi bút nhà văn đã được trau chuốt ít nhiều, nhưng những đặc trưng cơ bản nhất của lời nói vẫn được lưu giữ.

(Theo Nguyễn Thị Việt Thanh: Đề cương nghiên cứu:  
"Hệ thống liên kết lời nói" - trên cứ liệu tiếng Việt).

**Lưu ý:** Phân phương pháp nghiên cứu và tư liệu có thể được nhập làm một và được gọi là: Tư liệu và phương pháp nghiên cứu hoặc Phương pháp và tư liệu nghiên cứu.

Khi lập đề cương nghiên cứu cần tránh những nhược điểm sau đây:

a. Đề cương tản mạn, trình bày dông dài nhưng thiếu những nội dung quan trọng như lý do chọn đề tài, xác định nội dung nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và nguồn tư liệu.

b. Lẫn lộn đề cương nghiên cứu với việc lập dàn ý một báo cáo khoa học. Đặc biệt là tình trạng trình bày, nêu kết luận một cách suy diễn, chủ quan ngay trong đề cương nghiên cứu.

c. Đề cương được viết quá chung chung, đại khái; người đọc không thể hình dung được nội dung nghiên cứu, các bước tiến hành cũng như phương pháp xử lý vấn đề.

### Bài tập 1:

Hãy lập đề cương nghiên cứu cho một đề tài khoa học mà anh (chị) có nhiều hứng thú nhất.

### Bài tập 2:

Hãy lập đề cương nghiên cứu cho một dự án khoa học về vấn đề bảo vệ và tôn tạo những di tích lịch sử ở Hà Nội.

### Bài tập 3:

Hãy đọc đề cương nghiên cứu khoa học của một sinh viên được dẫn dưới đây.

1. Cho biết những chỗ sai trong cách thức xây dựng đề cương.

2. Hãy giúp sinh viên ấy viết lại đề cương đúng quy cách hơn.

Đề cương nghiên cứu khoa học.

Đề tài: *Sự ô nhiễm vùng cửa sông ven biển Cửa Lò.*

I. Địa điểm nghiên cứu: *Vùng cửa sông ven biển Cửa Lò, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An.*

II. Nội dung nghiên cứu:

1. *Đánh giá về sự ô nhiễm môi trường.*

2. *Đánh giá về sự ô nhiễm nước.*

3. *Sự tác động của dòng nước sông đổ ra biển.*

4. *Phương pháp cải tạo, tránh sự ô nhiễm và xói mòn.*

III. Thời gian nghiên cứu:

*Dự kiến bắt đầu: Tháng 12-1996.*

*Dự kiến kết thúc: Tháng 10-1997.*

IV. Tài liệu tham khảo:

1. *Đánh giá sự ô nhiễm môi trường biển, nước, khí hậu tại thị xã Cửa Lò.*

*Tác giả: PTS Hoàng Anh Khiển.*

*(Trung tâm viễn thám - Liên đoàn Bản đồ địa chất)*

2. *Tình trạng xói mòn ở vùng cửa biển Cửa Lò.*

*Tác giả: PTS Đinh Văn Trảo.*

*(Liên đoàn Bản đồ địa chất)*

3. *Môi trường và cách xử lý.*

Tác giả: Nguyễn Văn Triển.

(Viện Khoa học Công nghệ và Môi trường)

4. Một số tài liệu, luận văn về địa lý hải dương và môi trường ở khoa Địa lý- địa chất trường Đại học Tổng hợp cũ.

#### V. Phương pháp nghiên cứu:

1. Phân tích ảnh vệ tinh.

2. Sử dụng các thông số của các nguồn tài liệu tham khảo.

3. Khảo sát thực tế.

(Phỏng theo đề cương nghiên cứu khoa học của một sinh viên đại học).

#### Bài tập 4:

Khi chọn đề tài nghiên cứu là hình tượng người dũng sĩ trong truyện Thạch Sanh và truyện cổ Đông nam Á, một sinh viên đã lập đề cương nghiên cứu như sau:

I. Tên đề tài: Hình tượng người dũng sĩ trong truyện Thạch Sanh và truyện cổ Đông Nam Á.

#### II. Phần mở đầu:

1. Lý do chọn đề tài.

2. Lý do chọn lựa các tài liệu nghiên cứu.

3. Các vấn đề sẽ trình bày.

#### III. Phần nội dung:

1. Phân tích các khái niệm.

2. Phân tích hình tượng dũng sĩ trong truyện cổ Thạch Sanh.

3. Phân tích hình tượng dũng sĩ trong truyện cổ các nước Đông Nam Á.

4. So sánh hình tượng dũng sĩ trong truyện cổ Thạch Sanh và trong truyện cổ các nước Đông Nam Á.

#### IV. Phần kết luận:

1. Tóm tắt lại nội dung chính.
2. Rút ra kết luận.
3. Những gợi ý nghiên cứu tiếp theo.

#### V. Mục lục.

#### VI. Tài liệu tham khảo.

(Phỏng theo đề cương nghiên cứu của một sinh viên đại học)

Anh chị cho biết đây có phải là một đề cương nghiên cứu không, vì sao?

Hãy giúp sinh viên này viết lại đề cương nghiên cứu.

#### 1.3.2. Trình bày lịch sử vấn đề.

Trong các luận văn, tiểu luận khoa học, việc trình bày lịch sử vấn đề giữ một vai trò rất quan trọng, mang tính **bắt buộc**. Sau khi đã xác định đề tài nghiên cứu, người viết phải đưa ra một cái nhìn *tổng quát*, có tính *toàn cảnh* về những công trình của các tác giả đi trước có liên quan đến đề tài được chọn. Thực chất của công việc này là:

1. Nhìn lại những *đóng góp* của các tác giả đi trước về *phương pháp nghiên cứu* cũng như *giải pháp* cho những vấn đề cụ thể.

2. Nêu ra những *giới hạn, hạn chế* của các tác giả ấy về mặt lý thuyết (*phương pháp nghiên cứu*) cũng như thực hành (*giải pháp cụ thể cho những vấn đề cụ thể*).

3. Qua việc nhìn nhận những đóng góp và hạn chế của các tác giả đi trước mà làm nổi rõ hơn *tính thời sự* cũng như *ý nghĩa* của tiểu luận hay luận văn, từ đó mà xác định nhiệm vụ nghiên cứu cũng như hướng giải quyết nhiệm vụ nghiên cứu của luận văn.

Hiện nay, vẫn tồn tại một thực tế là nhiều tác giả còn xem nhẹ phần trình bày lịch sử vấn đề, hoặc bỏ qua hoặc chỉ trình bày một cách lắt lể, sơ sài. Bên cạnh đó là tình trạng còn mơ hồ, ít có sự phân biệt giữa hai phần trình bày lịch sử vấn đề và



điểm tình hình nghiên cứu mà xu hướng chung là đồng nhất chúng với nhau. Hai phần này quả thật có nhiều điểm chung, chẳng hạn cùng nhìn nhận, đánh giá các kết quả nghiên cứu đã có, cùng có tác dụng xác định toạ độ và ý nghĩa của đề tài nghiên cứu. Tuy nhiên, cần thấy sự khác-biệt giữa chúng. Cách trình bày lịch sử vấn đề thường bao quát một qu□ng thời gian dài, nặng về khía cạnh lịch đại, quan tâm nhiều đến căn nguyên, lai lịch của vấn đề. Còn phần trình bày tình hình nghiên cứu lại xem xét vấn đề theo một lát cắt ngang đồng đại, chú trọng nhiều hơn đến tính thời sự, tính cập nhật của vấn đề. Cũng có trường hợp, tác giả khéo léo trình bày kết hợp được lịch sử vấn đề và tình hình nghiên cứu liên mạch với nhau. Chẳng hạn, khi nghiên cứu *phương pháp xấp xỉ giải bài toán điều khiển tối ưu các hệ sai phân ngẫu nhiên có ràng buộc hỗn hợp*, tác giả đã thực hiện điều đó như sau:

*Lý thuyết điều khiển tối ưu là một trong những lý thuyết toán học khá mới mẻ và đóng vai trò quan trọng trong kỹ thuật hiện đại, đặc biệt là trong việc thiết kế các hệ điều khiển tự động và điều khiển các hệ kinh tế. Bài toán điều khiển tối ưu các hệ vi phân hoặc các hệ tổng quát hơn không có tác động ngẫu nhiên đã được nghiên cứu tỉ mỉ và đạt được những kết quả rất khả quan.*

*Tuy nhiên, trong các hệ vật lý, các hệ tự động thường có tác động của những yếu tố ngẫu nhiên. Do đó, khi nghiên cứu quy luật tiến hoá của hệ bị điều khiển cũng như dáng điệu của hàm mục tiêu ta phải tính đến các đặc điểm ngẫu nhiên của chúng. Trong 20 năm trở lại đây, lý thuyết điều khiển tối ưu các hệ có tác động ngẫu nhiên đã được nghiên cứu và đạt được những kết quả khá tổng quát bởi các tác giả như D.B Dynkin và A.A Iuskevich [18], W.H Fleming và R.W Rishel [21], I.I Ghichman và A.V Skorochod [16], I.V Ghirsanov và N.V Krylov [19] cùng một số tác giả khác. Các kết quả nhận được chủ yếu cho một lớp các quá trình Markov điều khiển được, các qua trình khuếch*

tán. Lý thuyết điều khiển tối ưu ngẫu nhiên đã được áp dụng trong kinh tế [18]. Đặc biệt, ở nước ta trong những năm gần đây lý thuyết này đã bắt đầu được ứng dụng trong việc điều khiển tối ưu các hệ thống năng lượng nói chung và hệ thống thủy điện nói riêng[6].

Hầu hết các kết quả đạt được trước đây đều dành cho lớp các bài toán điều khiển tối ưu các hệ ngẫu nhiên không có ràng buộc hỗn hợp giữa biến trạng thái và biến điều khiển. Nếu có ràng buộc về biến trạng thái thì hệ chỉ được điều khiển cho đến thời điểm ngẫu nhiên khi trạng thái vừa chạm đến biên của miền ràng buộc. Gần đây, theo thông tin chúng tôi có được về bài toán điều khiển tối ưu ngẫu nhiên có ràng buộc hỗn hợp đã xuất hiện vài kết quả của P.L Lions [8], D.Vermes [13] trong trường hợp thời gian liên tục và của V.I Arkin, L.I Krechetov [1],[2], F.I Beutler, K.W Ross [3] trong trường hợp thời gian rời rạc.

Trong thực tế, ta thường gặp bài toán điều khiển tối ưu cho hệ phương trình sai phân ngẫu nhiên có ràng buộc hỗn hợp giữa biến trạng thái và biến điều khiển với xác suất một trong trường hợp thời gian rời rạc và hữu hạn. Luận án này sẽ nghiên cứu một số vấn đề liên quan đến bài toán trên.

Cho đến nay, việc ứng dụng các kết quả của lý thuyết điều khiển tối ưu ngẫu nhiên vào thực tế chưa được rộng rãi và hiệu quả. Một trong lý do là khi giải phương trình quy hoạch rộng để tìm điều khiển tối ưu, ta cần chia không gian trạng thái thành các lưới điểm đủ dày đặc và tính điều khiển tối ưu tại các lưới điểm đó. Theo các số liệu thực hành, khi không gian trạng thái có chiều từ bốn trở lên thì việc giải phương trình quy hoạch rộng vượt quá khả năng của máy tính. Hơn nữa, việc tra bảng để tìm điều khiển tối ưu tại các lưới điểm ngày càng mịn của không gian trạng thái rất bất tiện cho các nhà điều hành. Mặt khác, các bài toán điều khiển tối ưu ngẫu nhiên, trong thực tế, thường được mô hình hoá toán học bằng nhiều phương pháp xấp xỉ, dự báo... và tất nhiên chúng phải mắc những sai số. Do đó, việc giải

bài toán đó bằng phương pháp xấp xỉ sẽ có ý nghĩa không kém so với việc giải chính xác nó.

Cho đến nay, vẫn chưa có thuật toán nào khả dĩ dùng được trong thực tế để giải bài toán điều khiển tối ưu ngẫu nhiên trong trường hợp tổng quát với các hàm chuyển đổi trạng thái, hàm mục tiêu và miền ràng buộc có dạng phức tạp. Vì vậy, độ phức tạp của thuật toán dùng để giải nó thường rất lớn. Để khắc phục điều đó, chúng ta có thể xấp xỉ nó bằng bài toán điều khiển ngẫu nhiên- trong đó hàm biến đổi trạng thái, hàm mục tiêu và cả miền ràng buộc của nó có dạng đơn giản hơn- sao cho đối với bài toán này điều khiển tối ưu có thể được biểu diễn bằng các biểu thức giải thích tường minh và có thể xem nó là điều khiển - tối ưu cho bài toán gốc ban đầu.

Vì vậy, một công việc có ý nghĩa về mặt lý thuyết lẫn thực hành là mở rộng lớp các bài toán điều khiển ngẫu nhiên đơn giản có thể hỉ ra dạng giải thích tường minh cho chiến lược điều khiển tối ưu của nó.

(...) Luận án này, với một mức độ nhất định, sẽ nghiên cứu các vấn đề sau đây:

1/ Với điều kiện nào thì các lớp chiến lược điều khiển chấp nhận được khác trống và tồn tại điều khiển tối ưu? Điều khiển tối ưu được xác định như thế nào?

2/ Khi điều khiển tối ưu tồn tại nhưng việc xác định nó quá phức tạp (có khi vượt quá khả năng của máy tính hiện nay) thì có phương pháp xấp xỉ nào đơn giản và chấp nhận được để xác định điều khiển  $\varepsilon$  - tối ưu?

3/ Mở rộng lớp các bài toán đơn giản, trong đó điều khiển tối ưu biểu diễn được dưới dạng các biểu thức giải thích tường minh.

(Theo Trương Chí Tín - Về một phương pháp xấp xỉ giải bài toán điều khiển tối ưu các hệ sai phân ngẫu nhiên có ràng buộc hỗn hợp)

Về nguyên tắc, phần trình bày tình hình nghiên cứu có thể đặt ngay sau phần lịch sử vấn đề. Đây là trình tự giúp người đọc dễ dàng định vị, thấy được kích thước vấn đề nghiên cứu ở cả chiều sâu lịch sử lẫn chiều rộng thời sự. Tuy nhiên, phần trình bày lịch sử vấn đề có thể được tách ra trình bày riêng, thường là nằm trong chương mở đầu, chương đặt cơ sở lý thuyết cho việc giải quyết vấn đề.

Nếu luận văn có dung lượng lớn, chứa đựng nhiều vấn đề nghiên cứu bộ phận thì ngoài lịch sử vấn đề chung, có thể có phần lịch sử vấn đề riêng cho các vấn đề bộ phận đó. Ví dụ, khi nghiên cứu các thành phần phụ của câu tiếng Việt, tác giả có thể trình bày lịch sử vấn đề thành phần câu nói chung, với hệ các vấn đề của nó. Sau đó ở các chương khảo sát các thành phần câu cụ thể như *trạng ngữ*, *khởi ngữ* v.v... tác giả có thể trình bày kỹ hơn lịch sử nghiên cứu từng vấn đề cụ thể đó.

Khi trình bày lịch sử vấn đề cần tránh những nhược điểm phổ biến sau đây:

1. Nêu lại lịch vấn đề quá rộng, chung chung, không gắn bó với đề tài nghiên cứu. Ví dụ, khi phân tích diễn ngôn thư tín thương mại Pháp- Việt, trong bản thảo luận án, có tác giả đã viết phần lịch sử vấn đề như sau:

*Phân tích diễn ngôn được phát triển mạnh mẽ trong những năm 1960 và đầu những năm 1970.*

Năm 1952, Zellig Harris công bố kết quả nghiên cứu của ông trong lĩnh vực này dưới tiêu đề "Phân tích diễn ngôn". Ông được xem là người mở đường trong lĩnh vực này. Trong những năm 1960, Dell Hymes mô tả lời nói *speech* trong bối cảnh xã hội. Các nhà triết học ngôn ngữ như Austin (1962), Searrle (1965) và Grice (1975) đều có ảnh hưởng lớn trong nghiên cứu ngôn ngữ như những hành vi mang tính xã hội, được phản ánh trong lý thuyết hành vi lời nói (*Speech Act Theory*) và việc hình thành các phương châm (*maxims*) hội thoại. Những nhà ngôn ngữ học như

*Van Djik (1972), Halliday và Hasan (1976), De Beaugrand (1990) đã có những tác động to lớn trong lĩnh vực này. Ngày nay phân tích diễn ngôn đã trở thành một lĩnh vực quan trọng trong ngôn ngữ học, đặc biệt trong việc giảng dạy ngôn ngữ nói chung và ngoại ngữ nói riêng.*

Rõ ràng cách nêu lịch sử vấn đề như vậy còn chung chung, có thể ứng với mọi đề tài khác nhau có liên quan đến diễn ngôn, nó thực sự không có quan hệ mật thiết với đối tượng được chọn nghiên cứu là phân tích diễn ngôn thư tín thương mại Pháp-Việt. Thêm vào đó, cách trình bày lịch sử vấn đề như trên là quá sơ sài, không nêu được những đánh giá cần thiết về những đóng góp cũng như hạn chế của các tác giả đi trước về mặt phương pháp cũng như giải pháp cho các vấn đề cụ thể.

2. *Không phân biệt rõ lịch sử vấn đề với tình hình nghiên cứu nên chỉ điểm các tác giả cùng thời và chỉ tập trung quanh những vấn đề có tính thời sự, không làm rõ được lai lịch của vấn đề.*

Chẳng hạn, khi nghiên cứu *nhân tố con người trong quản lý và phát triển các doanh nghiệp ở nước ta hiện nay*, trong bản thảo luận văn của mình, một tác giả đã trình bày lịch sử vấn đề như sau:

*Vấn đề con người và mối quan hệ giữa con người với các lĩnh vực tổ chức đời sống ở nước ta đã được quan tâm nghiên cứu trong nhiều công trình khác nhau, đó là: "Những vấn đề xây dựng con người mới" do Phạm Như Cương chủ biên, "Bàn về chiến lược con người" (NXB Sự thật, Hà Nội 1990), "Phát huy yếu tố con người trong quản lý kinh tế" của Nguyễn Văn Sáu... Các công trình này đã làm rõ hơn những luận điểm của Mác-Ăng ghen, Lê-nin về con người. Tuy nhiên, hầu hết các tác giả đó cũng chỉ đề cập đến vai trò của con người trong các lĩnh vực chung, rất ít công trình nghiên cứu nhân tố con người trong một tổ chức kinh tế vi mô, đặc biệt là để phát triển một doanh nghiệp. Mặt khác, việc duy trì quá lâu cơ chế quan liêu, bao cấp đã làm*

cho nhiều kết quả nghiên cứu về con người kém tính khả thi vì không có môi trường để kiểm nghiệm. Gần đây, việc đề cao quá mức các yếu tố kinh tế, kỹ thuật, lỗ lãi thuần túy đã tạo ra cách nhìn lệch lạc về con người trong kinh doanh, trong khi các nhà khoa học đã công bố khá nhiều công trình có giá trị về con người trong phát triển kinh tế. Trong luận án này chúng tôi đã kế thừa có chọn lọc một số tư tưởng của các tác giả đi trước nhằm vận dụng vào quản lý và phát triển doanh nghiệp ở nước ta.

Nội dung trên đây chỉ có thể xem là phần trình bày sơ bộ tình hình nghiên cứu, không thể xem là lịch sử vấn đề vì ở đây chúng ta không tìm thấy những thông tin về lai lịch, các quan niệm cũng như các giải pháp đã có về vấn đề nghiên cứu.

Cần lưu ý là tùy theo bản chất của đề tài nghiên cứu và trình độ của luận văn, phần lịch sử vấn đề có thể bao quát qu□ng thời gian dài hay ngắn khác nhau, chỉ giới hạn ở phạm vi trong nước hay mở rộng ra ngoài nước. Tuy nhiên, dù thế nào thế phần lịch sử vấn đề cũng phải bảo đảm được các yêu cầu về nội dung đã nêu ở 1, 2 và 3 trên đây.

Có thể phân chia các cách trình bày lịch sử vấn đề theo hai bình diện sau:

1) Trình bày vấn đề *theo thời gian* hay trình bày vấn đề theo *hệ quan điểm*.

2) Trình bày *lịch sử vấn đề chung* cho toàn bộ đề tài nghiên cứu hay trình bày *lịch sử vấn đề theo từng mặt* của đề tài nghiên cứu.

Kết hợp hai hướng này, sẽ có 4 kiểu trình bày lịch sử vấn đề, như có thể thấy qua bảng sau đây:

Tiêu chí	Cho toàn bộ đề tài	Cho từng mặt của đề tài
Theo thời gian	I	II
Theo hệ quan điểm	III	IV

Chẳng hạn, khi nghiên cứu *thành phần câu* trong tiếng Việt, tác giả có thể chọn một trong những cách trình bày lịch sử vấn đề sau đây:

Theo cách trình bày I) tác giả trình bày lịch sử vấn đề theo các giai đoạn nghiên cứu lớn như trước Cách mạng tháng Tám, sau Cách mạng tháng Tám đến những năm 60, từ những năm 60 đến những năm 80, từ những năm 80 đến nay (sự phân chia các mốc thời gian này chủ yếu dựa vào những thay đổi ở lực lượng nghiên cứu hoặc phương pháp nghiên cứu). Ở mỗi giai đoạn như vậy, *toàn bộ đề tài* (như khái niệm thành phần câu, quan niệm thành phần chính/ thành phần phụ, các tiêu chí nhận diện thành phần câu) sẽ được trình bày gắn với quan điểm của các tác giả khác nhau.

Theo cách trình bày II) tác giả trình bày *từng vấn đề cụ thể* (khái niệm thành phần câu, quan niệm thành phần chính/ thành phần phụ, các tiêu chí nhận diện thành phần câu) theo dòng thời gian, gắn với quan điểm của các tác giả khác nhau.

Theo cách trình bày III) tác giả trình bày *toàn bộ đề tài* theo *hệ quan điểm* (gắn với các phương pháp nghiên cứu) của nhóm các tác giả, chẳng hạn các tác giả chịu ảnh hưởng của ngữ pháp nhà trường Pháp, các tác giả theo lý thuyết cụm từ, các tác giả theo lý thuyết thành tố trực tiếp, các tác giả theo ngữ pháp chức năng v.v...

Theo cách trình bày IV) tác giả trình bày *từng vấn đề cụ thể* theo *hệ quan điểm* gắn với nhóm các tác giả thuộc các trường phái khác nhau.

Sau đây là một ví dụ về cách trình bày lịch sử vấn đề của một luận án khoa học chọn đối tượng nghiên cứu là *cái hài* trong truyện cười dân gian:

*Truyện cười dân gian xuất hiện từ rất sớm. Trước Cách mạng tháng Tám, việc xuất bản truyện cười không phải là không có, nhưng công việc này được tiến hành chậm chạp và hết sức ít*

ôi. Về phương diện nghiên cứu, bài viết của Đặng Thai Mai "ý nghĩa nhân sinh trong truyện cười nước ta" đăng trên tạp chí tri tân năm 1943 là một ví dụ khó tìm.

Sau Cách mạng tháng Tám, đặc biệt sau năm 1954, trên miền Bắc được giải phóng, văn học dân gian được sưu tầm, biên soạn và công bố ngày càng nhiều. Tuy nhiên, so với các thể loại khác, số sách và truyện cười được xuất bản vẫn còn chiếm phần khiêm tốn. Chỉ từ năm 1986 trở lại đây, tình hình xuất bản truyện cười mới nhộn nhịp, phong phú và đa dạng hơn trước. Theo thống kê, không kể truyện cười thế giới, chỉ tính riêng truyện cười Việt Nam (mà chủ yếu là truyện cười dân gian cổ truyền), từ năm 1986 đến 1994 đã có bốn mươi sáu cuốn được xuất bản.

Việc nghiên cứu truyện cười, trong đó có vấn đề nghiên cứu nghệ thuật truyện cười, đã được một số nhà khoa học quan tâm. Nếu tính từ Đặng Thai Mai (1943), tới Nguyễn Hồng Phong (1957), qua Đinh Gia Khánh (1962, 1973), đến Lê Chí Quế, Hoàng Tiến Tư (1990), cùng ta thấy truyện cười dân gian ngày càng được khẳng định là một thể loại của folklore ngôn từ.

Khi phân tích truyện cười, hầu hết các tác giả đi trước, ở những mức độ khác nhau, đều đã bàn đến các biện pháp nghệ thuật: khai thác và phản ánh mâu thuẫn, xây dựng cốt truyện với những thủ pháp (như giơ cao hạ thấp, sử dụng yếu tố bất ngờ, gói kín mở nhanh v.v...), sử dụng yếu tố phóng đại, sử dụng yếu tố tục, vận dụng ngôn ngữ, xây dựng lời nói đáng cười, hoàn cảnh đáng cười, xây dựng nhân vật, đưa một số yếu tố của văn phong bác học vào truyện dân gian,... Điều rất dễ nhận thấy là phần lớn các tác giả đã nhận thức vai trò quan trọng của biện pháp nghệ thuật khai thác và phản ánh mâu thuẫn. Đinh Gia Khánh và Trương Chính đều cho rằng loại mâu thuẫn gây cười được thể hiện ở ba cấp độ: lời nói đáng cười, cử chỉ đáng cười và hoàn cảnh đáng cười. Biện pháp sử dụng yếu tố tục cũng đã thu được sự chú ý đáng kể của Nguyễn Hồng Phong, Đinh Gia



Khánh, Lê Chí Quế. Một mặt thừa nhận những biện pháp nghệ thuật nêu trên, mặt khác Hoàng Tiên Tự cho rằng các biện pháp ấy đều phải "phụ thuộc và phục vụ cho hai yếu tố cơ bản vừa độc lập, vừa có quan hệ mật thiết với nhau trong truyện cười dân gian là cốt truyện và nhân vật".

Những tìm tòi của những người đi trước là rất đáng trân trọng và giúp ích chúng tôi rất nhiều trong khi thực hiện và hoàn thành đề tài nghiên cứu.

Có điều là hầu hết các tác giả đi trước đã chưa chú ý đến mối quan hệ giữa các biện pháp nghệ thuật. Trừ Đinh Gia Khánh, các tác giả nêu trên chưa chú ý thích đáng đến mối quan hệ giữa các hài và tiếng cười. Sự chú ý chưa thích đáng này nhiều khi không phải do trình độ và nhận thức của người viết, mà do mục đích và nhiệm vụ của các công trình quy định. Thí dụ, trong khuôn khổ hơn ba trăm trang sách *Văn học dân gian Việt Nam* (1990), của các tác giả Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội (cũ), phải giới thiệu dưới dạng tình giản toàn bộ văn học dân gian của người Việt và một số thể loại văn học dân gian tiêu biểu của các dân tộc thiểu số, truyện cười chỉ là một bài trong một chương sách, phần viết về nghệ thuật truyện cười được dành đúng một trang. Với số trang quá ít như vậy, làm sao người viết có thể phản ánh hết được kết quả nghiên cứu của mình?

Vấn đề truyện cười dân gian, mối quan hệ giữa cái hài và tiếng cười, thi pháp thể hiện cái hài... xứng đáng được khảo sát và phân tích trong một công trình riêng. Bản luận án của chúng tôi được tiến hành với mục đích và quy mô như vậy.

(Theo Nguyễn An Tiêm - Cái hài trong truyện cười dân gian).

### Bài tập 1:

Hình dung anh chị phải viết một tiểu luận khoa học bàn về vai trò của phụ nữ trong xã hội.

Hãy lập một dàn ý cho phần trình bày lịch sử vấn đề.

## Bài tập 2:

1. Hãy lập dàn ý cho phần trình bày lịch sử vấn đề của một đề tài nghiên cứu mà anh chị thấy thú vị và có ít nhiều hiểu biết.

2. Hãy viết phần trình bày lịch sử vấn đề đó trong giới hạn chừng 50 câu.

## Bài tập 3:

Trong bản dự thảo luận án kinh tế bàn về vai trò quản lý của nhà nước trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường ở Việt Nam, tác giả đã trình bày phần lịch sử vấn đề như sau:

Về vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường nói chung, đã có rất nhiều công trình nghiên cứu khác nhau trong và ngoài nước bàn đến. Song về vai trò của nhà nước trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường ở Việt Nam thì chủ yếu mới có các công trình ở trong nước theo nhiều góc độ khác nhau:

- GS.TS Lương Xuân Quý chủ biên: "Cơ chế thị trường và vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam". NXB Thống kê, Hà Nội, 1994.

- GS.TS Nguyễn Duy Gia: "Quản lý nhà nước nền kinh tế thị trường trong giai đoạn hiện nay". NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994.

- PGS.PTS Hồ Văn Vĩnh: "Về cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước". Tạp chí nghiên cứu lý luận, số 4/1991.

- PTS Vũ Tuấn Anh chủ biên: "Vai trò của nhà nước trong phát triển kinh tế". NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1994.

- Tập thể tác giả: "Một số vấn đề về quản lý vĩ mô nền kinh tế thị trường ở nước ta". NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993.

- Một số luận án Phó tiến sĩ khoa học kinh tế liên quan đến vai trò quản lý của nhà nước công bố những năm 1993, 1994.

Các công trình nghiên cứu của nước ngoài có liên quan đến vai trò của nhà nước Việt Nam trong quá trình cải cách như:

- Ngân hàng thế giới: "Việt Nam chuyển sang nền kinh tế thị trường". NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội 1994.

- Viện phát triển quốc tế Harvard: "Việt Nam cải cách theo hướng rộng bay". NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội 1994.

Anh chị có nhận xét gì về cách trình bày lịch sử vấn đề này.

#### Bài tập 4:

Hãy đọc phần trình bày lịch sử vấn đề của luận văn khoa học "Nghiên cứu đối chiếu trật tự từ Anh- Việt trên một số cấu trúc cú pháp cơ bản" được nêu sau đây.

1. Nêu dàn ý chi tiết của phần trình bày này.
2. Anh chị có nhận xét gì về cách viết của tác giả.

Trong tiếng Việt, nếu xét riêng về vấn đề trật tự từ thì chúng tôi cho rằng nên tính từ cái mốc xuất hiện những công trình ngữ pháp quan tâm đến cách sắp đặt các cấu trúc ngữ pháp. Theo đó, chúng tôi cho rằng người sớm nhất thấy chuyện này là A. de Rhodes khi ông miêu tả về các từ loại tiếng Việt trong phần phụ lục của cuốn "Từ điển An Nam- Bồ Đào Nha- Latin" (Roma 1651; thành phố Hồ Chí Minh 1991). Các sách dạy tiếng Việt thực hành hồi cuối thế kỷ 19 của Trương Vĩnh Ký (1889), Duy Liên (1906) cũng đề cập vấn đề này. Nhưng có lẽ người đầu tiên thấy giá trị của trật tự từ là Hồ Ngọc Cẩm trong sách Mẹo tiếng An Nam 1933 khi ông cho rằng muốn biết một từ trong tiếng Việt có phải là danh từ hay không thì hãy đặt vào trước nó từ một để thử. Còn Trần Trọng Kim (1940) là người sớm quan tâm đến trật tự trong tổ hợp giữa loại từ và danh từ.

Người nhìn trật tự từ tiếng Việt trong cả hệ thống đầu tiên là Lê Văn Lý (1948). Khi vận dụng lý thuyết về khả năng kết hợp của từ để mô tả ngữ pháp tiếng Việt, ông đã nhìn thấy vai trò quan trọng của phương thức trật tự, nhờ miêu tả sự kết hợp của các từ chính với các từ kiểm chứng (danh từ thường kết hợp với các từ kiểm chứng nhất định như những, cái, con...) ông đã chia được ranh giới từ loại khá chính xác trong tiếng Việt. Lê Văn Lý

cũng là người đã cho rằng sự thay đổi trật tự trong câu tiếng Việt tất sẽ dẫn đến quá trình tạo nghĩa mới. Ví dụ mà ông đưa ra khi thay đổi trật tự trong phát ngôn: "Sao anh bảo nó không đến?" thì người ta thu được rất nhiều những câu khác nhau, với ý nghĩa khác nhau là một ví dụ rất tiêu biểu.

Cùng với và sau Lê Văn Lý, các nhà nghiên cứu Việt ngữ như: F. Martini (1950), M. Emeneau (1951), Nguyễn Tài Cẩn (1960), L.Thompson (1965), Nguyễn Phú Phong (1970), Trần Ngọc Ninh (1972- 1974), Lý Toàn Thắng (1978), V. Panphilop (1993), Lê Xuân Thai (1995) đã giành nhiều quan tâm cho vấn đề trật tự câu tiếng Việt, trong đó Nguyễn Tài Cẩn là người đã xây dựng mô hình trật tự từ trên bình diện ngôn ngữ học và tâm lý học. Nếu nói về phân tích trật tự từ theo hướng chức năng, phải kể đến các công trình của Cao Xuân Hạo (1992), Đỗ Hữu Châu (1992). Các công trình khác thì xem xét trật tự như là những khía cạnh của những vấn đề khác (từ loại, thành phần câu, phân đoạn thực tại).

(Theo Vũ Ngọc Tú - Nghiên cứu trật tự từ Anh Việt trên một số cấu trúc cú pháp cơ bản)

### Bài tập 5:

Hãy đọc văn bản được trích dẫn sau đây và cho biết lô gích của phân trình bày lịch sử vấn đề.

Loét dạ dày là một bệnh khá phổ biến trong nhân dân. Theo cuộc điều tra năm 1975 tại xã Duyên Thái (Hà Sơn Bình) của trường Đại học Y Hà Nội, tỷ lệ nghi có bệnh loét dạ dày tá tràng trong nhân dân là 3,1% [11]. Tạ Long [18] thấy tỷ lệ loét dạ dày tá tràng ở lứa tuổi làm nghĩa vụ quân sự là 4,3%.

Điều trị loét tá tràng chủ yếu là nội khoa. Ngày nay, mặc dù đã có nhiều loại thuốc mới và hiệu quả điều trị cao, khoảng 20-30% số bệnh nhân vẫn cần đến phẫu thuật vì điều trị nội khoa không khỏi hoặc có biến chứng [21,54,82,87,91].

Khi phẫu thuật thì cắt dạ dày 2/3 là phương pháp mô được áp dụng phổ biến nhất từ nhiều năm nay ở Việt Nam. Kết quả này đưa đến khỏi bệnh từ 85-90% [12,41,96,98]. Tuy nhiên phẫu thuật này tồn tại những nhược điểm như tỷ lệ tử vong còn cao, từ 1-3% [12,13,17], nhiều di chứng cơ năng toàn thân và đặc biệt là tỷ lệ loét miệng nói không ít như người ta vẫn tưởng, ít nhất cũng là 4-7%[28,35]. Qua y văn thế giới, trong lịch sử phát triển của phẫu thuật cắt 2/3 dạ dày cũng đã có những trăn trở, cân nhắc đôi với kết quả điều trị của phẫu thuật này. Người ta đi tìm một phương pháp điều trị phẫu thuật có thể đem lại kết quả tốt hơn, đỡ phải cắt một phần lớn dạ dày. Đó chính là phẫu thuật cắt thần kinh X.

Những cơ sở giải phẫu và sinh lý của phẫu thuật này thực ra đã được chú ý và nghiên cứu từ rất lâu. Nhưng người có công đầu trong việc áp dụng rộng rãi phẫu thuật này trong thực tế và trên người bệnh, phải kể đến Dragstedt (1943) [62]. Sau những thành công ban đầu của tác giả này, phẫu thuật cắt thần kinh X nhanh chóng được hưởng ứng và phổ biến rộng rãi ở nhiều nước trên thế giới. Theo Fawcett và Johnston [63], tại nước Anh ở thời điểm những năm 50 và 60, mỗi năm có 35.000 người được mổ về bệnh dạ dày tá tràng, thì đã có 25.000 người được mổ bằng phương pháp cắt dây thần kinh X.

Ở Việt Nam, tại bệnh viện Việt Đức, trong những năm đầu của thập kỷ 60, Tôn Thất Tùng, Nguyễn Trinh Cơ, Nguyễn Văn Vân [18] là những người đầu tiên thực hiện các phẫu thuật cắt thần kinh X. Tuy nhiên, đó mới chỉ là những chỉ định có tính chất tình huống chứ chưa đặt thành vấn đề nghiên cứu và theo dõi kết quả một cách có hệ thống. Năm 1964, Nguyễn Trinh Cơ đã đề xuất một kế hoạch nghiên cứu áp dụng phẫu thuật cắt thần kinh X để điều trị loét dạ dày tá tràng với những quy định theo dõi lâu dài và chặt chẽ. Cùng tham gia trong nhóm nghiên cứu ngay từ những ngày đầu có Nguyễn Đình Hối, Đỗ Đức Vân. Năm 1981, Đỗ Đình Hối [4] đã có tổng kết đánh giá kết quả của

phẫu thuật này, với những kết quả khả quan. Tuy nhiên, ba điểm còn tồn tại trong luận án của Nguyễn Đình Hôi tại thời điểm đó là:

1. Liệu với thời gian theo dõi lâu hơn, những kết quả này có ổn định không?

2. Cần hoàn thiện quy trình kỹ thuật để hạ thấp tỷ lệ tái phát sau mổ, đặc biệt là kỹ thuật cắt thần kinh X chọn lọc cao.

3. Kết quả và khả năng áp dụng phẫu thuật này trong cấp cứu.

Công trình nghiên cứu này là kết quả của hơn 20 năm liên tục theo dõi các kết quả của các phẫu thuật cắt thần kinh X, trong đó tác giả đã phát triển các kỹ thuật cắt thần kinh X trong cấp cứu, đặc biệt là phẫu thuật cắt thần kinh X chọn lọc cao trong điều trị thủng loét tá tràng cấp cứu. Công trình nhằm đến các mục đích sau đây:

1. Đánh giá lại các kết quả sau 20 năm áp dụng phẫu thuật cắt thần kinh X.

2. Nghiên cứu những khả năng áp dụng trong cấp cứu.

3. Rút kinh nghiệm về kỹ thuật và chỉ định.

(Theo Đỗ Đức Vân- Nghiên cứu áp dụng phẫu thuật cắt thần kinh X trong điều trị loét tá tràng tại bệnh viện Việt Đức)

### **1.3.3. Cấu trúc thường gặp của một tiểu luận, luận văn khoa học.**

Các tiểu luận, luận văn khoa học phải tuân theo một số quy định về cách thức trình bày, thể hiện ở một bố cục, cấu trúc chung cho tất cả các ngành khoa học khác nhau, dù là vật lý học hay sinh học, văn học hay sử học v.v...

Về đại thể cấu trúc thường gặp nhất của tiểu luận hay luận văn khoa học gồm có 3 phần chính:

- Phần mở đầu.

- Phần nội dung.

- Phần kết luận.

Ba phần này tạo nên phần chính văn của tiểu luận hay luận văn khoa học.

Ngoài ra còn có thư mục tham khảo và trích dẫn, phụ lục (nếu có) v.v...

Chúng ta sẽ xem xét nội dung từng phần và cơ cấu tương thích của chúng.

### 1) Phần mở đầu:

Phần mở đầu thường có những nội dung như sau:

1. Đối tượng nghiên cứu và lý do chọn đề tài.
2. Lịch sử vấn đề.
3. Nhiệm vụ nghiên cứu của tiểu luận, luận văn.
4. Dự kiến những đóng góp của tiểu luận, luận văn.
5. Phương pháp nghiên cứu và nguồn tư liệu.
6. Bố cục của tiểu luận, luận văn.

Trong phần 6, tác giả cần cho biết tiểu luận, luận văn có bao nhiêu chương, dày bao nhiêu trang, có phụ lục kèm theo hay không...; nêu vấn đề *nhiệm vụ* của từng chương, sự *đánh giá* của tác giả về vai trò của chúng trong tổng thể cơ cấu tiểu luận hay luận văn. Những thông tin này là hết sức cần thiết, giúp người đọc định hướng được những nội dung sẽ trình bày, như có thể thấy qua ví dụ sau đây:

*Nội dung luận án gồm ba chương.*

*Trong chương 1, chúng tôi sẽ nhắc lại vài kết quả cơ bản của giải tích đa trị cần sử dụng trong luận án. Ngoài ra, để khảo sát tính tế hơn tốc độ hội tụ của phương pháp xấp xỉ trong chương 2,*

chúng tôi đưa ra các khái niệm và tính chất mới về tính nửa-Lipschitz của ánh xạ đa trị.

Trong chương 2, chúng tôi xét bài toán điều khiển tối ưu ngẫu nhiên hệ phương trình sai phân có ràng buộc hỗn hợp (trong đó trạng thái của hệ có thể nhận giá trị trong không gian Panach khả li tùy ý) và đưa ra những điều kiện khá đơn giản để các lớp chiến lược điều khiển chấp nhận được khác trống. Tiếp đó, chúng tôi đưa ra điều kiện cần và đủ để một điều khiển chấp nhận được là tối ưu dưới dạng phương trình quy hoạch động. Từ phương trình này, sự tồn tại điều khiển tối ưu của bài toán đang xét sẽ được chỉ ra. Chúng tôi đã áp dụng kết quả này để chứng minh sự tồn tại điều khiển tối ưu của bài toán điều khiển năng lượng cho nhà máy thủy điện Hoà Bình [6]. Sau đó, bằng công cụ của giải tích đa trị, chúng tôi sẽ chứng minh sự hội tụ và đánh giá tốc độ hội tụ của phương pháp xấp xỉ giải bài toán điều khiển tối ưu ngẫu nhiên có ràng buộc hỗn hợp, trong đó hàm biến đổi trạng thái, hàm mục tiêu và các miền ràng buộc có dạng khá tổng quát. Mặt khác, cũng có thể xem xét kết quả này là một kết quả về tính ổn định của bài toán điều khiển ngẫu nhiên.

Trong chương 3, chúng tôi sẽ đưa ra một số bài toán điều khiển ngẫu nhiên, trong đó điều khiển tối ưu có thể được xác định bởi các biểu thức giải tích tường minh. Chúng tôi đã đưa ra thuật toán để tìm điều khiển tối ưu cho bài toán, trong đó hàm mục tiêu có dạng đa thức đặc biệt phụ thuộc vào dạng của hàm biến đổi trạng thái. Khi phương trình trạng thái có dạng tuyến tính (trong đó có các hệ số có thể phụ thuộc vào nhiễu Markov) và hàm mục tiêu có dạng đa thức sơ cấp cấp chẵn  $n$  bất kỳ, thì điều khiển tối ưu tồn tại và nó vẫn có dạng tuyến tính theo biến trạng thái. Khi  $n=2$ , ta trở lại kết quả của H.J Chizeck, A.C Willsky, D. Castanon vào năm 1986 [4]. áp dụng ý tưởng trên cho bài toán điều khiển tối ưu phương trình vi phân ngẫu nhiên trong trường hợp thời gian liên tục, chúng tôi đã mở rộng kết quả của T. Sasagawa vào năm 1986. Tác giả đã chỉ ra biểu



thức giải tích tương minh cho điều khiển tối ưu đối với bài toán điều khiển ngẫu nhiên cho phương trình vi phân ngẫu nhiên có dạng thuần nhất cấp lẻ và hàm mục tiêu có dạng thuần nhất cấp chẵn. Khi cấp của các đa thức thuần nhất nhận những giá trị đặc biệt và khi các đa thức thuần nhất đó không chứa số hạng hỗn hợp giữa biến trạng thái và biến điều khiển, ta sẽ thu được các kết quả gần đây của T. Sasagawa [10]. Tiếp đó, chúng tôi xét bài toán điều khiển tối ưu phương trình vi phân ngẫu nhiên tuyến tính không ô-tô-nôm và hàm mục tiêu có dạng thuần nhất cấp chẵn. Khi đó điều khiển tối ưu vẫn có dạng tuyến tính.

(Theo Trương Chí Tín- Về một phương pháp xấp xỉ giải bài toán điều khiển tối ưu các hệ sai phân ngẫu nhiên có ràng buộc hỗn hợp)

Nếu cần thiết, trong phần mở đầu, tác giả có thể nêu thêm những quy ước về trình bày, quy ước về các ký hiệu được sử dụng v.v...

## II) Phần nội dung:

Phần này chiếm vị trí trung tâm của tiểu luận, luận văn. Nó bao gồm các chương cụ thể, mỗi chương giải quyết một nhiệm vụ cụ thể trong mục đích chung của toàn bộ tiểu luận hay luận văn. Các chương được đánh thứ tự theo số Ả - rập.

Số chương của phần nội dung có thể dao động từ 2 đến 4 hoặc 5. Luận văn hay tiểu luận khoa học không nên có quá nhiều chương, bởi vì số chương lớn sẽ tạo cảm giác tác giả ôm đồm quá nhiều vấn đề, phạm vi nghiên cứu quá rộng- mà đây lại là một trong những nhược điểm cần tránh khi viết luận văn, đặc biệt đối với những người chưa có kinh nghiệm.

Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cuối mỗi chương phải có tiểu kết.

## III. Phần kết luận:

Phần này trình bày lại một cách cô đúc các luận điểm, nội dung chính được rút ra từ toàn bộ tiểu luận, luận văn, bao gồm:

- Các luận điểm lý thuyết.

- Các giải pháp cụ thể, với tư cách là những đóng góp khoa học của tiểu luận, luận văn.

Bố cục của tiểu luận, luận văn khoa học cần phải chặt chẽ, mạch lạc, các chương được sắp xếp theo một trình tự hợp lý, không bị trùng lặp hoặc chồng chéo lên nhau.

## PHỤ LỤC:

**1. Một vài lưu ý về cách thức trình bày tiểu luận, luận văn khoa học:**

1) **Trình bày bìa:** Các tiểu luận, luận văn thường có một bìa cứng bọc ngoài, trên có ghi Bộ chủ quản, cơ sở đào tạo, tên tác giả, tên đề tài, chuyên ngành, mã số đào tạo (nếu là luận án thạc sĩ, tiến sĩ khoa học), nơi thực hiện và năm thực hiện.

Tất cả nội dung trên đều được lặp lại ở bìa phụ (trang đầu tiên) của tiểu luận, luận văn; ngoài ra bìa phụ còn ghi tên người hướng dẫn khoa học. Có thể dẫn ra một mẫu bìa như sau:

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TỔNG HỢP HÀ NỘI**

**Bualy Paphaphan**

# **CẤU TRÚC CÂU TIẾNG LÀO**

**Chuyên ngành: Ngôn ngữ các dân tộc Đông- Nam Á**

**Mã số: 5.04.25**

**Luận án Phó tiến sĩ khoa học Ngữ văn**

**Tập thể hướng dẫn:**

**GS.PTS Đoàn Thiện Thuật.**

**PGS.PTS Nguyễn Minh Thuyết.**

**Hà Nội- 1993**

## 2) Trình bày mục lục:

Cũng như ở một số ấn bản khác (sách giáo khoa, chuyên luận khoa học, tạp chí...), mục lục của tiểu luận, luận văn thể hiện các hạng mục chính, phản ánh cách thức tổ chức, kết cấu của tiểu luận, luận văn khoa học. Nhìn chung, mục lục của tiểu luận, luận văn không cần quá chi tiết. Tuy nhiên, mục lục cũng không được quá sơ sài, chẳng hạn chỉ ghi các chương. Một bản mục lục tốt thường phản ánh tầng bậc kết cấu của các phần, các chương, một hoặc hai hạng mục dưới chương. Để cho người đọc dễ dàng theo dõi, tra cứu nội dung, tất cả các hạng mục trong mục lục phải được chú kèm số thứ tự của trang.

Các phụ lục (nếu có) như bảng biểu, tư liệu ghi chép, tư liệu điều tra... và tài liệu tham khảo, tài liệu trích dẫn cũng cần được phản ánh trong mục lục.

Sau đây là một ví dụ :

### MỤC LỤC

	Trang
<b>PHẦN MỞ ĐẦU</b>	
Mục đích, ý nghĩa của luận án .....	1
Phương pháp nghiên cứu .....	10
Bố cục của luận án .....	13
<b>PHẦN NỘI DUNG</b>	
<b>Chương 1: Mối quan hệ thống nhất giữa hỏi - trả lời và đáp .....</b>	<b>15</b>
<b>Chương 2: Tiên giả định và cái chưa biết cần biết - cái trực ngữ nghĩa cơ bản của các câu hỏi .....</b>	<b>33</b>
2.1. Tiên giả định câu hỏi .....	33
2.2. Cái chưa biết cần biết .....	56
2.3. Sự tương hợp giữa khung tình thái mục đích phát ngôn (Modus) hỏi và nội dung mệnh đề (dictum) ..	63

<b>Chương 3: Các kiểu thông tin ngữ dụng bổ trợ</b>	
<b>thường gặp của câu hỏi tiếng Việt</b> .....	69
3.1. Về khái niệm thông tin ngữ dụng bổ trợ của	
• hành vi ngôn ngữ .....	69
3.2. Đặc điểm ngữ nghĩa- ngữ dụng của các tác tử	
ngữ dụng tiếng Việt .....	72
<b>Chương 4: Phân tích các tiểu loại câu hỏi</b> .....	93
4.1. Câu hỏi lựa chọn hiển ngôn .....	93
4.2. Câu hỏi lựa chọn ngầm ẩn .....	106
4.3. Câu hỏi lựa chọn ngầm ẩn thuộc nhóm có luận cứ ..	108
4.4. Câu hỏi không luận cứ .....	117
4.5. Câu hỏi không lựa chọn .....	127
Kết luận .....	146
Nguồn tư liệu của luận án .....	150
Thư mục tài liệu tham khảo .....	152

(Lê Đông- Ngữ nghĩa- ngữ dụng câu hỏi chính danh)

### 3) Trình bày thư mục tham khảo.

Liên quan đến vấn đề chú thích còn có cách thức **sắp xếp thư mục tham khảo**. Hiện nay, trong các sách giáo khoa, chuyên luận hay luận án khoa học..., người ta thường kết hợp trình bày các chú thích với cách sắp xếp và tổ chức thư mục tham khảo. Tuy nhiên, hiện nay đang tồn tại nhiều phương pháp chú thích và tổ chức thư mục tham khảo khác nhau. Việc sử dụng phương pháp nào là phụ thuộc vào từng tình hình cụ thể. Chẳng hạn, hiện nay các luận án tiến sĩ khoa học đều bắt buộc phải tuân thủ các quy định về trình bày do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, nhưng ở các tài liệu khoa học khác, chẳng hạn chuyên luận, sách giáo khoa, bài viết đăng ở các tạp chí chuyên ngành ... người viết có quyền tự do lựa chọn cách trình bày mà mình ưu thích và cảm thấy phù hợp.

Trong khuôn khổ của giáo trình, chúng tôi xin giới thiệu 2 phương pháp phổ biến hiện nay.

A. Phương pháp sắp xếp thư mục tham khảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với các luận án khoa học:

Phương pháp này có những quy định như sau:

1. Tài liệu tham khảo bao gồm những sách, ấn phẩm, tạp chí... đã đọc và được trích dẫn hoặc được sử dụng về ý tưởng vào luận án và phải được chỉ rõ việc sử dụng đó trong luận án.

2. Các tài liệu tham khảo phải được sắp xếp riêng theo từng khối tiếng (Việt, Nga, Anh, Pháp, Đức...). Tài liệu đã đọc, tham khảo, trích dẫn, sử dụng trong luận án bằng thứ tiếng nào thì xếp vào khối tiếng đó. Giữ nguyên văn không dịch, không phiên âm các tài liệu bằng tiếng nước ngoài, kể cả các tài liệu bằng tiếng Trung, Nhật, Lào...

3. Trình tự sắp xếp các danh mục tài liệu tham khảo trong từng khối tiếng theo nguyên tắc thứ tự ABC của họ tên tác giả:

- Tác giả là người nước ngoài: xếp thứ tự theo Họ tác giả (kể cả các tài liệu dịch ra tiếng Việt và xếp ở khối tiếng Việt).

- Tác giả là người Việt Nam: xếp thứ tự ABC theo TÊN tác giả mà không đảo lộn trật tự họ tên tác giả.

- Tài liệu không có tên tác giả thì xếp thứ tự ABC theo từ đầu tiên của tên tài liệu.

Ví dụ: 1/ Archinov X.A : Ngôn ngữ miền Đông Nam châu á. Những vấn đề về ngôn ngữ học, quyển 5. Nxb ĐHTH-CN, 1972, tr. 1-13.

2/ Võ Bình: Một vài nhận xét về từ ghép song tiết tiếng Việt. Ngôn ngữ 2/1971, tr. 30-34.

3/ Đỗ Hữu Châu: Tính cụ thể và tính trừu tượng của từ và từ tiếng Việt. Luận án PTS. Hà Nội 1979.

...

54/ Tìm hiểu các dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Tập 1. Viện Ngôn ngữ học. Hà Nội 1979.

4. Các tài liệu tham khảo khi liệt kê vào danh mục phải đầy đủ các thông tin cần thiết và theo trình tự sau:

Số thứ tự. Họ tên tác giả. Tên tài liệu (bài báo, sách...). Nguồn (tên tạp chí, tập, số, năm; hoặc tên Nxb, nơi xuất bản, năm xuất bản). Trang.

Số thứ tự ở đây được đánh số liên tục từ 1 đến hết qua tất cả các khối tiếng.

5. Trích dẫn vào luận án: tài liệu tham khảo trích dẫn trong luận án cần được trích dẫn theo số thứ tự của tài liệu tham khảo ở danh mục tài liệu tham khảo này của luận án và số thứ tự đó được đặt trong ngoặc vuông...

(Theo "Hướng dẫn tổ chức đánh giá luận án tiến sĩ"  
- Văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ban hành  
ngày 27/6/1996)

B. Hiện nay, ở một số sách, báo, chuyên luận khoa học..., một vài tác giả trong nước đã tổ chức thư mục tài liệu tham khảo theo cách thức đang phổ biến ở nước ngoài. Theo cách trình bày này, trong chính văn (phần trình bày nội dung chính), khi dẫn ý kiến, thông tin từ một tác giả nào đó, ta chỉ chú thích **tên tác giả, năm công bố** tác phẩm, **số thứ tự** của trang trích dẫn. Ví dụ, chúng ta có chú thích trong đoạn trích dẫn sau:

Về vấn đề này, chúng tôi đồng ý với ý kiến cho rằng "câu thuộc một bình diện khác hẳn với bình diện của các đơn vị của ngôn ngữ" [Cao Xuân Hạo, 1991, tr15].

Chú thích này cho biết có thể tìm xuất xứ của trích dẫn trên đây trong mục Cao Xuân Hạo ở thư mục tham khảo, được xếp ở cuối sách hay chuyên luận. Ở thư mục tham khảo, ta sẽ tìm thấy các thông tin đầy đủ hơn như sau:

- Cao Xuân Hạo, 1991. *Tiếng Việt - Sơ thảo ngữ pháp chức năng, quyển I*. Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Tp HCM.

Các hạng mục được trình bày trong thư mục tham khảo cũng gồm những thông tin như khi chú thích, có điều năm xuất bản được đưa lên đứng sau tên tác giả và các thông tin về xuất bản không cần đặt trong dấu ngoặc đơn. Nếu trong cùng một năm, tác giả có nhiều công trình công bố và đều được trích dẫn thì có thể phân biệt chúng bằng các con chữ A-rập đặt sau năm xuất bản. Ví dụ:

- Lý Toàn Thắng, **1981a**. "Về một hướng nghiên cứu trật tự từ trong câu", *Ngôn ngữ*, số 3-4, tr 13-33.

- Lý Toàn Thắng, **1981b**. "Giới thiệu lý thuyết phân đoạn thực tại câu", *Ngôn ngữ*, số 1, tr 46-57.

Hiện nay, hạng mục tên tác giả trong thư mục tham khảo được thống nhất xếp theo chữ cái bắt đầu của họ. Qui ước này chung cho cả tên tác giả Việt Nam và tác giả nước ngoài. Ví dụ:

- Lê Xuân Thai 1985. Về trợ từ *là* trong tiếng Việt, *Ngôn ngữ*, số 2, tr 61-66.

- Li Ch.N& Thompson S.A 1981. *Mandarin Chinese. A Functiononal grammar*. University of California, Berkeley- Los Angeles- London.

- Lyons J. 1968. *Introduction to Theoretical Linguistics*. Cambridge University Press, Cambridge.

## 2. Cấu trúc của bản tóm tắt luận án.

Đối với luận án tiến sĩ, ngoài luận án chính, tác giả còn phải viết một tóm tắt luận án, trong phạm vi 24 trang khổ 140x200 mm (khổ A4 gấp đôi), nếu chế bản trên máy vi tính thì dùng cỡ chữ VnTime 11 của hệ soạn thảo Winword hoặc tương đương, chế độ dẫn dòng là Exactly 17 pt, lề trên, lề dưới, lề trái, lề phải đều là 2cm. Tóm tắt luận án phải có đánh số trang và được đóng xén cẩn thận.

Yêu cầu hàng đầu đối với một bản tóm tắt là phải phản ánh trung thành nội dung luận án. Điều đó thể hiện ở chỗ, nội dung



chủ yếu của bản tóm tắt (bao gồm cơ sở lý thuyết, các mô tả, các giải pháp cụ thể...) phải tương đồng với luận án. Tác giả không được thêm bớt hay sửa đổi các luận điểm chính của luận án.

Tuy nhiên, tóm tắt luận án không nên chỉ là một bản sao tóm lược một cách máy móc nội dung luận án. Để có được một bản tóm tắt luận án mẫu mực, tác giả cần quan niệm chúng như là một tác phẩm toàn vẹn, được viết với một mạch văn riêng biệt, độc lập.

Cấu trúc của tóm tắt luận án cũng có đôi điểm khác với cấu trúc luận án. Sự khác biệt nhỏ này nhằm vào một mục đích rất thực dụng: Trong một giới hạn hết sức hạn hẹp về thời gian và diện tích trình bày, cần làm toát lên tính thời sự, ý nghĩa khoa học của đề tài, những nội dung nghiên cứu và những đóng góp mới, và cần phải gây ấn tượng mạnh mẽ đối với người đọc.

Cấu trúc thông thường của một bản tóm tắt luận án sẽ gồm các phần chính như sau:

### **A. Phần mở đầu:**

Đây là phần rất quan trọng đối với một bản tóm tắt. Các tác giả có thể sắp xếp các hạng mục của phần này theo một thứ tự ít nhiều linh hoạt. Tuy nhiên, các hạng mục sau đây cần được đảm bảo:

1. Phạm vi đề tài và tính thời sự của luận án.
2. Nhiệm vụ nghiên cứu và cái mới của luận án.
3. Đóng góp (ý nghĩa khoa học) của luận án.
  - a. Về phương diện lý thuyết.
  - b. Về phương diện thực tiễn.
4. Tư liệu và phương pháp nghiên cứu.
5. Cấu trúc và dung lượng luận án.

Có thể thấy có nhiều tên gọi khác nữa, ví dụ: tính cấp thiết của đề tài, tình hình nghiên cứu, lai lịch của vấn đề, lý do chọn

đề tài v.v... Nhưng thực chất nội dung của chúng không vượt ra khỏi các hạng mục được nêu ở trên.

Phần này nên giới hạn trong vòng 3 hoặc 4 trang.

### **B. Phần nội dung luận án:**

Phần này trình bày tóm tắt nội dung các chương của luận án, chủ yếu chỉ là trình bày luận điểm (có thể có chứng minh trong trường hợp cần thiết bằng cách biện luận, nêu các biểu bảng, sử dụng các số liệu thống kê...)

### **C. Phần kết luận:**

Thể hiện đầy đủ các kết luận của luận án.

Phần này chỉ nên giới hạn trong vòng 2,3 hoặc 4 trang.

Cuối bản tóm tắt là *danh mục các công trình của tác giả có liên quan đến luận án đã được công bố*.

Các công trình được xếp theo thứ tự thời gian, ghi rõ công bố ở đâu (sách chuyên khảo, tạp chí chuyên ngành, hội thảo khoa học...). Có một điều cần đặc biệt lưu ý là chỉ được phép nêu những công trình có liên quan đến nội dung luận án.

### **Bài tập 1:**

Trong bản thảo luận án nghiên cứu ngôn ngữ luật pháp tiếng Việt, đối chiếu với tiếng Pháp, một nghiên cứu sinh dự kiến trình bày cấu trúc luận án như sau:

*Luận án gồm có 7 chương.*

#### **Chương 1: Giới thiệu chung:**

- 1. Giới thiệu và hạn chế đề tài.*
- 2. Lý do chọn đề tài và ý nghĩa của việc nghiên cứu.*
- 3. Phương pháp và tư liệu nghiên cứu.*

#### **Chương 2: Cơ sở lý luận:**

- 1. Những lý luận nền tảng của việc nghiên cứu ngôn ngữ luật pháp.*
- 2. Sơ lược về hệ thống luật pháp Việt Nam.*

### Chương 3:

1. Lịch sử nghiên cứu ngôn ngữ luật pháp tiếng Việt.

2. Tình hình nghiên cứu.

Chương 4: Ngôn ngữ luật pháp tiếng Việt: Những đặc điểm từ vựng- ngữ pháp.

1. Những phương tiện từ vựng- ngữ pháp được sử dụng để hoàn thành chức năng của văn bản pháp luật.

2. Đối chiếu các phương tiện từ vựng- ngữ pháp trong ngôn ngữ luật pháp Pháp- Việt.

### Chương 5: Những ứng dụng trong việc dịch Việt- Pháp.

1. Những kết quả thu được qua đối chiếu bản dịch văn bản luật tiếng Việt sang tiếng Pháp và nhận xét.

2. Những kết luận cho việc dịch Việt- Pháp.

Chương 6: Những ứng dụng cho việc giảng dạy ngôn ngữ luật Việt và Pháp.

### Chương 7: Kết luận.

- Tổng kết những vấn đề đã nghiên cứu.

1. Anh chị có nhận xét gì về bố cục của luận văn này?

2. Hãy giúp tác giả xây dựng lại một bố cục hợp lý hơn. Nếu cần thiết, thay đổi tên của các chương và đề mục.

### Bài tập 2:

Hãy hình dung bố cục cho một tiểu luận khoa học về một đề tài mà anh chị yêu thích.

### Bài tập 3:

Trích dẫn sau đây là phần "Đặc điểm chung của luận án" của một bản tóm tắt luận án phó tiến sĩ khoa học ngữ văn, nhưng các hạng mục của nó (chẳng hạn lý do chọn đề tài, mục đích và nhiệm vụ của đề tài, lịch sử vấn đề nghiên cứu ...) chưa được phân định.

Hãy phân định một cách hợp lý các hạng mục nói trên.

Tự lực văn đoàn là một tổ chức văn học ra đời năm 1933, hoạt động trong vòng 12 năm, góp phần làm sôi động và phong phú đời sống văn học trước cách mạng tháng Tám. Những tác phẩm của văn đoàn đã thu hút sự chú ý của nhiều cây bút trong giới phê bình. Tuy nhiên mức độ khen chê chưa thật hoàn toàn thống nhất. Do đó việc xác lập vị trí của văn đoàn này trong lịch sử gặp khó khăn. Nguyên nhân chủ yếu là do chưa nhất trí với nhau về tiêu chí đánh giá. Một số thì nặng về tiêu chí văn học, số khác lại chú ý đến quá nhiều đến thái độ chính trị của họ sau 1940, từ đó đã đánh giá một cách khắt khe sự nghiệp văn chương của họ.

Để góp phần bé nhỏ của mình vào sự nghiệp nghiên cứu chung nhằm nêu những giá trị nhân văn, giá trị nghệ thuật và làm sáng tỏ công lao của Tự lực văn đoàn, tiến tới xác lập vị trí xứng đáng của nó trong nền văn học dân tộc, chúng tôi đã viết luận án với đề tài: "Những đóng góp của Tự lực văn đoàn cho việc xây dựng một nền văn xuôi Việt Nam hiện đại".

Thực hiện đề tài trên, luận án sẽ không nghiên cứu Tự lực văn đoàn như một trào lưu văn học, một phương pháp sáng tác, mà thông qua hoạt động văn học của văn đoàn, với tinh thần gan đục khơi trong, luận án sẽ nêu lên những đóng góp cụ thể của Tự lực văn đoàn cho sự phát triển của văn học vào những năm 30 của thế kỷ, đặc biệt là sự cách tân về mặt thi pháp tiểu thuyết và truyện ngắn trên các mặt kết cấu, xây dựng nhân vật và đổi mới ngôn ngữ giọng điệu, sự kết hợp hài hoà giữa Đông và Tây trên cái nền của văn học dân tộc.

Từ khi ra đời đến nay, Tự lực văn đoàn đã thu hút sự chú ý của giới phê bình văn học.

Trước năm 1945 đã xuất hiện các công trình của Trương Chính (Dưới mắt tôi- 1939), Dương Quảng Hàm (Việt nam văn

học sử yếu -1941), Vũ Ngọc Phan (Nhà văn hiện đại- 1942). Âm hưởng chung là khen ngợi có vài điểm chê không đáng kể.

Sau Cách mạng tháng Tám, từ 1945 đến 1954, hiện tượng Tự lực văn đoàn gần như bị rơi vào quên lãng ngoại trừ ý kiến của đồng chí Trường Chinh nêu trong bài phát biểu nổi tiếng: Chủ nghĩa Mác và vấn đề văn hoá Việt Nam. Nhưng từ năm 1954 đến nay, vấn đề Tự lực văn đoàn lại trở thành tiêu điểm chú ý của giới nghiên cứu và phê bình văn học.

Ở miền Nam, văn chương Tự lực văn đoàn được dành vị trí ưu tiên trong chương trình văn học hiện đại ở bậc trung học phổ thông. Do đó những sách viết về Tự lực văn đoàn được khuyến khích xuất bản.

Sau cái chết của Nhất Linh lại rộ lên một đợt viết về Nhất Linh và các văn gia khác của văn đoàn này.

Công phu hơn cả phải kể đến các công trình của Nguyễn Văn Xung (Bình giảng về Tự lực văn đoàn, NXB Tân Việt, Sài Gòn 1958), Phạm Thế Ngũ (Việt Nam văn học sử yếu tân biên, Tập 3, Quốc học tùng thư 1960), Nguyễn Thế Phong (Nhà văn tiền chiến 1930- 1945, NXB Vàng Sơn, Sài Gòn 1974), Thanh Lăng (Bảng lược đồ văn học Việt Nam Văn học thế hệ 32, Sài Gòn 1972).

Nhìn chung phương pháp nghiên cứu cũng như quan điểm đánh giá chưa khác trước cách mạng tháng Tám bao nhiêu.

Ở miền Bắc có các công trình văn học sử của nhóm Lê Quý Đôn (Lược khảo lịch sử văn học Việt nam, Tập 3- Từ giữa thế kỷ 19 đến 1945, NXB Xây Dựng, Hà Nội 1957), Bạch Năng Thi, Phan cự Đê (Văn học Việt Nam 1930 1945, NXB Giáo Dục 1961) và các bài nghiên cứu của Nguyễn Đức Đàn, Vũ Đức Phúc... Trừ ý kiến đánh giá của Bạch Năng thi là tương đối thoả đáng, còn nói chung là khắt khe, khen ít chê nhiều. Cực đoan hơn cả là ý kiến của Vũ Đức Phúc. Ông phê phán gay gắt tất cả các nhà văn Tự lực văn đoàn, thậm chí cả Thạch Lam, Xuân Diệu.

Từ thời kỳ đổi mới đến nay, nhiều hiện tượng văn học quá khứ được thẩm định lại trong đó có tự lực văn đoàn.

Nhiều bài nghiên cứu, chuyên luận của Trương Chính, Hà Minh Đức, Nguyễn Hoàn Khung, Trần Đình Hượu, Lê Thị Đức Hạnh, Lê Dục Tú... đã đánh giá lại Tự lực văn đoàn dưới ánh sáng của tư duy mới. Đáng chú ý hơn cả là cuốn: "Tự lực văn đoàn- Con người và văn chương" của Phan Cự Đệ. Tác giả đã cung cấp cho độc giả một cái nhìn tương đối toàn diện về những đóng góp cũng như hạn chế của văn đoàn này.

Tuy nhiên, công bằng mà nói từ trước đến nay chưa có công trình nào tập trung nghiên cứu về những đóng góp toàn diện của Tự lực văn đoàn cho nền văn học nước nhà.

Trên cơ sở tiếp thu và hệ thống hoá những ý kiến của những người đi trước, chúng tôi tiến hành nghiên cứu một cách toàn diện, đặc biệt về mặt nghệ thuật nhằm khẳng định công lao của Tự lực văn đoàn đối với sự phát triển của nền văn xuôi Việt Nam hiện đại.

Hệ thống lý luận triết học Mác Lê- Nin bao gồm chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử là cơ sở phương pháp luận chung của luận án.

Khi nghiên cứu hiện tượng văn học cụ thể chúng tôi vận dụng nhiều phương pháp khác nhau như so sánh loại hình, phương pháp lịch sử, phương pháp hệ thống để từ đó rút ra những nét đặc trưng về cảm quan và tư duy nghệ thuật của văn đoàn so với thế hệ nhà văn lớp trước cũng như các nhà văn cùng thời. Nói cách khác, chúng tôi đã nghiên cứu hiện tượng Tự lực văn đoàn trong mối tương quan giữa lịch đại và đồng đại để thấy được phần đóng góp cũng như mặt hạn chế của văn đoàn.

Ngoài ra các phương pháp truyền thống khác như phân tích, tổng hợp cũng được vận dụng để lý giải vấn đề, xác lập luận điểm, luận cứ.

*Trên cơ sở tiếp thu ý kiến của những người đi trước, với tinh thần gan đực khơi trong, luận án cố nêu lên một số đóng góp tích cực của văn đoàn cho tiến trình văn học dân tộc về mặt nội dung tư tưởng và thi pháp, cho sự xuất hiện một thế hệ mới trong văn xuôi. từ đó xác lập vị trí của văn đoàn trong lịch sử văn học Việt Nam hiện đại.*

*Luận án có thể dùng làm tài liệu giảng dạy cho bậc đại học, làm tài liệu tham khảo để biên soạn sách giáo khoa cho bậc phổ thông trung học.*

*Luận án có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho sinh viên ngành ngữ văn làm luận án tốt nghiệp.*

*Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận án gồm ba chương sau:*

*Chương 1: Vai trò của Tự lực văn đoàn trong quá trình hiện đại hoá văn học Việt Nam.*

*I. Những yêu cầu mới của lịch sử, xã hội đối với cuộc cách tân văn học.*

*II. Vai trò của Tự lực văn đoàn trong cuộc cách tân văn học.*

*Chương 2: Những đóng góp về mặt nội dung tư tưởng của văn xuôi Tự lực văn đoàn.*

*I. Đấu tranh nhằm giải phóng cái Tôi cá nhân ra khỏi sự ràng buộc của lễ giáo và đại gia đình phong kiến.*

*II. Những biểu hiện của một tinh thần dân tộc thâm kín.*

*Chương 3: Những đóng góp cách tân trong nghệ thuật văn xuôi.*

*I. Một bước tổng hợp mới giữa những ảnh hưởng của văn hoá Đông Tây và truyền thống văn học dân tộc.*

*II. Một bước tiến mới trong nghệ thuật xây dựng nhân vật và mô tả thiên nhiên.*

*1. Miêu tả vẻ đẹp thể chất.*

*2. Miêu tả thế giới nội tâm.*

3. *Miêu tả thiên nhiên trong môi quan hệ hài hoà với con người.*

III. *Sự đổi mới cốt truyện và kết cấu trong các thể loại tiểu thuyết và truyện ngắn.*

IV. *Sự đổi mới ngôn ngữ và giọng điệu văn xuôi.*

(Theo Trịnh Hồ Khoa- *Những đóng góp của Tự lực văn đoàn cho việc xây dựng một nền văn xuôi Việt Nam hiện đại*).

#### **Bài tập 4:**

Một tác giả trẻ đã tổ chức và sắp xếp thư mục tham khảo cho chuyên khảo khoa học của mình như sau:

#### **Thư mục tài liệu tham khảo:**

1. An Chi 1996. *Chuyện Đông chuyện Tây*. Trong Kiến thức ngày nay, số 196, tr.59-61.
2. Bùi Thiết. *Từ điển hội lễ Việt Nam*. Hà Nội: Văn hoá, 1993.
3. Bùi Thiết 1986. *Góp một vài nhận xét về tổ chức giáp ở nông thôn người Việt*. Tạp chí Dân tộc học, số 2, tr. 58-66.
4. Cao Xuân Huy. *Tư tưởng Phương Đông gọi những điểm nhìn tham chiếu* (Nguyễn Huệ Chi soạn, chú giải và giới thiệu 1995). Hà Nội: Nxb Văn học.
5. Doãn Chính 1994. *Đại cương lịch sử triết học Phương đông cổ đại* (viết chung với Trương Chung, Nguyễn Thế Nghĩa, Vũ Tình). Hà Nội: Nxb Giáo dục.
6. Kim Định. *Nguồn gốc văn hoá Việt Nam*. Sài gòn: Nguồn sáng, 1973.
7. Kim Định. *Tinh hoa ngữ điển*. Sài gòn: Nguồn sáng, 1973.
8. Hoàng Thị Châu 1966. *Mối liên hệ về ngôn ngữ cổ đại ở Đông Nam Á qua một vài tên sông*. Trong: Thông báo khoa học Đại học Tổng hợp Hà Nội, phần Ngữ văn, số 2, tr 25-35.



Anh chị nhận xét gì về cách tổ chức và sắp xếp thư mục tham khảo này?

Hãy tổ chức và sắp xếp lại cho đúng.

### Bài tập 5:

Hãy đọc phân đặt vấn đề của một luận văn tốt nghiệp đại học được dẫn sau đây.

1. Hãy ghi rõ các hạng mục của phân đặt vấn đề này.

2. Theo anh (chị) cần bổ sung những nội dung, hạng mục nào nữa để phân đặt vấn đề này được đầy đủ hơn.

*Ngày nay du lịch ngày càng có vai trò quan trọng trong xã hội cũng như trong nền kinh tế quốc dân. Đối với đời sống văn hoá, nó đã trở thành nhu cầu thiết yếu của con người, còn đối với kinh tế nó là một ngành công nghiệp mũi nhọn, một ngành mang lại rất nhiều lợi nhuận. Do đó việc phát triển du lịch là đòi hỏi khách quan của mỗi địa phương nói riêng và của mỗi quốc gia nói chung. Từ đó thúc đẩy sự giao lưu văn hoá, tạo điều kiện để con người ở khắp mọi nơi trên thế giới có thể tiếp xúc, trao đổi và hiểu biết lẫn nhau. Đồng thời phát triển du lịch còn tạo tiền đề cho các ngành kinh tế khác phát triển theo, hình thành nên một nền kinh tế phát triển đồng bộ.*

*Đất nước Việt Nam có nguồn tài nguyên du lịch rất phong phú và đa dạng, cả về tài nguyên tự nhiên và tài nguyên nhân văn. Vì vậy Việt Nam ngày càng thu hút được sự chú ý, quan tâm của toàn thế giới. Bên cạnh đó, nhà nước ta đã có quan điểm đúng đắn về du lịch, thể hiện qua nghị quyết số 45/CP về đổi mới, quản lý và phát triển ngành du lịch. Điều đó đã tạo nên rất nhiều thuận lợi cho ngành công nghiệp "không ống khói" này phát triển xứng đáng với tiềm năng mà nước ta có được.*

*Để thực hiện được mục đích đó, từng vùng, từng địa phương phải nỗ lực nghiên cứu nhằm phát triển ra những tiềm năng du lịch mà mình có được. Trên cơ sở đó xây dựng, cải tạo và quy*

của từng địa phương. Đây là yếu tố có tính quyết định để ngành du lịch hoạt động đạt hiệu quả cao nhất, đồng thời hạn chế tối đa các mặt tiêu cực do các hoạt động du lịch gây ra.

Tỉnh Khánh Hoà nằm ở miền Nam Trung Bộ nước ta, là một trong những tỉnh có tiềm năng du lịch rất to lớn. Chính vì vậy mà dự án VIE/89/003-"Kế hoạch chỉ đạo phát triển du lịch Việt Nam" đã chọn Nha Trang-Vân Phong- Dốc Lết (Khánh Hoà) cùng thành phố Đà Lạt làm vùng 3 trong số 4 vùng trung tâm về phát triển du lịch. Dự án cũng đã xác định từ nay đến năm 2005 đây sẽ là khu vực có tốc độ phát triển cao hơn hẳn các vùng du lịch khác trong cả nước.

Chính vì vậy mà vấn đề quy hoạch du lịch tỉnh Khánh Hoà trở thành một nhiệm vụ cấp bách, nhằm xác định được những phương hướng phát triển du lịch trong tương lai. Trước nhu cầu thực tế như vậy, ý tưởng về bản luận văn này ra đời, với nhiệm vụ là "bước đầu nghiên cứu điều kiện, tiềm năng tự nhiên và nhân văn phục vụ cho mục đích phát triển du lịch tỉnh Khánh Hoà". Với mong muốn đó, hy vọng luận văn sẽ góp một phần nhỏ bé giúp cho tỉnh Khánh Hoà quy hoạch tổng thể lãnh thổ du lịch.

- Xác định vị trí và số lượng các dạng tài nguyên du lịch của tỉnh Khánh Hoà.

- Nhận định về chất lượng và giá trị của các tài nguyên đó phục vụ cho mục đích du lịch.

- Xác định các loại hình du lịch cho từng điểm du lịch.

- Đưa ra một số phương hướng khai thác nhằm đẩy mạnh phát triển du lịch tỉnh Khánh Hoà trong tương lai.

(Phỏng theo Lê Thị Thu Hoài - Bước đầu nghiên cứu điều kiện, tiềm năng tự nhiên và nhân văn phục vụ cho mục đích phát triển du lịch tỉnh Khánh Hoà).

### **I.3.4. Ngôn ngữ trong tiểu luận, luận văn khoa học.**

Ngôn ngữ trong các tiểu luận, luận văn khoa học mang những đặc trưng của **phong cách khoa học**, phân biệt với các

phong cách chức năng khác như phong cách hành chính- công vụ, phong cách nghệ thuật, phong cách báo chí- công luận v.v... Những đặc trưng cơ bản của phong cách này là: *tính trừu tượng khái quát cao, tính lô gích nghiêm ngặt và tính khách quan, chính xác.*

Tương ứng với những đặc trưng phong cách trên đây, ngôn ngữ trong các tiểu luận, luận văn khoa học mang những đặc điểm đáng chú ý sau đây:

### 1) Về mặt từ ngữ:

Các luận văn, tiểu luận khoa học dùng nhiều thuật ngữ chuyên ngành. Chẳng hạn, các thuật ngữ trong văn học: *hình tượng, nhân vật, mô típ, thể loại, điển tích...*; các thuật ngữ trong toán học: *đạo hàm, tích phân, quỹ tích, lũy thừa...*; trong kinh tế học: *thặng dư, khấu hao, chiết khấu...*; trong triết học: *duy tâm, duy vật, vật chất, ý thức...* Một số thuật ngữ có tính chất quốc tế, chẳng hạn: *bazơ, vectơ, gien, logarit, a xit, maketing ...*

Một lớp từ ngữ quan trọng khác của tiểu luận, luận văn khoa học là lớp các từ ngữ khoa học chung, được dùng gần như trong tất cả các ngành khoa học. Ví dụ: *cấu trúc, hệ thống, tiến trình, quy luật, yếu tố, chức năng, đơn vị, tổng thể, bình diện, phương pháp, diễn giải, đại lượng v.v...* Những từ ngữ này có tần số xuất hiện rất cao, tức là thường được dùng lặp đi lặp lại trong các văn bản khoa học. Đặc điểm của chúng là tính trừu tượng, khái quát cao và trung hoà về cảm xúc.

Một từ có thể có nhiều nghĩa (đa nghĩa), nhưng trong tiểu luận, luận văn khoa học, chỉ được *hiểu một nghĩa* và đó thường là *nghĩa thuật ngữ, nghĩa lô gích- sự vật*, chứ không phải là nghĩa hình tượng, nghĩa bóng. Đôi khi trong tiểu luận hoặc luận văn khoa học, đặc biệt là đối với các khoa học xã hội như triết học, sử học, văn học... những cách diễn đạt hình tượng, nếu đặt đúng chỗ cũng có thể giúp cho sự diễn đạt tư duy khái niệm. Chẳng hạn, chúng ta đã khá quen thuộc với những cách diễn đạt

như "đêm trước của cách mạng", "bình minh của lịch sử loài người", "cuộc kháng chiến thân thánh", " bánh xe lịch sử "... Tuy nhiên, cần nhận thức rõ rằng việc sử dụng những cách diễn đạt như vậy luôn luôn tiềm tàng nguy cơ gây tổn hại đến tính khách quan, chính xác của nội dung khoa học được trình bày.

## **2) . ề mặt ngữ pháp:**

Điểm nổi bật là các tiểu luận, luận văn khoa học sử dụng chủ yếu loại câu hoàn chỉnh, có kết cấu câu chặt chẽ, quan hệ giữa các vế câu rõ ràng nhằm diễn đạt chính xác các nội dung khoa học, loại trừ đến mức tối đa tình trạng có thể hiểu nước đôi. Đặc biệt thích hợp với suy luận khoa học là việc dùng nhiều **câu ghép, câu phức** với các liên từ hoặc cặp liên từ thích hợp, nhằm thể hiện chính xác quan hệ lô-gic giữa các vế câu. Ví dụ các cặp liên từ chỉ quan hệ nguyên nhân -kết quả (*vi...nên...*, *bởi vì... cho nên, hễ... thì...*), chỉ quan hệ nhượng bộ (*tuy... nhưng...*, *mặc dù... nhưng...*), chỉ quan hệ tăng tiến (*không những ... mà còn ...*) v.v... Các câu ghép, câu phức trong tiểu luận, luận văn khoa học thường có độ dài đáng kể, với cấu trúc nhiều tầng bậc, thích hợp với tư duy lý luận khoa học. Ví dụ:

*Nghiên cứu các câu hỏi, vì thế, chẳng những góp phần vào việc nghiên cứu miêu tả lời nói đối thoại nhằm hình thành kỹ năng giao tiếp bằng một ngôn ngữ (với tư cách tiếng mẹ đẻ hay ngoại ngữ), chẳng những góp phần đẩy mạnh việc nghiên cứu các kiểu câu theo mục đích thông báo vốn chỉ mới được quan tâm quá ít, mà còn động chạm đến hàng loạt vấn đề có ý nghĩa lý thuyết và thực tiễn như: lý thuyết hành vi ngôn ngữ, tiền giả định, sự tác động lời nói, cơ chế hoạt động và tác động của những nhân tố ngữ dụng đến sự hình thành nghĩa của câu và các kiểu câu, vấn đề miêu tả các tác tử ngữ dụng, sự chế định lẫn nhau của khung tình thái và nội dung mệnh đề v.v...*

(Lê Đông- Ngữ nghĩa ngữ dụng câu hỏi chính danh)

Tiểu luận, luận văn khoa học cũng thường xuyên sử dụng các câu **vô nhân xưng, câu khuyết chủ ngữ, câu có chủ ngữ**

*phiếm chỉ*... như một đặc trưng ngôn ngữ. Lối diễn đạt này rất ngắn gọn, lại góp phần làm tăng tính khái quát và khách quan khoa học cho nội dung được thể hiện. Chẳng hạn, các kết cấu sau đây là rất phổ biến: "*Có thể thấy rằng...*", "*Cũng cần suy nghĩ thêm...*", "*Dễ thấy là...*", "*Thiết tưởng...*", "*Như mọi người đều biết...*", "*Sẽ là một sai lầm nếu hiểu là...*" "*Cho một tam giác...*", "*Từ A kẻ một đường thẳng...*" v.v...

Trong các câu danh xưng thì phổ biến dùng các đại từ ngôi thứ ba số nhiều "*người ta*", nếu tác giả tự xưng thì chủ yếu dùng đại từ ngôi thứ nhất số nhiều "*chúng tôi*", "*chúng ta*", "*ta*" (hiếm khi dùng đại từ ngôi thứ nhất số ít "tôi"). Cách sử dụng đại từ nhân xưng như vậy vừa phù hợp với đặc điểm khách quan, trừu tượng của văn phong khoa học vừa thể hiện thái độ khiêm tốn của tác giả.

Xét theo mục đích phát ngôn thì *câu trần thuật* (khẳng định hoặc phủ định), *câu hỏi chính danh* là loại câu được sử dụng phổ biến trong tiểu luận và luận văn khoa học. Còn các loại câu như câu cảm thán, câu hỏi tu từ lại không thích hợp, mặc dù trong một số văn bản thuộc phong cách khác như bút chiến chúng có thể được sử dụng để gây những hiệu quả nhất định.

Xét về kết cấu văn bản thì trong nội bộ đoạn văn hay giữa các đoạn văn với nhau, tiểu luận và luận văn khoa học sử dụng rất nhiều từ ngữ có tác dụng liên kết, chuyển đoạn, làm tăng tính mạch lạc của văn bản. Ví dụ:

- Để chỉ trình tự phát triển của tư tưởng hay lập luận: "*Đầu tiên...*", "*Thoạt tiên...*", "*Trước hết...*", "*Sau đó...*", "*Trước khi...*", "*Cuối cùng...*"...

- Để chỉ ra mối liên hệ giữa các thông tin trước và sau: "*Như trên đã nói...*", "*Như đã nói ở trên...*", "*Trên đây là...*", "*Theo...trên đây...*"...

- Để chỉ sự thay đổi chủ đề: "Bây giờ xét sang vấn đề...", "Bây giờ chúng ta hãy xem xét...", "Vấn đề tiếp theo là...", "Chuyển sang vấn đề..." ...

- Để chỉ sự quay trở lại chủ đề cũ: "Trở lại với vấn đề..." ...

- Để chỉ ra kết luận: "Như vậy là...", "Tóm lại...", "Suy cho cùng...", "Vậy là...", "Để kết luận...", "Nhìn chung" ...

Tiểu luận, luận văn khoa học có xu hướng ưa dùng các **cấu trúc danh từ** hơn các cấu trúc động từ có quy chiếu tương ứng, với việc sử dụng các từ **sự, cuộc, việc, vấn đề** ... đặt trước các ngữ đoạn động từ, biến chúng thành các ngữ đoạn danh từ. Trong tiếng Việt, một thứ tiếng không biến hình, không có sự phân biệt về mặt hình thái giữa động từ làm vị ngữ chính trong câu với các ngữ đoạn động từ khác thì điều này giúp cho việc xây dựng các câu có kết cấu phức tạp, nhiều tầng bậc, nhiều thành phần mở rộng. Chẳng hạn, thay vì diễn đạt: "A và B không tương ứng với nhau đã khiến cho...", ta dùng cách diễn đạt: "Sự không tương ứng giữa A và B đã khiến cho..."; thay vì viết: "Nghiên cứu văn học dân gian trong những năm gần đây đã có những kết quả khả quan, thúc đẩy...", ta có thể viết: "Việc nghiên cứu văn học dân gian trong những năm gần đây đã có những kết quả khả quan, thúc đẩy..." v.v... Ví dụ sau đây có thể minh họa cho các đặc điểm ngôn ngữ vừa nêu trên (chú ý đến các từ ngữ in đậm):

*Như đã nói, cái chưa biết trong câu hỏi, bằng cách này hay cách khác, phải nằm trong một mối quan hệ nhất định với cái đã biết, và do đó, đương nhiên, tùy từng hoàn cảnh giao tiếp cụ thể, dung lượng của cái chưa biết có thể rộng hẹp khác nhau. Như vậy, có hai vấn đề cơ bản xoay quanh cái chưa biết trong câu hỏi cần phải thảo luận tiếp là: xét về mặt ngữ nghĩa ngữ dụng, có thể quy tất cả vào một phạm trù lựa chọn được không? Có những dạng lựa chọn cơ bản nào trong câu hỏi, nói khác đi, ngoài những câu hỏi lựa chọn quen thuộc, còn có kiểu lựa chọn*

nào khác? Dưới đây, chúng tôi sẽ phân tích chi tiết các vấn đề đó.

(Lê Đông - Ngữ nghĩa ngữ dụng câu hỏi chính danh)

### Bài tập 1:

Hãy chỉ ra những đặc điểm của ngôn ngữ khoa học trong câu văn sau đây:

Trong thời đại chúng ta, sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội không phải là một hiện tượng tự phát và ngẫu nhiên, không phải là một sự phát triển tuân tự và bình thường, mà chính là kết quả của cuộc đấu tranh giữa hai hệ thống xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, kết quả của những cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa và cách mạng giải phóng dân tộc, kết quả của việc đánh đổ chủ nghĩa đế quốc và việc thủ tiêu hệ thống thuộc địa.

### Bài tập 2:

1. Hãy chỉ ra những đặc trưng của ngôn ngữ khoa học trong trích đoạn luận văn sau đây.

2. Thay thế các từ ngữ liên kết, các chuyển đoạn trong đoạn văn bằng các phương tiện ngôn ngữ tương đương, sau đó so sánh hiệu quả của chúng.

3. Tóm tắt lại văn bản đã cho sao cho có thể đưa vào mục trình bày lịch sử vấn đề của một luận án khác có quan hệ với đề tài đã nêu.

Do điều kiện mưa bão hàng năm và đặc điểm địa hình khu vực, úng ngập là một thiên tai thường xuyên với những hậu quả nghiêm trọng về vật chất và gây mất ổn định trong đời sống của nhân dân đồng bằng Bắc bộ. Vấn đề đặt ra là liệu chúng ta có thể giải quyết tiêu úng triệt để cho diện tích 20 vạn ha thường bị úng ngập của vùng này không, trong khi các điều kiện bất lợi cho việc tiêu úng ngày một tăng thêm?

Sự phát triển của khoa học kỹ thuật đã cho phép chúng ta xét duyệt lại các tính toán thiết kế cũ, thay đổi các quan điểm tính toán để tiếp cận thực tế ngày càng sát thực hơn. Trong đó vấn đề quan trọng là đưa ra và lựa chọn hợp lý các phương án có khả năng khai thác trên khu vực.

Đối với các hệ thống thủy lợi hiện có, có thể xem xét lại quy hoạch và xây dựng bổ sung, nâng cao hiệu quả khai thác chúng trên cơ sở phân tích, tính toán khoa học theo quan điểm hệ thống.

Trước đây do hạn chế về phương tiện tính toán, nên bài toán tưới tiêu thường được giải quyết một cách rời rạc. Hệ thống tưới tiêu thường gồm những phần tử độc lập không có mối quan hệ hữu cơ. Tác động điều khiển của con người lên hệ thống chưa được đặt ra một cách tích cực.

Về biên cũng vậy, nhiều vấn đề chưa được giải quyết triệt để, ví dụ như tần suất tiêu, tần suất tổ hợp mưa-lũ, không gian mưa, dao động mức nước triều, sự biến đổi mực nước ngoài sông theo thời gian... Đó là những vấn đề rất khó, phức tạp không thể giải quyết cùng một lúc, đòi hỏi sự hợp tác của nhiều nhà nghiên cứu, nhiều cơ quan quan tâm đầu tư kinh phí thích đáng mới hy vọng cho kết quả sớm.

• Bài toán tiêu là một bài toán kết hợp giữa chôn, rải, tháo có sự điều khiển bằng các trạm bơm cũng như sự đóng mở cống tiêu theo một chế độ thích hợp. Vì vậy phải đưa thành phần lượng trữ trong hệ phương trình tính toán. Do đó, bài toán tiêu là một bài toán thủy lực-thủy văn có xét đến hiệu quả kinh tế theo từng vùng cụ thể. Sẽ không có một lời giải vạn năng nào cho mọi vùng có các điều kiện khác nhau.

Mục tiêu của luận án là xây dựng một mô hình toán tiêu nước mặt theo quan điểm hệ thống trong đó cố gắng xét đến đầy đủ hơn những tương tác giữa các thành phần trong hệ thống về phương diện thủy lực thủy văn, có kể tới tác động của con người



trong việc giải quyết nạn úng ngập. Đó là sự kết hợp các loại công trình trong hệ thống, đặc biệt là sự có mặt của các trạm bơm và việc điều khiển vận hành công trình tiêu. Rõ ràng là hiện nay có 310.380 ha được tiêu bằng máy bơm, nếu nước biển tăng thì khả năng 100% các khu vực đồng bằng thấp ven biển phải tiêu bằng bơm là điều phải nghĩ tới.

Luận án sẽ tập trung vào các nhiệm vụ sau:

1. Phân tích các đặc điểm chính của đồng bằng Bắc bộ để tìm ra phương pháp mô phỏng, tính toán tiêu nước phù hợp và sát thực với thực tế hơn nữa.

2. Đưa ra một số giả thiết cơ bản về thủy văn-thủy lực để mô phỏng được hệ thống tưới tiêu nước mặt phức tạp, thể hiện được các mối quan hệ thủy văn-thủy lực giữa các thành phần của một hệ thống thống nhất.

3. Bổ sung, điều chỉnh một số quan niệm, định nghĩa về hệ thống, các thành phần của nó, các khái niệm mới về sự diễn biến ngập úng của hệ thống.

4. Xây dựng mô hình tĩnh và phát triển mô hình động tính toán tiêu nước mặt với hệ thống tiếp cận nước mặt với hệ thống tiếp nhận nước mặt được mô phỏng như các hồ chứa kế cận nhau, trao đổi nước nội bộ trước khi trao đổi vào hệ thống kênh qua công trình tháo.

5. Sử dụng các sơ đồ giải phù hợp với đặc điểm của bài toán. Đó là việc áp dụng phương pháp Runge-Kutta bậc bốn dùng cho bài toán trên mặt ruộng, và phát triển hai sơ đồ sai phân ổn hoàn toàn và ổn không hoàn toàn. Sử dụng sơ đồ ổn không hoàn toàn giải bài toán chuyển động không ổn định trong lưới kênh.

6. Xây dựng một chương trình máy tính tương đối hoàn chỉnh để thực hiện các ý tưởng mô phỏng và các thuật toán áp dụng đã đề cập ở trên.

(Theo Đỗ Hữu Thành - Một phương pháp mô phỏng trong tính toán tiêu nước vùng đồng bằng Bắc bộ)

### Bài tập 3:

Trong bản thảo luận văn khoa học của một sinh viên nghiên cứu về thi pháp thơ Hàn Mặc tử, thấy có đoạn văn được dẫn sau đây.

1. Cho biết ngôn ngữ diễn đạt của đoạn văn có đáp ứng được những yêu cầu của ngôn ngữ luận văn khoa học không? Vì sao?

2. Hãy giúp sinh viên trên viết lại đoạn văn.

*Câu thơ đọc lên nghe thật buồn, một nỗi buồn rười rượi ! Thuyền không kịp chờ trăng về để ta có bạn tối nay ! Sự cô đơn sâu hun hút ! Bởi lẽ em đang mơ khách đường xa, mà khách đường xa thì biết bao giờ mới trở lại? Còn em? Bây giờ mới xuất hiện em, thì áo em trắng quá nhìn không ra. Trắng quá đến loá mắt? Áo em trắng hay con người em, tâm hồn em trắng? Em cao khiết quá, trinh nguyên vô thượng nên anh không thể nào với tới được? Em là thiên thần ở cõi nào, có thấu chăng anh đang chịu đọa đầy thân xác ở trần gian? Câu thơ trên đang còn là mơ, câu thơ dưới đã lạc vào ảo giác, một bước nhảy vọt rất Hàn Mặc tử, không thể tìm thấy ở bất kỳ một nhà thơ Việt Nam nào...*

Đó là gì nếu chẳng phải là sự thăng hoa từ cái thực lên cái siêu thực?

*Đâu còn nắng hàng cau, vườn lá mướt xanh như ngọc, đâu còn mặt chữ điền! Cũng chẳng còn gió mây lặng lẽ, dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay, sông trăng và thuyền trăng... Xoá hết, bay hết! Chỉ còn lại sương khói che khuất bóng người: Ở đây sương khói mờ nhân ảnh. Chao ôi! Em cũng mờ mà anh cũng mờ, chúng ta đều tan trong khói sương lạnh lẽo. May thay vẫn còn lại một chữ tình, nhưng ai biết cho ai: Ai biết tình ai có đậm đà? Ai trước là người nào? Ai sau là người nào?*

### Bài tập 4:

Văn bản sau đây nói về ý nghĩa của một số dấu chấm câu, nhưng đó là một văn bản thuộc phong cách báo chí- công luận.

Hãy viết lại văn bản ấy thành một văn bản khoa học.

*Các dấu chấm câu.*

*Có người đánh mất dấu phẩy, trở nên sợ những phức tạp, cố tìm những câu đơn giản. Đằng sau những câu đơn giản là những ý nghĩ đơn giản.*

*Sau đó anh ta đánh mất dấu chấm than và bắt đầu nói khe khẽ, không có ngữ điệu. Chẳng còn gì làm anh ta sung sướng hay phẫn nộ. Anh ta thờ ơ với mọi chuyện. Kể đó anh ta đánh mất dấu hỏi và chẳng bao giờ hỏi gì nữa. Mọi sự kiện bất kỳ xảy ra ở đâu, dù ở trong vũ trụ, trên mặt đất hay ngay trong nhà anh ta, cũng không làm anh ta quan tâm.*

*Một vài năm sau anh ta quên mất dấu hai chấm và không còn giải thích hành vi của mình nữa. Cuối đời anh ta chỉ còn lại dấu ngoặc kép mà thôi. Anh ta không phát biểu được một ý kiến nào của riêng mình nữa, lúc nào cũng trích dẫn lời người khác. Thế là anh ta quên mất cách tư duy hoàn toàn.*

*Cứ như vậy anh ta đi cho đến dấu chấm hết.*

*Xin hãy giữ những dấu chấm câu của mình.*

*(Trang Huyền- Các dấu chấm câu, Hà Nội mới  
chủ nhật, 15- 3 -1992).*

## RÈN LUYỆN KỸ NĂNG ĐẶT CÂU VÀ DÙNG TỪ

### 2.1. CHỮA CÁC LỖI THÔNG THƯỜNG VỀ CÂU TRONG VĂN BẢN

#### 2.1.1. Các lỗi về cấu tạo câu.

##### 1. Thiếu các thành phần nòng cốt của câu

Các thành phần nòng cốt của câu là những thành phần bắt buộc phải có mặt trong câu để đảm bảo cho câu độc lập về nội dung và hoàn chỉnh về hình thức. Một câu độc lập về nội dung nghĩa là một câu có thể hiểu được mà không cần dựa vào văn cảnh (những câu xung quanh nó) hay dựa vào hoàn cảnh giao tiếp. Còn một câu hoàn chỉnh về hình thức nghĩa là một câu có đủ các thành tố cần thiết theo quy tắc ngữ pháp. Ta hãy so sánh hai câu trong đoạn đối thoại sau:

- *Bây giờ là mấy giờ?*

- *Tám giờ.*

Câu thứ nhất là một câu có đủ các thành phần nòng cốt quy định cho loại câu này là chủ ngữ (*bây giờ*) và vị ngữ (*mấy giờ*). Khi nghe hoặc đọc câu ấy, ta hiểu ngay nó hỏi điều gì. Câu thứ hai là một câu rút gọn. Dựa vào câu hỏi đứng trước nó, ta hiểu đây là một câu trả lời: *Bây giờ là tám giờ*. Nhưng nếu tách nó ra khỏi hoàn cảnh hỏi - đáp như trên thì ta khó có thể hiểu chính xác nó nói điều gì.

Bên cạnh chủ ngữ và vị ngữ, có một số bổ ngữ của động từ và của tính từ cũng là những thành phần nòng cốt, bắt buộc phải có mặt trong câu. Đáng chú ý nhất là các bổ ngữ sau đây:

- Bổ ngữ chỉ đối tượng của hành động, luôn luôn đi kèm các ngoại động từ như *đọc, phá, xây, đào, cắt, đẩy...* Ví dụ: *Tôi đọc sách.*

- Bổ ngữ chỉ đối tượng của hành động trao, lấy và bổ ngữ chỉ kẻ được trao hay bị lấy sự vật, luôn luôn đi kèm các động từ chỉ hành động trao, lấy như *tặng, cho, biếu, gửi, vay, lấy, mượn...* Ví dụ: *Anh tặng em / chiếc nón bài thơ.*

- Bổ ngữ chỉ kẻ được cầu khiến và bổ ngữ chỉ nội dung cầu khiến, luôn luôn đi kèm các động từ chỉ hành động cầu khiến như *mời, đề nghị, nhường, sai, bắt, ép, yêu cầu...* Ví dụ: *Chủ tọa mời chị ấy / nói*

- Bổ ngữ chỉ kết quả biến đổi, luôn luôn đi kèm các động từ chỉ sự biến đổi như *thành, trở thành, trở nên, hoá, hoá ra, hoá thành...* Ví dụ : *Hà Nội trở thành Thủ đô Việt Nam từ năm 1010 .*

- Bổ ngữ chỉ nội dung dự định, mong muốn, khả năng, luôn luôn đi kèm các động từ chỉ dự định, mong muốn, khả năng như *toan, định, muốn, dám, có thể...* Ví dụ: *Mấy lần anh đã định nói.*

- Bổ ngữ của các động từ *bị, được.* Ví dụ: *Nó bị điểm kém. Nó không được đi chơi. Nó bị mẹ mắng.*

- Bổ ngữ chỉ mốc so sánh, luôn luôn đi kèm các tính từ chỉ đặc điểm so sánh như *giống, khác, tương tự, tương đương, xa, gần...* Ví dụ: *Nó giống mẹ .*

Trong lời nói hằng ngày và trong văn bản nghệ thuật, các thành phần nòng cốt của câu có thể được lược bỏ nếu sự vật, hành động hay đặc điểm mà chúng biểu thị đã rõ qua văn cảnh hoặc hoàn cảnh giao tiếp (như ở đoạn đối thoại đã dẫn bên trên). Còn trong các trường hợp khác, việc lược bỏ các thành phần nòng cốt sẽ làm cho câu sai ngữ pháp. Đặc biệt, trong những

loại văn bản đòi hỏi sự diễn đạt chính xác như các văn bản khoa học, chính luận, hành chính - công vụ, thường người ta rất ít khi lược bỏ các thành phần nòng cốt của câu, dù cho sự vật, hành động hay đặc điểm mà chúng biểu thị đã rõ qua văn cảnh.

Dưới đây là những câu sai ngữ pháp do thiếu các thành phần nòng cốt:

a/ *Câu thiếu chủ ngữ:*

(*Những dự án trị giá vài trăm ngàn đô la trước đây do kỹ sư Bùi Văn Thọ xây dựng, chào mời các tổ chức quốc tế và các cơ quan chức năng trung ương tưởng chỉ để làm cho vui, đến thời điểm hẳn về thì chính sách kinh tế thị trường đang vào độ chín, những dự án bông có sức thuyết phục*). Đầu tiên là do chỗ quen biết và rất mực tận tụy của kỹ sư Thọ # đã mời được một tổ chức quốc tế về thăm và làm việc với xí nghiệp.

(Báo)

Hai câu trên có nhiều lỗi về dùng từ (chẳng hạn, không thể nói: *mời một tổ chức quốc tế về thăm và làm việc với xí nghiệp* mà chỉ có thể nói: *mời đại diện một tổ chức quốc tế về thăm...*) và đặt câu (chẳng hạn, không thể nói: *những dự án bông dựng có sức thuyết phục*, mà phải thêm định ngữ cho từ *dự án*, kiểu: *những dự án ấy bông dựng có sức thuyết phục, những dự án của kỹ sư Thọ bông dựng có sức thuyết phục...*, vì khi dùng từ *những* trước một danh từ, đằng sau danh từ ấy phải có định ngữ). Nhưng lỗi nặng nhất ở đây là đặt câu thiếu chủ ngữ. Đọc ví dụ trên, người ta không biết *ai* đã mời được đại diện tổ chức quốc tế về thăm xí nghiệp. Lỗi ấy có hai cách chữa:

- Thêm một từ vào câu để từ ấy làm chủ ngữ, chẳng hạn, thêm từ *hắn* vào chỗ có dấu #.

- Bỏ giới từ *của* để danh ngữ đứng sau giới từ ấy (*kỹ sư Thọ*) trở thành chủ ngữ. Dĩ nhiên, trong trường hợp này, phải cấu tạo lại trạng ngữ thứ hai cho hợp với chủ ngữ mới: *Đầu tiên là do chỗ quen biết và bằng sự tận tụy rất mực của mình, kỹ sư*

Thọ đã mời được đại diện một tổ chức quốc tế về thăm và làm việc với xí nghiệp.

b/ Câu thiếu vị ngữ:

Thành Cổ, nay mang tên thị xã Quảng Trị, điểm dừng chân đầu tiên của nhà Nguyễn thời khai thiên lập địa mở mang bờ cõi đất nước. (Với diện tích tự nhiên 545 hecta gồm hai phường với số dân là 15 ngàn người, trong đó có 11% làm nghề nông nghiệp và thủy sản, 88% là tiểu thương và các dịch vụ khác.)

(Báo)

Câu thứ nhất trong chuỗi câu trên mới chỉ có một danh từ (Thành Cổ) với định ngữ (nay mang tên thị xã Quảng Trị) và một đồng vị ngữ giải thích nó (điểm dừng chân...). Danh từ này có thể đóng vai trò chủ ngữ cho câu, nhưng trong câu còn thiếu một thành tố đủ điều kiện làm vị ngữ. Để chữa lỗi này, ta có hai cách:

- Thêm từ là vào trước đồng vị ngữ để đồng vị ngữ ấy trở thành vị ngữ: Thành Cổ, nay mang tên thị xã Quảng Trị, là điểm dừng chân của nhà Nguyễn thời khai thiên lập địa mở mang bờ cõi đất nước.

- Thêm vào câu cả một ngữ đoạn làm vị ngữ, chẳng hạn: Thành Cổ, nay mang tên thị xã Quảng Trị, điểm dừng chân của nhà Nguyễn thời khai thiên lập địa mở mang bờ cõi đất nước, có số lượng học sinh rất lớn.

c/ Câu thiếu cả chủ ngữ lẫn vị ngữ:

(Thành Cổ, nay mang tên thị xã Quảng Trị, điểm dừng chân của nhà Nguyễn thời khai thiên lập địa mở mang bờ cõi đất nước.) Với diện tích tự nhiên 545 hecta gồm hai phường với số dân là 15 ngàn người, trong đó có 11% làm nghề nông nghiệp và thủy sản, 88% là tiểu thương và các dịch vụ khác. (Là một thị xã nhỏ nhưng đã từng trải qua cuộc chiến tranh dữ dội thời kỳ chống Mỹ cứu nước mà đỉnh cao là 82 ngày đêm giữ thành năm 1972.)

(Báo)

Câu thứ hai trong ví dụ trên tuy dài nhưng mới chỉ có một giới ngữ bao gồm giới từ *với* và một danh ngữ do từ *diện tích* làm trung tâm. Giới ngữ này có khả năng đóng vai trò trạng ngữ cho câu, nếu câu có chủ ngữ và vị ngữ. Nhưng trong câu không có những ngữ đoạn đảm nhiệm các vai trò chủ ngữ và vị ngữ, cho nên người đọc không thể hiểu: *với diện tích tự nhiên, dân số, cơ cấu hành chính và cơ cấu dân cư như đã nêu, thị xã Quảng Trị làm gì hay như thế nào*. Ngoài lỗi ngữ pháp đã nói, câu trên còn mắc hai lỗi dùng từ: dùng thừa từ *nghe* (*nghe nông nghiệp*; lẽ ra chỉ cần nói: *nông nghiệp*, vì *nghe* đã có nghĩa là *nghe*) và dùng từ *dịch vụ* không tương hợp với các từ đứng trước nó (88% dân số là *tiểu thương* và các *dịch vụ khác*; lẽ ra cần nói: 88% dân số là *tiểu thương* và làm các *dịch vụ khác*, vì *dịch vụ* là nghề chứ không phải là tầng lớp người như *tiểu thương*). Có hai cách chữa lỗi ngữ pháp ở câu trên, cụ thể như sau:

- Thêm một từ vào chỗ thích hợp để từ ấy đóng vai trò chủ ngữ và ngữ đoạn tiếp theo đóng vai trò vị ngữ, chẳng hạn: *Với diện tích tự nhiên 545 hecta, thị xã gồm hai phường...*

- Thêm cả một mệnh đề (kết cấu chủ - vị) vào sau giới ngữ, chẳng hạn: *Với diện tích tự nhiên 545 hecta gồm hai phường với số dân là 15000 người, trong đó 11% làm nông nghiệp và ngư nghiệp, 88% là tiểu thương và làm các dịch vụ khác, thị xã thuộc vào loại nhỏ.*

d/ Câu thiếu bổ ngữ bắt buộc:

*Kẻ thù giết chết # song giết sao được tinh thần cách mạng trong con người họ.*

Động từ *giết* dùng trong câu trên là một ngoại động từ, đòi hỏi bổ ngữ chỉ đối tượng của hành động phải luôn luôn đi kèm với nó. Để câu trở thành đúng ngữ pháp và rõ nghĩa, ta cần thêm bổ ngữ chỉ đối tượng vào chỗ có dấu #, ví dụ: *Kẻ thù giết chết những người con yêu nước ấy, song giết sao được tinh thần cách mạng của họ.*



## 2. Thiếu một vế của câu ghép

Câu ghép là loại câu gồm hai vế trở lên, mỗi vế tương đương một câu đơn, nối trực tiếp với nhau hoặc nối với nhau bằng các hư từ, nhằm trình bày những sự việc, tình cảm, cảm xúc hay ý kiến có liên quan mật thiết với nhau. Ví dụ:

- Câu ghép có các vế nối trực tiếp với nhau:

*Các cụ ta ưa những màu đỏ choét; ta lại ưa những màu xanh nhạt... Các cụ bâng khuâng vì tiếng trùng đêm khuya; ta nao nao vì tiếng gà lúc đúng Ngọ. Nhìn một cô gái xinh xắn, ngây thơ, các cụ coi như đã làm một điều tội lỗi; ta thì cho là mát mẻ như đứng trước một cánh đồng xanh. Cái ái tình của các cụ thì chỉ là sự hôn nhân, nhưng đối với ta thì trăm hình muôn trạng: cái tình say đắm, cái tình thoáng qua, cái tình gần gũi, cái tình xa xôi..., cái tình trong giây phút, cái tình ngàn thu.*

(Lưu Trọng Lư)

Đoạn văn trên gồm bốn câu ghép; mỗi câu có hai vế, so sánh tình cảm, thái độ thẩm mỹ của thế hệ chịu ảnh hưởng tư tưởng phong kiến với thế hệ thanh niên Việt Nam những năm 30 chịu ảnh hưởng phương Tây, về một phương diện nhất định: màu sắc, âm thanh, phụ nữ và tình yêu. Tất cả những sự so sánh ấy nhằm nói lên một điều: thời đại đã thay đổi, tình cảm, thái độ thẩm mỹ của con người cũng đổi thay.

- Câu ghép có các vế nối với nhau bằng hư từ:

*(Một xã hội suốt mấy ngàn năm kéo dài một cuộc sống gần như không thay đổi, về hình thức cũng như về tinh thần). Triều đại tuy bao lần hưng vong, giang sơn tuy bao lần đổi chủ, song mọi cuộc biến cố về chính trị ít khi ba động đến sự sống của nhân dân. Từ đời này sang đời khác, đại khái chỉ có bấy nhiêu tập tục, bấy nhiêu ý nghĩ, bấy nhiêu tin tưởng, cho đến những nỗi yêu, ghét, vui, buồn, cơ hồ cũng nằm yên trong những khuôn khổ nhất định. Thời gian ở đây đã ngừng lại và người ta chỉ sống trong không gian.*

(Hoài Thanh)

Câu chủ đề của đoạn văn trên nêu lên một luận điểm là: suốt mấy ngàn năm trước thế kỷ XX, cuộc sống của dân ta hầu như không có những thay đổi đáng kể. Hai câu tiếp theo là hai câu ghép trình bày các luận cứ chứng minh cho luận điểm ấy bằng cách đối chiếu những mặt khác nhau của cuộc sống: *triều đại* nhiều lần thay đổi nhưng *cuộc sống* không đổi thay; *phong tục, nhận thức* bao đời vẫn thế, đến *tình cảm, cảm xúc* cũng nằm yên trong những khuôn khổ nhất định. Câu kết đoạn cũng là một câu ghép, diễn đạt lại luận điểm nêu ở câu chủ đề dưới hình thức đối lập cuộc sống có vận động, tiến hoá theo *thời gian* với cuộc sống trì trệ chỉ trải ra theo *không gian*.

Bình thường, việc bỏ sót một vế của câu ghép rất dễ nhận ra, nếu đó là những câu ghép có các vế nối với nhau bằng hư từ, đặc biệt là bằng các cặp kết từ (*tuy...nhưng..., nếu... thì..., vì... nên ...*) ví dụ:

*Ông tuy xấu mã, người lùn và to ngang, đó là đáng điệu của gấu. Chân tay ngắn, mặt ngắn, trán cũng ngắn choẵn. Cái tài ẩn vào trong, khi cần mới tỏ ra ngoài.*

(Sách)

Những lỗi kiểu này chủ yếu là do người viết ham phát triển các ý phụ mà quên ý chính. Cách chữa chúng cũng đơn giản:

- Có thể bỏ kết từ trong câu (ở ví dụ trên là từ *tuy*), để khỏi phải thêm một vế câu nữa: *Ông xấu mã, người lùn và to ngang.*

- Hoặc có thể thêm một vế câu có kết từ cùng cặp hô ứng với kết từ đã có, chẳng hạn: *Ông tuy xấu mã nhưng có tài. Người lùn và to ngang, đó là đáng điệu của gấu.*

Loại lỗi đáng chú ý hơn về câu ghép là tách những ý liên quan mật thiết với nhau thành các câu đơn trong khi văn cảnh hoặc hoàn cảnh giao tiếp đòi hỏi trình bày những ý đó trong một câu ghép. Ví dụ:

*(Thọ vừa có chí lại thông minh, chỉ phải cái tội lý lịch chẳng ra gì, bố xỏ nhầm giấy Tây.) Vì thế suốt những năm học phổ*

*thông đều nhất, nhì lớp. Đạt cả giải học sinh giỏi quốc gia. Thi tốt nghiệp phổ thông thừa những 5 điểm so với điểm tiêu chuẩn đi học nước ngoài, nhưng vẫn phải sang ngang và phải đi vòng một quãng đường dài dằng dặc mới vào được đại học.*

(Báo)

Câu thứ nhất trong đoạn văn trên nêu một sự thực trớ trêu, dự báo kết quả chẳng lành. Theo lô-gic của đoạn văn, người đọc chờ đợi câu thứ hai trình bày kết quả ấy. Nhưng nội dung của câu này không đáp ứng được sự chờ đợi, mặc dù nó được mở đầu bằng một kết từ báo hiệu sự trình bày kết quả: từ *vi thế*. Để sửa lỗi, ta cần nhập câu thứ hai với các câu đứng sau nó thành một câu ghép:

*(Thọ vừa có chí vừa thông minh, chỉ phải cái tội lý lịch chẳng ra gì, bố xỏ nhảm giấy Tây.) Vi thế, suốt những năm học phổ thông đều nhất, nhì lớp, đạt cả giải học sinh giỏi quốc gia, thi tốt nghiệp phổ thông thừa những 5 điểm so với điểm tiêu chuẩn đi học nước ngoài, nhưng vẫn phải sang ngang và phải đi vòng một quãng đường dài dằng dặc mới vào được đại học,*

3. Thể hiện sai quan hệ ngữ nghĩa giữa các bộ phận trong câu

Các bộ phận trong câu ở đây được hiểu là các thành phần trong câu hay các vế trong một câu ghép. Ta hãy thử phân tích hai ví dụ về loại lỗi thể hiện sai quan hệ giữa các bộ phận này:

- *Mắt dăm dăm nhìn ra cửa bể, ta thấy Kiều dỗi theo cánh buồm thấp thoáng mà nghĩ đến cảnh cô đơn của mình.*

- *Tuy chị Ut Tịch thương yêu chồng con, đồng bào, đồng chí rất sâu sắc, nhưng chị rất căm thù bọn giặc cướp nước và bán nước.*

Đọc câu thứ nhất, người ta có thể hiểu: *kẻ dăm dăm nhìn ra cửa bể* và *nghĩ đến cảnh cô đơn của mình* ở đây là *ta*, chứ không phải nàng Kiều như ý người viết muốn nói. Để thể hiện đúng quan hệ ngữ nghĩa giữa các thành phần câu, tốt nhất là

nên bỏ ngữ đoạn *ta thấy*, tức là chỉ để lại trong câu một từ biểu thị chủ thể của cả ba hành động (*nhìn ra cửa bể, dõi theo cánh buồm và nghĩ đến cảnh cô đơn*): từ *Kiều*.

Câu thứ hai là một câu ghép dùng cặp kết từ không thể hiện đúng những quan hệ ngữ nghĩa có thể có giữa các vế câu. Cụ thể là:

- Nếu hai vế câu có quan hệ nguyên nhân - kết quả, chúng cần được nối bằng cặp kết từ *vi...nên...*: *Vi chi Út Tịch thương yêu chồng con, đồng bào, đồng chí sâu sắc nên chị rất căm thù bọn giặc cướp nước và bán nước.*

- Nếu hai vế câu có quan hệ tăng tiến, chúng cần được nối bằng cặp kết từ *càng...càng...*: *Chị Út Tịch càng thương yêu chồng con, đồng bào, đồng chí sâu sắc, càng căm thù bọn giặc...*

- Nếu hai vế câu có quan hệ đồng thời, chúng cần được nối bằng kết từ *đồng thời*: *Chị Út Tịch thương yêu chồng con, đồng bào, đồng chí sâu sắc, đồng thời chị rất căm thù bọn giặc...*

- Nếu quả là hai vế câu có quan hệ tương phản thì cũng cần diễn đạt một cách khác, chẳng hạn: *Tuy chị Út Tịch là một con người giàu lòng nhân ái, thương yêu sâu sắc chồng con, đồng bào, đồng chí, nhưng chị cũng rất giàu lòng căm thù - căm thù bọn giặc...*

#### 4. Sắp xếp sai trật tự từ

Sự sắp xếp sai trật tự từ thường làm cho câu phản ánh sai lạc ý của người viết hoặc làm cho câu trở nên mơ hồ về nghĩa, tức là hiểu theo cách nào cũng được. Ví dụ:

- (*Từ trong tù, U-thất tiếp tục kêu vô tội. Vậy ai đã nói dối? Kẻ nào đã bỏ thuốc độc vào trà của hoàng thân? Khám nghiệm tử thi thấy gì? Khi tất cả vụ việc này kết thúc, Cha-la-sai tuyên bố sẽ kết hôn với người đàn ông của đời mình.*)

(Báo)

- Trả lời phỏng vấn của Thủ tướng Võ Văn Kiệt nhân chuyến thăm Đông Nam Á.

(Tên bài báo)

- Trả lời phỏng vấn nhân chuyến thăm Đông Nam Á của Thủ tướng Võ Văn Kiệt.

Đọc ví dụ thứ nhất, người ta chắc chắn sẽ hiểu là vụ án đã kết thúc rồi. Nhưng căn cứ văn cảnh, có thể thấy vụ án còn chưa kết thúc, người đàn ông của Cha-la-sai là U-thát còn đang ngồi tù, và ý định của cô chỉ là: sẽ kết hôn với người đàn ông của đời mình khi vụ án kết thúc. Để thể hiện đúng điều này, câu văn cần được sửa lại theo một trong hai cách như sau:

- Cha-la-sai tuyên bố sẽ kết hôn với người đàn ông của đời mình khi tất cả vụ việc này kết thúc.

- Cha-la-sai tuyên bố: khi tất cả vụ việc này kết thúc sẽ kết hôn với người đàn ông của đời mình.

Ví dụ thứ hai có thể được hiểu theo hai cách:

- Thủ tướng trả lời phỏng vấn của nhà báo.

- Ai đó trả lời phỏng vấn của Thủ tướng.

Ví dụ thứ ba cũng có thể được hiểu là:

- Thủ tướng trả lời phỏng vấn của nhà báo.

- Ai đó trả lời phỏng vấn của nhà báo nhân chuyến thăm Đông Nam Á của Thủ tướng.

Để hiểu cho đúng, các câu trên cần được sửa lại là: Thủ tướng Võ Văn Kiệt trả lời phỏng vấn nhân chuyến thăm Đông Nam Á.

5. Thiết lập sai quan hệ ngữ pháp giữa các bộ phận trong câu

Quan hệ ngữ pháp giữa các bộ phận trong câu tuy đa dạng, nhưng có thể được quy về ba kiểu chính là:

a) Quan hệ đẳng lập, bao gồm:

- Quan hệ liên hợp, liệt kê, ví dụ: *mẹ với con, thông minh và chăm chỉ.*

- Quan hệ lựa chọn, ví dụ: *mẹ hoặc con, thông minh hay chăm chỉ.*

- Quan hệ giải thích, ví dụ: *bạn Giáng Hương, lớp trưởng lớp tôi (học giỏi).*

- Quan hệ qua lại, ví dụ: *tuy thông minh nhưng lười, vì lười nên học kém.*

Các thành tố có quan hệ bình đẳng với nhau thường phải thuộc cùng một từ loại và có cùng một mối quan hệ với các thành tố nằm ngoài tổ hợp do chúng tạo nên.

b) Quan hệ chính - phụ, bao gồm:

- Quan hệ giữa danh từ với các định ngữ của nó, ví dụ: *các sinh viên, sinh viên xuất sắc, sinh viên của khoa Luật...*

- Quan hệ giữa động từ hoặc tính từ với các bổ ngữ (thành phần phụ bắt buộc) của chúng, ví dụ: *đọc sách, thích vẽ, xa nhà...*

- Quan hệ giữa động từ hoặc tính từ với các trạng ngữ (thành phần phụ tự do) của chúng, ví dụ: *đang chạy, bay đêm, khoẻ vì thuốc...*

- Quan hệ giữa chủ ngữ và vị ngữ với các thành phần phụ của câu, ví dụ: *Trên mặt biển rộng, các đoàn thuyền đang lướt nhanh.*

Trong tổ hợp chính - phụ, chỉ có thành tố chính mới có thể đại diện cho toàn bộ tổ hợp quan hệ với bên ngoài.

c) Quan hệ chủ - vị, ví dụ:

*Mẹ yêu con.*

*Họ là sinh viên.*

*Tôi 18 tuổi.*

Chủ ngữ và vị ngữ là những thành tố có tính độc lập rất cao. Một thành tố đã phụ thuộc vào thành tố khác thì không thể có quan hệ chủ - vị với thành tố thứ ba được.

Ngoài ra, cũng cần chú ý rằng một chủ ngữ không thể có hơn một vị ngữ, và ngược lại, một vị ngữ không thể có hơn một chủ ngữ, trừ trường hợp chủ ngữ hoặc vị ngữ là những tổ hợp từ đẳng lập, chẳng hạn:

- Chủ ngữ là một tổ hợp từ đẳng lập: *Cây lan, cây huệ, cây hồng nói chuyện bằng hương, bằng hoa.*

- Vị ngữ là một tổ hợp từ đẳng lập: *Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín.*

Thiết lập sai quan hệ ngữ pháp giữa các bộ phận trong câu nghĩa là thiết lập quan hệ ngữ pháp nhất định giữa những bộ phận không thể có kiểu quan hệ ấy, khiến cho câu lủng củng, tối nghĩa. Ví dụ:

*Cuối cùng, thầy hiệu trưởng kêu gọi chúng em hãy hái tham gia đợt trồng cây "Đời đời nhớ ơn Bác Hồ vĩ đại" thành công tốt đẹp.*

Trong câu trên, hai bộ phận *đợt trồng cây "Đời đời nhớ ơn Bác Hồ vĩ đại"* và *thành công tốt đẹp* không thể có bất kỳ quan hệ ngữ pháp nào với nhau, cụ thể là:

- Chúng không thể có quan hệ đẳng lập, vì một bộ phận là danh ngữ, còn một bộ phận là động ngữ.

- Chúng không thể có quan hệ chính - phụ, vì nếu *đợt trồng cây* đã được coi là thành công tốt đẹp rồi thì không cần ai tham gia nữa.

- Chúng cũng không thể có quan hệ chủ - vị, vì danh ngữ *đợt trồng cây...* đã là bổ ngữ của động từ *tham gia* thì không thể đồng thời làm chủ ngữ cho động từ *thành công* nữa.

Để sửa câu trên, ta có hai cách:

- Cắt bỏ hoàn toàn động ngữ *thành công tốt đẹp.*

- Thêm vào câu một bộ phận thích hợp vừa có quan hệ ngữ pháp với động ngữ nói trên, vừa có quan hệ ngữ pháp với bộ phận đứng trước, chẳng hạn: Cuối cùng, thầy hiệu trưởng kêu gọi chúng em hãy hái tham gia đợt trồng cây "Đời đời nhớ ơn Bác Hồ vĩ đại", làm cho nó thành công tốt đẹp.

### Bài tập 1

Chỉ ra lỗi và nêu cách sửa những câu sau:

1. Bằng tất cả những hiểu biết của anh và bạn bè cùng trang lứa, đều có chung nhận xét là cuộc sống sinh viên ở ký túc xá còn nhiều khó khăn quá.

2. Qua phong trào chạy viết dã của báo Tiền Phong cho thấy sức sống của tuổi trẻ Việt Nam.

3. Và trong tháng tám với mùa thu đầu tiên của đời sinh viên đã gây trong tôi một niềm tin ở tương lai.

4. Trong tình bạn có thể dẫn đến tình yêu, với nhiều sắc thái và cung bậc khác nhau.

5. Trong truyện Trạng Quỳnh đã thể hiện tinh thần phản phong quyết liệt của nhân dân ta.

6. Với bài điệu Trương Công Định của Nguyễn Đình Chiểu đã nói lên lòng yêu nước sâu sắc của tầng lớp sĩ phu lúc bấy giờ.

7. Trước sự áp đảo liên tiếp của các cầu thủ Bra-xin bằng các đường bóng phối hợp nhỏ, bật tường khiến các cầu thủ Thụy Điển chống lại rất khó khăn.

8. Cân nhắc những điều kiện của hợp đồng khiến Ban Giám đốc chọn phương án thứ nhất.

### Bài tập 2

Hãy chỉ ra những chỗ sai trong những câu sau đây và đề nghị những cách chữa thích hợp:

1. Nghĩa quân, trong chiến đấu, với lòng nồng nàn yêu nước.



2. Ý chí tự lập của anh trong mọi hoàn cảnh, dù là hoàn cảnh bình thường hay éo le. *vấn đề di lay chuyển*

3. Nhà văn ưu tú của giai cấp vô sản khi sáng tạo ra tác phẩm nghệ thuật để phục vụ cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản, để giác ngộ quyền lợi giai cấp cho những người bị áp bức, bóc lột và làm rung động sâu xa tình cảm giai cấp của họ.

4. Anh Hai trong trạng thái bị kích động sau khi nghe quá nhiều lời nói xấu vợ mình. *AA*

5. Niềm vui sướng khi được mang danh hiệu "sinh viên" mà em đã mơ ước từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường phổ thông.

6. Cặp mắt long lanh của Thái Văn A mà Xuân Miến gọi là mắt thần canh biển.

(Dẫn theo Nguyễn Xuân Khoa)

7. Nguyễn Viết Xuân, người anh hùng liệt sĩ nổi tiếng với câu nói còn vang mãi trên trận địa.

(Dẫn theo Nguyễn Xuân Khoa)

8. Nguyễn Đình Chiểu, nhà thi sĩ mù, yêu nước của dân tộc Việt Nam.

(Dẫn theo Nguyễn Xuân Khoa)

9. Những học sinh được trường khen thưởng cuối năm về thành tích xuất sắc trong học tập và lao động. Họ hứa với các thầy giáo sẽ cố gắng để đạt thành tích cao hơn nữa.

(Dẫn theo Nguyễn Xuân Khoa)

10. Tất cả đoàn viên học lớp chính trị do Đoàn trường tổ chức trong tháng ba, nhằm giáo dục cho đoàn viên lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, xác định cho đoàn viên nhiệm vụ của thanh niên trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

(Dẫn theo Nguyễn Xuân Khoa)

### Bài tập 3

Phân tích lỗi và chữa lại các câu sau:

1. Với cái tên "sinh viên khoa văn" của tôi nghe mơ mộng.
2. Nhân dịp tôi đến cơ quan để xác minh lại một số chi tiết của câu chuyện.
3. Là một cô gái từ miền quê lần đầu tiên xa nhà, xa sự dịu dặt của người thân để bước chân vào giảng đường đại học - niềm mơ ước của tôi khi còn là học sinh phổ thông.
4. Nhằm ghi lại di tích lịch sử oai hùng của quân dân Trà Vinh trong cuộc chiến tranh chống Mỹ, cũng như để lại hình ảnh truyền thống oai hùng giáo dục cho thế hệ hôm nay và mai sau.
5. Trải qua mấy nghìn năm đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc Việt nam, một dân tộc đã bao lần anh dũng đứng dậy ghi lên những trang sử vẻ vang.

#### Bài tập 4

Các câu sau sai ở chỗ nào? Có thể chữa chúng như thế nào?

1. Hoài Thanh có nhận xét: Bài này không những đúng với thiếu nhi. Từ câu Đường ngang dọc... thì tư tưởng bài thơ được nâng hẳn. Bài này còn ứng với tình cảm của những đôi lứa có hẹn hò gặp gỡ và cả những người thường hay xê dịch vì thiếu quê hương.
2. Ông là Phó Chủ tịch kiêm Trưởng ban Công an, chỉ vì bệnh em gái, mà em gái Năm chửa hay cạy thế gào làng ăn vạ. Làm thủ kho mà ăn cắp như ranh. Bị phát giác còn lu loa xông vào xé áo người ta. Thế là đánh nhau. Được tin, Năm lao bỏ đến bệnh em.
3. Còn về bác Phúc, nếu bác có khuyết điểm đạo làm chủ nhiệm trước đây, mà chắc là có thôi! Vì làm gì có ông chủ nhiệm nào lại không chấm dứt! Bác cứ nhận!
4. Trong lúc "Ban thường vụ" của chi họ Vũ Đình vừa ăn mít dai, vừa xem xét những diễn biến đời sống chính trị ở Giếng Chùa đã bước sang một giai đoạn mới và nhận định là cán cân có lợi đang nghiêng về "ta", thì đương kim Bí thư Đảng uỷ Trịnh

Bá Thủ mặc dù bên ngoài rất nhùn nhùn với tất cả; vì anh thấy chiến thuật làm mềm lòng người của anh xưa nay rất đặc đạo. Bên trong Thủ cũng rất bình tâm.

### Bài tập 5

Hãy chỉ ra chỗ sai và nêu cách sửa những câu dưới đây:

1. Vừa đi học về, mẹ đã bảo nó đạp xe đến xí nghiệp nhờ cô Đông mua cho hai bao mùn cưa. Nó cất vội cặp sách rồi đi ngay.

2. Kết hợp với công an tỉnh, thành phố bạn, cả ba tên cướp đã bị bắt cách nơi chúng gây án hơn nghìn ki-lô-mét.

3. Do cảm động trước cử chỉ nghĩa hiệp của một người chồng, người cha hết sức có trách nhiệm với gia đình, ông được toà xử cho nuôi cả hai đứa con.

4. Ngoài sự áp bức của vua chúa, nạn đói khổ, phu phen tạp dịch đè nặng lên đầu nông dân, ca dao trào phúng còn làm nhiệm vụ phản phong mãnh liệt.

5. Là người sinh viên mới bước vào trường, ngay từ ngày đầu đã khiến mình bị phân tán tư tưởng cao độ.

6. Không riêng gì bà Nụ, cả gia đình ông Hùng đã nhiều lần gây gỗ, chửi bới các hộ láng giềng cùng đi chung dây hành lang.

7. Khi em vào quán gọi H. quay trở về thì cô gái kia đánh em và bị cô ta cướp mất chiếc đồng hồ

8. Na bé anh thương binh lên lòng, đầu vẫn băng, máu vẫn thấm đổ. Cô xót xa, bật lên tiếng kêu như chính mình bị thương.

9. Tay nó cầm cuốn sách, bước vội ra sân.

10. Là một người đã gắn bó hơn 40 năm với giảng đường đại học, xin Giáo sư vui lòng cho biết nhận định của mình về chất lượng đào tạo đại học hiện nay.

11. Cũng còn chó trên căn anh Nguyễn Văn Bình, uống thuốc ông lang Hào đầy đủ, hiện nay vẫn sống.

## Bài tập 6

Sự khác nhau về trật tự từ trong các tổ hợp từ dưới đây thể hiện những khác biệt về nghĩa như thế nào ?

1. Gác-xi-a Mác-két là nhà văn nổi tiếng Cô-lôm-bi-a / Gác-xi-a Mác-két là nhà văn Cô-lôm-bi-a nổi tiếng
2. phim chống gián điệp Liên Xô / phim Liên Xô chống gián điệp
3. ngày phụ nữ quốc tế / ngày quốc tế phụ nữ
4. kỷ niệm sinh nhật lần thứ 50 / kỷ niệm lần thứ 50 sinh nhật
5. hội nghị thượng đỉnh lần thứ III các nước sử dụng tiếng Pháp / hội nghị các nước sử dụng tiếng Pháp lần thứ III

## Bài tập 7

Các câu sau đây sai ở chỗ nào ? Hãy chỉ ra cách sửa chúng.

1. Nếu chúng ta tìm được tình bạn tốt thì không có gì vui bằng tìm được cái gì quý giá nhất.
2. Sở dĩ em yêu quý con mèo vì nó bắt chuột cho nhà em nên em mới quý nó.

(Dẫn theo Nguyễn Đức Dân)

3. Rất tốt, có thể chim non đã về tổ - Tamantsep nói, thở dài nhẹ nhõm - không nên đến gần hơn được đâu.

(Dẫn theo Nguyễn Đức Dân)

4. Chị Ngoan vừa nói rằng chú kể chuyện cho bọn cháu nghe với.

(Dẫn theo Nguyễn Đức Dân)

5. Với Đào, một cô gái 22 tuổi, đang được tiếng là xinh đẹp nhất nhì xóm Giếng Chùa này, lại là người mau mắn cả mồm miệng lẫn chân tay, lại là cháu Bí thư Đảng uỷ, lại là con ông Hàm, người giàu có tiếng chỉ quanh năm ngôi nhà mà hái ra

tiền, nên đi đến đâu Đào cũng được mời chào, được nhận những ánh mắt vuốt ve.

6. Với tinh thần yêu nước, căm thù giặc sâu sắc, cuộc chiến tranh kéo dài năm năm, mười năm hay hai mươi năm với tinh thần chịu đựng gian khổ quyết đánh đến cùng của mỗi người dân Việt Nam cuộc cách mạng nhất định sẽ đi đến thành công.

7. Khác với bọn địa chủ quý tộc ham công danh tiền tài mà bản chất của người nông dân bọn chúng không thể có được.

8. Đức tính của người phụ nữ trong phong trào " Ba đảm đang " đã được phát huy cao độ từ đức tính sẵn có mà chị Dậu đã mang lấy đến nay hai mươi bảy năm chẵn là bài học quý báu tuy đối với nay thì đức tính đó chưa đầy đủ, hoàn chỉnh.

(Dẫn theo Nguyễn Xuân Khoa)

### Bài tập 8:

Hãy chỉ ra những chỗ sai trong các câu sau đây và đề nghị những cách chữa thích hợp:

1. Có một cửa hàng chuyên bán đồ nữ trang bên cạnh một nhà nghỉ. Biết vợ chồng anh chàng bán hàng rất tham lam nhưng anh chồng lại có tính hay ghen giố.

2. Họ đến cơ quan nhà nước, làm phiên dịch, làm biên dịch, và làm đủ các nghề... nếu như ai đó còn thiếu một cuốn sổ lý lịch có ghi là thuộc thành phần cơ bản. Nhưng rồi cũng qua đi, âm thầm chịu đựng, rèn luyện, tu chí, rồi cũng làm được một cái gì đó cho dân, cho nước.

3. Do lượng mưa năm nay kéo dài nên đã gây nhiều thiệt hại cho vụ mùa.

4. Ở các nước lục địa đen những năm gần đây đã bị nạn hạn hán hành hoành.

5. Từ phân cơ tim bị thiếu máu nuôi và hoại tử này đã làm rối loạn dẫn truyền dòng xung điện điều khiển sự co bóp nhịp

nhàng của cơ tim, đưa tới chứng nhịp nhanh thất hay rung thất, cuối cùng là ngừng tim.

6. Khi tắm nước lạnh vào mùa mưa, do nhiệt độ chênh lệch giữa cơ thể và nước nhiều, gây co mạch phản xạ làm dễ bị tai biến hơn.

7. Do vai trò của xơ vữa động mạch làm tắc tại chỗ, hay gặp ở những người lớn tuổi.

8. Với độ linh hoạt cao khi bay, với khả năng tăng tốc độ chớp nhoáng cùng trang bị hệ thống điện tử và ra đa có chất lượng cao làm cho Tornado có khả năng hoạt động rộng rãi, có độ tin cậy lớn và dễ sửa chữa.

9. Xuân mới, tôi đi giữa đường phố mà lòng cứ xốn xang, đã gợi cho tôi biết bao nhiêu trí nhớ về đất kinh kỳ xưa.

10. Những người có mặt tại chỗ cho biết, khi nạn nhân vượt qua chỉ giới an toàn trên biển đã được các thành viên trong đoàn ra tín hiệu yêu cầu vào bờ.

11. Ở đây phụ từ tình thái đóng vai trò xác định chủ ngôn quan trọng, nhờ sự hiện hữu của nó mà câu lược chủ thể được xác nhận là của chính người nói.

12. Bước vào mùa giải đội mạnh toàn quốc 1995, với gần 2/3 đội hình là những khuôn mặt cựu trào của bóng đá QNĐN đã đạt thành tích cao trong thời gian 5 năm liền trước đó.

13. Dùng mì ăn liền B.Two, các bạn chỉ cần tìm đủ hình ba con giáp tam hợp: thân- tý- thìn, tức khi, chuột, rồng được cuộn sẵn trong ruột sợi mì sẽ là chiếc vé độc đắc cho các bạn.

14. Thiếu sự đóng góp của Erwin Koeman và nhất là của Van Basten, uy tín của ông trong cầu thủ không phải là không bị tranh cãi sau những vụ xung đột với Rijakard, Gullit hay Cruyff, đã khiến ông bị đầu đầu và rung chuyển kể từ sau Euro 92.

15. Dù là đi chơi, khi bước ra ngõ gặp đàn bà là họ quay ngoắt trở lại. Nếu quyết đi thì một là không có nhà, hai là bị chó đớp.

16. Mỗi đoạn thơ mang một nhạc điệu riêng vừa mạnh mẽ vừa uyển chuyển. Khi đưa người đọc về với những kỷ niệm xa nên thơ và gợi cảm, khi dồn dập trong những tiết tấu mạnh, Xuân Diệu cho rằng đọc bài thơ Tây tiến như ngâm âm nhạc trong miệng.

17. Soi da dày bằng ống soi mềm. Kết hợp với sinh thiết hút niêm mạc dạ dày, sẽ giúp cho việc chẩn đoán xác định bệnh.

18. Thiên nhiên vừa dữ dội lại vừa hùng vĩ như đang thử thách với con người qua từng chặng đường hành quân. Chôn rừng núi ấy được diễn tả vừa như xa xôi, mờ ảo, chơi vơi trong kỷ niệm nhưng lại rất hiện thực như khung cảnh mà người lính Tây tiến đang trực tiếp trải qua trong hiện tại.

### 2.1.2. Các lỗi về dấu câu

Các văn bản tiếng Việt sử dụng 11 dấu câu, là: chấm, chấm than, chấm hỏi, chấm lửng, hai chấm, phẩy, chấm phẩy, gạch ngang, ngoặc đơn, ngoặc vuông ( móc vuông ) và ngoặc kép.

Dấu câu có những tác dụng như sau :

1. Đánh dấu chỗ kết thúc câu, để ngăn cách câu ấy với những câu khác trong văn bản.

Đây là chức năng của các dấu: chấm (đánh dấu chỗ kết thúc câu tường thuật), chấm than (đánh dấu chỗ kết thúc của câu cảm thán và câu cầu khiến), chấm hỏi (đánh dấu chỗ kết thúc của câu hỏi).

Ngoài ra, các dấu chấm lửng và hai chấm cũng có thể đảm nhiệm chức năng này, ví dụ:

- (Không những kịch ngắn ngày càng có thêm chất lượng mà kịch dài cũng bắt đầu xuất hiện lại.) Khán giả vẫn còn nhớ tới "Khăn tang kháng chiến", "Du kích thôn Đồi", "Lòng dân", "Lửa

cháy lên rồi", "Ngày mai",... (Kháng chiến chống Pháp đã như một thời kỳ luyện bút để các tác giả trưởng thành.)

(Đình Quang)

- *Bồ Chao kể tiếp :*

- *Đầu đuôi là thế này : Tôi và Tu Hú đang bay dọc một con sông lớn. Chợt Tu Hú gọi tôi : "Kìa, hai cái trụ chống trời !"*

( Sách thiếu nhi )

2. Đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận trong cùng một câu, cụ thể là :

a/ Đánh dấu ranh giới giữa các thành phần ngoài nòng cốt với nhau và với bộ phận nòng cốt của câu.

Đây là chức năng của dấu phẩy. Ví dụ :

*Tuy nhiên, với quan niệm khá đúng đắn về chuẩn mực công lý và đạo lý cần phải có của con người trong xã hội, đặc biệt là những người có trách nhiệm xã hội, Tú Mỡ và Đồ Phồn đã phác nên nhiều biếm họa sinh động về bọn quan lại, nghị viên.*

( Hà Minh Đức )

b/ Đánh dấu ranh giới giữa các thành phần đồng chức với nhau .

Đây là chức năng của dấu phẩy và, đôi khi, của các dấu gạch ngang, ngoặc đơn và chấm phẩy. Ví dụ :

*(1) Tây Bắc, một hòn ngọc ngày mai của Tổ quốc, đang chờ đợi chúng ta, thúc giục chúng ta.*

(Phạm Văn Đồng)

Trong ví dụ này có hai danh ngữ cùng đóng vai trò chủ ngữ và hai động ngữ cùng đóng vai trò vị ngữ của câu.

Khi hai danh ngữ là thành phần đồng chức như trên thì chúng ta có thể thay hai dấu phẩy đánh dấu danh ngữ thứ 2 bằng :



- Hai dấu gạch ngang, ví dụ : *Tây Bắc - một hòn ngọc ngày mai của Tổ quốc - đang chờ đợi chúng ta, thúc giục chúng ta.*

- Một dấu gạch ngang đứng trước và một dấu phẩy đứng sau, ví dụ : *Tây Bắc - một hòn ngọc ngày mai của Tổ quốc, đang chờ đợi chúng ta, thúc giục chúng ta.*

- Dấu ngoặc đơn, ví dụ : *Tây Bắc ( một hòn ngọc ngày mai của Tổ quốc ) đang chờ đợi chúng ta, thúc giục chúng ta.*

Tuy các dấu phẩy, gạch ngang và ngoặc đơn đều được dùng để đánh dấu ranh giới giữa các thành phần đồng chức, nhưng ngoặc đơn có tác dụng chú thích, còn phẩy và gạch ngang thể hiện sự phát triển ý.

Trong trường hợp hai động ngữ hoặc hai tính ngữ là thành phần đồng chức thì ta chỉ có thể đánh dấu ranh giới giữa chúng bằng dấu phẩy.

(2) *Những tiêu chuẩn đạo đức của con người mới phải chăng có thể nêu lên như sau : yêu nước, yêu nhân dân ; trung thành với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà ; ghét bóc lột, ăn bám và lười biếng ; yêu lao động, coi lao động là nghĩa vụ thiêng liêng của mình ; có tinh thần làm chủ tập thể, có ý thức hợp tác, giúp nhau ; chân thành và khiêm tốn ; quý trọng của công và bảo vệ của công ; yêu văn hoá, khoa học và kỹ thuật ; có tinh thần quốc tế vô sản.*

( Trường Chinh )

Ở ví dụ này, tác giả tổng kết những đặc điểm của con người mới thể hiện trong 9 mối quan hệ và đánh dấu ranh giới giữa những thành phần đồng chức trình bày các đặc điểm ấy bằng dấu chấm phẩy chứ không phải bằng dấu phẩy, là vì dấu phẩy đã được dùng để ngăn cách các thành phần đồng chức trong khi trình bày từng đặc điểm. Sử dụng dấu chấm phẩy, tác giả còn giúp cho người đọc hiểu đúng ý của câu văn. Chẳng hạn, nếu viết: *"Những tiêu chuẩn đạo đức của con người mới phải chăng có thể nêu lên như sau : yêu nước, yêu nhân dân, trung thành với*

sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà, ghét bóc lột, ăn bám và lừa bịp...", thì người đọc, nhất là những ai muốn cố ý xuyên tạc, có thể hiểu *ăn bám* và *lừa bịp* cũng là những đặc điểm của con người mới.

c/ Đánh dấu ranh giới giữa các vế của câu ghép.

Đây là chức năng của dấu phẩy và dấu chấm phẩy. Dấu chấm phẩy được dùng trong những câu ghép mà các vế câu không được nối với nhau bằng cặp kết từ và thường cũng chỉ được dùng khi câu có cấu trúc phức tạp, dấu phẩy đã được huy động để ngăn cách các bộ phận nhỏ của từng vế câu. Ví dụ :

*Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa.*

( Hồ Chí Minh )

*Dưới ánh trăng này, dòng thác nước sẽ đổ xuống làm chạy máy phát điện ; ở giữa biển rộng, cờ đỏ sao vàng phấp phới bay trên những con tàu lớn.*

( Thép Mới )

Ví dụ thứ nhất có hai câu ghép. Câu 1 gồm hai vế, mỗi vế chỉ gồm một nòng cốt khá đơn giản, do đó chúng được ngăn cách bằng một dấu phẩy. Câu 2 phức tạp hơn vì nó gồm hai vế, nhưng bản thân vế thứ 2 lại gồm hai mệnh đề. Tuy thế, không thể dùng dấu chấm phẩy để đánh dấu ranh giới giữa hai vế câu, vì hai vế ấy được nối với nhau bằng cặp kết từ *càng... càng* diễn tả một mối quan hệ lô-gic khá chặt chẽ.

Còn ở ví dụ thứ hai, mỗi vế câu đều có một trạng ngữ được ngăn cách với nòng cốt câu bằng dấu phẩy, vì vậy tác giả phải dùng dấu chấm phẩy ngăn cách hai vế câu để thể hiện mạch lạc các quan hệ ngữ pháp trong câu, tránh gây hiểu lầm.

d/ Đánh dấu ranh giới giữa bộ phận câu có tác dụng chú thích với bộ phận được chú thích và các bộ phận khác của câu.

Tác dụng cụ thể của bộ phận chú thích trong câu là :

- Nêu một tên gọi khác của sự vật được nói ở bộ phận câu đứng trước bộ phận chú thích.

Trong trường hợp này, bộ phận chú thích có thể được đặt giữa hai dấu ngoặc đơn, hai dấu phẩy, hai dấu gạch ngang hoặc một dấu phẩy và một dấu gạch ngang. Ví dụ :

*Đảng Lao động Việt Nam ( trước kia là Đảng Cộng sản Đông Dương ) luôn luôn giương cao và giữ vững ngọn cờ độc lập dân tộc và giải phóng các tầng lớp lao động.*

( Hồ Chí Minh )

*Trước ngày đi làm cách mạng, Phan Văn San, tức Phan Bội Châu, vừa đi học vừa dạy học.*

- Nêu thuật ngữ hoặc tên gọi bằng tiếng nước ngoài tương đương với thuật ngữ hoặc tên gọi bằng tiếng Việt được nhắc tới để người đọc hiểu đúng nội dung của thuật ngữ, của tên gọi mà người viết sử dụng, nhất là trong trường hợp thuật ngữ tiếng Việt là thuật ngữ mới hoặc trong tiếng Việt chưa có thuật ngữ thống nhất hay chưa có cách hiểu thống nhất về một thuật ngữ.

Trong trường hợp này, ta phải đặt bộ phận chú thích trong dấu ngoặc đơn. Ví dụ :

*Lịch sử đã chứng minh rằng chủ nghĩa vô chính phủ (anarchisme) thường là tiền đề cho chủ nghĩa cực quyền (totalisme).*

(Đinh Gia Khánh)

- Nêu nguồn gốc, địa chỉ, năm tháng... có liên quan đến sự vật được nói tới.

Bộ phận chú thích này được đặt trong ngoặc đơn. Riêng trong trường hợp chú thích đồng thời tên tác giả, tác phẩm và số thứ tự của trang tác phẩm được dẫn lời thì người ta thường đặt bộ phận chú thích trong dấu ngoặc vuông. Ví dụ :

Về phương diện sưu tầm, truyện cổ dân gian đã sớm được ghi chép trong các tác phẩm khởi đầu của nền văn học Việt Nam như: **Báo cục truyện**, **Giao chỉ ký**, **Ngoại sử ký** ( thế kỷ XII), **Việt điện u linh của lý Tế Xuyên**, **Lĩnh Nam chích quái của Vũ Quỳnh**, **Kiều Phú** ( thế kỷ XIV - XV ), rồi **Truyện kỳ mạn lục** ( Nguyễn Dữ ), **Thiên Nam vân lục** ( Nguyễn Hành ), **Công dư tiệp ký** ( Vũ Phương Đề ), **Truyện kỳ tân phả** ( Đoàn Thị Điểm), **Vũ Trung tùy bút** ( Phạm Đình Hồ ), **Tang thương ngẫu lục** ( Phạm Đình Hồ, Nguyễn An ).

( Nguyễn Thị Huệ )

Hoàng Tuệ đề cập đến câu đơn bộ cú ( 134; tr. 324 ). Nguyễn Kim Thản nói đến câu đơn phần, câu danh xưng và câu rút gọn ( 103 ; tr. 227, 234 ). Diệp Quang ban bàn khá kỹ về loại câu đặc biệt và câu dưới bậc ( 7 ; tr. 154, 194 ). Trần Ngọc Thêm khi bàn về tính liên kết trong văn bản đã nói tới ngữ trực thuộc ( 110 ; tr. 231 ). Cao Xuân Hạo gọi đây là câu đặc biệt và câu không đề ( 41; tr. 148, 206 ).

( Phan Mậu Cảnh )

- Nêu lời bình phẩm, chỉ dẫn của người viết hay thái độ của nhân vật về sự vật, hành động, đặc điểm hoặc sự việc nói trong câu.

Trong trường hợp này, bộ phận chú thích được đánh dấu bằng các dấu ngoặc đơn hoặc gạch ngang. Ví dụ :

*Cô bé nhà bên ( có ai ngờ )*

*Cũng vào du kích.*

*Hôm gặp tôi vẫn cười khúc khích*

*Mắt đen tròn ( thương thương quá đi thôi ! )*

( Giang Nam )

Giả sử Ngài đánh được chúng tôi đi nữa - đây là một điều viển vông - thì những thắng lợi tạm thời kia chẳng những không tăng thêm mà còn làm tổn thương đến uy tín quân nhân và tư cách ái quốc của Ngài.

e/ Đánh dấu ranh giới giữa bộ phận câu có tác dụng thuyết minh với bộ phận được thuyết minh.

Đây là chức năng của dấu hai chấm. Ví dụ :

*Có một sự hiểu lầm tai hại.: người ta dùng cá nhân luận của phương Tây để tìm hiểu một văn hoá nhân cách luận.*

( Phan Ngọc )

*Nghiên cứu tư tưởng trong thần thoại và truyền thuyết, người ta thường liệt kê ra đủ loại : chủ nghĩa bái vật, chủ nghĩa thần linh, tinh thần chiến đấu với thiên nhiên ác nghiệt, đoàn kết chống xâm lăng, yếu tố tư tưởng duy tâm và siêu hình, yếu tố tư tưởng duy vật và biện chứng thô sơ v.v...Những cái đó đều có phần đúng cả. Bây giờ vấn đề được đặt ra là : trong số các tư tưởng vừa được liệt kê thì tư tưởng nào là chủ yếu, tư tưởng nào là quan trọng nhất đương thời và có tác động nhất trong quá trình tiến hoá của nhân dân về sau?*

( Theo Tâm Vu )

3. Đánh dấu một số bộ phận đặc biệt trong câu, cụ thể là :

- Đánh dấu tên tài liệu, sách, báo được dẫn trong câu. Trong trường hợp này, người ta sử dụng dấu ngoặc kép. Ví dụ :

*Hàng loạt vở như "Tay người đàn bà", "Giác ngộ", "Bên kia sông Đuống", "Trở về", "Giữa vòng vây", "Lý Thôi", "Cái vông"... đã ra đời, tuy chất lượng chưa cao nhưng cũng đã sưởi ấm cho ánh đèn sân khấu ở khắp mọi miền đất nước.*

( Đình Quang )

Trong nhiều văn bản in hiện nay, thay vì đánh dấu tên tài liệu, sách, báo bằng ngoặc kép, người ta in nghiêng, gạch chân hoặc in đậm chúng.

- Đánh dấu nguyên văn lời nói, câu vắn hay từ ngữ của một người nhất định hay của nhân vật trong tác phẩm văn học.

Trong trường hợp chỉ nhắc lại nguyên văn từ ngữ của người nói chứ không nhắc đầy đủ cả câu, ta dùng ngoặc kép để đánh dấu những từ ngữ đó. Ví dụ:

*Giữa lúc văn thơ thế giới, đặc biệt là của phương Tây, đang cộm lên bao nỗi "dần vật", "lo âu", đang kêu lên nỗi "cô đơn", nỗi "không thể giao cảm giữa những đồng loại", buồn rầu tuyên ngôn rằng chúng ta đang đi vào " kỷ nguyên của hoài nghi", rằng "nhân cách đang tan rã ", con người " đang tự đánh mất mình"...thì văn thơ chúng ta lại hùng hực khí thế chiến đấu,tinh thần lạc quan cách mạng, đầy tự tin,đầy yêu thương nhân ái, đầy tin tưởng ở tương lai.*

( Bùi Hiến )

Trong trường hợp dẫn đầy đủ cả câu, cả đoạn của người khác trong văn bản của mình thì ta đánh dấu câu, đoạn ấy bằng dấu hai chấm cùng dấu ngoặc kép. Ví dụ :

*Anh viết bài tùy bút **Con kiến**, nói những suy tưởng về cuộc đời, bằng một lối văn khúc mắc bí hiểm khiến nhiều người đọc không hiểu, thậm chí phản ứng. Tôi kể lại điều đó với anh, anh cười xí xóa bằng một câu thơ "con cóc": " Tấm lòng vẫn **xuối** từ nay xin chừa !"*

( Bùi Hiến )

Trong các sáng tác văn học, lời nhân vật cũng được đánh dấu bằng cách trên hoặc bằng dấu gạch ngang đầu dòng. Ví dụ :

- *Chú mua sách báo cho cháu. Cháu ở tổ bán báo "Xa mẹ " - Nó chỉ vào tấm thẻ.*

- *Còn chú thì ở tổ "Xa vợ " - Nhân vật đùa, nhưng cũng rút tiền ra mua hủ hoạ một tờ báo, nhét đại vào túi áo.*

(Đào Duy Hiệp )

4. Biểu thị một số nội dung nhất định mà không cần dùng lời. Cụ thể :

a/ Biểu thị cách dùng đặc biệt của một số từ ngữ trong câu.

Trong trường hợp này, những từ ngữ có cách dùng đặc biệt được đặt trong ngoặc kép. Ví dụ :

*Có bạn tắc kè hoa  
Xây "lâu" trên cây đa.*

(Phạm Đình An)

Từ "lâu" trong câu thơ trên chỉ cái tổ của con tắc kè.

*Một thế kỷ "văn minh", "khai hoá" của thực dân cũng không làm ra được một tắc sắt.*

(Thép Mới)

Trong câu này, tác giả đặt các từ mà thực dân Pháp thường dùng để biện hộ cho chế độ thực dân của chúng trong ngoặc kép, nhằm biểu thị thái độ mỉa mai, châm biếm đối với sự lạm dụng từ ngữ đó.

b/ Biểu thị sự châm biếm hay nghi ngờ đối với một sự việc hay ý kiến nào đó trong câu.

Trong trường hợp này, người ta đặt sau bộ phận câu trình bày sự việc hay ý kiến ấy một hoặc một vài dấu hỏi hay chấm than trong ngoặc đơn. Ví dụ :

*Trong tất cả cố gắng của các nhà khai hoá nhằm bồi dưỡng cho dân tộc Việt Nam và dìu dắt họ lên con đường tiến bộ (?), thì phải kể việc bán rượu ty cường bức.*

(Nguyễn Ái Quốc)

c/ Biểu thị sự im lặng hàm chứa thái độ ngạc nhiên, nghi ngờ, đau khổ... hay lúng túng...

Để diễn tả điều này mà không cần lời lẽ của người kể chuyện, ta có thể dùng các dấu chấm hỏi, chấm than hay chấm lửng. Ví dụ :

*Vai nữ nói với vai nam cùng diễn :*

*- Trời đất ! Sao anh hôn tôi lâu thế ?*

*Vai nam :*

- Thì lần trước đạo diễn bảo tôi hôn chưa đạt mà.

Vai nữ :

- !!!

( Theo báo **Tiền Phong** )

d/ Tỏ ý còn nhiều sự vật, sự việc, hành động, đặc điểm tương tự những sự vật, sự việc, hành động, đặc điểm đã kể trong câu.

Đây là chức năng của dấu ba chấm. Ví dụ :

*Cơm, áo, vợ, con, gia đình... bó buộc y.*

( **Nam Cao** )

d/ Làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ.

Người ta thường dùng dấu ba chấm để thực hiện điều này. Ví dụ :

*Cuốn tiểu thuyết được viết trên...bưu thiếp.*

( **Báo Hà Nội Mới** )

e/ Biểu thị lời nói còn dang dở hay ngập ngừng, ngắt quãng. Ví dụ:

- "Những dãy tính cộng hàng ngàn con số !" - Pa-xcan nghĩ thầm - "Một công việc buồn tẻ không thể tránh khỏi. Nhưng..." Trong óc nhà toán học trẻ tuổi chợt loé lên một tia sáng.

- Bỗng ông A De cất lên tiếng hú: "Hú...ú...Ba...ác Già...àng Phu...ủ, ra mà đón cháu lên thăm... ăm !"

Các lỗi đáng chú ý nhất về dấu câu là:

1. Ngắt câu sai quy tắc, cụ thể :

a/ Không đánh dấu ngắt câu khi câu đã kết thúc. Ví dụ :

Vào những năm 60 và 70 chúng ta lại được mùa về truyện ngắn, đặc biệt là những truyện ngắn viết về nông thôn, về cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, #50 năm qua đã hình thành một đội ngũ viết truyện ngắn với nhiều phong cách khác nhau ;



Bùi Hiền, Kim Lân, Nguyễn Khải, Hồ Phương, Nguyễn Thành Long, Nguyễn Địch Dũng, Nguyễn Kiên, Nguyễn Sáng, Nguyễn Minh Châu, Ma Văn Kháng, Nguyễn Thị Ngọc Tú, Nguyễn Quang Thân, Đỗ Chu, Nguyễn Phan Hách, Lê Minh Khuê, Triệu Bôn, Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài, Dạ Ngân... #chưa bao giờ nền văn xuôi của chúng ta được mùa truyện ngắn như mấy chục năm gần đây, # nếu tiến hành chọn lọc một cách kỹ càng và thận trọng, chúng ta sẽ có một tuyển tập truyện ngắn Việt Nam rất có giá trị, có thể sánh ngang với bất cứ nền truyện ngắn nào trên thế giới.

( Tạp chí )

Ví dụ trên gồm tới 4 câu. Lẽ ra, tác giả phải đánh dấu chấm ở những chỗ chúng tôi đặt ký hiệu #. Cũng phải nói thêm rằng tác giả còn quên một dấu phẩy sau cụm từ vào những năm 60 và 70.

b/ Đánh dấu ngắt câu ở chỗ câu chưa kết thúc. Ví dụ :

Thẻ tài kịch, tuy có bi, hài, chính kịch... v.v. # Đã nói tới chiến tranh ắt phải có đau thương và mất mát, có thắng lợi chung nhưng tất cũng có những khổ đau của những cá nhân riêng lẻ, nhưng trước kia cũng đã có lúc có quan niệm cho rằng bi kịch đã hết lý do tồn tại trong xã hội chúng ta rồi.

( Tạp chí )

Câu trên mắc tới 3 lỗi về dấu câu :

- Đánh dấu chấm ở chỗ chúng tôi đặt ký hiệu #, khi mới kết thúc một vế của câu ghép.
- Đặt chữ tắt v.v. ( vân vân ) trước dấu ba chấm.
- Không đặt bộ phận chú thích ( đã nói tới... riêng lẻ ) trong ngoặc đơn.

2. Vi phạm quy tắc ngắt các bộ phận của câu, cụ thể :

a/ Không đánh dấu cần thiết để ngắt các bộ phận của câu. Ví dụ :

Những năm 60 là thời kỳ chuyển biến mạnh mẽ về phong cách và phương pháp sáng tác của một số nhà văn trước Cách mạng tháng Tám ( Nguyễn Hồng với *Sóng gấm*, Nguyễn Tuân với *Sông Đà*, Nguyễn Huy Tưởng với *Sóng mãi với Thủ đô*...) #cũng là thời kỳ chín muồi về phong cách của một số nhà văn đã được rèn luyện và thử thách trong kháng chiến chống Pháp (Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Khải, Hồ Phương, Hữu Mai, Chu Văn...).

(Tập chí)

Câu trên chỉ thiếu một dấu phẩy ở chỗ có ký hiệu #, nhưng chính thiếu sót đơn giản ấy làm cho cấu trúc câu kém mạch lạc.

Một dấu câu thiếu lăm khi gây ra những sự hiểu lầm rất tai hại. Người ta kể rằng: Ở một nước nọ có ông đặt vòng hoa gửi viếng bạn. Theo thông lệ, vòng hoa chỉ mang một dòng chữ đơn giản là : *Kính viếng ông X*. Đặt hoa xong, về tới nhà, ngẫm nghĩ lại, thấy dòng chữ ấy đơn giản quá, ông kia viết mấy chữ như sau, gửi cho cửa hàng hoa : *Xin ghi thêm nếu còn chỗ linh hồn ông sẽ được lên thiên đàng*. Kết quả, vòng hoa được gửi tới đám tang mang dòng chữ có nội dung trái với mong đợi của ông khách hàng cầu thả : *Kính viếng ông X. Nếu còn chỗ,linh hồn ông sẽ được lên thiên đàng*. Nguyên nhân chỉ là ông khách quên một dấu hai chấm trong mẫu thư gửi cửa hàng hoa.

b/ Ngắt sai quy tắc các bộ phận của câu. Ví dụ :

*Dây đàn bầu có thể gợi dậy trong lòng ta : yêu, ghét, buồn, vui, giận, hờn và hy vọng.*

( Sách )

Quan hệ giữa bộ phận đứng sau dấu hai chấm với cụm từ *gợi dậy trong lòng ta* là quan hệ giữa bổ ngữ chỉ đối tượng hành động với ngoại động từ biểu thị hành động. Giữa hai bộ phận ấy không thể đặt dấu hai chấm.

3. Lẫn lộn chức năng của các dấu câu.

Thường gặp nhất là các hiện tượng : đánh dấu chấm hỏi sau những câu không phải câu nghi vấn, đánh dấu chấm than sau những câu không phải câu cảm thán hay câu khiến, dùng ngoặc đơn ở chỗ phải dùng ngoặc kép và ngược lại, dùng dấu ba chấm mỗi khi nói đến suy nghĩ hay tình cảm... Sau đây là một ví dụ :

*Đến đây thấy không khí vui vẻ ấm cúng lắm ! Chứ bên Phú Ngọc xuống làm việc phải giữ kẽ lắm, vào nhà ông này chơi, là ông kia nhòm ngó xem ăn uống cái gì ? Bàn luận chuyện gì ?*

(Sách )

Ta hãy tạm bỏ qua hai lỗi ngắt câu sai quy tắc (lẽ ra phải ngắt câu trước cụm từ *vào nhà* và không được ngắt câu trước từ *bàn luận*) để phân tích sự lẫn lộn chức năng của các dấu câu ở đây.

Trước hết, có sự lẫn lộn chức năng giữa dấu chấm với dấu chấm than ở câu đầu của đoạn văn. Câu này chỉ nêu nhận xét của nhân vật, tức là một câu tường thuật. Nó không có ý đề nghị ai làm việc gì, do đó không phải là câu cầu khiến. Nó là một nhận xét khách quan hơn là một tiếng reo đầy xúc động, mặc dù chứa một phó từ chỉ mức độ giàu tính tình thái là từ *lắm*. Do đó, câu này cũng không phải là câu cảm thán. Vì tất cả những lý do đã nêu, ở đây cần đặt dấu chấm, chứ không phải dấu chấm than.

Tiếp theo, ta thấy có sự lẫn lộn chức năng giữa dấu chấm và dấu chấm hỏi ở câu cuối cùng Mặc dù có các từ nghi vấn như *cái gì, gì, câu Vào nhà ông này chơi là ông kia nhòm ngó xem ăn cái gì, bàn luận chuyện gì* vẫn là một câu tường thuật, vì nó chỉ kể lại sự việc, không yêu cầu ai phải trả lời điều gì. Câu ấy cần được kết thúc bằng dấu chấm, chứ không phải dấu chấm hỏi.

### Bài tập 1

Hãy chỉ ra và chữa các lỗi về dấu câu trong những câu dưới đây.

1. Để phòng ngừa tai biến này, tốt hơn hết là kiểm soát các yếu tố nguy cơ có liên quan đến sự tạo xơ vữa động mạch ; kiểm

soát huyết áp, bỏ thuốc lá, hạ cholesterol, tập thể dục để giảm cân nặng, vào mùa mưa, người lớn tuổi nên tránh tắm nước lạnh, không xối nước lạnh đột ngột mà nên xối từng phần trước, tắm xong lau sạch, mặc đồ kín... và khi bất ngờ yếu, ngã đột ngột hoặc hôn mê phải nhanh chóng đưa đến đơn vị y tế gần nhất để được cấp cứu kịp thời chứ không nên cắt, lể, cạo gió... đến khi nặng đưa đến bệnh viện thì rất khó cứu chữa hoặc tử vong trước khi đến bệnh viện.

( Báo )

2. Nói đến cảnh quan Hà Tây, tục ngữ, ca dao, dân ca nhắc nhiều đến núi Ba Vì - Tản Viên, dãy núi này nằm ở phía tây tỉnh là biểu tượng của sự hùng vĩ, ý chí vươn lên của nhân dân và thắng cảnh Hương Sơn (chùa Hương) có động Hương Tích, động đẹp nhất trời Nam.

( Luận án )

3. Cũng thời gian ấy, tại trụ sở Hội nhà văn, chúng tôi có dịp tiếp đón, chuyện trò với một số nhà văn từ các nước phương Tây đến, họ kể rằng ở nước họ, có mấy cây bút cảm thấy tiếng nói của mình hoàn toàn bất lực, không sao hạn chế được những trò bất công tàn ác đảo điên đảo xảy ra hàng ngày trong cái xã hội quanh mình, nên nản lòng bỏ bút và im lặng.

( Tạp chí )

4. Chi bộ ta được thành lập từ ngày 5-2-1996 theo Quyết định số 06 / QĐ của Đảng uỷ quận, cũng theo Quyết định đó Chi uỷ lâm thời gồm 5 đồng chí, đến nay đã được 11 tháng.

( Báo cáo )

5. Chi bộ khối hiện nay gồm 25 đảng viên (đã có lúc tới 30 đồng chí), đây là một chi bộ lớn và có vị trí quan trọng trong cơ cấu tổ chức Đảng bộ quận, chi bộ chúng ta là chi bộ lớn không chỉ bởi số lượng đảng viên đông, mà còn ở chỗ tham gia sinh hoạt chi bộ ta có toàn bộ các đồng chí lãnh đạo Uỷ ban và có 6 đồng chí là Quận uỷ viên trong đó có 3 đồng chí là Thường vụ, có

tới 8 đồng chí là trưởng, phó phòng và có nhiều đồng chí là đảng viên lâu năm.

( Báo cáo )

6. Năm 1962 chính quyền Ngô Đình Diệm thực hiện chính sách dồn dân lập ấp chiến lược, chúng buộc nhân dân xã Hải Phúc chuyển về vùng Phước Môn hoặc ra ven quốc lộ 9 để chúng dễ bề kiểm soát, nhân dân bất hợp tác với địch đã bỏ làng bản, nương rẫy lên tận chân Đốc Miếu ( cao điểm 1001 m so với mặt biển ) Khe Bà Lá, Khe Nai, Các Ba Sai để sản xuất và tham gia kháng chiến, đến năm 1968 chiến tranh ác liệt, địch đánh phá bằng bom đạn, rải chất độc màu da cam, rừng bị tàn phá, cả một vùng hàng ngàn hecta rừng không còn lá xanh, một lần nữa xã Hải Phúc lại di cư lên vùng Tà Rụt, A Ngo, giáp biên giới Lào.

( Báo cáo khoa học )

## Bài tập 2

Hãy phát hiện và nêu cách chữa các lỗi về dấu câu trong những câu sau.

1. Trong một đợt dân sinh viên đi thực tập (anh chồng là cán bộ giảng dạy ở trường đại học). Anh ta đã mềm lòng trước sự quyến rũ (có chủ đích) của cô sinh viên nọ, bước vào một cuộc tình lén lút.

( Báo )

2. Theo số liệu tổng kiểm kê di tích lịch sử văn hoá hữu hình năm 1995 trên địa bàn toàn tỉnh Hà Tây thì thiết chế cũ ở Hà Tây hiện có 2388 di tích. Xấp xỉ gần 1000 dân có 1 di tích. ( Không kể thiết chế mới ).

( Luận án )

3. Văn học dân gian thể hiện tâm lý gắn bó sâu nặng với nơi chôn rau cắt rốn là làng xóm của người Hà Tây. Tâm lý hướng về cội nguồn dân tộc, đề cao lối sống có trách nhiệm với cộng đồng, đặt quyền lợi của cộng đồng cao hơn lợi ích của cá nhân.

Đề cao lối sống trọng nghĩa quý tài, tự hào về quê hương bản quán.

(Luận án)

4. Với sự tự tin thuận lợi của "ta" vẫn là cơ bản, khó khăn tạm thời. Thủ thong thả đi họp tiếp.

(Sách)

5. Soi dạ dày bằng ống soi mềm. Kết hợp với sinh thiết hút niêm mạc dạ dày, sẽ giúp cho việc chẩn đoán xác định bệnh.

(Báo)

6. Mỗi đoạn thơ mang một nhạc điệu riêng vừa mạnh mẽ vừa uyển chuyển. Khi đưa người đọc về với những kỷ niệm xa nên thơ và gợi cảm, khi dồn dập trong những tiết tấu mạnh, Xuân Diệu cho rằng đọc bài thơ Tây tiến như ngâm âm nhạc trong miệng.

(Sách)

7. Sự chênh lệch này cho thấy hiện trạng của các nhóm người hợp thành tộc Bru-Vân Kiều ở đây không như nhau.

Thu nhập trên là tổng số thu nhập quy bằng tiền. So với một chi phí tối thiểu để duy trì đời sống (ăn, mặc, học, chữa bệnh và cưới xin, làm nhà).

(Báo cáo khoa học)

### Bài tập 3

Chỉ ra các lỗi về dấu câu trong những câu sau đây và nêu cách chữa chúng.

1. Ông ta thấy tôi ham vẽ vời rất yêu tôi, giới thiệu tôi học thêm ở trường này.

( Dẫn theo Nguyễn Đức Dân )

2. Quà tôi nhất thiết từ chối, ăn có lúc còn đi, nhưng uống thì tôi thường nhận lời.

( Dẫn theo Nguyễn Đức Dân )

3. Ở những câu thơ nhiều xúc động say mê này có một cái gì tưởng như gân gỏi trùng lặp với quan niệm hưởng thụ tầm thường nhưng thực ra đã có sự khác biệt cơ bản từ bên trong.

( Sách )

4. Tôi đối với người, mà gia đình đã chọn cho, chỉ kính chứ không yêu.

( Sách )

5. Ngoài việc tiếp tục thể hiện những đề tài đấu tranh cách mạng như : "Một đảng viên " các tác giả đã có mặt ở hầu hết mọi diện sống : giảm tô cải cách, chống cưỡng ép di cư, cải tạo công thương nghiệp, đấu tranh thống nhất, giải phóng dân tộc...

( Tạp chí )

6. Ở các tỉnh khác trong cả nước ngoài Đắc Lắc có trên 1600 và 239 người ở Đồng Nai do hậu quả của cuộc di dân sắc tộc chiến lược mà chính quyền miền Nam thực hiện năm 1972 thì trong số 20 tỉnh còn lại có người Bru - Vân Kiều sinh sống, con số cộng lại không quá 100 người.

( Báo cáo khoa học )

7. Để phù hợp với khám phá đối tượng đã nói đến phương pháp nghiên cứu chắc chắn phải là liên ngành và tổng hợp.

( Báo cáo khoa học )

8. Như chúng ta thường thấy trong nghiên cứu khoa học đối tượng, phương pháp và mục đích nghiên cứu có mối quan hệ ràng buộc lẫn nhau.

( Báo cáo khoa học )

#### **Bài tập 4**

Phân tích các lỗi về dấu câu trong những câu dưới đây và nêu cách chữa chúng.

1. Các gia đình hiện đại có hiện tượng này nên giải quyết, xử lý như thế nào. Và đây có phải là tiền đề hay nguyên nhân dẫn đến các xung đột và cuối cùng hậu quả là ly dị không.

( Báo )

2. Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam đã đặt quan hệ với 32 nước " trên thế giới " .

( Dẫn theo Nguyễn Đức Dân )

3. Trong kho tàng truyện kể dân gian phức tạp mà rộng lớn mà Nguyễn Đăng Chi ví như một khu rừng rậm rạp trong đó có nhiều loại cây : " cây to, cây nhỏ, gỗ tốt, gỗ xấu mọc chằng chịt lẫn lộn " không phải hiếm những cốt truyện thuộc thể loại truyện cổ tích...Nhưng việc xác định nó ra sao, theo những tiêu chuẩn nào, từ trước tới nay cùng với việc sưu tầm biên soạn, nhiều soạn giả đã tiến hành việc phân loại, song đã không tránh khỏi sự sơ sài, lộn xộn.

( Tạp chí )

4. Tôi thấy trong văn hoá Việt Nam có bốn vấn đề không thay đổi. Để công thức hoá nó cho tiện, tôi gọi đó là văn hoá bốn F tương ứng với bốn từ Anh đều bắt đầu bằng F : Fatherland " Tổ quốc ", Family " Gia đình ", Fate " Thân phận ", Face " Diện mạo " .

( Tạp chí )

5. Quả thật, tôi không biết nên giải quyết vấn đề ấy như thế nào và bắt đầu từ đâu ? Anh có thể cho tôi một lời khuyên không. Đừng bỏ mặc tôi trong lúc này.

6. Xét về mặt tiềm năng địa lý - sinh thái thì các vùng núi và cao nguyên đều là những vùng giàu có. Ngay từ thời Trần, nhà thơ Nguyễn Bá Thông đã ca ngợi là nơi : bạc vàng châu ngọc đầy rẫy chốn biên cương !

( Báo cáo khoa học )

### 2.1.3. Các lỗi về liên kết câu

Các lỗi về liên kết câu bao gồm ba loại:



- Lỗi về liên kết chủ đề: Các câu trong một đoạn không cùng phục vụ chủ đề của đoạn ấy.

- Lỗi về liên kết lô-gic: Các câu trong một đoạn hay trong một văn bản thể hiện những lập luận thiếu căn cứ hay không nhất quán, hoặc không được sắp xếp theo một trình tự hợp lý.

- Lỗi về liên kết hình thức: Quan hệ về nội dung giữa các câu trong một đoạn hay trong một văn bản không được thể hiện bằng các phương tiện liên kết hay bị thể hiện sai lạc.

Ba loại lỗi trên đây có quan hệ chặt chẽ với nhau, do đó thường thể hiện đồng thời trong văn bản. Ta hãy thử phân tích hai ví dụ:

*1. Không có máu, trái tim của muôn loài sẽ ngừng đập. Thế giới hoang vu, lạnh cóng vì cái chết hãi hùng sẽ ngự trị muôn đời. Vì thế, máu - tình yêu và sự sống là sự thật không thể tách rời. Và ai đó có thể khẳng định rằng: ta và những người thân yêu của ta trong suốt cuộc đời không cần tiếp máu.*

*Từ ngàn xưa, con người đã coi máu là biểu tượng của tình yêu và sự sống, bởi máu có khả năng phục hồi một cơ thể đã bị kiệt quệ vì mất máu quá nhiều, máu có thể đem lại sức mạnh và tuổi xuân cho những người già, máu sẽ đưa trẻ thơ lớn lên cả thể xác, trí tuệ lẫn tâm hồn...*

*Và ngày nay, hiến máu để chuyển máu cứu sống mạng người đã trở thành việc thường xuyên trong đời sống xã hội con người.*

(Báo)

*2. Các yếu tố khác nhau của môi sinh trong môi quan hệ tương tác với nhau đã góp phần làm ô nhiễm môi trường, dẫn tới những sự mất cân bằng tự nhiên. Diễn thế sinh thái đã làm nhiều loài diệt vong, nhiều loài mới thay thế. Chẳng hạn, hổ bắt hươu nai nhiều đến nỗi số hươu nai tụt xuống dưới mức tối thiểu, điều này làm cho chính đàn hổ rồi cũng không còn đông như trước nữa. Hay trong những ao hồ đang cạn dần, từ chỗ hàng đàn cá tung tăng bơi lội, nay nước nông, chỉ có tôm, cua; rong*

rêu thay bằng những cây sen, cây súng. Mai kia, khi ao hồ đã cạn, quần thể giun đất sẽ thay thế tôm, cua, các cây ở cạn sẽ thay thế sen, súng... Môi trường biến đổi hàng năm dưới tác động tự nhiên, nhưng nó biến đổi hàng ngày dưới bàn tay con người. Ngoài ra, còn phải kể đến những thiên tai mà không ai có thể ngăn chặn. Chỉ một lưỡi sét mà tàn phá cả khu rừng hàng nghìn hecta, chỉ một vài trận mưa lớn là lụt lội tràn ngập thung lũng, thành phố (ở đây cũng có tác động xấu của con người khi họ phá rừng lấy gỗ, làm nương...) Tuy nhiên, thiên tai huỷ hoại môi trường chiếm tỉ lệ rất nhỏ so với con người. Hàng triệu tấn chất thải công nghiệp đã góp phần không nhỏ vào việc huỷ hoại môi sinh. Di-ô-xit cac-bon, sun-fua ô-xit cùng hàng loạt thuốc trừ sâu, diệt cỏ như DDT, 2-4-5 T... đã phá hoại sức khoẻ của chúng ta.

Đọc ví dụ 1, ta hãy tạm bỏ qua các lỗi chính tả (*chuyên máu*, lẽ ra phải viết: *truyền máu*), lỗi từ vựng (*máu - tình yêu và sự sống là sự thật không thể tách rời*, lẽ ra phải viết: *máu - tình yêu và sự sống là những cái không thể tách rời*) và lỗi ngữ pháp (*ai đó có thể khẳng định - câu có ý nghĩa khẳng định*, lẽ ra phải viết: *ai có thể khẳng định - câu có ý nghĩa phủ định*; *máu sẽ đưa trẻ thơ lớn lên*, lẽ ra phải viết: *máu sẽ làm trẻ thơ lớn lên*) để tập trung phân tích những lỗi về liên kết câu. Có thể thấy đoạn trích đồng thời mắc cả ba loại lỗi:

- Lỗi về liên kết chủ đề: Câu thứ 4 trình bày một ý không ăn nhập với ý của ba câu đứng trước.

- Lỗi về liên kết lô-gic: Câu thứ 5 lẽ ra phải là câu mở đầu đoạn, và câu thứ 6 cần đứng liền ngay sau câu thứ 4. Ngoài ra, quan hệ nhân - quả mà tác giả thiết lập giữa các câu thứ 1 và thứ 2 với câu thứ 3 là thiếu căn cứ. Từ các câu thứ 1 và thứ 2, chỉ có thể rút ra kết luận là *máu* và *sự sống* gắn bó chặt chẽ với nhau, chứ không thể kết luận là *máu* và *tình yêu* có quan hệ khẳng khít như thế nào.

- Lỗi về liên kết hình thức: Câu thứ 4 cũng như câu thứ 6 không có quan hệ gì về nội dung với các câu đứng trước chúng, do đó không thể dùng từ *và* để nối chúng với các câu đứng trước.

Phân tích ví dụ thứ 2, ta thấy tác giả muốn trình bày hai luận điểm như sau:

- Các yếu tố trong tự nhiên làm ô nhiễm và biến đổi môi trường.

- Con người làm ô nhiễm và biến đổi môi trường nhiều hơn, mạnh hơn so với tác động của các yếu tố trong tự nhiên.

Tuy nhiên, do tác giả không biết trình bày mỗi luận điểm thành một đoạn riêng biệt mà vẫn bản vừa vòng vèo, rối rắm, lại vừa thiếu ý và lạc ý. Để khắc phục tình trạng này, cần làm những việc sau:

- Chuyển câu thứ 6 xuống sau câu thứ 8 để hình thành hai đoạn văn riêng biệt: Đoạn 1 nói về tác động của các yếu tố trong tự nhiên tới môi trường; đoạn 2 nói về tác động của con người.

- Bổ sung vào đoạn 1 một hoặc một vài câu nói về sự ô nhiễm môi trường do tác động của tự nhiên để có đủ luận cứ chứng minh cho luận điểm nêu ở câu 1 (vì những câu có trong đoạn mới chỉ đề cập hiện tượng mất cân bằng sinh thái, chứ chưa đề cập hiện tượng môi trường bị ô nhiễm).

- Bỏ bộ phận nằm trong ngoặc đơn ở câu thứ 7 vì nó không phù hợp với chủ đề của đoạn 1.

- Bỏ hoặc sửa đổi nội dung câu cuối cùng của đoạn 2 vì nó không phù hợp với chủ đề của đoạn này: huỷ hoại *sức khoẻ* không phải là huỷ hoại *môi trường*.

### Bài tập 1

Hãy chỉ ra các lỗi về liên kết câu trong những chuỗi câu sau và nêu cách sửa sai:

1. *Muốn bảo vệ môi trường, trước hết, ta phải hiểu môi trường là gì. Môi trường là mọi thứ bao quanh cơ thể chúng ta.*

Nó gồm hai loại là: môi trường trong cơ thể và môi trường ngoài cơ thể.

2. Năm 19 tuổi, chị đẻ đứa con giai, sau đó chồng mắc bệnh, ốm liền trong hai năm rồi chết. Chị làm quần quật phụng dưỡng cha mẹ chồng, hầu hạ chồng, bú mớm cho con. Có những ngày ngắn ngủi con bệnh lui đi, chồng chị yêu thương chị như một người phát cuồng.

(Dẫn theo Trần Ngọc Thêm)

3. Với bộ răng khoẻ cứng, loài nhện này có thể cắn thủng cả giấy da. Mọi biện pháp chống lại nó vẫn chưa có kết quả vì chúng sống sâu dưới mặt đất. Hiện nay, người ta đang thử tìm cách bắt chúng để điều trị cho những người bị nó cắn.

(Báo)

4. Tại trụ sở, đồng chí Bộ trưởng đã gặp gỡ một số bà con để trao đổi ý kiến về một số chính sách mới của Chính phủ. Mỗi lúc bà con xã viên kéo đến hội trường một đông.

5. Người đấng cai cầm một cái rìu tung lên cho dân làng cướp. Ai cướp được búa thì vào chém.

(Dẫn theo Trần Ngọc Thêm)

## Bài tập 2

Dưới đây là một số đoạn văn của sinh viên viết về vấn đề bảo vệ môi trường. Bạn hãy chỉ ra các lỗi về liên kết câu trong các đoạn văn đó và nêu cách sửa chữa.

1. Trên thế giới đã có nhiều tổ chức bảo vệ môi trường ra đời mà nổi tiếng nhất là tổ chức Hoà bình Xanh. Các tổ chức bảo vệ môi trường ở các nước đã cố gắng hết sức để ngăn chặn việc thải các chất khí độc hại trong sản xuất công nghiệp ra môi trường. Tầng ô-dôn ngày càng mỏng đi và ở nhiều nơi nó đã bị thủng, vì vậy các tia cực tím của mặt trời đã có thể xuyên thẳng xuống trái đất, làm cho nhiệt độ trái đất ngày một tăng và băng ở hai địa cực tan ra khiến nước biển dâng lên, biển lấn đất liền. Để tránh

nguy cơ này, việc chống thải các chất độc hại lên bầu khí quyển là hoàn toàn cần thiết.

2. Bảo vệ môi trường là một đề tài luôn luôn xuất hiện trên các phương tiện thông tin đại chúng. Các nhà khoa học đang tìm mọi cách để làm sạch môi trường, nhưng cố gắng của họ chỉ giúp được phần nào cho công việc to lớn này, bởi đó là công việc cần có sự tham gia của cả loài người. Có rất nhiều vùng biển vắng dầu đây trên mặt nước, cá chết phơi trắng bụng, dẫn đến ô nhiễm nước, mà trong cơ thể chúng ta, nước chiếm 98%, nên cơ thể không thiếu nước được. Người ta có thể nhịn ăn ba ngày, nhưng không thể nhịn uống ba ngày. Mỗi ngày chúng ta hít thở không biết bao nhiêu lần, mà hít vào  $O_2$ , thở ra  $CO_2$ , nên cây xanh có tác dụng rất quan trọng. Nó hấp thụ  $CO_2$  và thải khí  $O_2$ . Nó là người bạn chúng ta, thế mà ta lại tàn phá nó không thương tiếc. Vì vậy, chúng ta cần giáo dục ý thức bảo vệ môi trường từ trường tiểu học và cần tuyên truyền trên đài, báo để mọi người cùng nhau bảo vệ môi trường, giữ cho trái đất mãi mãi tươi xanh.

3. Có không ít sinh vật đã và đang bị chết đi và chính con người đã tiêu diệt chúng. Ở khắp các nước trên thế giới, nhất là các nước phát triển có nền công nghiệp hiện đại, nhà máy nhả lên không gian những dãy núi khói đen kịt, tạo ra một bầu không khí ngột ngạt. Nhiều người dân thành phố thiếu ý thức xả rác ra các ao hồ, sông ngòi - nguồn nước cung cấp cho sinh hoạt hằng ngày của họ, gây ra những căn bệnh nguy hiểm mà chính họ phải gánh chịu. Hằng năm, do nhiều nguyên nhân, hàng tỉ lít dầu bị đổ xuống biển, làm cho các sinh vật nơi đó như chim, cá phải chết. Có những người thường xuyên săn bắt chim, thú, cá, phá rừng lấy gỗ hoặc làm nương, chỉ nghĩ đến cái lợi trước mắt cho cá nhân mà không lường được hậu quả mai sau.

### Bài tập 3:

Hãy chỉ ra những lỗi về liên kết câu trong các đoạn văn bản được trích sau đây:

1. Lý do chọn đề tài: Nhận thức được vai trò to lớn của văn học mà tiêu biểu là truyện cổ tích thần kỳ trong việc hình thành và phát triển cảm xúc thẩm mỹ, trí tưởng tượng sáng tạo và ngôn ngữ cho trẻ em, chọn đề tài này, người viết cố gắng đi sâu vào phương pháp kể sáng tạo chuyện cổ tích thần kỳ vận dụng trong môn " Cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học". Từ đó giúp giáo viên nắm vững phương pháp kể chuyện, phát huy tiềm năng giáo dục, đào tạo của chuyện, sức sáng tạo của họ và năng lực tiếp nhận văn học của trẻ.

2. Lý do chọn đề tài:

1/...

2/ Những năm gần đây, việc nghiên cứu văn hoá /văn học truyền thống trong phạm vi từng tỉnh đã được giới nghiên cứu quan tâm để góp phần chỉ ra sự thống nhất của một nền văn hoá Việt Nam, nhưng đa dạng sắc thái biểu hiện ở từng địa phương.

## 2.2. MỘT SỐ PHÉP BIẾN ĐỔI CÂU TRONG VĂN BẢN

### 2.2.1. Tách câu

Tách câu có nghĩa là tách một bộ phận của câu thành câu riêng biệt. Ví dụ:

*Tôi phải bày ra nhiều trò khác để thấy mình có ích. Như đọc sách. Tôi nghĩ trong kháng chiến mình không có nhiều thì giờ, lại thiếu sách thì nay cố mà đọc.*

(Nguyễn Văn Bổng)

Trong ví dụ trên, *Như đọc sách* không phải là một câu trọn vẹn (độc lập về nội dung và hoàn chỉnh về hình thức). Nó chỉ tương đương với bộ phận trạng ngữ của câu trước, và chúng ta có thể coi đó là một trường hợp tách trạng ngữ thành câu riêng biệt.

Ngoài trạng ngữ, các bộ phận sau đây của câu cũng có thể được tách thành một câu:

- Vị ngữ, ví dụ:

**Trăng lên. Cong vút và kiêu bạc ở góc trời.**

( Nguyễn Thị Thu Huệ)

- Bô ngữ, ví dụ:

**Tôi nghĩ đến sức mạnh của thơ. Chúc năng và vinh dự của  
hơ.**

(Phạm Hồ)

- Định ngữ, ví dụ:

**Mọi người Nga hôm nay đều thích làm giàu. Tiền, đó là mục  
tích. Duy nhất. Cao nhất. Đẹp nhất.**

(Vũ Thư Hiên)

- Một vế của câu ghép, ví dụ:

**Bác dư sức để trở thành một nhà văn lớn châu Âu hay một  
nhà thơ thiên tài châu Á. Nếu như không có chúng ta. Nếu  
như không có những cái khác lớn hơn Bác.**

(Chế Lan Viên)

Việc tách một bộ phận của câu thành câu riêng biệt có nhiều  
tác dụng, cụ thể là:

- Làm nổi rõ thông tin ở nòng cốt câu. Ta hãy thử so sánh  
hai chuỗi câu sau:

(1) Bốn người lính đều cúi đầu, tóc xoã gôi trong lúc tiếng  
đờn vãn cứ khắc khoải vẳng lên những chữ đờn ly biệt, bồn chồn.

(2) Bốn người lính đều cúi đầu, tóc xoã gôi. Trong lúc tiếng  
đờn vãn cứ khắc khoải vẳng lên những chữ đờn ly biệt, bồn chồn.

(Anh Đức)

Nhờ tách trạng ngữ thành một câu riêng mà thông tin nêu ở  
nòng cốt câu trong ví dụ (2) không bị chìm đi như trong ví dụ (1).

- Làm nổi rõ thông tin trong bộ phận câu được tách riêng ra.  
So sánh:

(1) Họ không đủ sức để hiểu được rằng chính nó, cái mơ  
mộng ngày thơ về một thế giới như thế một thời đã cho chúng tôi

*thêm sức mạnh chiến đấu trên những nẻo đường hành quân dài dằng dặc không còn biết tháng biết năm, trong heo hút rừng già Tây Bắc, Việt Bắc, trên những triền núi nhấp nhô Trường Sơn, trong những đêm ngủ hầm khắc khoải tiếng đại bác cầm canh. Mãi mãi, thế hệ chúng tôi cảm ơn cái mơ mộng ấy, cho dù nó không tưởng. Có nó, cuộc đời chúng tôi đẹp hơn rất nhiều.*

(2) *Họ không đủ sức để hiểu được rằng chính nó, cái mơ mộng ngây thơ về một thế giới như thế một thời đã cho chúng tôi thêm sức mạnh chiến đấu. Trên những nẻo đường hành quân dài dằng dặc không còn biết tháng biết năm. Trong heo hút rừng già Tây Bắc, Việt Bắc, trên những triền núi nhấp nhô Trường Sơn. Trong những đêm ngủ hầm khắc khoải tiếng đại bác cầm canh. Mãi mãi, thế hệ chúng tôi cảm ơn cái mơ mộng ấy, cho dù nó ngây thơ, cho dù nó không tưởng. Có nó, cuộc đời chúng tôi đẹp hơn rất nhiều.*

(Vũ Thư Hiên)

Ở ví dụ (2), nhờ tách các trạng ngữ ra thành những câu riêng mà thông tin về hoàn cảnh, không gian và thời gian nói trong các câu ấy được khắc họa rõ nét hơn trong tâm trí người đọc; đồng thời, đoạn văn cũng thể hiện đúng hơn tâm trạng của tác giả, trong đó những kỷ niệm sâu đậm của một thời dần dần hiện lên trong sự suy tư, hồi tưởng, chứ không gây ấn tượng truội đi như trong ví dụ (1).

- Tạo điều kiện để chuyển sang một chủ đề khác.

Trở lại ví dụ nêu ở đầu mục này, chúng ta thấy việc tách trạng ngữ *Như đọc sách* ra thành câu riêng đã giúp tác giả có thể dễ dàng chuyển từ chủ đề *nhàn rồi*, *phải bày ra việc để thấy mình có ích* sang chủ đề *ích lợi của sự đọc sách*.

- Thể hiện những ý nghĩa nhất định trong miêu tả sự vật, sự việc, tâm trạng.

Ở bên trên, khi phân tích đoạn văn của Vũ Thư Hiên, chúng ta đã nhắc tới khả năng của phép tách câu trong việc biểu đạt



tâm trạng con người. Còn trong bài thơ dịch sau đây, sự chia cắt các bộ phận của câu ra thành những câu ngắn liên tục vừa thể hiện được những suy tư trầm mặc của nhân vật trữ tình, vừa gợi được hình ảnh những bông tuyết rơi đều đều, chầm chầm:

*Trắng. Tuyết trắng. Rơi. Rát trắng.*

*Bức thư. Chân thật. Vụng về.*

*Ngắn. Chỉ mấy dòng. Im lặng.*

*Buổi chiều. Buồn. Dài. Ủ ê.*

*Tuyết rơi. Rơi. Sau cửa kính.*

*Chiếc tàu. Nhả khói. Trong phòng.*

*Tôi. Không gì. Làm. Đỡ lạnh.*

*Tôi. Đầy băng. Tuyết. Mùa đông.*

*Mà người. Lẽ ra. Được ấm.*

*Cả anh. Cả tôi. Bất kỳ ai.*

*Người. Với người. Cần thông cảm.*

*Tim đến nhau. Trên đường dài.*

*Rơi. Tuyết rơi. Như vô tận.*

*Bức thư. Ngắn. Chỉ mấy dòng.*

*Dài. Chiều rất dài. Buồn. Chán.*

*Tuyết rơi. Trắng. Trắng. Mùa đông.*

(R. Gamzatốp)

Để tách một bộ phận của câu thành câu riêng biệt, trước hết, chúng ta cần xét xem việc tách câu như vậy là nhằm mục đích gì, có cần thiết không. Sau nữa, cũng cần nhớ:

- Những bộ phận có thể tách thành câu riêng biệt thường phải đứng ở cuối câu. Trường hợp tách câu như dưới đây khó có thể được coi là đúng ngữ pháp:

*Qua cái băng giấy. Kha bỗng nhìn thấy Lý bên kia đường.*

(Sách)

Trong trường hợp này, muốn tách cụm từ *Qua cái băng giấy* thành một câu, ta cần đặt nó ở sau câu *Kha bỗng nhìn thấy Lý bên kia đường*.

- Khi cuối câu có nhiều bộ phận đồng chức, ta có thể tách mỗi bộ phận ấy thành một câu riêng hoặc gộp chúng thành một câu. Để chọn được giải pháp đúng, cần cân nhắc kỹ tác dụng của mỗi cách. Ví dụ, trong đoạn văn đã dẫn của Vũ Thư Hiên có tới 4 cụm từ có thể được coi là trạng ngữ của câu thứ nhất:

(1) *trên những nẻo đường hành quân dài dằng dặc không còn biết tháng biết năm,*

(2) *trong heo hút rừng già Tây Bắc, Việt Bắc,*

(3) *trên những triền núi nhấp nhô Trường Sơn,*

(4) *trong những đêm ngủ hầm hắc, khoải tiếng đại bác cầm canh.*

Tác giả tách cụm từ (1) thành một câu riêng, nhưng lại gộp các cụm từ (2) và (3) thành một câu, mặc dù cả ba cụm từ ấy đều tương đương trạng ngữ chỉ nơi chốn. Đó là vì cụm từ (1) chỉ nơi chốn một cách khái quát, còn các cụm từ (2), (3) chỉ những nơi chốn cụ thể, từ Bắc tới Nam, như là sự cụ thể hoá nội dung cụm từ (1). Cụm từ (4) cũng được tách thành câu riêng, vì nó có ý nghĩa thời gian, đối lập với ý nghĩa không gian của các cụm từ (1), (2), (3).

### Bài tập 1

Trong các ví dụ dưới đây, những bộ phận nào của câu đã được tách thành câu riêng biệt? Các trường hợp tách câu đó có những tác dụng gì?

1. Bà Hà ghét vợ chồng anh xe ra mặt. Nhất là chị vợ.

(Nam Cao)

2. Anh đang nhớ lại. Những đám cháy của cô Mỹ. Mùa gió chướng. Mùi đất nồng cay sau cơn mưa và nỗi nhớ nhà cồn cào, da diết.

(Nguyễn Thị Ngọc Tú)

3. Đó là một nghề đi nhiều, thấy rộng. Gần gũi với thiên nhiên.

(Đỗ Bảo Châu)

4. Bóng họ ngã vào nhau. Ở cuối đường.

(Nguyễn Thị Thu Huệ)

5. Ngày hai lần, tôi nghiên cứu những dáng mặt, những dáng người qua cửa sổ. Áo đến, mắt hút. Áo đi, mắt hút. Trong và ngoài cánh cửa ấy.

(Phạm Thị Hoài)

6. Bộ đội đôi. Mỏi. Buồn ngủ. Ngứa ngứa.

(Dẫn theo Phạm Văn Tình)

7. Từ ngoảnh mặt lên nhìn Hộ ba lần. Ba lần. Từ muốn nói nhưng rồi lại thôi không dám nói.

(Nam Cao)

8. Đời ông có thể kết thúc được rồi. Như nén hương cháy đến đốt cuối cùng được rồi. Tan thành khói được rồi. Vì đã quá dài dặc. đã quá đủ.

(Nguyễn Phan Hách)

9. Con bé Lan mặc bộ tử, áo khoác hồng và mini trắng. Giày cao gót. Môi son. Tóc đỏ như thác.

(Phạm Thị Hoài)

10. Một cặp vợ chồng đang **anh anh em em** ngọt ngào tự nhiên trao đổi với nhau những lời không có địa chỉ người nhận. Ấy là họ đang ngúng nguẩy. Một cán bộ nói trống không với dân.

Rõ ràng là biểu hiện của thái độ cửa quyền đáng phê phán. Xem trong cách xưng hô, ta thấy có một nếp sống, một trình độ văn hoá. Của mỗi cá nhân đã đành. Bên cạnh đó, còn là của toàn xã hội nữa. Lối xưng hô thân mật bằng các từ ngữ chỉ quan hệ thân thuộc có ý nghĩa tốt là thể hiện sự thương yêu, đùm bọc giữa những người đồng bào...

(NMT)

## Bài tập 2

Trong văn bản hành chính sau đây, những câu nào vốn là một bộ phận của câu được tách ra? Tác dụng của phép tách câu ở đây là gì?

Bộ Giáo dục và Đào tạo      Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam  
Số 4180/GD-ĐT                      Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 5 tháng 10 năm 1996

### Quyết định

của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo  
về việc thành lập Hội đồng bộ môn Văn và tiếng Việt  
nhiệm kỳ 1996 - 2000

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Căn cứ Nghị định số 29/CP ngày 30-3-1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 2-3-1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

- Theo đề nghị của ông Vụ trưởng Vụ Tổ chức - Cán bộ

## Quyết định

Điều 1. Thành lập Hội đồng bộ môn Văn và Tiếng Việt nhiệm kỳ 1996 - 1999.

Hội đồng bộ môn Văn và Tiếng Việt là tổ chức tư vấn, giúp Bộ trưởng trong việc thẩm định chương trình, sách giáo khoa, sách hướng dẫn giảng dạy; đóng góp ý kiến cũng như phát hiện, đề xuất và kiến nghị với Bộ trưởng các vấn đề có liên quan đến nội dung và phương pháp giảng dạy bộ môn Văn và tiếng Việt trong các trường phổ thông.

Điều 2. Thành phần của Hội đồng bộ môn Văn và Tiếng Việt gồm có:

Điều 3. Các ông Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức - Cán bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch và Tài chính, thủ trưởng các đơn vị hữu quan và các ông, bà có tên trên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Nơi nhận:

GS. Trần Hồng Quân

- Như điều 3.

- Lưu: VP, TCCB, THPT

### Bài tập 3

Bạn có ý kiến gì về những trường hợp tách câu và không tách câu dưới đây ?

1. Ngay buổi chiều hôm đó. Mặt biển trở lại thanh bình.

(Sách)

2. Đói. Khát. Mệt. Đau đớn và sợ hãi đã làm cho lão hụt hơi.

(Sách)

3. Ai yêu thơ Xuân Diệu... phải thấu hiểu nỗi niềm và duyên nợ của nhà thơ, suốt đời nhớ thương và chờ đợi... Không bao giờ sâu nã, thất vọng, không bao giờ già, mãi mãi ban đầu.

(Sách)

### 2.2.2. Thay đổi trật tự các bộ phận trong câu (thay đổi trật tự từ, đảo ngữ)

Trong tiếng Việt, trật tự từ đóng một vai trò quan trọng. Nó được dùng để thực hiện cùng lúc nhiều chức năng khác nhau. Ít nhất cũng phải kể đến ba chức năng chính sau đây:

1. Biểu thị quan hệ ngữ pháp giữa các từ, các bộ phận trong câu.

Một ví dụ: Giữa các thực từ tiếng Việt có thể có ba kiểu quan hệ ngữ pháp, mỗi kiểu đều có những quy định riêng về trật tự từ. Cụ thể như sau:

- Nếu hai từ có quan hệ đẳng lập với nhau thì, về nguyên tắc, từ nào đứng trước cũng được. So sánh: *tôi và bạn / bạn và tôi; học hay chơi / chơi hay học; thông minh nhưng lười / lười nhưng thông minh...*

- Nếu hai từ có quan hệ chính - phụ với nhau thì trật tự thuận là: từ đóng vai trò chính đứng trước, từ đóng vai trò phụ đứng sau. Thay đổi trật tự này thì vai trò của mỗi từ cũng thay đổi. So sánh: *thêu áo / áo thêu, chị của bạn / bạn của chị; xin vào / vào xin...* Trật tự nói trên cũng có thể thay đổi, nhưng chỉ trong những điều kiện nhất định. Chẳng hạn, bổ ngữ có thể đứng trước động từ vị ngữ, nhưng điều đó chỉ diễn ra trong câu với một số điều kiện về ngữ nghĩa và ngữ pháp. Ví dụ: *Áo nào chị cũng thêu.*

- Nếu hai từ có quan hệ chủ - vị với nhau thì trật tự thuận là: chủ ngữ đứng trước, vị ngữ đứng sau. Trật tự nghịch vị ngữ - chủ ngữ cũng có thể được chấp nhận, nhưng phải đi kèm những điều kiện nhất định. So sánh: *Một người lạ mặt bước vào / Từ cửa bước vào một người lạ mặt.*

## 2. Biểu thị quan hệ thông tin giữa các bộ phận câu.

Thông tin mà một câu truyền đạt thường có hai phần:

- Phần nêu (còn gọi là chủ đề; thuật ngữ tiếng Anh: topic, tiếng Pháp: thème): là bộ phận nêu lên sự vật, sự việc hay tình huống được lấy làm đề tài bàn luận trong câu.

- Phần báo (còn gọi là thuật đề; thuật ngữ tiếng Anh: comment, tiếng Pháp: rhème): là bộ phận truyền đạt thông tin mới về sự vật, sự việc, tình huống nói ở phần nêu cho người nghe, người đọc.

Trong những điều kiện bình thường, phần nêu đứng trước phần báo. Ví dụ:

*(Ấy cũng may chò cô, vợ vẫn mãi ở ngoài phố thế này mà gặp mật thám hay đội con gái thì khôn). Mật thám tôi cũng chả sợ, đội con gái tôi cũng chả cần.*

(Nguyễn Công Hoan)

Ở ví dụ trên, những bộ phận in nét mảnh là phần nêu, còn những bộ phận in nét đậm là phần báo của câu thứ 2.

Cũng có những câu chỉ gồm phần báo, ví dụ:

*(Ấy là một buổi sáng mùa hè năm kia. Tôi đang đứng ngoài cửa gặm mấy nhánh cỏ non điểm tâm.) Bỗng từ đằng cuối bãi tiến lại hai đứa bé.*

(Tô Hoài)

Trong một đoạn văn hay một văn bản, chính sự sắp xếp hợp lý các phần nêu và báo của các câu sẽ tạo ra mạng lưới liên kết chặt chẽ trong đoạn văn hay văn bản ấy. Ta thử phân tích một đoạn văn ngắn để làm rõ điều này:

*Vườn nhà Loan không rộng lắm. Nó chỉ bằng một mảnh*

N1

B1

N2

B2

*sân nhỏ, nhưng có biết bao nhiêu là cây. Mỗi cây có một*

N3

**đời sống riêng, một tiếng nói riêng.**

B3

**Cây lan, cây huệ, cây hồng nói bằng hương, bằng hoa . Cây**

N4

B4

N5

**mơ, cây cải nói bằng lá. Cây bầu, cây bí nói bằng quả... Trăm**

B5

N6

B6

N7

**cây trong vườn đều sinh ra từ đất. Đất chính là mẹ của các**

B7

N8

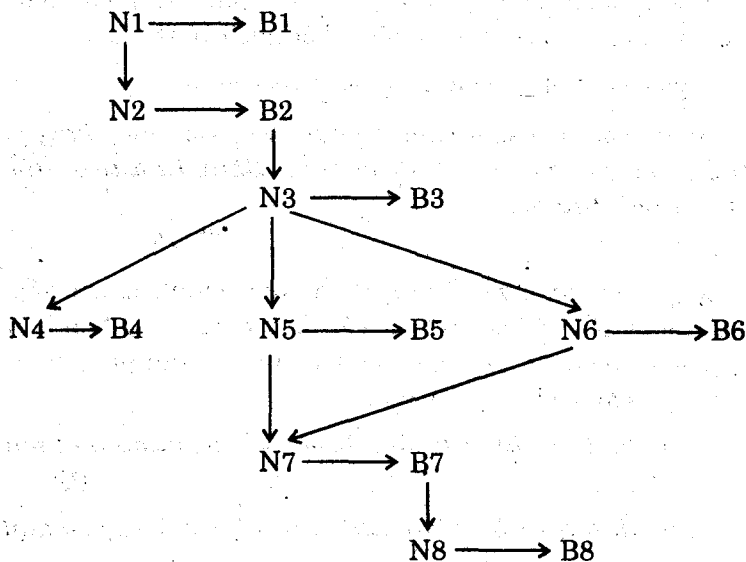
B8

**loài cây.**

(Trần Mạnh Hảo)

Ghi chú: N - phân nêu, B - phân báo, chữ số A-rập là số thứ tự của câu.

Mối liên kết giữa 8 câu trên có thể được biểu thị bằng sơ đồ sau:





### 3. Biểu thị quan hệ logic - ngữ nghĩa giữa các bộ phận câu.

Trong các tổ hợp từ đẳng lập, trật tự thành tố, về nguyên tắc, không cố định. Nhưng cũng không nên nghĩ rằng có thể tùy tiện sắp xếp trật tự thành tố như thế nào cũng được. Mỗi trật tự thành tố có một ý nghĩa riêng, chẳng hạn:

- Biểu thị thứ tự thực hiện hành động, ví dụ:

*Tía nuôi tôi đứng lại nhìn họ một lát rồi bỗng nhiên ông đưa chéo cánh tay phải lên, tay trái áp vào ngực, nghiêng người tới trước, nói cách trình trọng:*

- *Kính chào các ông bạn.*

(Đoàn Giỏi)

Câu trên diễn tả tới 6 hành động của nhân vật. Các hành động được kể theo thứ tự diễn ra trong thời gian.

- Biểu thị thứ bậc của sự vật, ví dụ:

*Buổi tối hôm đó, bà nội, cô giáo và nó ngồi ăn cơm, nói chuyện mãi.*

(Đào Duy Hiệp)

Có thể nêu lên một số biện pháp thay đổi trật tự các bộ phận câu cùng tác dụng của chúng như sau:

#### 1. Đảo vị ngữ lên trước chủ ngữ.

a/ Trong những câu có vị ngữ là nội động từ ( *ngồi, đứng, chày, nổi...*), tính từ chỉ lượng ( *nhiều, ít, đông, đầy, vắng, thưa...*) và từ tượng hình - tượng thanh ( *lênh khênh, sừng sừng, âm âm, róc rách...*), vị ngữ được đảo lên trước chủ ngữ để biểu thị sự xuất hiện, tồn tại hoặc tiêu biến của sự vật. Lúc này, toàn bộ câu là một thông tin mới, không có bộ phận nào là chủ đề. Trừ một vài trường hợp đặc biệt, câu có trật tự vị ngữ - chủ ngữ cần được mở đầu bằng trạng ngữ; vị ngữ và chủ ngữ của nó thường có thành tố phụ đi kèm. Ví dụ:

*Trong cái hang tối tăm bản thủ ấy, sống một đời khôn nạn những người gầy gò, rách rưới.*

(Thạch Lam)

b/ Trong những câu còn lại, vị ngữ đảo lên trước chủ ngữ, nếu nó biểu thị một thông tin đã biết, được lấy làm phân nêu để liên kết với những câu đứng trước. Để có thể thực hiện phép đảo này, chúng ta nối vị ngữ với chủ ngữ đứng sau bằng từ *là*. Ví dụ:

*(Lát sau, thống lý Pa-tra bước vào.) Theo sau thống lý là một lũ thống quán, xéo phải.*

*(Tô Hoài)*

## 2. Đảo bổ ngữ lên đầu câu

Việc đảo bổ ngữ lên đầu câu bắt nguồn từ cùng một lý do như đảo vị ngữ nói ở điểm 1b: bổ ngữ biểu thị một cái đã biết, được lấy làm phân nêu để liên kết với những câu đứng trước. Ví dụ:

*(Cùng lắm, nó có giờ quê, hấn cũng chỉ đến đi ở tù.) Ở tù thì hấn coi là thường.*

*(Nam Cao)*

*(Dỡ nhà đến gần sáng, áo người nào cũng ướt sũng sương, rét run cầm cập mà không dám đốt lửa sưởi.) Bao nhiêu tre nữa, tranh thừa, ông Mờng và hai con gánh về chỗ tập trung, làm một cái nhà nhỏ.*

*(Tô Hoài)*

## 3. Thay đổi vị trí của trạng ngữ

Trạng ngữ có thể đứng đầu câu, cuối câu hay đứng giữa chủ ngữ với vị ngữ.

- Ở vị trí đầu câu, trạng ngữ vừa có tác dụng hạn định nội dung của câu, vừa là phương tiện liên kết giữa câu ấy với những câu đứng trước nó. Ví dụ:

*(Một thời đại vừa chấn mười năm.) Trong mười năm ấy, thơ mới đã tranh đấu gắt gao với thơ cũ, một bên giành quyền sống, một bên giữ quyền sống. (Cuộc tranh đấu kéo dài cho đến ngày thơ mới toàn thắng.) Trong sự thắng lợi ấy, cũng có công*

những người tử xung hữu đột nơi chiến trường, nhưng trước hết là công những nhà thơ mới.

(Hoài Thanh)

- Ở vị trí cuối câu, trạng ngữ tham gia phân báo hoặc một mình làm phân báo, truyền đi tin tức mới nhất. Ví dụ, khi có người hỏi: *Anh nghe đâu tin ấy?*, cấu trúc câu trả lời thích hợp nhất là: *Tôi nghe tin ấy qua ti-vi*, chứ không phải là: *Qua ti-vi tôi nghe tin ấy*.

- Ở vị trí giữa chủ ngữ với vị ngữ, trạng ngữ chủ yếu làm nhiệm vụ hạn định nội dung của câu. So sánh: *Qua ti-vi, tôi nghe tin ấy* / *Tôi nghe tin ấy qua ti-vi* / *Tôi, qua ti-vi, nghe tin ấy*.

### 2.2.3. Đảo câu có ý nghĩa chủ động thành câu có ý nghĩa bị động và ngược lại

Câu có ý nghĩa chủ động là những câu có chủ ngữ biểu thị chủ thể của hoạt động nói ở vị ngữ ngoại động từ, còn bổ ngữ thì biểu thị đối tượng của hành động ấy. Ví dụ: *Thầy khen tôi. Họ xây nhà*. Ngược lại với câu có ý nghĩa chủ động là câu có ý nghĩa bị động: chủ ngữ biểu thị đối tượng của hành động nói ở vị ngữ ngoại động từ trong câu. Trong tiếng Việt có hai kiểu câu mang ý nghĩa bị động, là:

1. Kiểu câu sử dụng các từ *bị* và *được*. Ví dụ: *Tôi được thầy khen*.

Trong kiểu câu này, ta ít khi gặp chủ ngữ là danh từ chỉ đồ vật, Ví dụ, ít ai nói: *Cơm bị nó ăn*, hay *Nhà được nó xây*. Muốn những danh từ này làm chủ ngữ, ta phải thêm một số thành tố phụ nhất định cho nó hoặc cho các thành tố trong mệnh đề bổ ngữ. Ví dụ: *Cơm của tôi bị nó ăn. Nhà được nó xây rất nhanh*.

Một đặc điểm đáng chú ý nữa của kiểu câu này là: ngoại động từ làm vị ngữ trong mệnh đề bổ ngữ vẫn bảo tồn khả năng có bổ ngữ chỉ đối tượng. Ví dụ:

*Con người bị những của cải mà nó đã tạo ra thống trị lại nó và chi phối nó.*

(Nguyễn Đình Thi)

*Nếu không được quan Sứ và quan Giám giúp tao thì tao không biết xoay ra làm sao.*

(Nguyễn Công Hoan)

2. Kiểu câu không sử dụng các từ bị, được. Ví dụ: *Nhà xây rồi.*

Trong kiểu câu này, ta ít gặp chủ ngữ chỉ người và động vật, vì những câu như thế là những câu mơ hồ về nghĩa. Ví dụ, câu *Hổ bắt rồi* có thể hiểu là *Hổ bắt ai đó rồi*, mà cũng có thể hiểu là *Hổ (bị) bắt rồi*.

Cần chú ý là bên cạnh chủ ngữ và vị ngữ, kiểu câu này phải có thêm ít nhất một thành tố phụ bổ sung ý nghĩa cho vị ngữ. Ví dụ:

*Lúc ấy, Quốc tế ca đã dịch sang tiếng ta rồi.*

*Chùa xây từ thế kỷ XIII bởi một nhà sư Ấn Độ.*

Việc đổi câu có ý nghĩa chủ động thành câu có ý nghĩa bị động và ngược lại nhằm hai mục đích:

- Chuyển bộ phận câu chứa thông tin đã biết lên làm phần nêu, đảm bảo liên kết câu với những câu khác.

- Tránh lặp đi lặp lại một kiểu cấu trúc, gây ấn tượng nhàm chán.

Ví dụ:

*(Giữa lúc người thanh niên Việt Nam đang ngập trong quá khứ đến tận cổ thì Thế Lữ đưa về cho họ cái hương vị phương xa.) Tác giả Máy vẫn thờ liền được tôn làm đương thời đệ nhất thi sĩ.*

(Hoài Thanh)

## Bài tập 1

Hãy cho biết: Trong những câu dưới đây, trật tự từ đã được thay đổi như thế nào và vì sao?

1. Nguyễn Tuân có một kho từ vựng hết sức phong phú mà ông đã cần cù tích lũy. Vốn từ vựng ấy, trước Cách mạng tháng Tám, ông thường dùng để chơi ngông với đời.

(Nguyễn Đăng Mạnh)

2. Nói thế nghĩa là nhà cũng túng. Nhưng túng thì túng thật, mà bụng dạ anh ta khá... Cái sự túng làm liêu, anh tinh là không có.

(Nam Cao)

3. - Mà ịnh trốn sư của nhà nước ! Thằng kia ? (...)

- Bẩm lay quan lớn, tiền sư con đã nộp rồi.

(Ngô Tất Tố)

4. - Việc kiện tụng của tôi ra sao, chú có biết không?

- Việc quan tôi nào dám tiết lộ ra ngoài.

(Nguyễn Công Hoan)

5. Anh chặt gà bày vào mâm. Đầu và hai chân, anh bày vào một đĩa riêng.

(Tuyển tập Văn)

6. - Thế mà có cướp nhà Chánh Ngũ không?

- Lay quan lớn, có.

Ông huyện rũ ra cười, hỏi:

- Vậy tiền mà giấu ở đâu ?

(Nguyễn Công Hoan)

## Bài tập 2

Hãy chỉ ra các hiện tượng đảo trật tự từ trong những câu dưới đây và nêu tác dụng của việc đảo trật tự từ.

1. Rôi trong từng không mù mịt sương thỉnh thoảng trút xuống những sợi kim khí mỏng manh hay từng bụi như đùm tơ của một con ngựa không lồ nào đó.

(Chu Văn)

2. Trên các đường băng thẳng tắp qua lại những chiếc xe vận tải quân sự, mỗi chiếc lại dất theo một chiếc máy bay phản lực như con chim rất to.

(Nguyễn Đình Thi)

3. Mọc tận trong kẽ đá một thứ cây gì đó không biết tên, lá dài và xanh sậm như trúc đào, mặt trắng có phấn, cả thân và lá cây đầy khói bom.

(Nguyễn Minh Châu)

4. Khóc thét lên một người mẹ mà đứa con ngã bị những bàn chân dè lên, hát đi.

(Nguyễn Huy Tưởng)

5. Đã hết thời, thứ nghệ thuật khéo léo phấn son mà bên trong mục ruỗng nghèo nàn.

(Nguyễn Đình Thi)

6. Chúng ta thấy đang xuất hiện một thế hệ những người viết văn trẻ đầy hứa hẹn.

(Nguyễn Đình Thi)

7. Tôi muốn xếp riêng vào một dòng những nhà thơ tuy có chịu ảnh hưởng phương Tây nhưng rất ít và cũng không chịu ảnh hưởng thơ Đường. Thơ của họ có tính cách Việt Nam rõ rệt. Đứng đầu dòng này là Lưu Trọng Lư.

(Hoài Thanh)

## 2.3. CHỮA CÁC LỖI THÔNG THƯỜNG VỀ DÙNG TỪ

### 2.3.1. Lập từ

Lập từ nghĩa là dùng nhiều lần một từ trong câu hoặc trong những câu liên kế nhau. Có một số trường hợp, người ta sử dụng phép lập từ như một phương tiện ngôn ngữ phục vụ cho mục đích nhất định. Chẳng hạn:

- Lập từ để liên kết các câu trong văn bản:

*Tre xung phong vào xe tăng, đại bác. Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín. Tre hy sinh để bảo vệ con người. Tre - anh hùng lao động. Tre - anh hùng chiến đấu.*

(Thép Mới)

*Nguyễn Tuân có một kho từ vựng hết sức phong phú mà ông đã cần cù tích lũy. Vốn từ vựng ấy, trước Cách mạng tháng Tám, ông thường dùng để chơi ngông với đời.*

(Nguyễn Đăng Mạnh)

- Lập từ để diễn đạt thật chính xác ý kiến:

*Nhân dân thế giới đồng tình ủng hộ các bản tuyên bố của Chính phủ ta và của Chính phủ nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào.*

Trong câu này, nếu không có từ *của* thứ hai thì người đọc có thể nghĩ rằng các bản tuyên bố được nhắc tới là những tuyên bố chung của hai Chính phủ.

Việc lặp lại các thuật ngữ khoa học trong văn bản khoa học hay lặp lại các từ ngữ cần thiết trong văn bản hành chính - công vụ để tránh gây mơ hồ về nghĩa cũng thuộc trường hợp này.

Ngoài những trường hợp nói trên, việc lặp đi lặp lại một từ trong câu hay trong những câu liên kế nhau khiến cho câu văn, đoạn văn trở nên nặng nề. Nó chứng tỏ sự nghèo nàn về vốn từ của người viết, và được coi là một loại lỗi dùng từ. Ví dụ:

*Có thể nói Chi Phèo có thể trở thành người lương thiện nếu xã hội Chi Phèo sống là một xã hội khác.*

Để sửa những lỗi tương tự câu trên, ta có thể bỏ bớt một từ dùng lặp hoặc thay nó bằng đại từ hay từ đồng nghĩa. Những người viết giàu kinh nghiệm thậm chí còn cố gắng tránh lặp từ trong cả một đoạn văn, nâng tính thẩm mỹ và hiệu quả diễn đạt của đoạn văn lên rất nhiều. Ví dụ:

*Nhge chuyện Phù Đổng Thiên Vương, tôi thường tưởng tượng đến một trang nam nhi, sức vóc khác người, nhưng tâm hồn còn thô sơ và giản dị, như tâm hồn tất cả mọi người thời xưa. Tráng sĩ ấy gặp lúc quốc gia lâm nguy đã xông pha ra trận, đem sức khoẻ mà đánh tan giặc, nhưng bị thương nặng. Tuy thế, người trai làng Phù Đổng vẫn còn ăn một bữa cơm (chỗ ấy nay lập đền thờ ở làng Xuân Tảo), rồi nhảy xuống hồ Tây tắm, xong mới ôm vết thương lên ngựa đi tìm một rừng cây âm u nào, ngồi dựa một gốc cây to, giấu kín nỗi đau đớn của mình mà chết.*

(Nguyễn Đình Thi)

Bên cạnh dạng lỗi lặp nguyên vẹn một từ như phân tích ở bên trên, ta còn gặp hiện tượng sử dụng trong cùng một câu những từ đồng nghĩa với nhau làm thành phần đồng chức thể hiện ý nghĩa liệt kê, lựa chọn hay tương phản, ví dụ:

*Quá trình vượt núi cao là quá trình con người trưởng thành và lớn lên.*

(Sách)

*Những thiệt hại do nạn ô nhiễm môi trường gây ra không thể kể bằng số liệu hay con số cụ thể.*

Đây cũng là lỗi lặp từ, chỉ có một cách sửa là bỏ những từ có nghĩa trùng với từ đứng trước.

### 2.3.2. Dùng từ không đúng nghĩa

Hiện tượng dùng từ không đúng nghĩa thường gặp trong những trường hợp sau đây:

- Người viết không nắm được nghĩa của từ, nhất là các từ Hán Việt, các thuật ngữ khoa học.



- Người viết nhầm lẫn các từ gần âm gần nghĩa với nhau.

Ta hãy xét ví dụ sau:

*Nhiều người dân trong thành phố sử dụng phế thải không hợp lý như tự tiện vất rác ra hồ ao.*

Câu trên dùng sai đến bốn từ: *sử dụng, phế thải, hợp lý* và *tự tiện*.

Theo *Từ điển tiếng Việt* (Hoàng Phê chủ biên), *sử dụng* có nghĩa là "đem dùng vào mục đích nào đó". Vứt rác ra hồ ao không phải là đem dùng nó vào một mục đích nào, do đó không thể gọi là *sử dụng*.

Từ điển trên cũng cho biết: *hợp lý* là "đúng lẽ phải, đúng với sự cần thiết hoặc với lô-gic của sự vật". Vứt rác bừa bãi ra hồ ao là một hành động phá hoại môi trường, có thể bị xử phạt, chứ không đơn giản là chuyện hợp lý hay không hợp lý nữa.

Cũng theo *Từ điển tiếng Việt*, *tự tiện* là "theo ý thích của mình, không xin phép, không hỏi ai cả", chẳng hạn: *tự tiện lục sách của bạn*. Nhưng đối với một hành động mà ở nhiều nước cho là phạm pháp như vứt rác bừa bãi xuống ao hồ thì vấn đề không phải là có xin phép ai hay không. Có lẽ ở đây, người viết muốn dùng một từ gần âm gần nghĩa với *tự tiện* là *tùy tiện* - "tiện đâu làm đó, không có nguyên tắc nào cả" (*Từ điển tiếng Việt*).

Còn về từ *phế thải* thì đây là một động từ, không thể đóng vai trò bổ ngữ cho động từ *sử dụng* được. Ta chỉ có thể nói: *sử dụng chất phế thải*. Nói *sử dụng phế thải* là không đúng với ý nghĩa ngữ pháp của từ này.

### 2.3.3. Dùng từ không hợp phong cách

Dùng từ không hợp phong cách nghĩa là chọn từ không phù hợp với văn cảnh, hoàn cảnh giao tiếp hoặc thể loại văn bản. Ví dụ:

- Con hổ dùng những cái vuốt nhọn hoắt cấu vào người, vào mặt Viên... Nhưng Viên vẫn rần sức quần nhau với chú hổ.

(Dẫn theo Nguyễn Đức Dân)

Gọi con vật bằng các từ vốn chỉ người và có sắc thái tôn trọng như *chú, bác, chị...* (*chú mèo, bác gấu, chị gà ...*) là cách gọi biểu thị tình cảm thân mật, triu mến. đối với nó. Tả một con hổ đang chực xé xác người mà gọi nó bằng *chú* là hoàn toàn không thích hợp với văn cảnh.

- *Lời nhận xét ấy có đúng không? Đúng quá đi chứ! Nào, bạn hãy cùng tôi đi phân tích tác phẩm để hiểu rõ vấn đề.*

Các từ *quá, nào, đi, chứ* và các kết hợp từ *hãy cùng tôi, đi phân tích* dùng trong câu trên chỉ thích hợp với khẩu ngữ, không thể sử dụng trong một văn bản nghị luận được.

Ngược lại với hiện tượng trên, có những tác phẩm văn học tả các nhân vật nói chuyện với nhau mà lời lẽ của họ trang trọng như đang phát biểu trong hội nghị hoặc óng ả như đang làm thơ. Đó cũng là những lỗi về phong cách. Ví dụ:

*Trước lúc đi ngủ, San tâm sự với tôi:*

- *Cháu bị số phận hắt hủi. Giờ thì cả cha và mẹ đều không còn. Cuộc sống cháu chẳng còn ý nghĩa gì nữa.*

*Tôi chưa biết nên an ủi thế nào, cậu ta tiếp:*

- *Có lẽ cháu sẽ chạy sang Đức, Pháp hay Canada. Ở mảnh đất nhón nháo này cháu chẳng còn gì duyên nợ.*

*Nhưng cháu còn người bà - Cuối cùng tôi cất lời khuyên - Người bà ngoại khổ đau và bất hạnh.*

(Sách)

## Bài tập 1

Chỉ ra và chữa các lỗi dùng từ trong những câu sau đây:

1. Hà Tây hiện có 2388 di tích. Xấp xỉ gần 1000 dân có 1 di tích. Đó là những địa điểm tốt thuận lợi để tổ chức các diễn xướng văn hoá dân gian.

(Luận án)

2. Đề tài, chủ đề, nội dung của các bài thơ đa dạng, khác nhau.

(Sách)

3. Chúng ta cần ra sức học hỏi để nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng nhu cầu đòi hỏi của công cuộc kiến thiết xây dựng nước nhà.

4. Theo Pi-a-giê, đến 3 tuổi, để tìm hiểu sự vật xung quanh, trẻ không những chỉ dùng năng lực cảm giác, mà còn thông qua sự suy diễn bên trong với vốn ngôn ngữ đã có.

(Luận án)

## Bài tập 2

Phân tích các lỗi dùng từ trong những câu dưới đây và nêu cách sửa các lỗi đó.

1. Hấn quát lên một tiếng rồi tống luôn một cú đá vào bụng ông Hoat.

(Dẫn theo Nguyễn Đức Dân)

2. Lòng yêu mến thiên nhiên say đắm đã làm người quên nỗi vất vả trên đường đi.

(Sách)

3. Người dân đã <sup>dùng</sup> mượn trí tưởng tượng của mình xây dựng nên những hình tượng kỳ vĩ.

4. Trong các câu chuyện ấy, người nguyên thủy đã được nhân cách hoá rất sinh động.

5. Thân núi Tản Viên đã được thân cách hoá.

6. Đứng trước gương, tôi chợt nhớ tới một kỷ niệm từ hơn hai chục năm trước. Lần đó, tôi chưa vị thành niên, ở một vùng quê, đã táo tợn đưa ra cách xưng hô lạ hoắc: Ba !

Hồi / Lúc / Khi

(Sách)

### Bài tập 3

Các câu dưới đây có một số lỗi chính tả. Hãy chỉ ra những lỗi chính tả ấy và cho biết chúng bắt nguồn từ nguyên nhân nào.

1. Các công trình trên đều giành một phần trình bày về phương pháp kể chuyện.

(Luận án)

2. Ngay từ những ngày đầu <sup>lách</sup> Cách mạng tháng Tám thành công, Nhà nước dân chủ nhân dân đã giành cho tuổi thơ một sự quan tâm đúng mức.

nhà

đảm

(Luận án)

3. Những phương pháp kể sáng tạo truyện cổ tích thần kỳ được đề xuất trong luận án này sẽ được cụ thể hoá bằng những biện pháp có ý nghĩa lý luận và có thể thực hiện được trong phần thiết kế thử nghiệm kể sáng tạo truyện cổ tích thần kỳ Tám Cám.

(Luận án)

4. Và ngày nay, hiến máu để <sup>tr</sup> chuyên máu cứu sống mạng người đã trở thành việc thường xuyên trong đời sống xã hội con người.

(Báo)

5. " Núi Đồi " của Vũ Cao là một bài thơ chữ tình sâu lắng được thể hiện dưới hình thức tự sự.

6. Đồng chí là những người chia xẻ với nhau tất cả, từ tấm chăn trong đêm đông, nụ cười buốt giá ngày sương muối đến những tâm sự và mảnh trăng treo đầu súng.

### Bài tập 4

Chỉ ra các lỗi dùng từ trong những câu sau đây. Phân tích nguyên nhân mắc lỗi và nêu cách sửa lỗi.

1. Trường Sư phạm cấp I Hà Nội vừa tổ chức mấy đợt xâm nhập thực tế phổ thông cho cả thầy lẫn trò.

(Báo)

2. Hoạ sĩ Phạm Việt Song nhấp nháy bộ ria mép quen thuộc:

- Nhà báo định phỏng vấn ư ?

(Báo)

✓ ③ Từ đó người ta thấy tính chất <sup>quan</sup> ngghiêm trọng của việc nghiên cứu tìm cách thay thế máu khi phải mổ xẻ, bằng những thế chất nhân tạo.

(Dẫn theo Nguyễn Đức Dân)

4. Năm nay 61 tuổi (...) ông vẫn mặc bộ đồ xanh công nhân, chiếc bảng tên nhỏ đeo trước ngực, đôi bàn tay nhỏ và mái tóc sửa soạn bạc trắng.

(Dẫn theo Nguyễn Đức Dân)

5. Trong những năm khôi phục kinh tế, mới có ít ngày thôi mà đất nước ta đã thay lòng đổi dạ, những mái nhà dạ cứ lùi dần cho ngôi mới.

(Dẫn theo Nguyễn Đức Dân)

### Bài tập 5

Phân tích các lỗi dùng từ trong những câu sau và nêu cách sửa các lỗi đó.

1. Trước đây thiên nhiên thật phong phú, giàu đẹp ghê gớm, nhưng ngày nay nó còn giữ được sự phong phú, giàu đẹp nữa hay không ? Chắc hẳn là không rồi.

2. Vậy ta phải làm một cái gì đó cho thiên nhiên chứ nhỉ ?

3. Giữa thế kỷ 17, nhà sinh lý học người Anh Hec-vay đã phát minh ra nguyên lý tuần hoàn của máu. Và 40 năm tiếp theo, nhiều lần con người đã lấy máu súc vật chuyển thử cho người, đều dẫn đến những kết quả bi thảm. Chao ôi, sự dốt nát đã biến tình thương thành tội ác.

(Báo)

4. Công ty chúng tôi xin phiền các anh ở Sở giúp giải quyết cho ngay vấn đề này. Được như thế, chúng tôi rất lấy làm cảm ơn.

(Công văn)

## 1. TÌM HIỂU QUY TẮC VIẾT HOA VÀ QUY TẮC PHIÊN ÂM TIẾNG NƯỚC NGOÀI.

Quy tắc viết hoa và phiên âm tiếng nước ngoài nằm trong khuôn khổ những quy định chung về chính tả hiện hành.

Từ tháng 11/1980 Bộ Giáo dục Việt Nam, nay là Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã công bố "Một số quy định về chính tả trong sách giáo khoa cải cách giáo dục", xem đây là cơ sở quan trọng để thống nhất chính tả trong cả nước. Sau đây là những quy định quan trọng:

### 1. Quy tắc viết hoa:

a. Viết hoa tên người: Tên người Việt Nam được viết hoa chữ cái đầu tất cả các âm tiết, ví dụ: Trần Hưng Đạo, Lê Văn Hưu, Tú Xương, Nguyễn Thị Minh Khai,...

Riêng tên người một số dân tộc ít người trong nước nếu được phiên âm thì viết hoa chữ cái đầu ở mỗi bộ phận của tên và giữa các âm tiết trong cùng một bộ phận thì có dấu gạch nối, ví dụ: Y Ngông niê- kđăm, Kơ- pa Kơ -long...

Tên người nước ngoài phiên âm ra tiếng Việt được viết hoa chữ cái đầu ở mỗi bộ phận của tên, và giữa các âm tiết trong cùng một bộ phận cũng có dấu gạch nối. ví dụ: Tô mát Ê đi xơn, I- u -ri Ga- ga -rin, Vla- đi- mia I- lich Lê- nin... Riêng tên người nước ngoài được phiên âm qua âm Hán Việt thì viết hoa như viết tên người Việt Nam, ví dụ: Tư Mã Thiên, Thành Cát Tư Hãn, Bá Đa Lộc, Nã Phá Luân...

b. Viết hoa tên địa lý: Tất cả tên sông, núi, tỉnh, thành phố, quận, huyện, thị xã, phường, thôn... Việt đều được viết hoa

chữ cái đầu ở mỗi âm tiết, ví dụ: Trường Sơn, Cửu Long, Sài Gòn, Hà Nội, Cà Mau, Hoàn Kiếm, Mê Linh, Bạc Liêu, Lạng Sơn, Thanh Xuân Bắc, Đồng Nhân, Quảng Phú, Bao La...

Một số tên địa lý phiên âm từ tiếng dân tộc ít người thì chỉ viết hoa chữ cái đầu ở mỗi bộ phận của tên và giữa các âm tiết trong cùng một bộ phận có gạch nối, ví dụ: Krông a -na, Y- a- li, Chư- pa...

Tên núi, sông, thành phố, tỉnh, làng, xã... nước ngoài được phiên âm ra tiếng Việt cũng viết hoa chữ cái đầu của mỗi bộ phận và giữa các âm tiết trong cùng một bộ phận có dấu gạch nối, ví dụ: Xanh Pê- téc -bua, Ê -vơ- ret, Béc- lin, Cô -xta Ri -ca... Riêng các tên địa lý nước ngoài được phiên âm qua âm Hán- Việt thì viết hoa như tên địa lý Việt Nam, ví dụ: Tiệp Khắc, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Bắc Kinh, Luân Đôn, Ba Lan...

c. Viết hoa tên các tổ chức chính trị, xã hội: Đối với các cơ quan, tổ chức xã hội... thì viết hoa chữ cái đầu của âm tiết đầu tiên và các âm tiết biểu thị tính chất riêng biệt của tên, ví dụ: Bộ Ngoại giao, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm Ngoại ngữ Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo...

### Ghi chú:

- Các từ chỉ phương hướng (đông, tây, nam, bắc...) chỉ viết hoa khi được dùng trong tên riêng địa lý, ví dụ chúng ta có: miền tây của Tây Đức, bờ biển phía nam của vùng Đông Nam Á...

- Những từ vốn là tên riêng địa lý nhưng theo thời gian đã mất tính chất là tên riêng, chuyển sang chỉ chủng loại thì không phải viết hoa, ví dụ: mục tàu, cá rô phi...

- Tên chức vụ, danh hiệu có thể viết hoa để tỏ ý kính trọng, ví dụ: Thủ tướng, Phó Thủ tướng, Anh hùng Lao động, Bà mẹ Anh hùng, Nhà giáo Nhân dân...

## 2. Quy tắc phiên âm:

Trong các văn bản khoa học chúng ta thường gặp các tên riêng nước ngoài và các thuật ngữ quốc tế. Có ba cách xử lý các từ ngữ này, phụ thuộc vào loại hình văn bản trong đó chúng xuất hiện: để nguyên dạng, chuyển tự hoặc phiên âm.

a. Cách viết nguyên dạng được dùng trong các sách báo, tạp chí chuyên môn, trong các tiểu luận, luận văn đại học và sau đại học. Chẳng hạn, theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong thư mục của luận văn sau đại học, chữ Nga, chữ Trung Quốc, chữ Thái... đều phải để nguyên dạng, không dịch.

b. Cách chuyển tự (chuyển từ các chữ cái tiếng nước ngoài thành chữ cái Việt Nam) cũng được dùng trong các văn bản chuyên môn.

Khi chuyển tự ta viết liền cả từ, không có gạch nối giữa các âm tiết và cũng không đánh dấu thanh.

c. Cách phiên âm được dùng trong các sách báo phổ cập. Khi phiên âm cần viết rời từng âm tiết, giữa các âm tiết trong cùng một bộ phận có gạch nối, các âm tiết không đánh dấu thanh.

Ví dụ: Xanh Pê- tec- bua, Na- pô- lê- ông Bô- na- pac, Vla- đi- mia I- lich Lê- nin...

Nếu chữ viết trong nguyên ngữ dùng thuộc hệ la-tinh thì giữ nguyên dạng như trong nguyên ngữ, có thể giản lược các dấu phụ nếu thấy cần thiết (như các dấu phụ trong ô, ẽ,...).

Nếu chữ viết nguyên ngữ không thuộc hệ chữ la-tinh thì dùng lối chuyển tự được quy ước sang chữ cái la-tinh.



## **Chú ý:**

- Tên sông, núi v.v...không thuộc riêng một nước nào và tên các tổ chức quốc tế thì viết theo dạng chữ thống nhất và phổ biến nhất trên thế giới (kể cả tên viết tắt, nếu có), ví dụ: Mekong, UNESCO, Himalaya... Nhưng nếu là tên có ý nghĩa và thường được dịch nghĩa thì viết theo lối dịch nghĩa, ví dụ: Biển Đen (hay Hắc Hải), Liên Hiệp Quốc...

- Một số tên riêng, nhất là tên đất, tên nhân vật lịch sử đã quen dùng từ lâu thì, nói chung, giữ nguyên cách gọi cũ, ví dụ: Pháp, Đức, Hy Lạp, Thích Ca...

- Trong các sách giáo khoa ở các lớp dưới, có thể áp dụng đồng thời hai cách viết tên riêng nước ngoài: viết nguyên dạng (hoặc chuyển tự) và phiên âm - đặt trong ngoặc đơn, ví dụ: Shakespeare (Sêch-xpia), Curie (Quy-ri), Tchaikovski (Chai-cốp-xki)...

### **Bài tập 1:**

Nhận xét về cách viết hoa trong đoạn văn sau đây:

*Tôi còn nhớ lúc đó Cụ Toàn (Giáo Sư Viện Sĩ Nguyễn Khánh Toàn), Chủ nhiệm uỷ ban Khoa Học Xã Hội đã là người thành lập ra Ban Đông Nam Á. Định hướng của Ban lúc mới thành lập là:*

- 1. Nghiên cứu Lịch sử và Văn hoá Đông Nam Á.*
- 2. Lấy Việt Nam làm địa bàn thực địa để có tư liệu so sánh đối chiếu với lịch sử, văn hoá các nước khác, đặc biệt là các nước ở bờ biển phía Nam của Đông Nam Á.*
- 3. Làm rõ tác động của văn hoá Trung quốc và ấn độ đối với Việt nam và các nước ở Đông Nam Á.*

### **Bài tập 2:**

Anh chị có nhận xét gì về cách phiên âm, viết hoa trong các câu sau đây:

1. Ông Đào trọng Thi, Hiệu Trưởng Trường Đại Học Tổng Hợp Hà Nội đã tiếp ông Chủ Tịch trường đại học I- li- noi.

2. Vừa qua ở Mát-xơ-cơ-va đã khai mạc hội chợ Quốc tế Hàng không.

3. Người Tàu đã làm được thứ mực Tàu nổi tiếng cả thế giới.

## 2. CHỮA CÁC LỖI THÔNG THƯỜNG VỀ CHÍNH TẢ.

Có thể nói chính tả là một vấn đề có tính phổ quát đối với mọi thứ chữ viết ghi âm được dùng hiện nay trên thế giới. Ở mỗi thứ chữ viết ghi âm, bao giờ cũng có vấn đề nên viết thế nào cho đúng chính tả. Sở dĩ có tình trạng này là do những nguyên nhân sau đây:

- Luôn luôn có trình trạng không khớp nhau hoặc ít hoặc nhiều giữa âm và chữ. Như mọi người đều biết, chữ viết ghi âm được đặt ra là để ghi lại ngôn ngữ âm thanh. Nhưng ngôn ngữ âm thanh của con người thì luôn biến đổi theo thời gian, còn chữ viết thì lại có xu hướng bảo thủ. Qua thời gian, sự khác biệt giữa âm và chữ tích tụ ngày càng nhiều (lấy trường hợp tiếng Anh làm ví dụ) gây khó khăn cho chính tả.

- Trong một đất nước thống nhất, dùng chung một ngôn ngữ thì bao giờ cũng tồn tại nhiều phương ngữ khác nhau, với những cách phát âm khác nhau dựa trên cơ sở một chính tả chung. Điều này dẫn đến tình trạng có nhiều lỗi chính tả đặc trưng cho từng vùng. Chẳng hạn, chính tả phân biệt *tr* và *ch*, *s* và *x*... nhưng phát âm của người Hà Nội không có sự phân biệt này, vì vậy họ dễ viết lẫn lộn các chữ này với nhau, trong khi đó phát âm của người miền trung lại không phân biệt thanh hỏi/ thanh ngã nên khi viết họ thường nhầm lẫn các thanh ấy v.v...

Một điều cần lưu ý là chính tả tiếng Việt về cơ bản đã thống nhất trên toàn quốc từ rất lâu. Người Hà nội, người Huế, người Sài Gòn... tuy giọng nói có khác nhau về âm sắc nhưng đều hướng tới một chính tả chung. Và có thể nói, chữ Quốc ngữ, với

nên tăng chính tả chung này đã phản ánh tình cảm thống nhất về ngôn ngữ dân tộc và là một trong những di sản quý báu mà các thế hệ cha anh đã để lại cho chúng ta. Di sản quý báu này, chúng ta cần tôn trọng, nâng niu, vun đắp.

Trong thực tế, những lỗi chính tả thường gặp trong tiếng Việt khá đa dạng, phản ánh bức tranh phương ngữ đa dạng của tiếng Việt trên các miền đất nước. Để giải quyết vấn đề chính tả, người ta có thể đề nghị các cách sau:

1. Tập phát âm cho đúng. Phát âm đúng ở đây được hiểu là phát âm theo những phân biệt đã được ghi nhận trong chính tả, chẳng hạn người Hà Nội hãy cố phát âm phân biệt tr với ch, s với x, r với d và gi..., người Huế hãy cố phát âm phân biệt thanh ngã và thanh hỏi, âm t cuối và c cuối..., người Sài Gòn ráng phát âm một cách khác biệt v với d/gi v.v... Cách này có phần phi lý, bởi lẽ muốn phát âm đúng như chính tả thì phải biết chính tả trước đã. Thêm vào đó, thay đổi thói quen phát âm là một chuyện đòi hỏi rất nhiều thời gian, và phần nào viển vông trong tình hình ở nước ta hiện nay chưa có một cách phát âm thực tế nào có thể được coi là chuẩn.

2. Cố gắng nhớ từng từ một. Nắm vững chính tả là một quá trình rèn luyện cực kỳ lâu dài, thông qua các hoạt động đọc, viết hàng ngày. Tất cả những người viết giỏi đều đã phải trải qua quá trình rèn luyện như vậy. Tuy nhiên, đây là một phương pháp khó thấy ngay được kết quả, đòi hỏi người ta phải nhẫn nại, khổ công.

3. Dùng các mẹo chính tả. Các mẹo chính tả có tác dụng như những "đơn thuốc" mà các nhà ngôn ngữ học đã pha chế cho chúng ta (bằng cách hệ thống hoá các hiểu biết thực tế và các tri thức ngữ học thành những công thức giản tiện), giúp cho việc chữa những lỗi chính tả hàng ngày. Tuy nhiên, vấn đề là không hề có một mẹo nào vạn năng để có thể giải quyết mọi lỗi, mà mỗi mẹo chỉ có thể giúp chữa một loại lỗi nào đó, chẳng hạn mẹo

phân biệt dấu *hỏi/ngã*, mẹo phân biệt *tr/ch*, mẹo phân biệt *s/x*... Do đó, để giải quyết tất cả các lỗi cần phải có rất nhiều mẹo khác nhau đến nỗi việc nhớ được một số mẹo trong số đó đã cũng là một vấn đề nan giải. Đó là chưa kể đến sự thể các mẹo thường có những ngoại lệ nhất định, cũng đòi hỏi nhiều công sức để ghi nhớ.

Về mặt phương pháp luận, việc giải quyết lỗi chính tả phải phù hợp với đối tượng. Bởi vì, người Việt viết sai chính tả một cách rất khác nhau tùy theo tiếng địa phương của mình. Công việc đó phải được chú trọng ở nhà trường phổ thông, thông qua một quá trình rèn luyện nghiêm túc, và bằng cách kết hợp nhiều biện pháp khác nhau. Trong khuôn khổ một giáo trình tiếng Việt thực hành, chúng tôi, trên cơ sở kế thừa kết quả của các nhà nghiên cứu đi trước, chỉ có thể trình bày một cách tóm tắt những lỗi tiêu biểu cho một số địa phương, đưa ra những chú giải cần thiết cũng như giới thiệu một vài mẹo có tính thực dụng giúp giải quyết phần nào những lỗi đó. Nhiều mẹo chính tả ở đây được chúng tôi rút từ cuốn "*Chữa lỗi chính tả cho học sinh*" (Nhà xuất bản giáo dục - 1982) của Phan Ngọc. Để tiện cho việc trình bày, chúng tôi tạm chia các lỗi chính tả tiếng Việt ra làm 3 loại là: các lỗi về thanh điệu (dấu thanh), các lỗi về vần và các lỗi về phụ âm đầu.

## 2.1. Các lỗi về thanh điệu.

Đây chủ yếu là lỗi lẫn lộn *thanh hỏi* với *thanh ngã*, một lỗi rất phổ biến ở Trung Bộ và Nam Bộ, nơi mà cách phát âm không có sự phân biệt hai thanh này với nhau. Chỉ ở đồng bằng Bắc Bộ mới có sự phân biệt rõ ràng hai thanh này trong phát âm, và do vậy, trong chữ viết. Tuy nhiên, đối với một số từ Hán-Việt ít gặp thì người ở Bắc Bộ cũng có thể viết lẫn lộn *hỏi/ngã*.

Để chữa lỗi này có thể sử dụng các mẹo sau đây:

## 1. Mẹo bồng trầm trong láy âm.

Mẹo này áp dụng cho những từ láy âm tiếng Việt; có thể được diễn giải như sau: Trong một từ láy âm song tiết thì các tiếng (âm tiết) của nó bao giờ cũng mang dấu cùng hệ trầm hay bổng. Hệ bổng gồm 3 dấu thanh là: thanh không (trong chính tả viết không đánh dấu), thanh hỏi và thanh sắc. Hệ trầm gồm 3 dấu thanh còn lại là: thanh huyền, thanh ngã và thanh nặng. Có thể dễ dàng nhớ sự phân bố các thanh trong hai hệ này qua câu lục bát sau:

Chị Huyền mang nặng ngã đau

Hỏi không sắc thuốc lấy dâu mà lành.

Theo mẹo này, chẳng hạn trong "vần vợ" thì vợ thuộc hệ bổng (thanh không) nên vần phải mang dấu hỏi cùng hệ. Ngược lại, trong "ngỡ ngại" thì ngỡ thuộc hệ trầm nên ngỡ phải mang dấu ngã cùng hệ.

Vậy nếu gặp một tiếng (âm tiết) mà không rõ viết với dấu hỏi hay dấu ngã thì hãy thử cấu tạo một từ láy âm song tiết có chứa tiếng (âm tiết) đó, sau đó căn cứ vào dấu thanh của âm tiết láy âm với nó mà xác định dấu thanh của nó theo mẹo bồng trầm.

Các ví dụ về hệ bổng:

- Dấu hỏi đi với dấu không: thơ thần, ngỡ ngần, vần vợ, đảm đang, rảnh rang, bảnh bao, nhỏ nhen, hằm hiu...

- Dấu hỏi đi với dấu sắc: ngờ ngần, vợ vẫn, sáng sủa, gắt gỏng, đất đỏ, vất vả, hỏi hả, hắt hủi, ngán ngẫm, vắng vẻ, mát mẻ, pháp phỏng...

Các ví dụ về hệ trầm:

- Dấu ngã đi với dấu nặng: nững nịu, rộng rãi, lộng lẫy, rộn rã, vật vã, sạch sẽ, gọn ghẽ, vội vã, tấp tễnh, hậu hĩnh...

- Dấu ngã đi với dấu huyền: hãi hùng, ngõ ngang, đẽ dàng, đở dạnh, trẽ tràng, mỹ miều, số sàng, lỗ làng, kỹ càng, loã lồ, vôi vình...

Mẹo này có mấy ngoại lệ cần nhớ: vồn vẹn, ngoan ngoãn, khe khẽ, se sẽ, bên bĩ...

## 2. Mẹo "lãi -lời -lợi" và "tản- tán- tan":

Mẹo này áp dụng quy luật bổng trầm cho một số tiếng cùng gốc hay gần nghĩa với nhau, và có thể được diễn giải như sau: Các tiếng (âm tiết) cùng gốc hay gần nghĩa với nhau sẽ mang dấu cùng hệ với nhau, ví dụ cùng hệ bổng: tản- tán- tan, cùng hệ trầm: lãi -lời -lợi.

Chẳng hạn, với mẹo này ta có:

### a. Theo lãi -lời -lợi:

Lãi -lời: dẫu- dẫu, cũng- cùng, mồm- mồm, dẫy- dẫy, ngõ -ngò, cỏi -còi...

Lãi -lợi: trên- then, cỏi -cội, dổ- đậu, mào- mào, chũ- tự, cưỡng - gưỡng, quấy - quậy...

Lãi- lãi: ngẫm -gẫm, rửa -vũa, hăng- hăng, rã- bã, khẽ -sẽ, dôi -rôi...

### b. Theo tản- tán- tan:

Tản- tán: rải -rối, phản- vản, bản- vốn, bảo- báo, phổi -phế...

Tản- tan: chứa -chứa, tủa- tủa, quảng- quảng, vênh -vênh...

Tản -tản: bỏ -mỏ, nhỏ- rỏ, xẻ -chẻ, phỏng- bỏng, vổng- chổng...

Có vài ngoại lệ cần nhớ đối với mẹo này, như trĩ liên quan đến trẻ...

### 3. Mẹo "minh nên nhớ viết là dấu ngã":

Mẹo này áp dụng cho phần lớn các từ Hán- Việt, và có thể được diễn giải như sau: Các âm tiết Hán- Việt, trong trường hợp có sự phân vân nên viết với dấu hỏi hay dấu ngã, mà được bắt đầu bằng một trong những âm trong câu trên đây như: m (minh), n (nên), nh (nhớ), v (viết), l (là), d (dấu), ng (ngã) thì được viết với dấu ngã. Ngoài ra thì được viết với dấu hỏi (với trên 20 ngoại lệ).

Theo mẹo này, chẳng hạn, ta có các âm tiết Hán- Việt được viết dấu ngã như sau:

- với m: mẫn cảm, mãnh liệt, mẩu số, mẫn khoá, mỹ lệ, miễn phí...

- với n: não trạng, nữ nhi, tâm nã, nỗ lực...

- với nh: nhân nại, truyền nhiễm, nhã n quan, tham nhũng, tao nhã, thổ nhượng, nhũ hoa...

- với v: uy vũ, vĩ độ, vĩ đại, vãng lai, viễn thị...

- với l: lữ khách, lão tướng, lễ độ, kết liễu, thành lũy...

- với d: dũng mãnh, dưỡng sinh, kiều diễm, hoang dã...

- với ng: bản ngã, ngoại ngữ, ngưỡng mộ, nghĩa hiệp, quân ngũ...

Như đã nói, các âm tiết Hán- Việt không được bắt đầu bởi 7 âm trên sẽ được viết với dấu hỏi. Tuy nhiên cần lưu ý đến khoảng trên hai mươi ngoại lệ như trong các từ sau: *kỹ năng, bãi khoá, bĩ cực, phẫu thuật, linh cữu, tống tiễn, thực tiễn, hoả tiễn, tiêu trừ, ấu trĩ, huyễn tướng, tích trữ, hỗ trợ, hỗn chiến, hãm tài, phóng đảng, cùng quẫn, thư xã, hữu dụng, hữu phái, trì hoãn, công quỹ, cường đoạt, tuần nạn, kỹ nữ, thi sĩ...*

## 2.2. Các lỗi về vần:

Các lỗi về vần được quan sát thấy ở cả 3 miền đất nước. Có điều, mỗi miền mỗi khác nhau. Chẳng hạn, người Bắc Bộ lẫn lộn -iu với -ưu, -iêu với -ươu, người Nam Bộ và Nam Trung Bộ lẫn lộn -iu với -iêu, -ươu với -ưu, -ang với -an, -iêt với -iêc v.v... Sau đây là một số lỗi có thể tạm coi là tiêu biểu:

### 1. Lẫn lộn -iêu/-iu/-ưu.

Để khắc phục lỗi này, cần nhớ là vần -iu chỉ xuất hiện trong một số từ như lúu lười, bĩu môi, điêu gạo, iú, xìu,... và chiu trong chiu chơi, chiu đưng v.v... Ngoài ra nó chỉ xuất hiện trong từ láy âm: phụng phịu, diu hiu, hát hiu, diu dàng, kiu kịt, chắt chiu, ngưng nghịu, khảng khiu...

Vậy ngoại trừ những trường hợp mang vần -iu hết sức ít ỏi trên đây, người miền Bắc có thể yên tâm viết với -ưu, người miền Nam có thể yên tâm viết với -iêu trong những trường hợp có sự phân vân -iêu/-iu/-ưu. Riêng đối với các từ Hán Việt thì bao giờ cũng chỉ có thể viết với -ưu hay -iêu, ví dụ:

a. Từ Hán Việt viết với -ưu: trừu tượng, bừu điện, hừu trí, lừu lạc, ngừu lang, sừu thuật, cừu hận, trường cừu, tả hừu, cừu tổng thống, ngiên cừu...

b. Từ Hán Việt viết với -iêu: hiêu chiến, diêu hành, hiệu trưởng, ngân phiêu, tiêu thụ, chiếu chỉ, quan liêu...

### 2. Lẫn lộn -iêu/ -ươu/ -ưu:

Người miền Bắc và miền Nam đều gặp rắc rối với vần -ươu. Miền Bắc thì lẫn lộn ươu với -iêu, miền Nam thì lẫn lộn -ươu với -ưu. Khắc phục lỗi này khá đơn giản: Chỉ cần nhớ vần -ươu chỉ xuất hiện một cách rất hạn chế trong mấy từ như cái bươu, con hươu, con khươu, chai rươu, con tươu (tức con khỉ, nói tục). Ngoài ra, tất cả các từ Hán Việt không viết với -ươu.



## 2.3. Các lỗi về phụ âm đầu.

### A. Lỗi lẫn lộn L và N.

Đây là lỗi khá phổ biến ở ngoại thành Hà Nội và đồng bằng Bắc Bộ nói chung. Sự lẫn lộn về mặt từ vựng đã khiến nhiều trường hợp đáng lẽ đọc L thì lại đọc N, và ngược lại. Sau đây là một số mẹo đơn giản có thể giúp khắc phục lỗi này.

#### 1. Mẹo về âm đệm:

Mẹo này được diễn giải như sau: L có thể đứng trước âm đệm, còn N thì không.

Có điều, sự nhận biết âm đệm trong tiếng Việt là cực kỳ rắc rối. Theo thống kê, các vần có âm đệm trong tiếng Việt là: oa, oă, uă, oe, uê, uy. Vậy chỉ cần nhớ thuộc lòng câu sau đây: "Ngoa ngoắt Tuấn khoe quê Thuý" để nhận biết vần có âm đệm là có thể áp dụng dễ dàng mẹo này.

Theo mẹo này, ta có thể yên tâm viết: *loà xoà, cái loa, loắt choắt, loăn quăn, luẩn quẩn, lý luận, quần loe, loé sáng, luyện tiếc, luyện tập, lữ thừa, liên luy...* mà không bao giờ viết *noà xoà, noắt choắt...*

Mẹo này có một ngoại lệ: noãn nghĩa là trứng chỉ dùng trong hai từ Hán Việt là noãn cầu và noãn sào.

#### 2. Mẹo lấy âm:

Mẹo này có thể được diễn giải như sau: Khi ở vị trí thứ nhất trong một từ lấy âm, L có thể lấy âm với các âm đầu khác, còn N thì không có khả năng này.

Vậy nếu gặp một tiếng không rõ là viết với L hay N, ta hãy thử tạo một từ lấy âm lấy phụ âm đầu. Nếu tiếng đó có thể đứng trước thì nó được viết với L.

Sau đây là ví dụ về khả năng lấy phụ âm đầu rất rộng rãi của L:

- L lấy với B: *lấp bắp, lôm bôm, lạch bạch, lũng bùng, lán bán, lu bù...*

- L lấy với C (K, Q): *la cà, lục cục, lẩn cẩn, lảm cẩm, lợm còm, lĩnh kính, luẩn quẩn, loăng quăng...*

- L lấy với D: *lở dờ, lim dim, lò dò, lai dai...*

- L lấy với Đ: *lóm đóm, lờ đờ, lục đục, lao đao, long đong, lênh đênh...*

- L lấy với H: *liu hiu, lúi húi, loay hoay...*

- L lấy với M: *lờ mờ, liên miên, lễ mễ, lan man, lễ mễ...*

- L lấy với X: *lao xao, lảng xảng, lít xít, loãn xoãn, lô xô, lèo xèo...*

- L lấy với T: *le te, lon ton, lách tách, lung tung, lả tả...*

- L lấy với R: *lai rai, ào ào, lâm râm, lè rè...*

- L lấy với V: *lởn vởn, lảng vảng, lặt vặt...*

- L lấy với CH: *loắt choắt, lảng chảng, loạc choạc, lanh chanh, loạng choạng...*

- L lấy với NH: *lặng nhặng, lam nham, lảm nhảm, lải nhải, lí nhí...*

- L lấy với KH: *lom khom, lợm khộm, lụ khụ, lừng khùng...*

- L lấy với NG: *lơ ngơ, loằng ngoằng, lêu nghêu...*

Trong trường hợp tiếng đang xét ở vị trí thứ hai của từ lấy âm, ta lại có một quy tắc khác: L lấy âm với các âm khác ngoài GI và âm đầu zêrô, còn N thì chỉ lấy âm với GI và âm đầu zêrô mà không lấy với các âm khác.

Chẳng hạn ta có:

- L lấy âm với B: *bông lông, bẳng lẳng, bẳng lẳng...*

- L lấy với CH: *chối lợi, cheo leo, chìm lìm...*

- L lấy với KH: *khóc lóc, khéo léo, khét lẹt...*

Trong khi đó, N chỉ lấy với GI và âm đầu zêrô: *giãy nảy, gian nan, gieo neo, áy náy, ảo não, éo néo...*

### 3. Mẹo đồng nghĩa lài- nhài:

Mẹo này được diễn giải như sau: Trong tiếng Việt có khoảng 40 cặp từ đồng nghĩa với nhau có phụ âm đầu là L hoặc NH. Vậy khi gặp một tiếng chưa rõ viết với L hay N mà thấy đồng nghĩa với một tiếng khác viết với NH thì có thể kết luận tiếng chưa rõ ấy sẽ được viết với L.

Có thể minh họa mẹo này qua các ví dụ sau: *lài- nhài, lật- nhật, lằm- nhằm, lem- nhem, lời- nhời, loáng- nhoáng, lanh- nhanh, lấp láy- nhấp nháy, lổ lăng- nhố nhăng...*

#### **B. Lỗi lẫn lộn TR với CH:**

Trong phát âm, người Bắc Bộ không phân biệt TR với CH. Học sinh tiểu học Hà Nội phân biệt một cách ngộ nghĩnh TR là "chờ trê" (cá trê) và CH là "chờ chó" (con chó). Một số mẹo sau đây có thể giúp khắc phục lỗi này:

#### 1. Mẹo thanh điệu trong từ Hán- Việt:

Mẹo này chỉ áp dụng cho các từ Hán- Việt và được diễn giải như sau: Những từ Hán- Việt mang dấu nặng và dấu huyền đều chỉ đi với TR chứ không đi với CH.

- TR đi với dấu nặng: *trình trọng, trị giá, truy lục, trực lợi, trụ sở, vũ trụ, thổ trạch, trạm xá, hỗ trợ, triệu phú, trận mạc...*

- TR đi với dấu huyền: *truyền thống, từ trường, trần thế, trừ bì, trùng hợp, phong trào, lập trường, trầm tích, trừng trị...*

Có thể gọi tên mẹo này là mẹo "TRỪNG TRỊ".

#### 2. Mẹo láy âm:

Mẹo này được diễn giải như sau: CH láy âm với các phụ âm khác ở vị trí đứng trước hoặc đứng sau, trái lại TR không láy âm đầu với các phụ âm khác trừ 4 ngoại lệ, đều là láy với L: *trọc lóc, trụi lủi, trót lọt, tẹt lét*. Vậy nếu một tiếng không rõ được viết với CH hay TR nhưng có thể láy âm đầu với các âm khác thì trừ 4 trường hợp ngoại lệ trên đây, tiếng đó sẽ được viết với CH.

Theo mẹo này, ta có:

a. CH đứng ở vị trí thứ nhất:

- CH láy với B: *chơi bời, chep bẹp, chèo bẻo, chình bình, chành bành...*

- CH láy với L: *cheo leo, chìm lìm, chi li, chói lọi...*

- CH láy với M: *chênh mảng, chào mào, chệch mẽch...*

- CH láy với R: *chàng ràng, chộn rộn, chình rình...*

- CH láy với V: *choáng váng, chồn vờn, chạy vạy, chon von, chơi vơi, chót vót, chênh vênh, chạng vạng, chò võ...*

- CH láy với âm đầu zêrô: *chình ình, chàng àng, chênh ênh...*

b. CH đứng ở vị trí thứ hai, ví dụ: *loắt choắt, lau chau, lanh chanh, lã chã, lịch chích, loạng choạng, lờm chờm, loai choai, lảng chảng, lỗ chỗ, lỏng chỏng...*

### 3. Mẹo đồng nghĩa tranh- giành:

Mẹo này được diễn giải như sau: Trong tiếng Việt có nhiều cặp từ đồng nghĩa một viết với TR, một viết với CH, ví dụ: *tranh-giành, trai -giai...* Vậy khi gặp một từ chưa rõ viết với CH hay TR, mà lại đồng nghĩa với một từ viết với GI thì từ đó phải được viết với TR.

Ví dụ về các cặp đồng nghĩa TR/GI trong tiếng Việt:

*Tranh- giành, nhà tranh- nhà gianh, tra- già, trùn- giun, trâu- giầu, trai- giai, trắng- giăng, tráo trở- giáo giở, trông- giông, trẻ môi- giẻ môi, trữ- giữ, trở mặt -giở mặt, trời trăng- giới giăng, trời- giới, tro- gio, tương- giương, trả- giả...*

### 4. Mẹo trường từ vựng:

a. Mẹo cha- chú: Những từ chỉ quan hệ thân thuộc trong gia đình thì viết với CH chứ không viết với TR: *cha, chú, chị, chồng, cháu, chắt, chít, chít...*

b. Mẹo chum- chạn: Đồ dùng trong gia đình nông dân cũng được viết với CH chứ không viết với TR, ví dụ: *cái chạn, cái chum, cái chai, chiếc chiếu, cái chăn, cái chông, cái chày giã gạo,*

*cái chổi, cái chuông gà, dây chèo buộc trâu, cái chét (một loại cuốc nhỏ ở miền trung), cái chơm cá, cái chẹp đơm cá, cái chĩnh, cái châu...*

Có một ngoại lệ: *cái tráp*.

### 5. Mẹo kết hợp âm đệm:

Về mặt kết hợp, TR không đi với các vần -oa, -oã, -oe. Chỉ có CH là có khả năng đi với những vần này, vì vậy ta có thể yên tâm viết: *choảng nhau, choảng vảng, choảng vai, loắt choắt, chích choè, cái choé, nông choèn choẹt...*

### C. Lỗi lẫn lộn S và X:

Người đồng bằng Bắc Bộ không phân biệt được S và X trong phát âm (học sinh cấp I ở Hà Nội gọi S là "xờ nặng", X là "xờ nhẹ") và thường lẫn lộn chúng trong khi viết. Một vài mẹo sau đây có thể giúp cho việc hạn chế lỗi này.

#### 1. Mẹo về kết hợp âm đệm.

Có thể giải thích mẹo này như sau: S không đi với 4 vần oa, oã, oe, ue (*ngoa ngoắt khoe quê*), vậy chỉ có thể viết X với 4 vần này.

Chẳng hạn: *xoa tay, xoay xử, cây xoan, xoắn lại, tóc xoắn, xoè tay, xoen xoét, xuề xoà, chiếc xuyên, xuyên qua...*

Ngoại lệ: *soát* trong *rà soát, kiểm soát...*, *soạn* trong *soạn bài...* và *soán* (còn gọi là *thoán*) trong *soán đoạt* và những trường hợp do điệp âm đầu trong từ láy: *suyt soát, sột soát, sờ soang*.

#### 2. Mẹo láy âm:

Mẹo này có thể diễn giải như sau: Chỉ có X mới láy âm với các âm đầu khác, còn S không có khả năng này, vì vậy nếu gặp một tiếng không rõ viết với S hay X mà lại láy âm với âm đầu khác thì tiếng ấy sẽ được viết với X.

Theo mẹo này, ta có:

- X láy âm với B: *bờm xòm, bờm xòm, bung xung, bở xớ, xô bồ, búa xua...*

- X láy âm với L: *lao xao, loà xoà, liêu xiêu, loãn xoãn, liêng xiêng, ào ào, lở xớ, lộn xộn, xác lác, léo xéo, lịch xịch, lì xì...*

- X láy âm với M: *xoi mói, xịch mịch, méo xẹo...*

- X láy âm với R: *xớ rớ, xo ro, xó ró...*

Trừ mấy ngoại lệ: *cục súc, sáng láng, lụp sụp* (có thể viết lụp sụp).

### 3. Mẹo từ vựng:

Những nhận xét sau đây có thể giúp viết đúng X/S trong nhiều trường hợp:

a. Tên các thức ăn và đồ dùng liên quan đến việc nấu nướng, ăn uống thường viết với X, ví dụ: *xôi, xa lat, lạp xưởng, xúc xích, phở xào, thịt xa xiu, nước xốt* (còn có thể viết nước sốt), *cái xanh, cái xoong, cái xiên nướng thịt...*

b. Hầu hết các danh từ còn lại viết với S:

- Danh từ chỉ người: *ông sư, bà sãi, ông đại sứ, ông nguyên soái, ông sếp ga...*

- Danh từ chỉ động và thực vật: *cây sen, cây sim, cây sắn, cây hoa súng, hoa sứ, cây sồi, cây si, cây sồi, cây sấu, cây sung, con cá sấu, con sên, con sò, con sến, con sóc, con sáo, con sâu, con sứa, con sư tử, con sán...*

- Danh từ chỉ đồ vật: *cái sọt, cái song cửa, sợi dây, súc vải, viên sỏi, tờ sớ, cái siêu sắc thuốc, cái sàng gạo...*

- Danh từ chỉ các hiện tượng tự nhiên: *sao, sương giá, sông, suối, sóng, sấm, sét...*

Có một số ngoại lệ: *chiếc xe, cái xuống, cây xoan, cây xoài, trạm xá, xương, cái túi xách hay cái xách* (từ phiên âm gốc Pháp), *bà xơ, cái xô* (từ phiên âm gốc Pháp), *cái xẻng, mùa xuân*. Có thể nhớ phần lớn ngoại lệ này qua câu văn ngộ nghĩnh sau:

Mùa xuân, bà xơ đi xuông gỗ xoan, mang một xắc xoài đến xã, đổi xéng ở xưởng đem về cho trạm xá chữa xương.

## D. Lỗi lẫn lộn R với D và GI:

Người miền Bắc không phân biệt R với D và GI trong phát âm nên thường lẫn lộn chúng trong chữ viết. Có thể dùng một số mẹo đơn giản sau đây để khắc phục lỗi này.

### 1. Mẹo về âm đệm:

Mẹo này được diễn giải như sau: R và GI không kết hợp với âm đệm, tức là không đứng trước các vần bắt đầu bằng oa, oă, uă, oe, uê, uy (ngoa ngoắt Tuấn khoe quê Thuý). Vậy khi gặp những vần này ta sẽ viết với D.

Theo mẹo này, chẳng hạn, ta viết: *doạ nạt, hậu duệ, vô duyên, kiểm duyệt, duy trì, duy nhất...*

· Ngoại lệ: *roa* trong *cu-roa*, một từ phiên âm gốc Pháp.

### 2. Mẹo láy âm "co ro bìn rìn":

Có thể diễn giải mẹo này như sau: R láy âm với B và C (K), là những hình thức mà D và GI không có. Ví dụ:

- R láy âm với B: *bìn rìn, bủn rủn, bứt rứt, bì rì, bồi rôi, bã rã, bêu rêu, bớ rớ, bấn rấn...*

- R láy âm với C (K): *co ro, cập rập, còm ròm, cà rà, cấn rấn, kẻo rẻo...*

### 2. Mẹo Run rẩy- rùng rục:

Mẹo này giúp nhận biết R, dựa trên cơ sở những đặc điểm ngữ nghĩa những từ láy âm điệp âm đầu với R, khác hẳn với những từ láy âm điệp âm đầu với GI hay D.

a. Những từ láy điệp âm đầu R mô phỏng tiếng động, tượng thanh). Ví dụ: *rào rạo, rì rào, rả rích, rỉ rả, rặng rấc, rầm rập, róc rách, rúc rích, ra rả, rì rầm, réo rắt, rồn rảng, reng reng, rào rào, rũng rũng, rọt rẹt...*

b. Những từ láy điệp âm đầu R chỉ sự rung động ở nhiều cung bậc khác nhau. Ví dụ: *run rẩy, rung rinh, rón rén, rập rình, rạo rức...*

c. Những từ láy điệp âm đầu R chỉ những sắc thái ánh sáng động, tươi, chói. Ví dụ: *rần rật, rức rỡ, rùng rức, roi roi, ròi ròi, rạng rỡ...*

### 3. Mẹo đồng nghĩa:

Trong một số trường hợp, tiếng có phụ âm đầu R đồng nghĩa với tiếng có phụ âm đầu L và S do quan hệ về nguồn gốc. Vì thế có thể dựa vào quan hệ đồng nghĩa này để viết đúng R trong những trường hợp này.

- R đồng nghĩa cùng gốc với L: *lấp - rấp, lóc - róc, lỗ - rỗ, ngày mười lăm - ngày rằm, luyện - rền, long - rông, lấp - rấp...*

- R đồng nghĩa cùng gốc với S: *siết - riết, sắp - rắp, sáng - rạng, ...*

### Lưu ý:

Xét về mặt lịch sử, nhiều cặp từ với R và D, R và GI là cùng gốc với nhau. Do đó, về mặt chính tả, hiện nay có tình trạng những từ này được viết với hai biến thể R/D hoặc R/GI. Chẳng hạn:

- Tương ứng R/D: riu mắt- dít mắt, khinh rẻ - khinh dẻ, ròn ròn- dòn dòn, rùng mỡ- dủng mỡ, rôi theo- dôi theo...

- Tương ứng R/GI: rập khuôn- giập khuôn, chế riều- chế giều, ròn rã- giòn giã, ràn rụa- giàn giụa...

### Bài tập 1:

Những mẹo phân biệt *hỏi / ngã* nào có thể dùng để giải thích chính tả cho những từ in nghiêng trong các câu sau đây:

a. Nhà nước chăm lo bồi dưỡng cho học sinh mẫu giáo.

b. Không khí bị ô nhhiễm, cây cối bị huỷ diệt là thực trạng đáng lo ngại ở nhiều nơi.



- c. Một mảnh ván cũng có thể đem bán lấy lãi.
- d. Bác cứ ở lại đây chơi ít bữa cho thông thả, vội vã làm gì!
- c. Phân biệt hỏi / ngã rất đẽ, không phải nỗ lực gì nhiều.

### Bài tập 2:

1. Giải thích tại sao những chữ in nghiêng sau đây lại viết với L chứ không phải với N:

- a. Nó có hôm say tuý lúy.
- b. Quân dịch xây thành đắp luy rất kiên cố.
- c. Loáng một cái, đám cháy đã loang ra khắp xóm.
- d. Một loạt lý luận mới đã được công bố.
- e. Xà phòng này thơm mùi hoa lài.
- d. Lời nói không mất tiền mua.

2. Có thể dùng mẹo nào để tránh viết sai như những chữ in nghiêng sau đây:

- a. Nó ăn nói nộp chộp, đi đứng nôn xộn.
- b. Con chó bị tuột xích chạy nung tung trong xóm.
- c. Thuý Kiều phải chịu 15 năm nênh đênh lưu lạc.
- d. Cô ấy mặt mày nem nước, ăn mặc nổ nạng.
- e. Nó sợ niu cả lưỡi lại. .

### Bài tập 3:

Có thể dùng mẹo gì để giải thích cách viết **CH/TR** ở các chữ in nghiêng trong các câu sau đây:

- a. Bác Tám có giọng nói choang choang nhiều khi làm người khác khó chịu.
- b. Bác Tám trình trọng đi đến trụ sở uỷ ban trình bày lập trường của mình về phong trào kế hoạch hoá gia đình.
- c. Lúc chạng vạng, Huệ đang ngồi chôm hóm thái rau bống thấy người chôn rộn.

d. Con gái con trai làng ta tích cực trồng trâu, trồng cau, trồng cây cảnh.

e. Trên cái chông tre cũ kỹ trải một chiếc chiếu đã sờn, với một cái chăn rách nát.

#### Bài tập 4:

Dùng các kiến thức đã học để phát hiện các lỗi chính tả về S/X trong những câu sau đây:

1. Hồi con gái, cô ấy có mái tóc thẳng, nhưng nay lại thích để tóc xoắn xoắn ngang vai.

2. Buổi sáng, trong màn sương đã nghe tiếng người nói lao sao.

3. Ông xu bà xãi ăn xôi trong chùa không sích mích, soi mới.

#### Bài tập 5:

Giải thích chính tả những từ được in nghiêng trong đoạn văn sau đây:

Ngày rằm, từ rạng sáng cô My lên chùa lằm rằm cầu duyên. Cô bồi rồi đứng trước ngọn nến cháy rừng rục, thấy người rao rục. Bên ngoài, suối chảy róc rách, chim chóc hót riú rít. Cô bỗng rùng mình nhớ đến lời doạ nạt rùng rợn của xã trưởng hôm qua.

#### Bài tập 6:

Giáo viên đọc cho lớp chép chính tả đoạn văn sau đây:

Chiến thắng Điện Biên.

Chiến thắng Điện Biên khẳng định chân lý không một lực lượng phản động nào có thể ngăn chặn được bước tiến vững chắc của chiến tranh cách mạng. Quân dân ta không quản ngày đêm, mưa nắng, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, dốc hết năng lực mình vào trận chiến đấu. Nó đã chặn đứng mọi âm mưu của đế quốc, chúng phải lắc đầu, nhấn mặt, thú nhận thất bại.

(Theo Phan Ngọc - Chữa lỗi chính tả cho học sinh)

### 3. VỀ MỘT SỐ VĂN BẢN MANG TÍNH CHẤT KHUÔN MẪU.

#### A. Một số hiểu biết chung về các văn bản mang tính chất khuôn mẫu.

Trong hoạt động giao tiếp hàng ngày, chúng ta thường gặp một số kiểu loại văn bản mang tính chất khuôn mẫu, thể hiện ở những khuôn cấu trúc trùng lặp cũng như ngôn ngữ biểu hiện đặc thù của chúng. Chẳng hạn, các loại đơn từ, biên bản, hợp đồng, báo cáo công tác, thông báo, thông tư v.v...

Đây là loại văn bản có tính hành chính- công vụ phục vụ cho sự giao dịch giữa các tổ chức xã hội, các cơ quan nhà nước, giữa các cá nhân với các tổ chức hay cơ quan nhà nước... nhằm duy trì và phát triển các mặt hoạt động của xã hội.

1. **Về mặt chức năng**, có thể chia các văn bản này thành hai loại lớn:

a. Loại văn bản có chức năng điều hành, quản lý: thông tư, chỉ thị, nghị quyết...

b. Loại văn bản có chức năng chủ yếu là giao dịch: giấy giới thiệu, hoá đơn, hợp đồng, báo cáo, đơn từ...

2. **Về mặt đặc điểm**, có thể thấy các văn bản này có những đặc điểm nổi bật sau đây:

a. **Tính khuôn mẫu về hình thức trình bày**, thể hiện ở nhiều mức độ khác nhau:

- Có loại văn bản in sẵn mẫu, người viết chỉ cần điền thông tin vào chỗ trống. Ví dụ: hoá đơn, giấy chứng nhận, giấy giới thiệu...

- Có loại văn bản không in sẵn mẫu nhưng có công thức diễn đạt chung. Ví dụ: hợp đồng, quyết định, biên bản...

- Có loại văn bản hình thức tự do hơn: đơn, thông tư, chỉ thị...

b. *Tính nghi thức, trình trọng của ngôn ngữ diễn đạt*, thể hiện ở các khuôn câu với những từ ngữ quan phương, được lặp đi lặp lại. Chẳng hạn:

Dùng để mở đầu văn bản:

- Căn cứ ...
- Theo nghị định số...
- Theo đề nghị của...
- Để giải quyết...
- Chiếu theo yêu cầu...

Dùng để liên kết giữa các phần của văn bản:

- Về vấn đề trên...
- Để tiếp tục giải quyết...
- Sau khi đã...
- Trong khi chờ đợi...

Dùng để trình bày quan điểm, để đạt nguyện vọng:

- Chúng tôi cho rằng...
- Chúng tôi nhận thấy...
- Xin trân trọng đề nghị...
- Chúng tôi rất mong...
- Rất mong quý cơ quan.... sớm giải quyết...

Dùng để kết thúc văn bản:

- Xin chân thành cảm ơn.
- Xin gởi đến... lời chào trân trọng.
- Vậy xin báo cáo đề.... được biết và cho ý kiến giải quyết.
- Trong khi chờ đợi sự chấp thuận, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc.

c. *Tính minh bạch, khách quan trong nội dung câu chữ*, thể hiện ở chỗ:

- Từ, câu đơn nghĩa, ngôn ngữ diễn đạt trong sáng, rõ ràng, mang tính khách quan và dễ hiểu, không có những lối diễn đạt hình tượng, có thể hiểu theo nhiều nghĩa. Để cho văn bản mang tính khách quan, nghiêm túc, không dùng các câu cảm thán, câu hỏi tu từ... Không dùng tiếng lóng và không nên dùng tiếng địa phương.

- Cho phép tách câu ra nhiều khúc, mỗi khúc chiếm cả một dòng, nhằm nhấn mạnh nội dung nhất định...

Nói chung, thể thức của những văn bản này không những đảm bảo cho việc trình bày thông tin được rõ, đạt hiệu quả giao tiếp cao mà trong nhiều trường hợp còn đảm bảo cho văn bản có giá trị pháp lý. Vì vậy khi soạn thảo những văn bản loại này, cần đặc biệt chú trọng đến tính đúng đắn về thể thức.

Sau đây là những chỉ dẫn cần thiết cho việc soạn thảo một số dạng văn bản thường gặp:

## I. Biên bản:

### 1. Biên bản là gì?

Biên bản là loại văn bản hành chính có nhiệm vụ ghi chép lại ngay tại chỗ một hiện trạng sự vật hay một sự việc xảy ra trong một thời gian giới hạn nào đó. Nói chung, người làm biên bản không nên thêm bất kỳ sự bình luận nào. Ví dụ: biên bản một cuộc họp lớp, biên bản bàn giao nhà xưởng, biên bản một phiên toà, biên bản xuất kho hàng hoá, biên bản tịch thu hàng lậu.v.v..

### 2. Cách thức xây dựng:

Một biên bản thường có các phần sau:

- Quốc hiệu và tiêu ngữ.
- Tên cơ quan làm biên bản và cơ quan cấp trên trực tiếp.
- Tên biên bản và đối tượng ghi chép. Ví dụ: Biên bản bàn giao nhà tình nghĩa cho Bà mẹ Anh hùng.

- Thời gian và địa điểm xảy ra sự kiện cùng với các thành phần tham gia.

- Diễn biến của sự kiện.

- Chữ ký xác nhận và những ghi chú cần thiết (chẳng hạn, biên bản làm ở đâu, ai xác nhận...). Cần có tối thiểu là hai người để xác nhận biên bản, ví dụ đối với biên bản thu giữ tang vật thì phải có chữ ký của công an làm nhiệm vụ và đối tượng vi phạm, đối với biên bản cuộc họp thì phải có chữ ký của chủ tọa và thư ký...

Có hai cách ghi chép khi làm biên bản: ghi chép chi tiết và ghi chép tổng hợp.

Ghi chép chi tiết là ghi chép đầy đủ mọi diễn tiến, động thái của sự kiện theo thời gian.

Ghi chép tổng hợp là cách ghi chép chỉ chất lọc những chi tiết, tình tiết quan trọng, có thể tóm lược hay bỏ qua những chi tiết, tình tiết phụ, miễn sao phản ánh được trung thực sự kiện xảy ra.

Sau đây là ví dụ về một mẫu biên bản cuộc họp:

**Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày.....

Biên bản họp Hội đồng cấp cơ sở đánh giá  
luận án phó tiến sĩ khoa học ngữ văn.

*Nghiên cứu sinh bảo vệ:.....*

*Đề tài:.....*

## A. Tổ chức:

- Cuộc họp của Hội đồng cấp cơ sở đánh giá luận án đã được tổ chức vào lúc..... giờ, ngày.... tháng.... năm tại phòng họp Khoa Ngôn ngữ Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc Gia Hà Nội.

- Tham dự cuộc họp có:

1. Các thành viên của Hội đồng đánh giá cấp cơ sở theo Quyết định thành lập Hội đồng số.... của ông Hiệu trưởng Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, gồm có:.....

2. Đại diện Phòng đào tạo Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn:.....

3. Một số cán bộ giảng dạy thuộc Khoa Ngôn ngữ.

4. Một số cán bộ nghiên cứu thuộc Viện Ngôn ngữ học.

5. Đông đảo nghiên cứu sinh và sinh viên quan tâm đến đề tài luận án.

## B. Nội dung:

1. Chủ tịch Hội đồng giới thiệu thành phần tham dự và khai mạc cuộc họp.

2. Đại diện Phòng đào tạo đọc quyết định thành lập Hội đồng cấp cơ sở đánh giá luận án.

3. Thư ký hội đồng đọc lý lịch khoa học tóm tắt và trình bày các điều kiện bảo vệ của nghiên cứu sinh.

4. Nghiên cứu sinh trình bày tóm tắt dự thảo luận án.

5. Người giới thiệu I và người giới thiệu II đọc các bản giới thiệu, nhận xét và đặt câu hỏi về nội dung luận án.

- Người giới thiệu I:

- Người giới thiệu II:

6. Nghiên cứu sinh trả lời các câu hỏi của người giới thiệu:

7. Các uỷ viên hội đồng và người tham gia đặt câu hỏi, nghiên cứu sinh trả lời.

### C. Kết luận của Hội đồng:

- Sau khi nghe nghiên cứu sinh trình bày và trả lời các câu hỏi, Hội đồng đã họp kín và đi đến các kết luận sau đây:

1....

2....

3....

4....

- % thành viên Hội đồng bỏ phiếu đồng ý cho phép đưa luận án ra bảo vệ chính thức ở cấp Nhà nước để tác giả có thể nhận học vị Phó tiến sĩ khoa học ngữ văn.

Thư ký Hội đồng.

Chủ tịch Hội đồng

## **II. Hợp đồng:**

### 1. Hợp đồng là gì?

Hợp đồng là loại văn bản phản ánh một sự thoả thuận giữa hai hoặc nhiều cá nhân, tổ chức về công việc, trong đó thể hiện quyền hạn, nghĩa vụ của các bên đối với công việc và các vấn đề liên quan. Ví dụ: hợp đồng thuê nhà, hợp đồng lao động, hợp đồng nghiên cứu khoa học...

Hợp đồng nói chung cần phải dựa trên các cơ sở pháp lý để có thể nhận được sự bảo đảm và can thiệp về mặt pháp lý, nhất là khi xảy ra kiện tụng, khiếu nại... do một bên nào đó không thực hiện các cam kết đã ghi trong hợp đồng.

### 2. Cách viết một bản hợp đồng.

Một hợp đồng thường có các phần sau đây:

- Quốc hiệu và tiêu ngữ.
- Tên hợp đồng.
- Các bên tham gia ký hợp đồng.
- Nội dung hợp đồng.
- Các điều khoản về bồi thường khi một bên không thực hiện hợp đồng.



- Phương thức giải quyết tranh chấp.
- Số lượng văn bản hợp đồng và giá trị của chúng.
- Thời hạn có hiệu lực của hợp đồng.

**Ghi chú:** Một số hợp đồng có thể ghi rõ những cơ sở pháp lý đảm bảo cho việc thực hiện những điều khoản của hợp đồng.

Sau đây là ví dụ về một mẫu hợp đồng:

Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

## Hợp đồng

### Cung cấp và sử dụng dịch vụ bưu điện

- Căn cứ Pháp lệnh hợp đồng kinh tế do Hội đồng Nhà nước công bố ngày...

- Căn cứ thông tư số... của Trọng tài kinh tế Nhà nước về việc hướng dẫn ký kết và thực hiện hợp đồng kinh tế.

- Căn cứ...

**Chúng tôi gồm có:**

**Một bên là:**

Chức vụ:

Đại diện cho:

Số CMT, hộ khẩu:

Cấp tại: Ngày:

Địa chỉ giao dịch:

Địa chỉ thanh toán:

Tài khoản số: Tại ngân hàng:

(Gọi tắt là bên A)

**Một bên là:**

Chức vụ:

Đại diện cho bưu điện Hà Nội.

Địa chỉ: 75 Định Tiên Hoàng.

Tài khoản số: 710A.00417.

Tại Hội sở chính Ngân hàng công thương Việt Nam.

(Gọi tắt là bên B)

Cùng thoả thuận ký kết hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ bưu điện theo các nội dung sau:

**Điều 1:** Bưu điện TP Hà Nội (Bên B) cung cấp cho khách hàng (Bên A) các dịch vụ bưu điện theo danh mục:

TT	Người sử dụng	Loại dịch vụ	Số hiệu máy	Địa chỉ đặt máy

**Điều 2:** Hình thức thanh toán:

Cước phí Bưu điện được tính theo tháng (có thể dùng ngày giữa tháng này đến ngày giữa tháng sau). Hàng tháng Bưu điện gửi đến chủ hợp đồng hoá đơn tính cước thanh toán hợp đồng từng tháng. Bên A nhận được hoá đơn tính cước phí Bưu điện trong vòng 7 ngày kể từ ngày nhận được hoá đơn phải thanh

toán đầy đủ cước phí cho Bưu điện theo một trong các hình thức sau:

Thanh toán qua ngân hàng \_

Thanh toán trực tiếp tại Bưu điện \_

Thanh toán tại nhà (Có đăng ký riêng) \_

**Điều 3: Nghĩa vụ của bưu điện Hà Nội (Bên B):**

1. Cung cấp đầy đủ các dịch vụ theo nội dung hợp đồng và hướng dẫn Bên A thực hiện, đúng thể lệ, thủ tục, điều lệ Bưu chính viễn thông và quy trình khai thác các nghiệp vụ Bưu điện để bảo đảm chất lượng thông tin, an toàn thiết bị.

2. Bảo dưỡng, sửa chữa đường dây thông tin, bảo đảm thông tin luôn luôn thông suốt.

3. Kiểm tra việc sử dụng dịch vụ Bưu điện liên quan đến các quy định hiện hành của Nhà nước.

4. Cung cấp hoá đơn thanh toán cước phí dịch vụ Bưu điện đúng với giá ban hành cho Bên A.

5. Tiếp nhận, giải quyết việc khiếu nại về chất lượng thông tin, chất lượng phục vụ, cước phí.

6. Dịch chuyển, tháo gỡ, sửa chữa, lắp đặt thêm và thay đổi thiết bị thông tin khi có yêu cầu của Bên A.

**Điều 4: Nghĩa vụ của khách hàng (Bên A):**

1. Sử dụng thiết bị thông tin theo đúng các quy định và hướng dẫn của ngành Bưu điện.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh cước chỉ đạo hiện hành của Nhà nước và các quy định của ngành Bưu điện ban hành. Hàng tháng phải thanh toán đầy đủ, đúng hạn các loại cước phí sử dụng dịch vụ Bưu điện không chậm quá 7 ngày kể từ ngày nhận được hoá đơn thanh toán cước phí của Bưu điện.

Trường hợp đặc biệt có lý do chính đáng nếu chậm thanh toán phải chịu lãi suất phát sinh trên số tiền chậm trả, theo lãi

suất tiền tiết kiệm không kỳ hạn do Ngân hàng Công thương Việt Nam ban hành và chịu xử lý theo quy định của ngành Bưu điện.

3. Bảo vệ các thiết bị thông tin thuộc tài sản bên A theo hợp đồng (dây, máy, cáp tính từ hộp cáp cuối cùng của Bưu điện). Thanh toán mọi phí tổn về sửa chữa dây, máy, cáp thuê bao hoặc thay thế thiết bị quá thời hạn sử dụng (có xác nhận của Bên A và Bên B)

4. Khi cần thay đổi, chuyển dịch, thêm bớt thiết bị, ngừng sử dụng hay chuyển nhượng quyền sử dụng thiết bị thông tin cho người khác, Bên A phải có văn bản yêu cầu Bưu điện Hà Nội trước 10 ngày để giải quyết và chịu mọi phí tổn, không tự tiện thực hiện. Khi thay đổi về tên, địa chỉ, số tài khoản phải thông báo kịp thời cho Bưu điện Hà Nội.

#### **Điều 5: Xử lý vi phạm:**

1. Trường hợp Bên A bị phát hiện sử dụng dịch vụ thông tin Bưu điện vào các hoạt động có mục đích gây rối, phá hoại an ninh quốc gia, kinh doanh bất hợp pháp thì Bưu điện Hà Nội có quyền đơn phương ngừng phục vụ và huỷ bỏ hợp đồng đã ký, tùy theo mức độ vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

2. Bên A nhận được hoá đơn cước phí Bưu điện sau 7 ngày (kể từ ngày nhận được giấy yêu cầu thanh toán) mà chưa thanh toán, Bưu điện Hà Nội sẽ ngừng phục vụ chiều đi và chiều đến; sau 30 ngày chậm trả (cũng tính từ thời điểm trên) Bưu điện Hà Nội sẽ đơn phương huỷ bỏ hợp đồng phục vụ nhưng vẫn giữ yêu cầu thanh toán và có thể đưa ra giải quyết trước pháp luật. Việc khôi phục liên lạc được thực hiện như lắp đặt mới (Bên A ký hợp đồng lắp đặt mới).

3. Trường hợp do lỗi của Bưu điện (ngoài các nguyên nhân bất khả kháng như thiên tai, chiến tranh...) thông tin liên lạc bị đình trệ quá 24 giờ (kể từ khi Bên A báo cho Bên B qua số 19), Bưu điện Hà Nội giảm cước thuê bao mỗi ngày bằng  $1/30$  cước thuê bao của tháng.

**Điều 6:** Các bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản ghi trong hợp đồng này. Nếu bên nào vi phạm sẽ phải chịu trách nhiệm trước bên kia và trước pháp luật, chịu xử lý theo Pháp lệnh hợp đồng kinh tế cũng như theo các quy định của điều lệ Bưu chính viễn thông có liên quan.

Hợp đồng này được lập thành 4 bản có giá trị như nhau và có hiệu lực từ ngày ký. Bên A giữ 1 bản, bên B giữ 3 bản.

Đại diện Bưu điện TP Hà Nội

Khách hàng

(Bên B)

(Bên A)

### **III. Đơn:**

#### **1. Đơn là gì?**

Đơn là loại văn bản mà một cá nhân tay tập thể dùng để đề đạt nguyện vọng, yêu cầu lên một cấp có thẩm quyền giải quyết những nguyện vọng, yêu cầu đó. Đây là loại văn bản rất hay gặp trong đời sống, chẳng hạn: đơn xin nghỉ học, đơn xin việc, đơn xin học bổng, đơn khiếu tố, đơn đặt hàng... Dù là ở dạng nào đi chăng nữa thì thông tin trong đơn từ bao giờ cũng phải đảm bảo chính xác và đầy đủ.

#### **2. Cách viết đơn.**

Các loại đơn thường có cấu tạo gồm những phần như sau:

- Quốc hiệu và tiêu ngữ.
- Tên đơn (đơn xin nghỉ học, đơn xin việc, đơn xin học bổng...)
- Nơi, người nhận đơn (thường bắt đầu bằng *Kính gửi...*)
- Giới thiệu tóm tắt về người viết đơn (chỉ ghi những thông tin cần thiết).
- Nội dung sự việc và nguyện vọng của người viết đơn.
- Lời cam kết hoặc cảm ơn.

Sau đây là một ví dụ:

**Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 26 - 9 - 1993

**Đơn xin chuyển ngành học**

Kính gửi: Phòng Đào tạo Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.

Em tên là: Trần Thu Hằng.

Số báo danh: THC 6570.

Sinh ngày: 2-5-1975.

Địa chỉ thường trú: 35 Trần Hưng Đạo, Nam Định.

Vừa qua em đã tham gia kỳ thi tuyển sinh vào khoa Luật của trường, theo các môn thi thuộc khối C với kết quả như sau: Văn: 5; Sử: 4; Địa: 4,5. Tổng cộng: 13,5 điểm.

Xét điểm chuẩn vào khoa Luật theo khối C là 15 điểm thì em không đủ tiêu chuẩn được tuyển chọn.

Nhưng theo chủ trương của Nhà trường cho phép những thí sinh đạt số điểm từ 13-14 điểm có thể xin chuyển sang khoa Triết hoặc khoa Xã hội học - Tâm lý học, em viết đơn này xin Phòng Đào tạo cho phép em được chuyển sang khoa Triết, bởi vì em tự xét thấy mình cũng có hứng thú được đào tạo theo những nội dung của ngành học này.

Được giải quyết nguyện vọng, em xin hứa sẽ chấp hành đầy đủ mọi quy chế về đào tạo của Nhà trường.

Em xin gửi đến Quý Phòng lời cảm ơn chân thành.

Kính đơn.

**Trần Thu Hằng.**

## IV. Báo cáo:

### 1. Báo cáo là gì?

Báo cáo là loại văn bản hành chính trình bày tình hình thực tế hay những kết quả đã đạt được trong hoạt động của một cơ quan, một ngành chức năng hay của một cá nhân, nhằm giúp cho việc quản lý, lãnh đạo hay đề xuất những chủ trương mới phù hợp với thực tiễn. Ví dụ báo cáo của Ủy ban phòng chống lụt bão về công tác củng cố đê điều trong mùa mưa, báo cáo tình hình tài chính 6 tháng đầu năm của công ty, báo cáo sơ kết học kỳ I của nhà trường, báo cáo của quận về việc thực hiện Nghị định 36 CP của chính phủ...

### 2. Cách viết báo cáo:

Tùy theo tính chất của mỗi loại báo cáo mà người viết có thể chọn một bố cục hợp lý. Tuy nhiên, về đại thể, một báo cáo thường có những phần sau:

- Quốc hiệu và tiêu ngữ.
- Tên cơ quan làm báo cáo và cơ quan cấp trên trực tiếp, số hiệu của báo cáo (nếu là báo cáo hành chính trong các cơ quan nhà nước).
- Địa điểm và ngày tháng làm báo cáo.
- Tiêu đề của báo cáo.
- Nơi, người nhận báo cáo.
- Nội dung báo cáo. Phần này thường gồm 3 bộ phận cấu thành:
  - a. Mô tả tình hình thực tế hay kết quả công việc.
  - b. Phân tích, đánh giá tình hình và các kết quả đã đạt được, từ đó rút ra những ưu điểm và khuyết điểm, những vấn đề, cần tiếp tục giải quyết.
  - c. Những định hướng công việc hoặc kiến nghị.

- Phần cuối của báo cáo: Tên họ và chức vụ của người làm báo cáo (đóng dấu nếu cần thiết). Ghi chú về những nơi nhận và lưu báo cáo.

**Ghi chú:** Những trình bày trên đây không áp dụng đối với các báo cáo khoa học.

Sau đây là ví dụ về một mẫu báo cáo:

<i>Thanh tra</i>	Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Nhà nước	Độc lập tự do hạnh phúc.
Số... /BC-PL	Hà Nội ngày... tháng... năm 1992

## BÁO CÁO

**Kiểm điểm 10 năm thực hiện Pháp lệnh  
quy định việc xét và giải quyết các  
khiếu nại, tố cáo của công dân.**

**I. Sự ra đời của Pháp lệnh và vấn đề tổ chức thực hiện.**

1. Điều kiện ra đời của Pháp lệnh.
2. Các văn bản hướng dẫn kèm theo.
3. Phân công tổ chức thực hiện.

**II. Tình hình đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân trong thời gian qua.**

1. Số lượng và chủng loại.
2. Nội dung các thư khiếu nại và tố cáo.
3. Một số nhận xét chung.

**III. Tình hình giải quyết.**

1. Kết quả giải quyết đơn thư và khiếu nại qua các giai đoạn chính.



2. Đánh giá các kết quả và các nguyên nhân tồn tại, thuận lợi và khó khăn.

3. Kinh nghiệm và các đề xuất mới nhằm thực hiện tốt Pháp lệnh.

Tổng thanh tra nhà nước.

**Nơi nhận:**

(Nguyễn Văn Thâm: Soạn thảo và xử lý văn bản trong công tác của cán bộ lãnh đạo và quản lý).

**Bài tập 1:**

Hãy viết biên bản cuộc họp lớp của anh (chị) đánh giá tình hình học tập học kỳ I.

**Bài tập 2:**

Hãy tưởng tượng bạn là trưởng phòng tổ chức của công ty điện tử Hanel.

Hãy dự thảo hợp đồng tuyển một nhân viên bảo vệ công ty.

**Bài tập 3:**

Hãy viết một đơn xin thôi học.

**Bài tập 4:**

Hình dung bạn là lớp phó phụ trách học tập của lớp.

Hãy viết báo cáo sơ kết học tập học kỳ I.

**Bài tập 5:**

Hãy viết lại hợp đồng sau đây cho đúng thể thức:

**Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG**

Vào lúc 10 giờ ngày 15/8/96, tại văn phòng công ty Dầu nhờn Việt Nam, chúng tôi gồm:

1. Ông Vũ Văn Tư, phó giám đốc công ty Dầu nhờn, trụ sở đóng tại số 1 Khâm Thiên.

2. Ông Phan Vinh Cát, 45 tuổi, quốc tịch Việt Nam, chủ hộ nhà số 5 phố Nguyễn Văn Cừ, điện thoại 8.535 654.

Sau khi bàn bạc, thảo luận hơn hai giờ đã nhất trí đi đến hợp đồng như sau: Công ty Dầu nhờn đồng ý để ông Vũ Văn Tư làm đại lý tiêu thụ các mặt hàng dầu nhờn của công ty (gồm có dầu nhớt BP, SHELL và dầu phanh ESSO). Hàng tháng công ty có nhiệm vụ cung cấp đầy đủ, đều đặn và tại chỗ các mặt hàng trên cho đại lý.

Nếu đại lý chậm quyết toán 1/2 tháng, công ty sẽ huỷ bỏ quyền đại lý. Nếu đại lý chậm quyết toán 1 tháng, công ty sẽ khiếu nại với Hội đồng trọng tài kinh tế thành phố.

Hợp đồng này dựa trên cơ sở pháp lý là Pháp lệnh hợp đồng kinh tế do Hội đồng nhà nước công bố ngày 26/3/87 và Thông tư số 27/ TTKT của trọng tài kinh tế nhà nước về việc hướng dẫn ký kết và thực hiện hợp đồng kinh tế.

Đại lý phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về an toàn hàng hoá đã được giao nhận.

Hà Nội, ngày 15/8/96

Bên A

(Ký xác nhận)

Bên B

(Ký xác nhận)

**Ghi chú:** Đại lý sẽ được hưởng 5% hoa hồng của doanh số bán ra. Đại lý có nhiệm vụ kê khai và quyết toán kết quả bán hàng cho công ty vào ngày cuối tháng.

1. Alice Oshima, Ann Hogue. Academic Writing English. Massachusetts: Addison-Wesley Publishing Company.
2. Cao Xuân Hạo, Trần Thị Tuyết Mai, 1986. Sổ tay sửa lỗi hành văn, tập I. Tp. Hồ Chí Minh: NXB Trẻ.
3. Diệp Quang Ban, 1976. Tìm cách giúp thêm cho học sinh viết đúng câu tiếng Việt. Ngôn ngữ, số 3-1976.
4. Hoàng Phê (chủ biên), 1992. Từ điển tiếng Việt. Hà Nội: NXB KHXH.
5. Hồ Lê, Lê Trung Hoa, 1990. Sửa lỗi ngữ pháp. Hà Nội: NXB Giáo Dục.
6. Jean Withrow, 1987. Effective Writing. Cambridge: Cambridge University Press.
7. Nguyễn Đức Dân, 1995. Tiếng Việt (thực hành). TP/Hồ Chí Minh: Đại học Tổng hợp tp. Hồ Chí Minh.
8. Nguyễn Mai Hồng, 1975. Mối quan hệ giữa ý và lời trong quá trình hình thành một số kiểu câu sai của học sinh. Ngôn ngữ, số 4-1975.
9. Nguyễn Minh Thuyết, 1974. Mấy gợi ý về việc phân tích lỗi và sửa lỗi ngữ pháp cho học sinh. Ngôn ngữ, số 3-1974.
10. Nguyễn Xuân Khoa, 1975. Lỗi ngữ pháp của học sinh-nghuyên nhân và cách chữa. Ngôn ngữ, số 1-1975.
11. Nguyễn Tài Cẩn, 1975. Ngữ pháp tiếng Việt. Tiếng- Từ ghép- Đoản ngữ. Hà Nội: NXB Đại học và THCN.
12. Nguyễn Văn Thâm, 1992. Soạn thảo và xử lý văn bản trong công tác của cán bộ lãnh đạo và quản lý. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.

13. Phan Mậu Cảnh, 1996. Các phát ngôn đơn phân tiếng Việt - Luận án PTS Hà Nội: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

14. Phan Ngọc, 1982. Chữa lỗi chính tả cho học sinh. Hà Nội: NXB Giáo Dục.

15. Trần Ngọc Thêm, 1985. Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội

16. Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam, 1983. Ngữ pháp tiếng Việt. Hà Nội: NXB KHXH.

# MỤC LỤC

Lời nói đầu

## Chương 1. Tạo lập và tiếp nhận văn bản

1.1	Tạo lập văn bản	7
1.1.1.	Xác lập chủ đề chung và các chủ đề bộ phận của văn bản	11
1.1.2.	Xây dựng lập luận phục vụ chủ đề văn bản	21
1.1.3.	Xây dựng kết cấu văn bản	35
1.1.4.	Viết đoạn văn và liên kết đoạn văn	68
1.2.	Tiếp nhận văn bản khoa học	88
1.2.1.	Tóm tắt một văn bản khoa học	88
1.2.2.	Tổng thuật các tài liệu khoa học	105
1.3.	Viết luận văn, tiểu luận khoa học	118
1.3.1.	Lập đề cương nghiên cứu	118
1.3.2.	Trình bày lịch sử vấn đề	128
1.3.3.	Cấu trúc thường gặp của một luận văn, tiểu luận khoa học	133
1.3.4.	Ngôn ngữ trong luận văn, tiểu luận khoa học	162

## Chương 2. Rèn luyện kỹ năng đặt câu và dùng từ

2.1.	<i>Chữa các lỗi thông thường về câu trong văn bản</i>	172
2.1.1.	Các lỗi về cấu tạo câu	172
2.1.2.	Các lỗi về dấu câu	191
2.1.3.	Các lỗi về liên kết câu	208
2.2.	<i>Một số phép biến đổi câu trong văn bản</i>	214
2.2.1.	Tách câu	214
2.2.2.	Thay đổi trật tự các bộ phận trong câu	222
2.2.3.	Đổi câu có ý nghĩa chủ động thành câu có ý nghĩa bị động và ngược lại	227

<b>2.3. Chữa các lỗi thông thường về dùng từ trong văn bản</b>	<b>231</b>
2.3.1. Lập từ	231
2.3.2. Dùng từ không đúng nghĩa	232
2.3.3. Dùng từ không hợp phong cách	233

**Phụ lục:**

1. Tìm hiểu quy tắc viết hoa và quy tắc phiên âm tiếng nước ngoài	238
2. Chữa các lỗi thông thường về chính tả	242
3. Về một số văn bản mang tính chất khuôn mẫu	259

<b>Tài liệu tham khảo</b>	<b>275</b>
---------------------------	------------